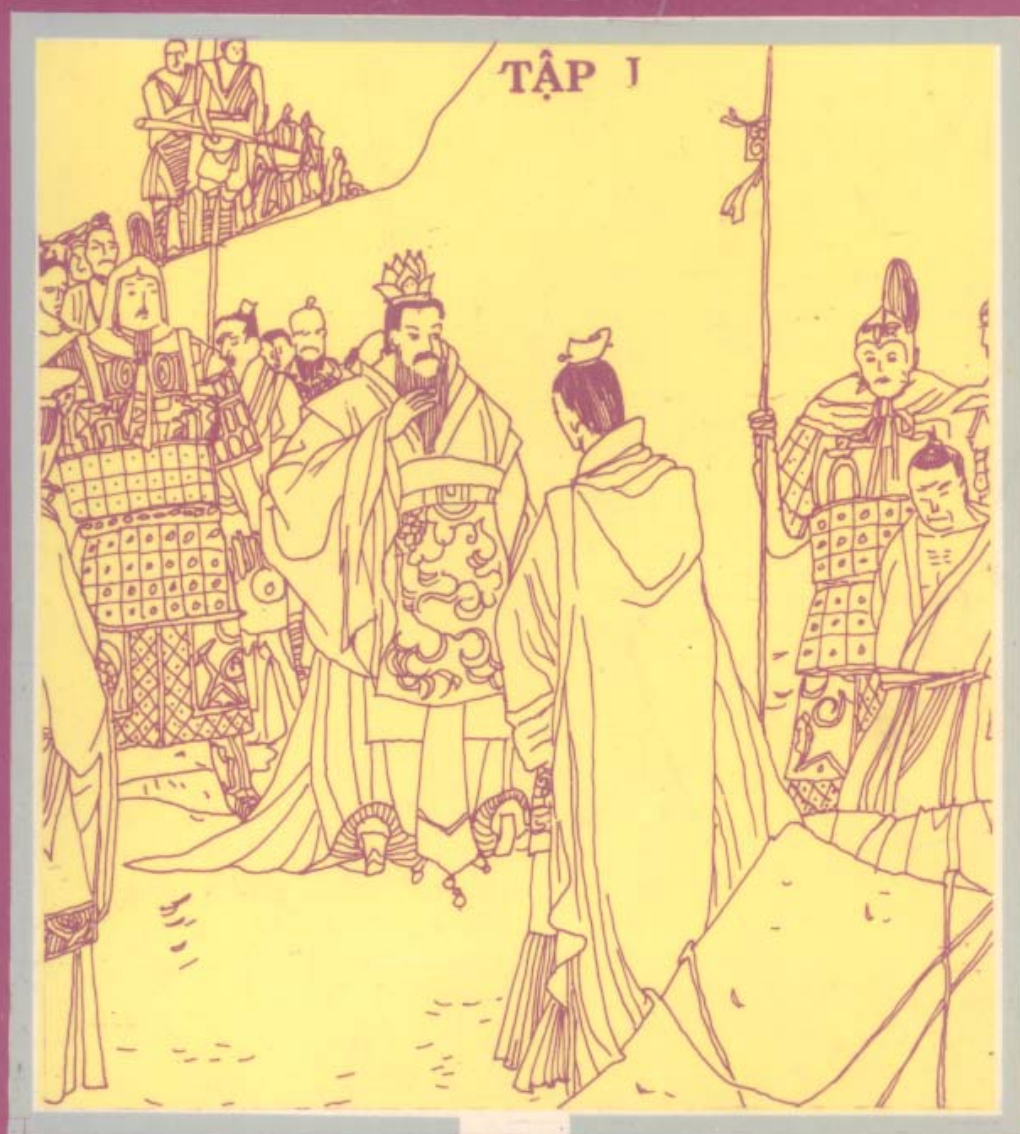


TAM QUỐC NGOẠI TRUYỆN



designed by van sang



TAM QUỐC NGOẠI TRUYỆN

(TRỌN BỘ HAI TẬP)

TẬP I

Chủ biên:

GIANG VÂN - HÀN TRÍ TRUNG

Dịch giả:

NGUYỄN TRUNG HIỀN - NGUYỄN DUY PHÚ



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC - 1993

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung Quốc: *Tam Quốc ngoại truyện*, Nhà xuất bản Văn Nghệ Thượng Hải, 1986.

Chủ biên:

GIANG VÂN

HÀN TRÍ TRUNG

Dịch giả:

NGUYỄN TRUNG HIỀN

NGUYỄN DUY PHÚ

Biên tập nội dung:

HUY VÂN

Sửa bản in:

HUY VÂN

Biên tập kĩ thuật:

TRẦN THU NGÀ

Trình bày bìa:

VĂN SÁNG

LỜI GIỚI THIỆU

Bạn đọc thân mến !

Các bạn đã quá quen thuộc với tác phẩm văn học bất hủ Tam Quốc diễn nghĩa của La Quán Trung. Lần này, chúng tôi lại giới thiệu với các bạn một bộ sách không kém phần hấp dẫn, có quan hệ máu thịt với Tam Quốc diễn nghĩa, đó là Tam Quốc ngoại truyện.

Tam Quốc ngoại truyện là bộ sách sưu tập hầu hết những chuyện dã sử, những truyền thuyết, những giai thoại dân gian về các nhân vật, sự kiện, sự vật ... thời Tam Quốc. Hãy khoan nói về những vấn đề như những truyền thuyết và giai thoại này ra đời trước hay sau Tam Quốc diễn nghĩa, mối quan hệ qua lại giữa chúng và Tam Quốc diễn nghĩa ra sao... chỉ biết rằng những cái gì các bạn cảm thấy trong Tam Quốc diễn nghĩa còn chưa có hoặc chưa đầy đủ thì các bạn có thể thấy ở trong bộ sách này.

Các bạn sẽ gặp lại ở đây các nhân vật như Quan Công, Trương Phi, Gia Cát Lượng, Lưu Bị, Tào Tháo, Tôn Quyền, Chu Du, Lỗ Túc ... với những phẩm chất, tính cách, năng lực có phần hơi khác, thậm chí có khi trái ngược với những gì Tam Quốc diễn nghĩa đã mô tả. Đối với một số sự kiện, sự việc cũng có tình hình như vậy. Các bạn cũng sẽ thấy qua bộ sách này tình cảm sâu đậm và trí tuệ vô song của nhân dân lao động - tác giả chính của bộ sách.

Dứng ở góc độ nghiên cứu văn học dân gian mà nói, Tam Quốc ngoại truyện là bộ sách sưu tập những truyền thuyết, những giai thoại dân gian về một tác phẩm văn học nổi tiếng có giá trị khoa học cao. Chắc chắn nó sẽ thỏa mãn phần nào nhu cầu của các nhà nghiên cứu, các học sinh, sinh viên và đông đảo bạn đọc đang quan tâm đến vấn đề này.

Mọi lời giới thiệu dù thế nào cũng chỉ là sơ lược và mang tính chủ quan. Chúng tôi nghĩ cách tốt nhất vẫn là để bạn đọc tự đánh giá thông qua việc đọc tác phẩm. Vậy chúng tôi trân trọng giới thiệu với các bạn bộ sách quý này và mong nhận được sự góp ý, động viên của các bạn.

Hà Nội, tháng 6 năm 1993

Các dịch giả

TRUYỀN THUYẾT
VỀ
CÁC NHÂN VẬT
NHÀ THỰC HÁN

LƯU BỊ RA ĐỜI

Nghe nói quý nhân ra đời, thường thường có điềm lạ.

Lưu Bị ra đời cũng có chuyện kì lạ, đương nhiên không thể tin theo, tuy vậy chuyện cũng rất thú vị.

Tương truyền cha mẹ Lưu Bị nhà rất nghèo, lại gặp phải nạn mất mùa liên miên, đành phải rời bỏ quê hương tìm phương cách sống. Nhưng bốn biển mênh mông, cuộc sống lận đận, không biết dừng chân nơi nào cho được. Một hôm, hai vợ chồng đang đi trên đường cái, bỗng nghe thấy ở bên đường có một đứa trẻ đang hát một bài hát:

Muốn hỏi chốn dừng chân đâu,

Mau mau hướng Bắc quay đầu mà đi.

Đầu cảnh nhìn thấy treo xe,

Tiếp ngay lại gặp trâu phi qua nhà.

Dép bầy cân chín bùn pha,

An cư lạc nghiệp khỏi là buồn lo.

Hai vợ chồng nghe xong, thấy lời hát hình như có ý mách bảo cho mình nơi cần đến, bèn muốn hỏi cho rõ. Nhưng khi ngẩng đầu lên nhìn thì đã không thấy đứa trẻ ấy đâu nữa, hai người lại càng cảm thấy kinh ngạc. Lại thử đoán lời hát mà đứa trẻ hát, nào là xe ở trên cây, trâu ở trên nhà, nào là dép bầy cân chín thì đoán không ra là có ý tứ gì. Trong bụng

thăm nghĩ có lẽ là mình nghe nhầm, cũng không để ý đến nữa, lại mãi miết bước đi. Hai vợ chồng đi mãi, họ băng qua chín quả núi, vượt qua chín con sông, đến một thôn thuộc vùng Trắc Châu thì đã sức cùng lực kiệt, bước đi không nổi. Lúc đó trời đương mưa to, người vợ bụng mang thai sắp đẻ, đi lại càng khó khăn lắm. Bà không thể đi tiếp được nữa, lại không muốn làm vướng bận đến chồng, bèn khuyên ông cứ đi một mình để khỏi phải hứng lấy cái chết. Nhưng người chồng đâu có thể nhẫn tâm làm vậy, nước mắt ông tuôn ròng. Chính vào lúc ấy, ông bỗng thấy một con trâu chạy đến sườn đồi trước mặt, phía dưới là một cái nhà hầm có người ở, bên cạnh có một cái cây cong, lại có hai cái xe quay sợi đã cũ treo trên chạc cây. "Đây chẳng phải là trâu ở trên nhà, xe ở trên cây đó sao?" Trong bụng chợt nghĩ ra, bèn cúi xuống xem dép của mình, thì thấy dính toàn bùn nước, thật chẳng khác gì tảng đất, cõ ra xước thử, thấy xoàng ra cũng phải nặng tới bảy cân chín, ông càng cảm thấy kì lạ, đoán rằng dị nhân đã chỉ cho mình đến chỗ này để an cư lạc nghiệp. Đang thần thờ suy nghĩ thì chủ nhân của cái nhà hầm kia chạy lại hỏi thăm, thấy tình cảnh hai vợ chồng thật đáng thương, liền chỉ sang cái lán nhỏ bên cạnh nói:

- Nếu ông bà không chê thì xin cứ trú tạm vào trong này!

Hai vợ chồng hết lời cảm tạ, cảm thấy mình thật may mắn, bèn trú lại trong lán.

Đêm hôm đó, chủ nhân ngôi nhà hầm bỗng thấy bên ngoài lán có một vầng sáng hồng giống như là lán bị cháy. Khi chạy đến nơi để xem thì thấy lán vẫn nguyên vẹn, không hề bị cháy gì, chỉ thấy từ trong lán tỏa ra một mùi thơm kì lạ và vọng tới tiếng khóc của trẻ sơ sinh, rõ ràng là có một đứa trẻ mới ra đời. Ông nghe người ta nói rằng, phạm là khi đại quý nhân ra đời thì thường có sự lạ như vậy, vì vậy ông lại càng

đối xử chu đáo với hai vợ chồng nhà kia. Ông cho họ nào gạo, nào mì, chăm sóc rất là tử tế. Hai vợ chồng vô cùng cảm động trước tình ý nồng hậu của chủ nhân, trong lòng họ cảm thấy áy náy, chẳng lẽ cứ ăn không mất cơm gạo của người ta? Dứa con mà họ mới sinh chính là Lưu Bị. Dời khi con vừa đầy tháng, người mẹ dịu con ra đồng mót lúa. Trời tháng năm, tháng sáu nóng nực, mặt trời vừa ló ra đã như lửa thiêu đốt con người ta. Trẻ nhỏ mới sinh, da non thịt mềm, làm sao mà chịu đựng nổi! Lòng người mẹ cũng như có lửa đốt. Bà nhìn khắp bốn phía, thấy có cây dâu to cao chọc trời, tỏa bóng râm mát, giống như cái lọng lớn. Bà liền đem con đến đặt dưới bóng râm phía tây cây dâu, để nó tự nằm ngủ, sau đó mới xuống ruộng mót lúa.

Trong mắt người nghèo, một bông lúa quý như thỏi vàng. Bà lượm được bông này, lại muốn lượm bông nữa; lượm hết thửa ruộng này lại đến lượm ở thửa ruộng khác, đến khi mặt trời đã ngả về tây mới chợt nhớ đến đứa con đang nằm dưới gốc cây. "Trời ơi, mặt trời chiếu xiên thế này thì đến thiêu chết đứa bé mất". Bà hồn hển chạy về, đến dưới gốc cây dâu nhìn xem thì, lạ chưa, mặt trời tuy ngả về tây nhưng bóng mát của cây dâu vẫn ở nguyên chỗ cũ, đứa bé còn đương ngủ say ở đó. Bà vội bế con dậy, bóng mát của cây cũng đột nhiên chuyển sang phía khác.

Cây dâu này rất thần kì, nó lại rất cao, giống như một tòa nhà lớn, về sau, thôn này đã lấy tên là Lau Tang (cây dâu to như tòa nhà). Cây dâu này sống rất lâu năm, về sau càng to. Nghe nói trên chạc cây có thể đủ chỗ cho bốn người ngồi đánh bài một lúc. Sau khi bị đốn, trên gốc cây còn có thể phơi được một thạch tám đấu thóc, cho nên thôn ấy lại được đổi gọi là Đại Thụ Lau Tang. Tên ấy được truyền gọi cho đến tận ngày nay.

THÂN THỂ CỦA QUAN VŨ

DỨA TRẺ TỪ TRÊN TRỜI BAY ĐẾN

Có một ông lão bán đậu phụ họ Quán, tuổi đã cao mà vẫn chưa có con cái. Một hôm, sáng sớm tỉnh mơ, ông lão Quán gánh gánh đậu phụ đi chợ, khi qua bên sông, bỗng nghe thấy tiếng trẻ con khóc oa oa, ông lão lần theo tiếng khóc tìm đến, thì thấy trong bụi cỏ bên sông có một cái bọc, trong bọc là một đứa trẻ mới sinh đang khóc. Ông lão Quán bế đứa trẻ lên, nó liền nín bật. Ông lão nhìn quanh bốn phía, không hề thấy có một bóng người nào, bụng nghĩ: "Sớm tỉnh mơ thế này, ai mà đem con để ở đây? Hẳn là trời thương hai vợ chồng ta không có con nối dõi nên đã cho ta đứa trẻ này"! Ông lão bèn đặt đứa trẻ vào trong gánh đậu phụ mà gánh về nhà.

Bà lão Quán thấy chồng nhặt được đứa trẻ đem về, liền lấy nước đậu cho ăn. Đứa trẻ lớn lên trông rất đoan chính, trán nở, mặt tròn, thân thể chắc khỏe, da trắng mơn mơn. Hai ông bà vui mừng cười nói luôn miệng. Đến khi đứa trẻ biết đi, ông bà liền cho nó đi học. Đi học thì phải đặt tên, ông lão Quán nghĩ rằng con trai mình là đứa trẻ từ trên trời bay đến, không có cánh sao được, bèn đặt tên con là Vũ.

Quán Vũ học rất thông minh, mỗi khi thầy chỉ bảo cho điều gì thì ghi nhớ rất lâu, thơ văn của cổ nhân khi đã đọc

qua thỉ không quên nữa. Quán Vũ đi học, phải qua một con sông nhỏ, nhưng trên sông không có cầu, cũng không có dò, người qua sông thường đều phải cời dếp cuốn quần mà bơi sang. Điều kì lạ là mỗi lần Quán Vũ đến bên bờ sông thỉ liền có một ông cụ già râu tóc bạc phơ tới cổng Vũ qua sông. Bất kể là xuân, hạ, thu, đông, bất luận là mưa to gió lớn, ngày nào cũng như vậy.

Ông cụ cổng Vũ qua sông đi học được ba năm thỉ Vũ cũng đã lên mười tuổi. Một hôm, Quán Vũ không thể im lặng được nữa, mới hỏi ông cụ:

- Cụ ơi, vì sao ngày nào cụ cũng cổng cháu qua sông? Cháu cảm thấy rất áy náy.

Ông cụ nói:

- Cháu ơi, cháu đừng nghĩ ngợi gì nữa. Cháu vốn là rồng thần trên trời, sau này sẽ làm nên đại sự giúp quốc gia, ta cần phải chăm nom đến cháu.

Quán Vũ về nhà liền đem lời nói của ông cụ già kể lại với mẹ. Bà lão Quán là người tốt bụng nhưng hay mồm năm miệng mười. Ông bà buôn bán vật vãnh nên thường bị người ta khinh rẻ, ngay cả anh em ruột nhà bà cũng đều khinh nhà bà nghèo, không thèm nhận chị nhận em với bà. Bà đang cọ nời rửa bát, nghe con trai nói vậy thỉ vô cùng dắc ý, tay đang cầm nắm dũa liền gõ vào đầu vua bếp mà nói:

- Thế thỉ tuyệt, thế thỉ tuyệt! Một ngày nào đó, con làm nên nghiệp lớn thỉ trước hết phải bắt mợ mày, sau đó bắt chú mày để cho mẹ hả cái hận bao năm nay.

Ngày hôm sau, Quán Vũ đi học, ông cụ già lại cổng Vũ qua sông. Khi đến giữa dòng, cụ già than thở:

- Cháu ơi, đây là lần cuối cùng ta cổng cháu qua sông!

Quán Vũ vội hỏi:

- Cụ ơi, như thế là tại làm sao?

Ông cụ đáp:

- Là vì oán mẹ cháu tàn nhẫn, nói những lời bừa bãi quá đáng. Mẹ cháu còn cầm dũa đánh vào đầu vua bếp, ông ấy đã không cho ta sân sóc đến cháu nữa!

Quản Vũ nước mắt rờn rờn, khi qua sông, Vũ chấp tay vái cụ già, mặt ủ mảy chau đến trường. Thầy giáo thấy Vũ cứ cúi đầu buồn bã liền hỏi:

- Con làm sao vậy?

Quản Vũ kể lại lời của cụ già. Thầy giáo vốn rất yêu quý Quản Vũ, nghe Vũ nói như vậy, liền bảo:

- Chớ nghe những lời nói xằng ấy, mẹ con là một người tốt, thường ngày phải chịu đựng nhiều nỗi bức mình do họ hàng thân thích gây nên, nên nhất thời chẳng suy nghĩ, có nói ra những lời tức giận, chẳng có gì là ghê gớm cả. Sau này ta sẽ dạy con văn võ thao lược để tương lai con giúp vì đất nước.

Từ đó về sau, Quản Vũ học hành ngày càng chăm chỉ. Thầy giáo cũng là người có tài. Được sự dạy bảo của thầy, Quản Vũ đã thành thục mười tám ban võ nghệ, lễ nghĩa của sách Xuân Thu, binh pháp của thầy Tôn Tử, không có gì là không tinh thông. Nhưng vì hoàn cảnh nhà Quản Vũ nghèo, cha lại già, năm lên mười sáu tuổi, Quản Vũ đã phải thay cha gánh gánh đậu phụ, đi khắp chợ cùng quê mà bán.

CỨU BỒ CHÂU

Quản Vũ trưởng thành, người cao lớn, cử chỉ đàng hoàng, ai thấy cũng phải khen ngợi. Quản Vũ còn là một chàng trai giỏi xuất chúng ở thành Bồ Châu. Chàng thích bênh vực kẻ yếu đuối.

Hồi đó, ở thành Bồ Châu có người tên gọi Trương Thiết Chủy, cũng là một nhân vật ai ai cũng biết tiếng. Hắn làm nghề bói toán, thường hay lừa dối để lấy tiền của những người nghèo khó. Quản Vũ thấy vậy rất tức giận, mượn dịp dạy cho hắn mấy bài học. Trương Thiết Chủy vì vậy cũng hận Quản Vũ muốn chết. Vì thế, hai bên không ai chịu ai. Hôm ấy, Trương Thiết Chủy bỗng thu thập gia nhân, nói là phải chuyển nhà. Hàng xóm láng giềng vội nói:

- Ông làm ăn phát tài, vì sao lại chuyển nhà?

Trương Thiết Chủy đầu tiên không chịu nói, đến khi mọi người hỏi dồn, hắn mới đáp:

- Tai họa sắp đổ lên đầu đến nơi rồi, Bồ Châu sắp cháy.

Hàng xóm láng giềng liền nói:

- Ông đã biết vậy thì cũng nên nghĩ cách cứu mọi người đi!

Trương Thiết Chủy lắc đầu quầy quậy. Mọi người buồn chán, muốn đập phá đồ đạc nhà hắn. Trương Thiết Chủy thấy mọi người thế đông lực mạnh, không thể đùa được, đành nói:

- Thực ra thì cũng chẳng khó. Mọi người hãy kêu thằng con của nhà họ Quản trước giờ Ngọ ngày mai đến cửa phía nam thành chặn một hảo hán mặt đỏ cưỡi con ngựa hồng lại thì không có chuyện gì nữa.

Nói xong, hán lúc lắc cái đầu, lại than thở:

- Nếu như không chặn được thì thật là rủi ro lắm.

Hôm sau, trước giờ Ngọ, mọi người cùng Quân Vũ đứng ở trên cầu bắc qua sông phía nam thành. Một lát thì thấy một hạo hán mặt đỏ cười con ngựa hồng đi đến. Mọi người tiến lên chặn lại. Hạo hán kia cứ tiến thẳng về phía trước, gạt mọi người ngã liểng xiểng. Trong nháy mắt hạo hán đã sắp qua cầu vào thành. Quân Vũ nhảy lên nắm lấy dây cương, con ngựa hồng sắc lửa lập tức bị ghìm lại, cứ hí lồng lên. Hạo hán mặt đỏ nhảy xuống gior tay đánh Quân Vũ, nhưng chẳng khác nào đánh lên đá, Quân Vũ vẫn không hề nhúc nhích. Hạo hán mặt đỏ dấy trái, xô phải, đến nỗi mặt nhễ nhại mồ hôi, vậy mà vẫn không thể tiến lên được một bước. Bỗng dưng, đánh "sầm" một tiếng, hạo hán ta quỵ xuống đất, chày hai hàng lệ cầu khẩn:

- Quân Vũ ơi, anh tài giỏi hơn tôi nhiều lắm, đã ngăn được tôi lại. Nhưng anh sẽ phải cứu tôi.

Quân Vũ hỏi lại:

- Tôi làm sao để cứu được anh?

Hạo hán mặt đỏ nói:

- Tôi là thần lửa, phụng mệnh Ngọc hoàng thượng đế đến để đốt thành. Nếu quá giờ Ngọ ba khắc trên trời không thấy thành có ánh lửa thì tôi khó tránh khỏi cái chết. Anh hãy cứu tôi đi!

Quân Vũ nghe qua, biết là hạo hán này đã tin lời nói xằng bậy, rõ ràng là đang vấp phải lũng túng khó khăn. Lúc này mọi người cũng đã nghe được câu chuyện, có người kêu lên:

- Thế thì làm thế nào đây? Hãy mau cầu cứu Ngọc hoàng thượng đế đi.

Rất nhiều người đã quỳ xuống đất cầu khẩn. Quân Vũ thấy thế rất là khó xử, trong lúc cấp bách, chàng lại sinh ra sáng suốt. Quân Vũ nói với mọi người:

- Hãy bảo toàn thành châm đèn lên đi.

Mọi người chợt nghĩ và, đúng rồi, toàn thành đốt đèn, trên trời trông thấy ánh lửa, cho rằng thành đã cháy, sẽ có thể không để ý đến nữa. Chẳng mấy chốc nhà nhà đều đốt đèn, toàn thành là lửa đèn cháy sáng.

Hôm đó là ngày mười chín tháng bảy, vừa đúng là ngày sinh của Quân Vũ. Về sau, hàng năm, cứ đến ngày này, trong thành Bồ Châu vào buổi trưa đều đốt đèn. Việc này đã trở thành phong tục. Nghe nói chính là để kỉ niệm Quan Công ngăn thần hỏa cứu thành Bồ Châu. Cũng có người nói, đại hán mặt đỏ tự xưng là thần lửa kia là một tên cướp do Trương Thiết Chủy mời về, muốn để hại Quân Vũ. Ai ngờ tên cướp ấy vừa dọa sức, biết không địch nổi Quân Vũ, liền huyền thuyền những lời quý quá rồi chuồn mất.

CHỈ CỐNG THÀNH XUNG HỌ

Họ hàng nhà bà lão Quân rất ác độc, thấy bà nhật được đứa con trai như thế thì vừa thêm muốn lại vừa ghen tức. Chỉ cần Quân Vũ đi bán đậu phụ, nửa ngày không về, là họ liền tụ tập ở trước cổng nhà họ Quân mà kiếm có mắng chửi mào, đôi co lộn xộn. Bà lão Quân tức quá, mặt phồng lên đỏ tía, máng rãnh:

- Dội khi nào con ta làm quan sẽ trừng trị cả nhà chúng bay.

Những người này liền đem lời nói của bà lão Quán Bịa đặt thêm thắt vào rồi loan truyền lung tung. Tin truyền đến tai quan phủ thì biến thành câu: "Đứa trẻ bán đậu phụ muốn làm vua đậu phụ, kéo cờ lớn chống lại triều đình". Như vậy thì quá lắm, quan phủ liền hạ lệnh truy bắt Quán Vũ. Quán Vũ nghe được tin, đành vội vàng bỏ trốn. Chàng chạy đến cổng thành, muốn vượt ra ngoài thành chạy đi xứ khác, ai ngờ trên cổng thành đã có treo hình chàng để quan quân truy bắt. Quán Vũ vừa nhìn thấy, toàn thân đã túa mồ hôi, mặt nóng phừng phừng.

Viên quan coi cửa thành gọi:

- Này anh kia, lại đây, lại đây!

Quán Vũ đành đóng vai thân nhiên như không có chuyện gì mà đi tới. Một tên nha dịch nói:

- Về mặt, hình dáng người này đều giống với kẻ phạm tội bất kính, chỉ có sắc mặt là không giống. Người này mặt đỏ chót.

Quán Vũ nghe thấy thế, biết là sắc mặt trắng hàng ngày của mình đã biến thành sắc đỏ, như trút được gánh nặng, Quán Vũ liền nghênh ngang tiến về phía trước. Viên quan quát lên:

- Này, anh họ gì?

Quán Vũ nhanh trí chỉ lên cổng thành nói:

- Họ Quan!

Viên quan khoát tay:

- Họ Quan, không phải việc của anh, đi đi!

Quán Vũ chỉ cổng thành xưng họ, về sau liền gọi là Quan Vũ. Quan Vũ làm sao lại trở thành người có khuôn mặt màu đỏ? Đó là do nôn nóng quá mà mặt đỏ lên thôi. Nhưng ở Bồ Châu cũng có người nói: Thần hóa, vì để trả ơn cho Quan Vũ, đã cho ông mượn khuôn mặt đỏ của mình.

MẶT QUAN CÔNG

Mặt Quan Công vốn không phải là đỏ, về sau làm sao lại trở thành mặt táo chín, mặt phượng, mây tằm? Ở đây có điều đáng để ý.

Quan Công thời nhỏ sức lực đã hơn người, tính cách mạnh mẽ. Một lần vì dẹp chuyện bắt bớ, đã đánh chết người. Quan binh liền truy nã khắp nơi. Quan Công chạy một mạch vào một rừng táo lớn, trong rừng táo có một ông già trông coi. Ông già thấy Quan Công tuổi nhỏ, thật đáng thương, bèn hỏi xem có muốn giúp ông trông coi vườn táo không. Quan Công đang trong lúc không có chỗ dung thân, liền nhận lời ngay.

Táo vùng Sơn Tây là loại táo nổi tiếng, tên gọi là Bào hồng, còn gọi là táo chín. Quả trên cây táo nhiều đến mức các cành đều muốn gãy xuống. Trên cây có quả táo, dưới đất cũng có quả táo, táo chín nát ra, nước táo trôi xuống sông gần đó, nước sông cũng đều biến thành màu đỏ cả. Tục ngữ có câu: Ở núi ăn núi, ở nước ăn nước. Ở trong rừng táo ngày ngày chẳng ăn táo thì còn ăn gì? Ăn thì ăn táo chín, nhìn thì nhìn táo chín, bán thì bán táo chín, rửa thì rửa nước táo chín, đến nước uống cũng có mùi vị táo chín. Quan Công ngày ngày đều sống như thế, ăn nhiều táo, rửa nhiều bằng nước táo, mặt liền biến thành màu đỏ, cho nên gọi là mặt táo chín. Quan Công thường ngủ trong rừng táo để canh phòng có kẻ lấy trộm. Vì vậy, mắt luôn nửa nhắm nửa mở, như ngủ mà lại không ngủ, ngày tháng kéo dài, liền biến thành mắt phượng mây tằm, mắt khép thành như một đường may. Về sau này, mặt Quan Công đã trở thành như ta đã thấy.

RÂU VÀ MẶT QUAN CÔNG

Quan Vũ khi còn trẻ là một chàng trai da trắng trẻo. Chàng có sức khỏe hơn người, thường đối xử thẳng thắn với mọi người và hay bênh vực kẻ yếu.

Một hôm, Quan Vũ đi chơi xuân, đến một thung lũng, bỗng nghe thấy tiếng kêu cứu của phụ nữ. Chàng vội theo tiếng kêu chạy đến thì thấy một công tử quần là áo lượt, cưỡi con ngựa lớn, dẫn theo một bọn người nhà, đang ra sức cướp một cô gái trẻ. Một ông lão liều mình xông vào cứu, bị bọn chúng đánh cho một gậy vào đầu, ngã xuống chết. Quan Vũ thấy vậy, vô cùng tức giận, liền rút bảo kiếm ra tay tới tấp chém bọn người nhà kia. Tên công tử quần là áo lượt thấy thế mình bất lợi vội vàng quay ngựa chạy trốn, bị Quan Vũ chém một nhát kiếm đứt luôn chân ngựa, lộn nhào xuống đất. Quan Vũ lại lia một nhát kiếm chặt đứt đầu hắn. Khi chàng quay đầu lại nhìn thì thấy cô gái trẻ kia đã lịm đi trên mặt đất. Chàng khuyên giải, an ủi mãi, cô gái mới kể với chàng:

- Tên ác tặc vừa rồi là con trai quan huyện, hắn muốn cướp tôi về làm nàng hầu, đáng thương thay cho cha tôi bị chúng đánh chết.

Nói xong, cô lại khóc to hơn. Quan Vũ chẳng biết làm thế nào, móc túi lấy ra ít bạc đặt trên mặt đất rồi lạng lẹ đi thẳng.

Quan huyện nghe nói con trai mình bị giết, đau có chịu khoanh tay, hần liền dán thông cáo, treo thưởng để truy nã chàng trai đã giết con mình. Một hôm, tung tích của Quan Vũ bị bọn chúng phát hiện, một toán quan binh liền được phái lần theo dấu vết của Quan Vũ mà tìm đến, quyết truy đuổi chàng đến cùng. Quan Vũ chạy vào lưng núi, thấy có một ngôi nhà, trong nhà có một cô gái đang quay sợi. Quan Vũ xin nấp tạm. Cô gái thấy chàng trai hoảng hốt chạy vào, lúc đầu còn ngỡ ngác, sau định thần nhìn kĩ anh ta, liền vội chỉ vào chiếc giường đệm nói:

- Chàng dừng hoảng hốt, hãy giả vờ bị bệnh nằm ngủ trên giường này đi.

Quan Vũ nói:

- Quan binh đến sẽ liền lụy đến nàng mất.

Cô gái nói:

- Tôi tự có cách.

Nói xong, cô giết một con gà trống, đem máu gà bôi lên mặt Quan Vũ, lại cắt một mớ tóc xanh dài trên đầu mình xuống, dán vào cằm Quan Vũ, bảo chàng cứ yên tâm nằm ngủ.

Chỉ trong chốc lát, quan binh đã đuổi tới nơi. Chúng xông vào nhà, bộ điệu hung ác mắng cô gái rằng:

- Con dê tiện kia, mau nộp tên tội phạm chạy trốn ra đây!

Cô gái bình tĩnh nói:

- Tôi ở trong nhà quay sợi, có thấy tên tội phạm bỏ trốn nào đâu?

Bọn quan binh chỉ vào chiếc giường đệm hỏi:

- Người ngủ trên giường kia là ai?

- Là chồng tôi. Anh ấy mắc bệnh thương hàn, đang sốt đấy.

Tên cầm đầu nói:

- Chồng à! Ta xem nó ngủ mê mệt thế kia thì nhất định là tên tội phạm bỏ trốn rồi.

Chúng liền đến lật mạnh tấm chăn, thấy người nằm ngủ là một đại hán mặt đỏ râu dài quá ngực thì nhìn nhau, rồi cúi đầu chán nản chuẩn mất.

Đoán là chúng đã đi xa rồi, Quan Vũ trở mình tuổi xuống giường, đến trước mặt cô gái cảm ơn luôn miệng. Cô gái nói:

- Người phải cảm ơn chính là tôi. Tôi chính là cô gái mà chàng đã cứu hôm nọ.

Song từ đấy, mặt của Quan Vũ cứ đỏ tía, không trắng lại được nữa; còn bộ râu già rất dài ấy cũng không rút ra được. Quan Vũ trở thành "ông râu đẹp".

QUAN CÔNG KHÔNG ĂN ĐẬU PHỤ

Vùng Tương Dương từ lâu đã lưu truyền bài ca theo làn điệu "Hoa sen rụng" như thế này:

Quan Công làm nghề bán đậu phụ,

Nhưng lại chán ghét món ăn này.

Giàu sang nghèo khó từ rày,

Với đậu phụ nước món này không ăn.

Bài ca này có lai lịch của nó. Vốn là Quan Công sau khi giết chết tên quan tham lam cậy thế khinh người ở nhà thì trốn đi nơi khác, dựa vào việc làm đậu phụ thuê cho người ta để kiếm sống. Một lần Quan Công gặp một người bán đường. Anh này giở trò ma cũ bắt nạt ma mới, ngang ngạnh nói đậu phụ Quan Công bán là thứ chẳng ra gì:

- Ô, đây là cái thứ gì vậy, bên trong toàn là nước, há chẳng phải là lừa người ta để lấy tiền đó sao?

Quan Công nhìn kĩ đậu phụ, thấy bên trong quả thực phần lớn là nước, xấu hổ quá, đến nỗi mặt đỏ bừng lên, từ đó trở thành Quan Công mặt đỏ. Nhưng Quan Công lúc bấy giờ cũng chẳng chịu lép, nghĩ bụng: Những thứ bên trong có nước thì đều là thứ giả dối, nhưng đường của hán ta thì cũng thiếu nước thế nào được! Bèn hỏi lại người bán đường:

- Đường mà anh bán chẳng đúng là cũng phải hóa thành nước mới uống vào bụng được đó sao? Có gì lại còn chê trách tôi?

Người bán đường nói:

- Hừ, nhưng nước ấy với nước này không thể giống nhau. Đậu phụ nước của anh là thứ lừa dối người ta, còn nước đường của tôi trái lại là thứ chân thực.

Đều là những thứ có nước, lại ngang ngạnh nói một thứ là lừa dối người, một thứ là chân thực, thiên hạ đâu có cái lý như vậy? Như thế chẳng phải rõ ràng là hấn ta đang trêu chọc người khác hay sao? Quan Công tức giận bừng bừng, gờn nắm đấm quát lên:

- Mày hãy lập tức nói rõ ràng ra, nếu không, ta sẽ dần nát mày.

Người bán đường vẫn điềm tĩnh nói:

- Anh xem, đường của tôi là thứ chân thực, nước đường chưng lên thành đường, đường có thể hóa thành nước, nước này lại có thể chưng lên thành đường, trở đi trở lại, cuối cùng vẫn là đường. Còn đậu phụ của anh bán ư, là thứ hạt đậu cho nước vào nghiền thành sữa đậu, lại cho thêm thạch cao vào mà thành. Bã đậu bỏ đi nhiều như thế mà đậu phụ lại vẫn còn nhiều như vậy thì thử hỏi bên trong sẽ có biết bao nhiêu thứ của giả dộn vào. Hơn nữa, đậu phụ này vô luận như thế nào cũng không thể trở lại thành sữa đậu và hạt đậu được nữa. Có thể thấy thứ đậu phụ này là thứ pha đồ giả đến mất cả nguyên chất đi rồi, làm sao mà sánh với đường của tôi được?

Quan Công nghe người bán đường nói như vậy thì cảm thấy rất là có lý, bụng nghĩ, mình từ nhỏ tập văn luyện võ, mục đích chỉ muốn đạt đến tài nghệ thực sự, ngày nay đường đường là một đại trượng phu, làm sao có thể làm cái việc giả dối như vậy được? Quan Công lập tức quăng bỏ gánh đậu phụ, quyết định không làm đậu phụ, không bán đậu phụ thuê cho người ta nữa, và cũng nhất quyết không ăn đậu phụ.

TRUYỀN THUYẾT QUAN CÔNG XUẤT THẾ

ĐƯỢC KIỂM THANH LONG

Nghe nói Quan Công vốn là xích đế trên thiên đình, vì làm việc tốt giúp nhân gian tránh khỏi tai nạn nên đắc tội với thiên đế, bị đày xuống trần gian. Sau khi đến trần gian, xích đế liền biến thành một đứa trẻ, nhà sư trụ trì ở chùa Phổ Cứu, phủ Bồ Châu nhặt được. Lúc ấy, chùa Phổ Cứu đương phải tu sửa lại, nhà sư già thấy ông Thường thọ rên ở thôn Thường Bình thuộc Giải Lương, Hà Đông ăn ở đối xử với người ta rất trung hậu, tay nghề lại giỏi giang, bèn đem đứa trẻ phó thác cho Thường thọ rên. Nhà sư nói với Thường thọ rên rằng:

Ông nên chăm chút cho đứa trẻ này, sau này lớn lên nhất định nó sẽ là người tài giỏi vì dân báo quốc đó.

Hai vợ chồng Thường thọ rên không có con cái nên vô cùng sung sướng, họ đặt tên cho đứa trẻ là Thường Sinh.

Thường Sinh từ bé đã thông minh hiểu biết, sức vóc hơn người, tuổi còn nhỏ mà đã quai búa giúp cha rên sắt. Vợ chồng nhà họ Thường càng yêu quý Thường Sinh. Họ nghĩ, đứa trẻ này lai lịch không tầm thường, ngày sau còn phải làm việc lớn vì nước vì dân, vậy mà cứ rên sắt chẳng hề biết chữ thì

sao có thể được? Hai vợ chồng liền bót ăn bót tiêu, rèn sắt dành dụm tiền nong cho Thường Sinh đến trường học. Ai ngờ Thường Sinh cầm sách đọc lướt qua là đã hiểu ngay, chỉ cần học một lần là không bao giờ quên. Cậu thuộc lâu lâu cả bộ sách *Xuân Thu*, ngay đến thầy dạy học cũng phải kinh ngạc. Lúc rảnh rỗi cậu còn cùng bạn bè đánh quyền, múa gậy, bài binh bố trận, hai tay có sức mạnh nâng được ngàn cân. Có một lần, cậu học theo Ngũ Tử Tư một tay cử đỉnh, đã nâng được con sư tử đá trước cửa từ đường lên qua đầu.

Một hôm tan học, Thường Sinh trở về nhà với nét mặt tức giận. Cha vội hỏi:

- Có ai ăn hiếp con hay sao?

Thường Sinh đáp:

- Tối nay con sẽ ngủ ở trường học, nhất định phải bắt được thàng ăn trộm dầu mới nghe!

Vốn là trong trường học có cây đèn dầu lạc để cho học trò đêm đọc sách, một lần rót có thể hết ba cân dầu, cứ ba ngày phải rót một lần, dầu do học trò thay phiên nhau mang đến. Nhưng mấy hôm nay, dầu cứ hôm nay rót thì ngày hôm sau đã hết sạch, lần nào cũng như vậy. Bọn học trò con nhà giàu liền nói:

- Nhà Thường Sinh nghèo, nhất định là Thường Sinh lấy trộm dầu.

Thường Sinh tức uất lên, quyết tâm bắt bằng được thàng ăn trộm dầu để minh oan cho mình.

Đến nửa đêm, Thường Sinh nấp dưới bàn học trong trường, mở to hai mắt, đăm đăm nhìn ngọn đèn không chớp. Quá canh ba, thấy không có động tĩnh gì; đến canh tư, cũng chẳng thấy tăm hơi. Gần đến canh năm, Thường Sinh đang mơ màng sắp ngủ, bỗng từ ngoài cửa sổ một trận gió lạnh vù vù thổi

tới, khiến ngọn đèn dầu chao đảo, gió làm toàn thân Thường Sinh run rẩy, tóc xỏa tung ra. Thường Sinh hoang mang mở to hai mắt: Một con rồng xanh lơ nhanh múa vuốt trườn vào cửa sổ, uống trộm dầu đèn. Chỉ thấy hai con mắt nó xanh lơ chớp loáng, hơi lạnh thấu xương. Cặp sừng của con rồng dài tới ba thước. Thường Sinh thầm nói: "Được lắm! Hóa ra là mày ăn trộm dầu, để cho tao phải chịu tiếng xấu oan!" Liền đó tung người lao về phía trước, một tay nắm chặt một chiếc sừng của con rồng, ra sức ấn xuống. Rồng xanh bị bất ngờ, giật bắn mình, ra sức giãy giụa. Chỉ nghe "cắc" một tiếng, chiếc sừng rồng đã bị bẻ gãy tận gốc. Rồng xanh lùi mình, quay đầu bay lên không đi mất. Thường Sinh cúi xuống nhìn, a! chiếc sừng rồng đang cầm trong tay đã biến thành hai thanh bảo kiếm sáng lạnh. Trên kiếm có chạm khắc hoa văn rồng xanh, đúng là một đôi thư hùng bảo kiếm. Thường Sinh vui sướng quá cứ nhảy nhót hoài. Cậu đặt tên cho hai thanh kiếm ấy là "Thanh long bảo kiếm". Thường Sinh mang kiếm về nhà cho cha xem, cả nhà ai nấy đều vừa sợ vừa mừng. Nhưng kiếm này chưa có bao, vậy dút kiếm vào đâu bây giờ? Thường thợ rèn nói với con:

- Không hề chi, cha sẽ làm cho con một cái bao kiếm.

Ai ngờ Thường thợ rèn đánh liền bảy tám cái mà cái thì dài quá, cái thì ngắn quá, cái thì rộng quá, cái thì hẹp quá, đến nổi giới nghề như ông mà cũng phải bó tay.

Chẳng mấy chốc đã đến tiết Thanh minh, Thường Sinh mang theo kiếm thanh long cùng bạn bè đến thành Giải Châu chơi xuân. Đi qua miếu Thành hoàng, thấy có một ông cụ già râu bạc phơ đứng trước cửa miếu đang rao bán bao kiếm. Thường Sinh vui mừng ra mặt, vội chạy tới trước mặt ông

cụ thi lễ chào hỏi, rồi chọn một cái bao kiếm chạm hình rồng mây, nạm đá quý bảy màu. Cậu lấy kiếm so thử thấy vừa vặn, liền hỏi:

- Cụ ơi, bao kiếm này đáng giá bao nhiêu tiền?

Cụ già vuốt râu cười nói:

- Gặp được người biết của, người có khả năng vì dân trừ hại thì một xu cũng không lấy!

Nói rồi quay mình đi vào miếu. Thường Sinh vội vàng móc túi ra ít bạc chạy theo. Cụ già không hề ngoảnh đầu lại, cứ đi thẳng vào trong. Thường Sinh vừa đuổi theo vừa gọi, vào đến trong miếu thì chẳng thấy bóng người nào cả. Cậu nghĩ: "Đây có lẽ là thần tiên đặc ân ban cho mình bao kiếm này, mình nhất định phải ra sức luyện tập võ nghệ để làm việc có ích cho bà con làng nước".

Về sau này, Quan Công theo Lưu Bị đánh Lữ Bố, phá Tào Man, qua năm cửa ải chém sáu tướng, đều là dùng bảo kiếm thanh long này cả.

ĐÊM GIẾT LỮ HÙNG

Chẳng mấy chốc Thường Sinh đã trở thành một chàng trai mình cao tám thước, thân thể cường tráng, rắn rỏi. Năm mười tám tuổi, chàng cưới con gái nhà họ Hồ làm vợ. Hai vợ chồng trẻ rất thương yêu nhau, chàng rèn sắt, cày ruộng, năng dệt vải, chăn tằm, cuộc sống gia đình thật hạnh phúc. Một hôm, Thường Sinh đang ngồi trong phòng đọc sách *Xuân Thu* thì một người bạn cùng học với chàng ở Giải Châu là Lí Sinh

khóc lóc đến tìm chàng. Hóa ra là vợ chưa cưới của Lí Sinh bị tên Lữ Hùng gian ác ở cửa tây thành Giải Châu chiếm đoạt mất, Lí Sinh muốn nhờ chàng báo thù.

Đối với những hành vi tội ác ngang ngược, khinh thường, đè nén dân chúng trong vùng của Lữ Hùng, Thường Sinh đều đã nghe nói từ lâu. Tên Lữ Hùng này, tuổi đã quá sáu mươi, chẳng kể mặt mũi không ra làm sao, trái lại là một con quỷ đói về sắc dục. Hắn cậy có quan hệ thân thích với quận thú Hà Đông, tha hồ tác yêu tác quái, thường chà đạp lăng nhục con gái nhà lương thiện. Hắn sai người dỡ cút trâu, phân người xuống tất cả các giếng nước ăn ở trong thành Giải Châu rồi lấp bằng đi, chỉ để lại mỗi một cái giếng ở trong vườn hoa đằng sau nhà hắn. Nhà nào muốn lấy nước ăn thì chỉ có thể sai đàn bà con gái đi gánh, hắn nấp trong đình thường hoa ở trong vườn, vừa nhăm nháp nước trà vừa quan sát, thấy thích cô nào là cướp ngay lấy cô ấy, sau khi chơi bời thỏa mãn mới thả cho về nhà. Mùa đông, hắn còn sai người dội nước tràn ra thềm giếng, nước đóng thành băng, cố tình làm cho đám phụ nữ đi gánh nước bị trơn ngã để mua vui. Các cô gái trong thành Giải Châu bị thằng súc sinh già này làm nhục đã quá lắm; có cô thậm chí chết chứ không chịu để hắn làm nhục, có cô xấu hổ tự vẫn. Dân chúng khó lòng sống yên ổn, tiếng kêu ai oán đầy đường. Vợ chưa cưới của Lí Sinh khi đi gánh nước cũng bị cướp như vậy. Cha của Lí Sinh vội chạy đến cửa quan tố cáo thì không những không được bênh vực mà còn bị đánh thương tích khắp mình mẩy. Lí Sinh không biết làm thế nào, đành đến tìm Thường Sinh.

Nghe Lí Sinh vừa khóc vừa kể xong, Thường Sinh tức giận hai mắt như bốc lửa, chàng đập mạnh búa xuống bàn, nói:

- Tôi sẽ phải giết được thằng súc sinh già ấy mới thôi.

Lí Sinh nói:

- Chỉ e anh có một mình đơn thương độc mã.

Lí Sinh vừa dứt lời thì bỗng "keng" một tiếng, hai người quay đầu lại nhìn thì thấy bảo kiếm thanh long treo trên tường đã bay ra khỏi vỏ, rơi xuống đất sáng lấp lánh. Thường Sinh nhặt đôi thanh kiếm lên, nói:

- Cụ già tặng ta bảo kiếm bảo ta hãy vì dân trừ hại, lúc này không giết thằng già ấy còn đợi đến bao giờ nữa?

Đêm hôm ấy, trời tối đen như mực, Thường Sinh cùng Lí Sinh hai người trèo tường nhảy vào phủ nhà họ Lữ. Thường Sinh cầm kiếm xông thẳng vào phòng ngủ của Lữ Hùng. Chỉ thấy Lữ Hùng khoác áo ngủ, đang ép một cô gái hát cho hắn nghe, cô gái không chịu, Lữ Hùng vùng roi da lên đánh. Thường Sinh lao lên phía trước như một mũi tên, cái roi da còn chưa kịp rơi xuống người cô gái thì mũi kiếm của Thường Sinh đã đâm thấu tim tên súc sinh già. Thường Sinh đỡ cô gái dậy coi thì chính là vợ chưa cưới của Lí Sinh, bèn bảo Lí Sinh đưa cô đi. Thường Sinh lại cầm kiếm xông ra phía sau nhà giết sạch bọn đầy tớ tay sai trong phủ Lữ Hùng. Sau đó, chàng thả các cô gái bị bắt nhốt ở trong phủ ra, đưa họ về đến tận nhà rồi mới xách kiếm đi ra ngoài thành. Ngờ đâu vừa ra khỏi thành Giải Châu thì đằng sau đã thấy một dãy đèn lồng đỏ rực, xem ra như có đám người đang đuổi theo Thường Sinh. Thường Sinh sợ nếu về nhà sẽ liên lụy đến cha mẹ bèn chạy trốn về hướng tây.

Hóa ra là có một tên thầy tớ nhà Lữ Hùng trốn thoát trong đồng cũi trước nhà bếp bèn chạy đi báo quan phủ, quan phủ bèn sai một toán người ngựa suốt đêm lùng bắt Thường Sinh.

Quan binh đuổi gấp ở phía sau, Thường Sinh chạy trốn đằng trước, cứ như vậy cho đến lúc trời sắp sáng thì Thường Sinh đã chạy đến bên một khe suối ở phía nam thành Bồ Châu. Chàng thấy một bà cụ đang giặt quần áo bên khe suối, vội vàng thì lễ chào hỏi, xin bà cụ nghĩ cách cứu mình. Bà cụ ngẩng đầu nhìn, chẳng nói chẳng rằng, thuận tay lấy một chiếc áo dài khoác lên mình Thường Sinh. Chàng đang định khom lưng tạ ơn thì bà cụ vung tay đánh chàng một cái trúng ngay vào sống mũi, máu me chảy giàn giụa. Thường Sinh vội lấy tay lau, ngay tức thì khắp mặt chàng toàn một màu đỏ. Bà cụ lại rút ở trên đầu Thường Sinh xuống một nắm tóc, dùng nước bọt dán vào bên miệng chàng thành năm chòm râu dài. Thường Sinh còn đang ngỡ ngác thì quan binh đã đuổi đến nơi. Tên tướng cười ngựa quát:

- Này, lão già, lão có thấy một thanh niên mặt trắng chạy qua đây không?

Thường Sinh không dám trả lời, đành chỉ lác lác cái đầu. Tên đầy tớ nhà Lữ Hùng nói:

- Thôi đừng tốn hơi với cái lão già vừa cảm vừa diếc này, thằng con nhà họ Thường nhất định chạy chưa xa đâu, chúng ta hãy mau đuổi tiếp đi.

Quan binh hét lên một tiếng, lại như một đàn ong đuổi tiếp về phía trước.

Quan binh vừa đi khỏi, Thường Sinh vội đến bên khe suối soi xem thì, ối chao, khuôn mặt màu trắng đã biến thành màu đỏ, cái miệng nhăn nhui đã mọc râu, ngay đến bản thân chàng cũng còn không nhận ra được mình nữa, hèn nào mà tên đầy tớ nhà Lữ Hùng không nhận ra được chàng. Thường Sinh vội ra sông để rửa, ai ngờ càng rửa càng đỏ khắp, mặt

không rửa sạch mà nước sông thì đục ngầu lên. Lúc này chàng mới rõ là thần tiên đã cứu mình, vội quay người chạy đến bên khe suối tạ ơn bà cụ, đến nơi thì bà cụ đã biến mất từ lúc nào.

Thường Sinh biết rằng không thể nán lại ở Hà Đông được nữa, bèn định đi đến Hà Bắc. Lúc chàng đi qua cửa Đại Khánh thì bị tên lính canh cửa chặn lại lục soát. Tên lính canh hỏi:

- Người họ gì?

Chàng liếc mắt trông thấy ba chữ "Đại Khánh quan" trên cổng thành liền nhanh trí lấy chữ "quan" làm họ của mình và trả lời:

- Tôi họ Quan.

Lính canh cửa lại hỏi:

- Người tên là gì?

Chàng ngẩng đầu nhìn, thấy trên không trung có một đám mây trắng bay qua, gió thổi làm đám mây trở nên dài ra, trắng nhạt, liền trả lời:

- Tên là Văn Trường.

Lính canh nói:

- Hai chữ Văn Trường là tên tự, còn tên gọi của người là gì?

Vừa vặn lúc bấy giờ trên không trung có một con chim nhạn lớn bay qua, chim vỗ cánh làm rụng xuống một cái lông vũ, Thường Sinh vội đáp:

- Họ Quan, tên Vũ, tự là Văn Trường.

Thế là trốn qua được cửa Đại Khánh. Từ đấy, Thường Sinh bèn đổi tên thay họ thành Quan Văn Trường, mặt cũng mãi mãi trở thành mặt đỏ. Râu năm chòm, đen óng rất đẹp, do lấy tóc mà dán thành nên râu của Quan Vũ khác với

của mọi người, nó không dài ra, không mọc thêm mà cứ mãi như vậy.

Lại nói quan binh không bắt được Thường Sinh, bèn làm cỏ thôn Thường Bình. Hai vợ chồng ông Thường thợ rèn biết con trai mình đã làm một việc đúng đắn là vì dân trừ bọn cường bạo, để cứu bà con toàn thôn, hai vợ chồng đã cùng nhảy xuống giếng tự vẫn. Bà con trong thôn bèn xây một tòa tháp gạch lên trên giếng ấy để kỉ niệm đôi vợ chồng già này. Đến nay tháp vẫn còn trong miếu thờ Quan Công ở thôn Thường Bình.

KẾT NGHĨA VƯỜN ĐÀO

Sau khi Quan Vũ vượt qua sông, không có chỗ trú chân, không có việc để làm, cứ phiêu bạt khắp nơi. Một hôm, chàng đi đến địa phận Trác Quận, bụng đói cồn cào, liền muốn tìm một quán rượu kiếm ít cơm rượu để ăn. Bỗng chàng nghe thấy trên phố có tiếng người ồn ào, không biết là có việc gì, bèn tiến đến hỏi xem. Hóa ra, ở vùng này có một đại hán mặt đen tên gọi Trương Phi, có mở một tiệm bán thịt. Trương Phi tuy là một người bán thịt, nhưng rất thích múa giáo, tập gậy, lại thích kết bạn với hào kiệt trong thiên hạ. Hôm nay, anh ta không biết từ đâu khuân về một tảng đá nặng nghìn cân đặt ở trước cửa tiệm, tuyên bố là ai có thể nhấc nổi tảng đá ấy thì sẽ cho không một dao thịt. Trương Phi đợi đến nửa buổi mà chẳng có người nào nhấc nổi, thở dài đánh sượt, rồi quay vào đi cạo lông lợn, bỏ lại đám người tò mò đang ồn ào bên ngoài. Quan Công hỏi rõ bình tình, bụng nghĩ, sao ta

không nhắc lên một cái kiếm mấy cân thịt ăn chơi. Thế là chàng bèn vén tay áo, thất lại dây lưng, đứng dạng chân, nhổ nước bọt vào lòng bàn tay, khom lưng "hự" một tiếng, đã chuyển được tảng đá nghìn cân ấy rời khỏi chỗ, mọi người xung quanh ò lên khen giỏi. Chàng lại "hầy hà" một tiếng, nhắc tảng đá lên qua đỉnh đầu, đám người xem đều reo hò ầm ĩ.

Trương Phi cạo xong lông lợn, nghe thấy tiếng reo, liền treo con lợn lên giá, chạy ra cửa. Chàng ta nhìn thấy một đại hán mặt đỏ râu dài nâng tảng đá nặng nghìn cân, sau đó nhẹ nhàng đặt xuống, bước vào trong tiệm, rút con dao chặt ra, chặt một nhát xẻ con lợn trên giá ra làm hai tảng, vác lấy một tảng mà đi. Trương Phi vội giật lại, quát lên:

- Vì sao anh lại vác tảng thịt lợn của tôi đi?

Quan Công nói:

- Trước anh có nói nếu ai nhắc được tảng đá thì sẽ cho không một dao thịt, anh không nuốt lời đấy chứ?

Trương Phi trừng mắt lên, nói:

- Dao thịt tôi nói là thịt ở trên giá kia.

Quan Công cũng không nhượng bộ, nói:

- Thịt tôi vác đây cũng là thịt chặt ở trên giá.

Trương Phi nói:

- Đây là con lợn chưa mổ bụng.

Quan Công nói:

- Tôi chỉ chặt có một dao.

Trương Phi nói:

- Thằng mặt đỏ, mày không biết điều!

Quan Công cũng đáp:

- Thằng giặc mặt đen, mày nói mà không giữ chữ tín.

Hai bên cãi lộn lẫn nhau, cơ hồ như sắp thương cẳng chân, hạ cẳng tay đến nơi.

Lúc này, có một chàng thư sinh mặt trắng bán dép cỏ đi đến, vung tay gạt hai người ra. Chàng ta hỏi:

- Hai vị trắng sỉ, sao mà tranh cãi nhau?

Hai người tranh nhau kể lại nguyên do sự việc cho chàng bán dép cỏ nghe. Anh chàng thư sinh mặt trắng bán dép cỏ ấy chính là Lưu Bị, chàng nghe hai người nói, thăm khám phục họ đều là những nghĩa sĩ hào hiệp hiêm có, tương lai tất làm nên sự nghiệp lớn, liền khuyên giải rằng:

- Hai vị một người có sức năng nghìn cân, một người thích kết bạn hào hiệp, đều là anh hùng đời nay cả. Hai vị hà tất phải tranh cãi nhau vì một tảng thịt lợn, đại trượng phu cần phải làm việc lớn là trị quốc bình thiên hạ.

Hai người nghe thấy lời nói chính hợp ý mình, liền hỏi:

- Nhưng không biết đời nay ai là minh chủ?

Lưu Bị nói:

- Hiện nay Đông Trác chuyên quyền, trong triều ngoài nội không yên, người ta nói thời loạn xuất hiện anh hùng, chúng ta chẳng bằng hãy kết bạn với nhau, tự mình làm nên sự nghiệp há chẳng được sao?

Quan Công cũng thấy Lưu Bị nói rất có lí, thăm khám phục chàng thư sinh bán dép này, bèn nói:

- Chúng ta làm thế nào để kết bạn được?

Trương Phi nói:

- Trước cửa tiệm của tôi có vườn đào, ba người chúng ta mặt đen, mặt đỏ, mặt trắng hãy vào vườn đốt hương, vái lạy kết làm anh em đi.

Lưu Bị, Quan Công đều đồng ý.

Ba người bèn giết lợn, dẽ, lập hương án ở trong vườn đào, vái lạy kết nghĩa anh em. Họ muốn theo tuổi để định trên dưới, nhưng Quan Công lại có bộ râu dài đến hơn hai thước, nhất thời không làm rõ được ai lớn tuổi nhất. Lưu Bị đề nghị:

- Chúng ta hãy leo cây để định thứ bậc đi.

Trương Phi rất muốn làm anh cả, liền đồng ý ngay. Chàng ta cuốn vạt áo lên, thoát một cái đã leo đến ngọn, dương dương tự đắc ngồi trên cành cây chót vót. Quan Công chỉ leo đến cành cây giữa chừng, bụng nghĩ mình làm anh hai là điều chắc chắn. Lưu Bị tùm tùm cười, dằng hoàng ngồi dưới gốc cây bán dếp cỏ. Trương Phi hét lên:

- Chỉ có tôi trèo cao nhất, tôi phải là anh cả.

Lưu Bị nói:

- Theo lý thì tôi phải là anh cả.

Trương Phi nói:

- Anh ở gốc cây, tôi ở ngọn cây, gốc cây cao sao bằng ngọn cây?

Lưu Bị nói:

- Gốc tuy thấp, ngọn tuy cao, nhưng gốc sinh trước, ngọn sinh sau, gốc là anh cả, điều đó khỏi phải bàn nữa.

Quan Công nói:

- Có lý, có lý! Dù sao tôi cũng là anh hai.

Trương Phi vô cùng khâm phục Lưu Bị túc trí đa mưu, Quan Công vũ dũng thần lực, tuy làm anh ba, nhưng trong lòng rất vui. Về sau, khi họ đi giành lấy thiên hạ, Trương Phi vẫn luôn tôn trọng Lưu Bị và Quan Công.

NHẤT LONG PHÂN LƯƠNG HỒ

Về phía nam lễ đường của huyện Trác, Hà Bắc có một phố nhỏ ăn thông thẳng ra chợ lương thực cũ (phố công ích) có tên gọi phố Tam Nghĩa Miếu. Từ trước, trong phố này, chỗ đối diện với chợ lương thực có một tòa miếu gọi là Tam Nghĩa miếu. Trong miếu thờ Lưu Bị, Quan Công và Trương Phi. Dáng vẻ, tư thế của tượng thờ trong miếu không giống với bất cứ tượng ở miếu nào thờ ba anh em kết nghĩa này. Đó là dáng vẻ, tư thế Trương Phi và Quan Công đang đánh nhau, Lưu Bị ở giữa can hai người. Ở đây có một mẩu chuyện nói về sự việc "nhất long phân lương hồ" đó.

Tại thôn Tùng Lâm phía nam thành Trác Châu có một cái giếng, tên gọi là giếng Trương Phi, nay gọi là Trung Nghĩa giếng. Đó chính là quê của Trương Phi. Trước cửa nhà Trương Phi có một cái giếng, Trương Phi bán thịt, thường treo thịt trong giếng. Trương Phi sức lực khỏe mạnh đã đem chặn một tảng đá lớn nặng hàng nghìn cân lên miệng giếng. Bởi vì tảng đá rất nặng, người bình thường không ai vãn nổi, nên thịt buộc cất dưới giếng chưa hề bị mất bao giờ. Lau ngày, Trương Phi liền huyền thoại nói rằng:

- Ai có thể một tay nâng được tảng đá nặng nghìn cân này lên, ta sẽ cất cho không một dao thịt.

Nhiều lần như vậy mà chẳng có ai dám động đến thịt của Trương Phi. Trương Phi khoái chí, treo một tấm biển ở cửa, trên đề dòng chữ: "Ai một tay nâng được tảng đá này thì sẽ cắt cho không thịt mà ăn".

Hôm ấy, Quan Vũ, người Sơn Tây, vai vác một bao đậu xanh đi qua chỗ này, chàng nhìn thấy tấm biển liền đặt bao đậu xanh xuống, chẳng nói chẳng rằng dùng tay trái nâng tảng đá lên, tay phải đưa một nhát dao cắt lấy một nửa con lợn xách đi. Trương Phi trở lại xem, thì thấy cả một nửa con lợn chỉ còn lại có cái đuôi, tức giận đến mức râu ria vểnh ngược cả lên; lại nghe nói là một đại hán mặt đỏ đã xách thịt đi vào trong thành thì cơn giận lại càng bốc lên ngùn ngụt. Trương Phi, cơn chẳng thèm ăn, vội vàng đuổi đến chợ lương thực ở trong thành. Đến chợ, Trương Phi nhìn trước ngó sau, thấy một đại hán mặt đỏ ở đó, bên trái đặt một bao đậu xanh, bên phải để một nửa con lợn. Trương Phi nom thấy nửa con lợn không có đuôi thì biết chính là thịt của nhà mình, tức giận không chịu được. Nhưng, Trương Phi đảo mắt nghĩ ngợi, kiếm chuyện để đánh nhau thì nói gì đây? Rõ ràng là mình tuyên bố cho không người ta một dao thịt cơ mà! Về ư, cơn giận này làm sao mà nguôi đi được. Trương Phi bèn đi đến trước mặt đại hán mặt đỏ, không nói năng gì, tay trái chộp một nắm đậu xanh bóp nát ra như bã, tay phải lại chộp một nắm đậu xanh và lại bóp nát, cứ chộp lại chộp như vậy, đậu xanh của Quan Vũ chẳng còn ra hình thù là thứ gì nữa.

Quan Vũ thấy đại hán mặt đỏ này đến gây sự thì biết đây là Trương Phi không chịu phục, đến để đòi lại thịt, bèn nói:

- Ấy, anh có muốn mua hay không đấy? Làm hỏng hết đậu như thế thì tôi còn bán làm sao được.

Hai người lờ qua tiếng lại, rồi vung tay vung chân xông vào đánh lẫn nhau. Họ đánh từ đầu phía đông chợ đến đầu phía tây chợ, rồi lại từ đầu phía tây đánh lộn lại đầu phía đông, bất phân thắng bại, cũng không có người nào dám tiến lên can ngăn họ. Vừa lúc ấy, có một người đẩy xe từ phía tây đi lại, đẩy chính là Lưu Bị đến bán dép cỏ. Thấy hai đại hán đánh nhau như vậy mà Lưu Bị cũng không thềm tránh, lại đặt xe ở giữa đường phố. Trương Phi bất chấp phải trái, vươn tay ra chop lấy một cang xe, Quan Vũ cũng chẳng chịu lép, giơ tay ra chop lấy một cang xe khác. Hai người chỉ hét lên một tiếng, chiếc xe nhỏ đã bị bửa làm đôi, dép cỏ bắn tung tóe thành một đám lớn. Cừ lắm! Trương Phi và Quan Vũ mỗi người cầm một cang xe đánh lẫn nhau. Hai người đánh lộn vòng tròn mà chẳng ai đánh trúng được ai, đất dưới chân bị đạp thành thịch mà cũng chẳng người nào đạp được người nào.

Lưu Bị thấy xe của mình bị phá hỏng, dép cỏ bắn tứ tung, không những không giận dữ mà lại còn tiến lên khuyên can hai người. Mọi người xung quanh thấy Lưu Bị người hơi thấp, mặt mũi thư sinh, căn bản không phải là người có sức lực phi thường, thì khuyên chàng rằng:

- Anh thế yếu lực mảnh như vậy, lại muốn can ngăn hai người kia sao? Mau bỏ ý định đó đi!

Lưu Bị cười không nói, cứ tiến lên. Kế cũng lạ chỉ thấy Lưu Bị điềm tĩnh đi đến giữa Trương Phi và Quan Vũ, dùng hai tay rẽ hai người ra, thế mà hai người không làm sao sắp lại để đánh nhau được nữa. Hai đại hán nhìn nhau, giấy lát liền cùng phục xuống vái Lưu Bị và tôn làm anh cả. Đó là khởi đầu của sự việc ba anh em kết nghĩa vườn đào.

Các cụ già nói: "Quan Vũ, Trương Phi sức lực phi thường mấy vẫn chỉ là hai viên hổ tướng, tài năng của Lưu Bị hơn

nhieu so với hai người. Vì thế mới gọi là "nhất long phân lưỡng hổ" (một con rồng can hai con hổ). Để kỉ niệm họ, người đời sau liền xây dựng Tam Nghĩa miếu ở trong phố nhỏ phía bắc chợ lương thực. Phố Tam Nghĩa Miếu cũng vì thế mà có tên. Hiện nay, miếu tuy không còn, nhưng địa thế phố Tam Nghĩa Miếu thì vẫn bên bắc thì cao, bên nam thì thấp. Mỗi khi các cụ già nhắc đến phố này thì đều kể lại câu chuyện "nhất long phân lưỡng hổ".

ĐÀO VIÊN KẾT NGHĨA

BẠN BÈ RƯỢU THỊT

Tục ngữ có câu: vợ chồng gạo mì, bạn bè rượu thịt. Lưu, Quan, Trương tình cờ gặp gỡ, trong chốt lát đã trở nên thân thiết như vậy, kì thực cũng không thoát khỏi hai chữ rượu thịt. Họ cũng giống nhau ở chỗ chỉ vì sự ăn uống, và trong ăn uống có thể được lợi hơn người khác, lợi dụng được người khác.

Hồi ấy, Trương Phi là người giàu nhất, lại làm nghề bán thịt, hiển nhiên là thường phải mời khách; Quan Công buôn bán lương thực, nên tiền tiêu cũng không thiếu, khi đến ăn cũng không đi tay không bao giờ, rượu uống thường do Quan Công bao cả; Lưu Bị bán dép cỏ, vốn liếng ít, tiền lãi kiếm được còn không đủ bỏ vào miệng, nên mỗi lần đến ăn uống thường chỉ vác cái miệng đi không. Trương Phi, Quan Vũ thấy Lưu Bị cứ ăn không suốt, một cái cũng chẳng chịu bỏ ra, thì dần dần cũng thấy khó chịu, hai người bàn mảnh với nhau: Cứ như vậy thì dầu có cả núi vàng núi bạc rồi cũng bị Lưu Bị ăn hết thôi. Cuối cùng hai người nghĩ ra một cách để loại bỏ cái anh chàng ăn theo này.

Hôm ấy, Trương Phi đặc biệt bày một tiệc rượu ở trong vườn hoa sau nhà, trước tiên cùng Quan Vũ chia nhau ngồi

hai bên, chỗ ngồi đầu trên bỏ trống, có ý dành cho Lưu Bị. Rượu thịt vừa bày lên thì quả nhiên Lưu Bị lại xách một xâu dế cò đến. Chàng ta không hề khách khí, nói:

- Đến sớm không bằng đến đúng lúc, tôi thật không phụ ý tốt của hai hiền đệ!

Rồi ghé dít ngồi vào chỗ còn bỏ trống. Hóa ra là chỗ đó có trái một tấm chiếu lau, dưới chiếu chính là một cái giếng nước, cứ theo thế mà suy thì Lưu Bị tất sẽ rơi xuống giếng, chẳng ngờ Lưu Bị vẫn ngồi yên ổn, cứ ăn cứ uống thoải mái như những lần trước. Trương Phi ngạc nhiên đến mức sững sờ hồi lâu, giả vờ rời khỏi chiếu để khạc đờm, vòng ra đằng sau lưng Lưu Bị, lặng lẽ nhấc một góc chiếu lau lên, thì thấy dưới giếng khối mây lượn lờ, có một con rồng vàng năm chân, vẩy sáng lấp lánh đang đỡ lấy Lưu Bị. Trương Phi cơ hồ như muốn kêu lên, vội vàng dẩy chiếu lại cẩn thận, quay mình trở lại chiếu ngồi, ghé tai nói cho Quan Vũ biết. Quan Vũ mới rõ Lưu Bị nhất thời là anh hùng chưa đắc thế, tương lai nhất định sẽ đại phú đại quý, đi theo anh ta chắc chắn sẽ có một cuộc sống hơn người, bèn nhìn Lưu Bị với một con mắt khác, nói:

- Lưu đại ca, nghĩ lại buổi đầu ba anh em mình vái lạy kết nghĩa anh em ở giữa đường giữa phố, cảm thấy thật sơ sài đại khái. Hiện giờ, ở trong nhà tam đệ lễ phẩm trâu, dê, lợn đều đã chuẩn bị đầy đủ, xem ra anh em ta nên cử hành đại lễ tế trời đất, kết bái anh em một lần nữa, đại ca thấy thế nào?

Lưu Bị chỉ mong dựa vào hai người bạn có tiền ấy để thường thường được đánh chén theo, liền hết lời tán thưởng. Trương Phi cũng hiểu ngay ý tứ của Quan Vũ, lớn tiếng họa theo:

- Anh Hai nói thật đúng. Chúng ta phải thề lại lần nữa cùng trời đất rằng, ba ta thề cùng sống cùng chết, mãi mãi không thay lòng đổi dạ!

Thế là họ lại làm lễ kết nghĩa anh em lần thứ hai.

HOÀNG THỔ BIẾN THÀNH VÀNG

Lưu Bị luôn ăn nhờ Trương Phi và Quan Vũ, trong lòng cũng có chút không yên. Chàng ta bèn bàn với vợ, muốn mời hai người em kết nghĩa ấy đến nhà ăn một bữa cơm. Vợ Lưu Bị cảm thấy rất khó xử, nói:

- Nhà có khách tới lui là chuyện thường tình, cho dù khuyh gia bại sản để mời họ một lần tôi cũng không có nói năng nửa lời. Nhưng chỉ vì nhà ta quá nghèo, sợ họ thấy rồi sau sẽ có còn coi trọng chàng nữa hay không? E rằng không được tiện lắm.

Lưu Bị cảm thấy vợ mình nói rất có lý, nghĩ đi nghĩ lại rồi bảo:

- Không ngại, tôi tự có cách ứng phó với họ.

Lập tức Lưu Bị mượn về mấy cái bao tải, bên trong đựng toàn đất vàng (hoàng thổ), miệng túi hướng xuống dưới, xếp thành hàng dọc trong nhà, sau đó mời khách đến.

Quan Vũ, Trương Phi lần đầu đến nhà Lưu Bị, chỉ thấy một gian nhà tranh, mái buộc tường đất, người ở trong nhà ban ngày có thể nhìn thấy mặt trời, ban đêm có thể nhìn thấy trăng sao; trên giường lò trái chiếu cỏ đã nát xơ; nồi, bát, muối, thìa đều mé miệng gãy cán, không có lấy một thứ

gì được nguyên vẹn, lành lặn. Nhưng ngược lại, trong nhà có rất nhiều bao tải, đều đựng căng phồng. Quan Vũ và Trương Phi thấy nghi liền hỏi bao đựng cái gì? Lưu Bị chủ định muốn nói dối, liền đáp:

- Vàng đấy.

Quan Vũ trong bụng biết tông, không muốn nói nhiều, tranh thủ cạn chén rượu, vừa uống vừa nói sang chuyện khác. Chẳng ngờ Trương Phi lại không biết mềm mỏng khéo léo, cứ muốn hỏi cho đến ngọn ngành.

- Lưu đại ca, anh chớ làm ra vẻ ta đây giàu có. Nói thật nhé: anh nghèo đến mức bữa đói bữa no, làm sao có thể có ngàn ấy vàng cơ chứ?

Trương Phi tiến đến sờ sờ nắn nắn, thấy bên trong bao tải rắn căng, không kìm được lòng nghi hoặc: "Chẳng lẽ đây là vàng!".

Lưu Bị trót nói dối, khó lòng sửa lại, đành vừa ăm ừ ứng đối cho qua chuyện, vừa kéo Trương Phi, nói:

- Lên chiếu uống rượu, lên chiếu uống rượu!

Càng kéo Trương Phi lại càng không chịu đi. Anh ta cứ muốn biết rõ sự thực mới chịu thôi. Rồi Trương Phi bỗng nhiên hai tay ôm lấy một bao tải, ra sức lật lên, chà, bèn trong quả nhiên đựng đầy vàng sáng chói. Lật tiếp bao sau cũng thấy đựng toàn vàng. Hai vợ chồng Lưu Bị cũng đều ngạc nhiên không kém, đành đem sự việc lần lượt kể lại cho hai người nghe: "Trong bao vốn dĩ đều là đất vàng, không biết làm sao lại biến thành vàng thật được!".

- Ba người cùng một dạ, 'hoàng thổ biến thành vàng' - Quan Vũ bỗng nhiên tỉnh ngộ nói - Tôi thấy đây là trời xanh muốn báo: Chỉ cần chúng ta mãi mãi đồng tâm, không thay lòng đổi dạ thì cũng có thể lấy được cả thiên hạ. Chúng ta cần phải thề cùng trời một lần nữa.

Lưu Bị ở thôn Lâu Tang, về phía tây bắc thôn không xa có một vườn đào lớn. Lúc này đương là dịp hoa đào nở rộ, sắc hoa đỏ như lửa, rực rỡ phơi phới. Ba người tìm thấy chỗ này, bèn làm lễ lạy trời đất, chỉ non thề biến lần thứ ba ở đây, lần này mới chính là đào viên kết nghĩa. Người đời sau, để kỉ niệm ba anh em, đã dựng miếu Lâu Tang ở đây. Theo dân vùng này kể lại thì khi Lưu, Quan, Trương khởi sự đã dùng số vàng do hoàng thổ biến thành để mua sấm ngựa và khí giới.

MẶT TRƯƠNG PHI

Trương Phi là một viên mãnh tướng, trên râu kháu, khuôn mặt anh ta thường được thể hiện thành ra một khuôn mặt râu hùm hàm én, đầu báo mắt tròn, có vẽ ba đốm hoa đỏ, toàn bộ khuôn mặt trông giống như một con bướm bướm đen đang vỗ cánh muốn bay, từ đầu đến cuối chỉ cười hì hì. Vì sao lại thành ra như vậy? Chuyện cũng rất thú vị.

Tương truyền Trương Phi là một người bán thịt ở huyện Trác, Hà Bắc. Anh ta tự nuôi lợn, tự giết lợn, rồi tự đem thịt lợn đi bán. Trước đây, người phương bắc thường nuôi lợn ở trong ruộng cao lương, lợn chạy rong khắp nơi, tha hồ chén cao lương. Khi cần bán thịt, người ta bắt lợn và giết ngay tại chỗ.

Trương Phi có khả năng tuyệt vời trong việc mổ chặt thịt, anh ta có thể dùng cả hai con dao, tay nắm tay mười làm mấy việc một lúc. Vì thế, các cụ thời xưa có câu nói truyền lại là: "Trương Phi bán thịt - tay nắm tay mười". Trương Phi còn có một ưu điểm trong khi bán thịt là đối xử với khách hàng rất hòa nhã, luôn tươi cười chào đón, chưa hề dỏ mặt giận giữ bao giờ. Vì thế, dân chúng đặt cho Trương Phi một biệt hiệu là "Trương mặt cười".

Có một lần, tiệm bán thịt của Trương Phi mở cửa rất sớm, người đến mua thịt rất đông; người mua bảy tám cân, kẻ mua một vài cân, cũng có người mua hai, ba lạng. Bất kể là nhiều hay ít, Trương Phi cũng đều vui vẻ hòa nhã tay thoăn thoắt băm băm chặt chặt. Chỉ một loáng, cả mấy con lợn đều đã bán hết, vậy mà người mua thịt vẫn còn chen lấn đến muốn đổ cả cửa. Trương Phi thấy phải giết thêm mấy con lợn nữa mới đủ bán, liền hẹn với những người mua thịt, rồi quay trở lại, chui vào ruộng cao lương để bắt lợn.

Lợn đang ăn cao lương ở ruộng đấy thôi! Thấy có người đến bắt, lợn ta chạy thục mạng trong ruộng cao lương, một con chạy, cả đàn chạy theo, một bầy hỗn loạn. Trên thân cây cao lương đậu rất nhiều bướm bướm vừa to vừa đen, lợn chạy, bướm bướm cũng đều bay cả lên, lao cả vào mặt Trương Phi. Chỉ một loáng, trên mặt Trương Phi đã có đến mấy con bướm bướm đen lao vào. Khi những người mua thịt nhìn thấy mặt Trương Phi, ai nấy đều cười ngặt nghẽo. Bởi vì là vân vân trên mình bướm bướm giống như nét khuôn mặt người đang cười, cho nên những biệt hiệu "Trương mặt cười", "mặt bướm bướm" ra đời và được loan truyền đi từ đấy.

Sau này, trên sân khấu, khuôn mặt nhân vật Trương Phi luôn được hóa trang thành hình bướm bướm, trên "ba dóm hoa đỏ" còn vẽ thêm ít vân vân, đường nét giống như cánh bướm, hai bên tóc mai được vẽ thành hai sợi râu bướm bướm, hai bên mũi vẽ hai mắt, sống mũi lại vẽ một con bướm bướm nhỏ. Nhìn từ xa, mặt Trương Phi trông giống như một con bướm bướm đen đang vỗ cánh bay trong ruộng cao lương. Đồng thời trên áo chiến bào của Trương Phi còn treo đầy những bông cao lương nữa!

LƯU BỊ ẪN KHÔNG

Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi đều thích uống rượu. Quan Công, Trương Phi đối xử với người khác rất trung hậu, còn Lưu Bị thì đối xử với người khác rất hẹp hòi, toàn là ăn không của Quan Công và Trương Phi. Có lần, vào đúng tiết Thanh minh, Quan Công và Trương Phi bàn nhau, mang theo rượu và đồ nhắm, gọi một chiếc thuyền nhỏ bơi ra giữa hồ mà uống rượu, chủ ý là muốn trốn Lưu Bị, kết quả vẫn bị Lưu Bị biết.

Quan Công và Trương Phi bày xong rượu và đồ nhắm ở trên thuyền, đang chuẩn bị uống rượu, bỗng thấy một cái rương to theo chiều gió trôi đến, không biết bên trong có đựng vật quý gì, liền báo nhà thuyền dùng sào khều lại gần. Hai người lôi chiếc rương lên thuyền, mở ra xem, chỉ thấy từ trong rương chui ra một người, người ấy chính là Lưu Bị. Lưu Bị nói:

- Thật vất vả cho hai chú phải đợi lâu!

Quan Công và Trương Phi thăm kêu khổ, sự việc đã đến nước này, thì làm cách nào mà đuổi khách đi được? Quan Công chợt nghĩ ra một kế, bèn nói:

- Hôm nay là Thanh minh, tiết trời rất đẹp, thi hứng đương nồng, sao lại không làm một bài thơ tám câu bốn chữ nhĩ. Ai làm được thì uống rượu ăn thịt; ai không làm được thì, khỏi phải nói nhiều, cứ là ngồi không mà nhín thôi!

Trương Phi, Lưu Bị đều nói:

- Được.

Quan Công lại nói:

- Bài thơ tám câu bốn chữ này phải lấy vật làm đầu đề, mà phải đưa bốn câu: *Một màu đen kịt, xanh xanh trắng trắng, thuận tiện dễ dàng, khó càng thêm khó* vào, tám câu đọc lên phải có đầu có cuối.

Ba người ngồi xuống. Trương Phi đọc trước: •

*Tuyết bay trên trời,
Một màu đen kịt,
Hạ xuống dưới đất,
Xanh xanh trắng trắng;
Muốn tuyết thành nước,
Thuận tiện dễ dàng,
Muốn nước thành tuyết,
Khó càng thêm khó.*

Đọc xong liền nâng chén cầm dưa mà ăn uống. Quan Công đọc tiếp luôn:

*Mực ở trong nghiên,
Một màu đen kịt,
Viết lên thành chữ,
Xanh xanh trắng trắng;
Muốn mực thành chữ,
Thuận tiện dễ dàng,
Muốn chữ thành mực,
Khó càng thêm khó.*

Đọc xong cũng bắt đầu đánh chén. Hai người mời rượu lẫn nhau, cùng liếc trộm Lưu Bị.

Lưu Bị còn đang vắt óc nghĩ tám câu bốn chữ. Quan Công và Trương Phi cười chế diễu:

- Đừng có vắt nát óc đi đấy, còn phải chui vào rương để lên bờ nữa chứ!

Đến đó, mắt Lưu Bị bỗng nhiên sáng lên, chàng ta nói:

- Tôi đã nghĩ xong từ lâu rồi, nhưng bị hai chú tranh đọc trước mất. Được! Tôi lấy cái rương làm đầu đề vậy:

*Tôi ở trong rương,
Một màu đen kịt,
Ra được ngoài rương,
Xanh xanh trắng trắng;
Tôi thắng các chú,
Thuận tiện để dàng,
Các chú thắng tôi,
Khó càng thêm khó.*

TRƯƠNG PHI CHỊU THUA

Trương Phi cùng Lưu Bị, Quan Vũ kết nghĩa anh em ở vườn đào, phải làm em út, Trương Phi trong bụng cũng có đôi chút không được thoải mái. Một hôm, nhân khi rượu ngà say, Trương Phi muốn đấu võ cùng Quan Vũ. Lưu Bị nói:

- Hai con hổ đấu nhau, tất sẽ có con bị thương. Vậy hai chú trước tiên hãy đấu sức đã.

Trương Phi hỏi:

- Đấu như thế nào?

Lưu Bị nói:

- Ai có thể tự nâng mình lên không trung thì người ấy được coi là khỏe.

Trương Phi nói:

- Hai tay tôi có thể nâng được tảng đá nặng nghìn cân, lẽ nào không nâng được cơ thể mình chỉ nặng có một, hai trăm cân! (1)

Nói xong, hai tay nắm lấy tóc mình mà kéo lên. Da đầu bị kéo đau nhói, tóc bị nắm đến đứt cả ra mà hai chân Trương Phi vẫn còn đứng trên mặt đất. Trương Phi cau mày nói:

(1) Căn Trung Quốc thời xưa. Một kilôgam ăn 1,676 cân Trung Quốc thời xưa. - ND.

"Quái lạ! Quái lạ!". Còn Quan Vũ, chàng kiếm một sợi dây thừng, buộc vào chạc cây, hai tay nắm lấy thừng rồi leo lên, thế là cơ thể dần dần được nâng lên không trung.

Trương Phi thấy Quan Vũ thắng, vẫn không chịu phục, kêu lên:

- Không tính, không tính! Đó là anh Hai nhờ vào dây thừng mới lên được.

Lưu Bị nói:

- Không tính thì thôi, đấu lại.

Lưu Bị lại chỉ bó rơm lúa mạch bên cạnh nói:

- Ai có thể tung rơm ngược gió xa được mười trượng thì người ấy được coi là khỏe.

Trương Phi lại tranh làm trước. Chàng ta chọn một sợi rơm, lấy hết sức tung ngược chiều gió, rơm xoay tròn trên không rồi bay ngược trở lại. Tung liền ba lần đều như vậy. Trương Phi bực tức quát tháo ầm ỉ. Quan Vũ cười ha hả, nói:

- Tôi chỉ cần vấy tay một cái là sợi rơm sẽ bay xa một vạn tám nghìn dặm. Rơm bay xa quá, e rằng chú Ba không nhìn thấy, lại nói là không tính. Vậy bây giờ tung một bó nghe!

Nói xong, Quan Vũ nhắc bó rơm tung mạnh ngược chiều gió, quả nhiên rơm bay xa đến mấy chục trượng. Trương Phi ngạc nhiên tròn mắt, há hốc mồm. Chàng ta xuýt xoa khen Quan Vũ:

- Anh Hai thật là sức khỏe như thần!

Lưu Bị nói:

- Chẳng phải chú Hai có thần lực gì đâu, chỉ là có suy nghĩ hơn chú mà thôi. Sau này, chúng ta đây đều phải chỉ

huy hàng ngàn, hàng vạn binh mã, nếu chỉ dùng sức lực của cơ bắp không thì không đủ, còn phải có đầu óc suy nghĩ tính toán nữa!

Trương Phi hét lên:

- Được rồi, lần đầu vừa rồi không tính, bây giờ tôi cùng anh Hai đấu trí, đại ca hãy ra đầu đề đi!

Lưu Bị sai người đưa đến một thanh đậu phụ mềm, một sợi dây thừng, một cái cân, rồi bảo:

- Ai có thể cân được thanh đậu phụ này nặng bao nhiêu thì người ấy sẽ thắng.

Trương Phi nói:

- Trương Dực Đức này là người mớ lợn bán thịt, đối với cái trò cân kéo này còn thành thạo hơn cả cầm đũa, dễ ợt, dễ ợt!

Trương Phi bèn dùng dây thừng buộc thanh đậu phụ, định treo lên để cân. Chẳng ngờ buộc đến bảy tám lần, đậu phụ bị buộc đến nát bét cả ra, không làm sao treo được lên cân để cân. Trương Phi bực bội, mồ hôi vã ra, nói:

- Hầy! Tôi cân không được, anh Hai cũng không cân được đâu. Đại ca hãy ra đầu đề khác đi!

Quan Vũ nói:

- Chớ vội, tôi có cách cân được.

Quan Vũ bèn dùng dây thừng trói một con lợn, trước tiên cân nó lên, sau đem đậu phụ ở trong chậu cho nó ăn, rồi lại cân lợn lại một lần nữa. Cân xong, Quan Vũ gấp ngón tay tính:

- Đậu phụ nặng hai cân hai lạng hai hoá.

Trương Phi hét lên:

- Đối trá, đối trá! Anh cần lợn chứ không phải cần đậu.

Quan Vũ nói:

- Lợn lúc chưa ăn đậu nặng tám mươi tám cân tám lạng, khi ăn đậu rồi nặng chín mươi một cân hai hoa, như vậy chẳng phải đậu nặng hai cân hai lạng hai hoa thì là bao nhiêu!

Lưu Bị nói:

- Chú Ba, chịu thua đi!

Trương Phi vẫn nói cứng:

- Lần này đại ca không công bằng. Anh Hai là người bán đậu phụ, cân đậu phụ tất nhiên là nghề của anh ấy, không thể tính thắng thua được!

Lưu Bị nói:

- Được rồi, lần này ra đầu đề trúng vào nghề của chú Ba.

Lưu Bị giơ tay chỉ con lợn đang bị trói nằm dưới đất, nói:

- Hai người hãy đếm lông lợn. Ai đếm vừa nhanh vừa đúng thì người ấy thắng!

Trương Phi luôn mồm kêu được, rồi túm ngay lấy đuôi lợn, bắt đầu đếm từng cái lông một. Con lợn lông rất dày, thật khó đếm. Trương Phi nằm phủ phục xuống đất, giương cặp mắt tròn xoe sát vào đuôi lợn, miệng đếm rành rọt, quyết tâm tranh tài cao thấp cùng Quan Vũ. Quan Vũ ngược lại rất điềm tĩnh, chàng lấy chân đá nhẹ vào con lợn mấy cái rồi nói:

- Tôi đếm xong rồi, con lợn này có tất cả mười ba vạn ba nghìn ba trăm ba mươi cái lông.

Trương Phi mới đếm được bốn mươi lăm cái đã thấy Quan Vũ báo số lông mình đếm được thì nhất quyết không tin. Quan Vũ nói:

- Hiền đệ không tin thì cứ đếm lại đi.

Trương Phi chớp chớp mắt nghĩ ngợi, e rằng đếm đến ba ngày ba đêm cũng khó hết được, liền lồm cồm bò dậy, nói:

- Anh Hai, lẽ nào anh lại có ba con mắt?

Lý Bội cười ha hả nói:

- Anh Hai của chú chẳng có ba con mắt đâu, chỉ là có mưu trí hơn chú đấy thôi! Đây gọi là hư hư thực thực, thực thực hư hư. Đánh nhau không ngại đối trá mà!

Trương Phi đảo mắt suy nghĩ, khi hiểu ra rồi thì chấp tay nói với Quan Vũ:

- Tam đệ tôi... bái phục, chịu thua!

LẠI LỊCH CỦA XÀ MÂU

- 1 -

Trương Phi vốn làm nghề mổ lợn, đi theo Lưu Bị đánh lấy thiên hạ, khí giới chỉ là một con dao giết lợn, về sau mới được cây xà mâu dài một trượng tám thước.

Truyền rằng sau khi Lưu Bị cùng Quan Vũ, Trương Phi kết nghĩa tại vườn đào, thì giúp triều đình đánh quân Hoàng Cân, lập được công, Lưu Bị được phong chức huyện úy huyện An Hỉ, Quan Vũ, Trương Phi hai người cùng theo Lưu Bị đi nhậm chức. Sau khi đến nhậm chức, Lưu Bị làm việc rất trung thực, liêm khiết, không hề tư hào một tí gì của dân, nên dân chúng được an cư lạc nghiệp, ai ai cũng rất yêu quý và biết ơn.

Phía ngoài thành huyện An Hỉ có một khe suối tên gọi là suối An Hỉ. Một năm, trong khe suối bỗng xuất hiện một con rắn đen, dài tới một, hai trượng, thường ra hại người. Lưỡi nó đỏ lòm, nọc độc ghê gớm, người nào bị nó cắn thì đừng nghĩ đến chuyện sống sót. Vì thế, người qua lại nơi này rất thưa thớt, dân vùng lân cận đều theo nhau chuyển đi nơi khác, làm cho dân chúng trong thành huyện An Hỉ hoang mang, sợ hãi.

Lưu Bị nghĩ: Con rắn này làm cho dân chúng sống không yên, gà chó cũng phải lao đao. Ta làm quan nơi này, đến một con rắn còn không trị được thì mặt mũi nào mà nhìn thấy

mọi người nữa. Liền cùng Quan Vũ, Trương Phi bàn bạc. Trương Phi nói:

- Việc này có gì là khó, lợn to béo mấy trăm cân tôi chỉ đâm cho một nhát dao là kết liễu tính mạng, còn con rân này, đại ca khỏi cần bắn khoãn thác mác, hãy chờ tôi đi bắt nó về là xong!

Lưu Bị, Quan Vũ nghe xong, đều cùng can ngăn:

- Tâm đệ không nên coi thường, con nghệt súc này rất lợi hại, nếu bắt không được thì coi như vứt bỏ tính mạng mình.

Trương Phi nghe nói vậy thì là lớn:

- Hai anh coi thường tôi quá lắm, tôi là người ăn cơm mà lớn lên, lại không phải là kẻ hèn nhát. Lần này tôi chỉ cần tay không cũng sẽ hàng phục được con nghệt súc đó.

Ai khuyên thế nào Trương Phi cũng không nghe. Đợi cho đến nửa đêm, khi Lưu Bị, Quan Vũ đã ngủ say, Trương Phi bèn một mình chạy đến khe suối An Hỉ.

Đến bên khe suối, Trương Phi nghe thấy tiếng nước suối réo ào ào, liền nấp sang một bên nhìn kĩ. Dưới ánh trăng mờ mờ tỏ tỏ, Trương Phi thấy trong khe suối có một bóng đen đang lật trái xiên phải, chồm lên lao xuống, giống như một cây thương dài đang múa, nhìn kĩ quả nhiên là một con rân to màu đen rất dài. Trương Phi nhìn theo rân rất chăm chú, dần đo tính toán xem làm sao có thể lựa theo thế của rân mà bắt lấy nó, vì thế cũng phỏng theo những động tác của rân. Liền lúc đó gây ra tiếng động, rân liền chúi đầu xuống, đuôi quật mạnh lên, như muốn trườn đi. Trương Phi nhanh tay nhanh mắt thuận theo bờ suối chop lấy đuôi rân lồi mạnh lên, chà! dầm quách! Con rân cũng chẳng chịu để yên, nổ phun

ra một luồng gió, ngóc nửa thân trước lên, quay đầu há miệng, thè cái lưỡi đỏ lòm lao về phía Trương Phi. Trương Phi tuy là người thô lỗ nhưng cũng có mưu mẹo, liền nghiêng người, tránh đầu rắn, xiết chặt lấy đuôi nó, ra sức giật mạnh. Phàm là rắn thì xương sống rất lỏng lẻo, nếu bị người ta giật mạnh thì sẽ rời ra ngay. Trương Phi chính là đã dùng ngón đòn này, làm cho rắn ta hết cách. Sau đó, Trương Phi còn nắm đuôi rắn kéo chạy quanh bờ suối đến nửa giờ, làm cho rắn chỉ còn thoi thóp. Lúc này, Trương Phi mới giờ lên, thuận tay vượt-vượt, a! Làm sao lại rắn càng càng thế này? Mà cũng nhanh như vậy chứ? Trương Phi cũng chẳng kịp nhìn cho kĩ, vội nắm lấy nó, múa như múa một ngọn thương. Dưới ánh trăng, chỉ thấy nó tỏa ra ánh sáng lấp lánh như bạc, gió mưa không thể thấu qua được. Trương Phi càng múa càng hăng.

Lưu Bị, Quan Vũ chợt tỉnh ngủ, không thấy Trương Phi đâu, đoán chắc là chàng ta đã chạy đến suối An Hỉ để bắt rắn rồi, vội vàng đuổi theo. Từ xa đã nhìn thấy Trương Phi đang cầm một cây mâu dài, một mình múa may chém giết, ánh mâu bạc lấp loáng như hoa lê bay tả tơi, như gió thổi chóp giạt. Hai người bất giác luôn mồm khen ngợi. Trương Phi thấy Lưu Bị, Quan Vũ đến, vội ngừng múa võ, chạy đến cho hai người xem con rắn mà chàng ta bắt được. Hai người xem kĩ, bất chợt kêu lên ngạc nhiên. Hóa ra con rắn ấy đã biến thành một cây mâu dài tới một trượng tám thước, sắc nhọn vô cùng, uốn lượn chẳng khác gì lưỡi rắn.

Dân chúng nghe nói, Trương Phi đã giết được rắn độc, lại được mâu dài, liền gõ chiêng đánh trống mang đến tặng Trương Phi một tấm biển, trên viết hàng chữ: "Vĩ trâm họ trư hại, được trượng tám xà mâu".

Sau khi Lưu, Quan, Trương kết nghĩa vườn đào, Trương Phi nóng lòng muốn đánh địch, liền đòi tay thợ sắt Thang Hâm ngày đêm rèn cho mình một thứ binh khí thật vừa ý.

Thang Hâm là một tay thợ rèn binh khí lão luyện. Anh ta hỏi Trương Phi rằng trong mười tám loại binh khí, anh thích loại nào?(1) Trương Phi xuất thân mổ lợn, dùng dao giết lợn, búa chặt xương quen tay, nhưng lại cảm thấy hai thứ khí giới của nhà mình này không thể sánh với tám thân võ nghệ của mình được, bèn bảo với Thang Hâm rằng:

- Dao, thương, kiếm, kích, búa, chùy, gậy, côn... ta đều không thích, anh hãy làm cho ta một thứ binh khí mới, trên thế gian này chưa từng có.

Mười tám thứ binh khí trên đời này là từ bao đời nay truyền lại, bây giờ làm một thứ mới, chẳng khó lắm thay! Thang Hâm biết Trương Phi tính tình nóng nảy, anh ta nói một thì người khác dùng hòng nói hai, nhưng lại không dám từ chối Trương Phi, đành nói bán tin qua quân lính của Trương Phi rằng:

- Chúng tôi rèn sắt, chỉ biết nhìn bầu mà vẽ muối, anh muốn thứ binh khí mới thì phải nói hình dạng của nó ra mới làm được.

Trương Phi lúng túng, nhưng lại không chịu lùi, lớn tiếng quát:

- Hãy cứ luyện sắt đi, trước tiên hãy luyện thanh sắt thật lớn rồi sẽ tính!

(1) Mười tám loại binh khí là: Thương, kích, côn, việt, tra, nhuệ, móc câu, giáo dài, vòng, đao, kiếm, gậy, riêu, roi, giản, chùy, bổng, chày - ND.

Thang Hâm liền tay búa tay kim, từ chập tối đến sáng bạch, rèn một cây gậy hỗn thiên dài một trượng tám thước, to bằng cánh tay, đưa đến trước mặt. Trương Phi, nói:

- Sắt đã luyện xong, chỉ cần xem xem đã đủ nặng chưa? Nhưng đây chỉ là cây gậy sắt chứ chưa phải là binh khí. Chẳng biết hình dạng thứ binh khí mà anh muốn, anh đã nghĩ ra chưa?

Trương Phi thức trắng một đêm, thiếu chút nữa thì bóp nát cả đầu, mà vẫn chưa nghĩ ra được một thứ binh khí mới. Giờ đây bị Thang Hâm hỏi, Trương Phi biết rõ là làm khó cho mình, nhưng cũng không tiện nóng giận, bởi vì cái khó này là do chính mình đẻ ra. Trương Phi ngược mắt nhìn trời, muốn tìm cách trị lại Thang Hâm. Bỗng thấy có một con rắn đen lớn từ trên nóc nhà trườn xuống, ngoằn ngoèo uốn lượn, miệng thè ra cái lưỡi dài nhọn, trông thật đáng sợ. Trương Phi nhanh trí, chỉ con rắn đen nói với Thang Hâm:

- Anh cứ theo hình dạng con rắn kia mà làm binh khí cho ta. Chỉ cần hình dạng của nó cũng đủ để dọa chết đối phương rồi, thật là một thứ binh khí trên đời này chưa từng có!

Thang Hâm không nhận lời. Anh ta không có cách nào rèn cây gậy sắt vừa to vừa dài thành hình dạng uốn lượn như vậy được. Trương Phi tức giận, cầm cây gậy phóng ra sườn núi phía sau nhà. Chỉ thấy núi rung đất chuyển, cát bay đá chạy, đồng thời cây gậy sắt bị oằn lại, thật giống con rắn đen to thè cái lưỡi dài nhọn vừa rồi. Trương Phi sợ quá, luôn mồm kêu:

- Mâu tốt, xà mâu tốt! Mười tám thứ binh khí, có cái nào sánh được với xà mâu dài một trượng tám này của ta!

Về sau, Trương Phi dùng thanh xà mâu này tung hoành khắp thiên hạ, tỏ rõ uy lực thần kì.

QUAN CÔNG VÀ CHU THƯƠNG

QUAN CÔNG VẮC ĐẠI ĐAO

Võ nghệ của Chu Thương không kém gì Quan Công, chỉ tiếc là ít mưu kế nên mới bị thua về tay Quan Công, phải làm tùy tùng cho ông ta. Chu Thương luôn phải đứng đằng sau Quan Công, vác đại đao cho ông ta, trong bụng cũng có chút không thoải mái. Một hôm, Quan Công thống lãnh quân mã xuất chinh, đường đi phải qua Chu Gia Loan làng cũ của Chu Thương. Chu Thương nghĩ: Ba con làng xóm nhi đồng phụ lão quê ta đều nói Chu Thương ta có tài làm đại tướng, hôm nay thật may mắn họ được thấy Chu đại nhân theo sau dít ngựa, vác đại đao cho người khác, thật chẳng còn mặt mũi nào nữa, nhục đến cả tổ tông. Chu Thương càng nghĩ càng thấy sốt ruột, bất giác bộp trán, nảy ra được một mẹo hay. Đang đi, Chu Thương đột nhiên kêu lên một tiếng: "Ồi chao ôi!", đánh rơi đại đao, hai tay ôm bụng, ngồi giữa đường rên hừ hừ. Quan Công nhìn thấy vậy, vội vàng xuống ngựa, hỏi bị làm sao? Chu Thương đáp:

- Bị đau bụng. Cũng không hề gì, chỉ cần nghỉ độ một giờ là sẽ khỏi thôi!

Việc quân cấp như lửa, đâu có dễ dàng cho anh ta nghỉ ngơi một giờ được cơ chứ? Hơn nữa, anh ta lại ngồi chán giữa

đường, binh mã phía sau cũng khó mà tiến lên được! Quan Công nghĩ một lát rồi nói:

- Đã như thế này thì nhà ngươi hãy cưỡi con ngựa của ta đi! Tạm nghỉ ngơi trên lưng ngựa vậy.

Nói rồi lập tức đỡ Chu Thương lên ngựa, còn mình tự vác đại đao đi theo đằng sau mông ngựa.

Chẳng mấy chốc, đoàn binh mã đã đi tới Chu Gia Loan, làng của Chu Thương. Chu Thương đang nằm sấp trên lưng ngựa bỗng nhiên ngồi thẳng dậy, uốn ngực, ngẩng cao đầu, làm ra dáng rất oai phong lẫm liệt. Người làng đứng xem hai bên đường đều hoan hỉ, khen ngợi Chu Thương:

- Chu Thương quả nhiên hiển đạt, làm đến đại tướng quân, đi sau ngựa còn có người mặt đỏ râu dài vác đao cho anh ta nữa!

QUAN CÔNG ĐỔI ĐAO

Đao thanh long yển nguyệt, trên đời vốn có hai thanh: một thanh của Quan Công và một thanh của Chu Thương. Chẳng ngờ thanh của Quan Công bị hỏng khi Tào Tháo tặng áo bào cho, Quan Công liền theo hình dạng mà làm một thanh đao mới bằng thép. Nhưng đao thép sử dụng không tốt bằng đao thanh long yển nguyệt, thế là Quan Công suốt ngày chỉ để ý đến thanh đao của Chu Thương.

Một lần, tuyết rơi suốt một đêm, hơi lạnh thấu xương. Quan Công chợt nghĩ ra là mỗi buổi sáng sớm, Chu Thương

đều đến chỗ vùng nước sâu ở sông Thúy Hoa để rửa đao. Chau mày nghĩ ngợi một lát, Quan Công nảy ra được một kế. Trời vừa sáng, Quan Công bèn gọi Chu Thương, nói:

- Hôm nay trời rét quá, hai chúng ta đi luyện đao cho ấm người.

Chu Thương đồng ý. Hai người vác đao, lên ngựa đến trường luyện quân. Luyện được một giờ, Quan Công dừng lại, nói:

- Đi, về dinh ăn cơm đi!

Chu Thương ngần ngừ đáp:

- Tướng quân hãy cứ về trước, tôi còn muốn tắm cho đao một cái đã.

Quan Công cố làm ra vẻ ngạc nhiên, hỏi:

- Sao, đao còn phải tắm à?

Chu Thương khúm núm thực thà nói:

- Chẳng lẽ tướng quân còn chưa biết? Đao này là do rồng xanh biến thành, mỗi ngày đều phải tắm!

Quan Công nghe xong, nói:

- Ồ, hóa ra là như vậy. Thế thì, đao này của ta cũng là do rồng xanh biến thành, ngươi hãy đem nó đi tắm với nhé!

Nói xong, trao đao cho Chu Thương, một mình đi về trước.

Chu Thương đến bên sông Thúy Hoa, đem hai thanh đao thả xuống vùng nước sâu, chỉ thấy thanh đao của Quan Công chẳng hề bơi lượn, cứ một mạch chìm xuống đáy vùng nước, còn thanh của mình thì vẫn như thường ngày bơi lượn, chao liêng. Chu Thương hoảng sợ, vội vớt thanh đao của mình lên, rồi đi gặp Quan Công. Chu Thương ấp úng nói với Quan Công:

- Tướng quân, đao của ngài... chìm xuống... đáy vùng nước rồi.

Quan Công nghe nói vậy cũng chẳng tức giận, giả vờ không hiểu, hỏi lại Chu Thương:

- Sao dao của người không chìm, mà dao của ta lại chìm?

Chu Thương không biết nói gì hơn, lại thấy Quan Công cứ lững thững đi đi lại lại, than thở:

- Ta làm đại tướng quân, không có binh khí, làm sao ra trận giết giặc được đây?

Chu Thương không biết là mình bị lừa, còn tự cho rằng mình có lỗi, bèn nói:

- Nếu tướng quân không chê, tôi xin tặng tướng quân thanh dao này của tôi.

Quan Công không mong gì hơn thế, nhưng lại còn vờ chối từ:

- Như vậy sao được? Người tặng cho ta, thế còn người thì sao?

- Tôi lại nghĩ cách vậy!

Quan Công chỉ đợi có câu này. Từ đó, Quan Công lại dùng dao thanh long yển nguyệt.

NHỚ LÒNG CHÂN

Tương truyền ngựa xích thố của Quan Công ngày đi được ngàn dặm, đêm đi được tám trăm dặm. Chu Thương vác dao thanh long yển nguyệt đi bộ liền kề, chưa có lúc nào bị tụt lại đằng sau lấy một bước. Vì sao vậy? Vốn là ở lòng bàn chân của Chu Thương mỗi bên đều có ba sợi lông tơ, khi đi đường,

Chu Thương chỉ cần vận thần lực, những sợi lông đó liền nhất tề mở ra, lập tức hai chân sinh ra gió, vì vậy đi nhanh không hề kém ngựa xích thố.

Một đêm, Quan Công phụng mệnh dẫn một toán người ngựa đi phục kích quân Tào. Vì thời gian rất gấp, đường lại xa, Quan Công liền quát ngựa xích thố phi nhanh như bay, thôi thúc binh mã đi đường. Chu Thương cũng vận thần lực, đuổi theo nhanh như gió. Lúc này, ánh trăng chiếu xuống đoàn người ngựa tạo thành một dãy những cái bóng dài dài, Quan Công chợt nhìn, thấy bóng Chu Thương cao lớn vác đao bổ về phía mình, đại đao sắp chạm vào cổ. Quan Công giật bắn mình, quay đầu nhìn lại, thấy Chu Thương vẫn đang cần mẫn vác đao đi phía sau, lúc ấy mới biết là mình sợ bóng sợ gió. Hóa ra là ánh trăng chiếu xiên từ phía sau đoàn quân lại, khiến cho bóng của mọi người chồng lên nhau, ngồi trên lưng ngựa mà nhìn thì thật giống Chu Thương đang cầm đao giết Quan Công. Dù vậy, Quan Công vẫn còn có chút nghi ngại, thầm nghĩ: Chu Thương vốn xuất thân giặc cỏ, lòng người khó lường, ta phải phòng bị mới được. Quan Công liền hỏi Chu Thương:

- Nghe nói nhà ngươi trong lòng bàn chân có lông, không biết có đúng không?

Chu Thương giờ bàn chân lên, quả không sai, ở lòng bàn chân có ba sợi lông đỏ, trong bóng tối còn phảng phất phát ra ánh sáng. Quan Công nói:

- Có mấy sợi lông này, khi đi lại thật vững vủ, chẳng bằng nhổ quách đi một sợi.

Chu Thương vốn là người thật thà, nghe Quan Công nói như vậy thì liền nhổ đi một sợi lông. Ai ngờ nhổ xong thì đuổi không kịp ngựa xích thố của Quan Công nữa. Mặc dù

Chu Thương cố sức như thế nào thì giữa hai người vẫn luôn có một khoảng cách. Lúc này, Chu Thương mới biết mình bị lừa, nhưng hối hận thì cũng đã muộn.

CHU THƯƠNG ĐI ĐƯỜNG TẮT

Mọi người vì muốn tiện gần nên thường thích đi đường tắt. Nghe nói Chu Thương chính là người giỏi đi đường tắt nhất.

Sau khi Quan Công dùng mẹo lừa nhử được lòng ở chân Chu Thương thì Chu Thương không còn chạy nhanh được nữa. Mỗi lần hành quân đánh trận, Chu Thương thường bị tụt lại phía sau ngựa Quan Công một đoạn khá xa, vì vậy mà lỡ không ít thời cơ chiến đấu. Quan Công hiểu rõ sự việc này là do mình gây ra nên cũng không tiện trách mắng Chu Thương.

Một lần, quân Tào đến đánh Kinh Châu, Quan Công nhảy lên ngựa xích thố, dẫn quân đi chống cự. Thấy quân mã của Tào Tháo đông nghịt, Chu Thương cũng sốt ruột. Anh ta ra sức chạy theo ngựa của Quan Công, nhưng mà hai chân thì chạy nhanh sao bằng bốn chân, Chu Thương chạy đến nổi lưng dầm mồ hôi, miệng thở phì phò mà vẫn tụt lại phía sau ngựa Quan Công mỗi lúc một xa. Chu Thương tính hay hấp tấp, hề hoảng sợ là chân bước không được vững, liền ngã nhào xuống ruộng, lăn đi một quãng khá xa. Chu Thương vội vàng bò dậy, ngó lên phía trước: Tuyệt lắm! Ngã cái này tính ra tiến gần tới ngựa xích thố được hơn một chút đấy! Lúc này, quân Tào đã ủa lên như nước lũ. Quan Công dừng ngựa, quay lại hét lớn:

- Chư Thương! mang dao lại đây.

Chu Thương không kịp chạy lên đường cái, bèn chạy xiên chéo qua ruộng mang đại dao tới cho Quan Công. Quan Công trên lưng ngựa phấn chấn tinh thần, tỏ rõ oai phong, xông vào đám quân địch, đánh cho quân Tào đầu rơi máu chảy, giáp trụ rơi bời.

Quan Công thắng trận, bèn triệu tập tướng sĩ mở tiệc mừng công. Giữa tiệc, Quan Công hỏi Chu Thương:

- Lần này đánh lui quân Tào, may có nhà ngươi theo sát sau ta, đưa đại dao cho ta rất kịp thời, ta sẽ tâu lại với anh ta công của nhà ngươi. Ngươi làm thế nào mà được nhanh như vậy, hay lông chân của nhà ngươi lại mọc dài ra rồi phải không?

Chu Thương vội đáp:

- Không phải đâu, lần này là do tôi chạy tắt qua ruộng đấy mà!

- Chạy như thế nào?

Chu Thương nhất thời không trả lời được, mọi người cũng không hiểu rõ. Quan Công cười, lấy cây cung vẫn đeo bên mình xuống, giơ lên, nói với mọi người:

- Các người hãy xem tạm cây cung này, hai bên ví với hai con đường, ta cưỡi ngựa đi ở chỗ cong của cung, Chu Thương đi qua ruộng ở đây cũng, cho nên anh ta đỡ phải đi một đoạn đường vòng xa...

Mọi người bấy giờ mới rõ, Chu Thương vì chạy đường tắt mà đã lập được công.

LƯU BỊ BIẾT MÃ LƯƠNG

Ở Nghi Thành có cậu bé tên gọi Mã Lương, từ nhỏ đã chăn ngựa cho Lưu Bị. Con ngựa mà Lưu Bị cưỡi là ngựa "dịch lưu", đó là một con thiên lý mã, trên lưng nó còn đóng một bộ yên rất đẹp. Bộ yên này do một người thợ tài ba làm ra. Tục ngữ nói thật đúng: Người đẹp vì lụa, ngựa đẹp nhờ yên. Ngựa dịch lưu khoác bộ yên đẹp trông lại càng hùng dũng.

Năm ấy, khi đông tàn xuân đến, đầy núi khắp đồng là một màu xanh non mơn mẩn của cỏ, vậy mà ngựa dịch lưu vẫn phải vục đầu vào máng ăn cỏ khô để qua mùa đông, thật chẳng dễ chịu chút nào. Người ta thường nói, ngựa được ăn cỏ non sẽ phấn chấn tinh thần, vậy phải để nó đi "rửa ruột" cho khuấy khuấy. Lưu Bị nghĩ vậy, bèn sai Mã Lương đi thả ngựa. Mã Lương được vậy thì vui sướng quá, nhảy phốc lên mình ngựa, quất roi nghênh ngang mà đi. Mã Lương vốn là đứa trẻ chân trâu, từ trước đến giờ quen ngồi lưng trâu, không quen ngồi yên ngựa, cho nên khi Mã Lương cưỡi ngựa chạy một mạch từ Tương Dương đến Cốc Thành Ngũ Sơn thì móng đã bị yên chà sát đến bị thương. Mã Lương chê cái yên này quá bất tiện, bèn cởi tuột ra, treo lên cổ ngựa. Quả nhiên, sau khi cởi yên ra, Mã Lương cưỡi ngựa cảm thấy thoải mái hơn nhiều, bèn để ngựa chạy miết, đến lúc nghỉ giữa đường mới phát hiện ra yên ngựa không còn nữa. Rất cục, yên rơi ở đoạn nào cũng chẳng biết, Mã Lương đành quay ngựa, lần theo đường cũ để tìm. Cứ tìm mãi, cả một vùng rộng mênh

mông thế, tìm sao cho thấy? Về sau này mới biết, sau khi cái yên đó rơi xuống đất thì liền biến thành một quả núi, đó là núi Mã Yên.

Mã Lương không tìm thấy yên ngựa thì lòng nặng trĩu lo âu. Chẳng mấy chốc, trời sắp tối, Mã Lương đành tìm đến thị trấn nhỏ cạnh đấy ngủ qua đêm, đến sáng mai sẽ lại đi tìm. Ông chủ quán tên gọi Hướng Lãng, thấy Mã Lương dắt con ngựa không có yên, trông bộ điệu tả tơi bơ phờ, có vẻ gặp phải chuyện không vui, liền hỏi vì sao. Mã Lương lần lượt kể lại. Ông ta an ủi Mã Lương:

- Đừng buồn, cứ yên tâm nghỉ qua đêm đi. Đêm nay ta sẽ làm cho cháu một cái yên hết như cái yên cũ, đảm bảo không ai nhận ra được.

Hướng Lãng là một tay thợ tài ba, ông đã thức suốt đêm làm cho Mã Lương một cái yên giống hệt cái yên bị mất. Mã Lương xem đi xem lại mấy lần mà vẫn không thể tìm ra điểm nào khác lạ. Mã Lương nhận yên, vô cùng cảm động, cưỡi ngựa trở về dinh. Sau này, quán mà Mã Lương nghỉ qua đêm hôm ấy liền có tên là quán Yết Mã (quán dừng ngựa).

Lại nói Lưu Bị ở dinh, hôm ấy vừa vặn nhận được thiệp của Lưu Biểu mời đi dự tiệc, vội kêu Mã Lương chuẩn bị ngựa, lúc đó mới biết Mã Lương rong ngựa đi qua một đêm vẫn chưa về. Lưu Bị vừa bực vừa lo, chỉ hận không bắt ngay được Mã Lương về đánh cho hán hai mươi roi, bèn sai người đi tìm khắp nơi. Đang trong lúc vô cùng bực bội căng thẳng thì Mã Lương trở về. Lưu Bị thấy cả người lẫn ngựa đều bình an thì cũng nguôi giận, không trách mắng gì Mã Lương nữa, bèn cưỡi ngựa đi dự tiệc.

Sau khi dự tiệc về, Lưu Bị ôn tồn hỏi Mã Lương rằng đã xảy ra việc gì. Mã Lương bèn kể hết. Lưu Bị nghe xong vẫn

còn chưa tin hẳn, bèn lấy yên ngựa ra xem xét kĩ mấy lượt, lúc bấy giờ mới thấy đúng là không phải yên cũ. Lưu Bị cảm khái vô cùng, nghĩ bụng: Một cái yên ngựa đã theo ta chinh chiến bắc nam bao nhiêu năm, ta vẫn cho là ta đã biết nó rõ lắm rồi, ai ngờ ngày hôm nay ta vẫn bị đánh tráo mà không biết, còn nói gì đến chuyện hiểu biết con người. Hãy khoan nói việc Bá Nhạc xem ngựa, nói thì dễ mà làm mới khó. Chẳng thấy cậu bé Mã Lương này thật sự là một chú ngựa non rất tốt đấy ư! Thứ nhất, cậu ta là một người kiên trì, chưa tìm được yên thì chưa chịu thôi; thứ hai, cậu ta làm việc cần mẫn, nghiêm túc, mắc sai sót thì sửa chữa; thứ ba, cậu ta là một người thẳng thắn, chân thực, thà chịu phạt chứ không dối trá, quả là hiếm có. Thế là Lưu Bị liền giao Mã Lương cho quân sư Gia Cát Lượng và dặn dò Gia Cát Lượng cử người dạy Mã Lương võ nghệ, truyền thụ các phép dùng binh.

Quả nhiên Mã Lương không phụ lòng mong đợi của Lưu Bị. Về sau này, Mã Lương đã lập được nhiều công lao, trở thành danh tướng của nhà Thục Hán.

VÌ SAO NGƯỜI LÀM BÁNH NƯỚNG LẠI GỖ BÀN

Vì để chào mời khách, người làm bánh nướng trên đường phố ở Tương Dương thường luôn gõ vào bàn cóc cóc. Phong tục này tương truyền là có từ thời Lưu Bị.

Hôm ấy Lưu Bị đang dự tiệc ở trong thành Tương Dương, nghe báo Sái Mao nắm quyền muốn giết mình, vô cùng kinh hoảng, liền cưỡi ngựa chạy trốn. Sau khi chạy được mấy dặm thì gặp phải khe Dân Khê nước sâu mà rộng chặn ngang đường, không có lối chạy nữa. May mà hôm ấy Lưu Bị cưỡi ngựa đích lư, ngựa nhảy một bước được ba trượng, vượt qua khe Dân Khê, nên đã thoát nạn. Sau khi vượt qua được khe suối, Lưu Bị tinh thần vẫn còn hoang mang chưa định, chỉ nghĩ đến việc thoát thân, liền cứ chạy phứa về phía Nam Chương. Đến lúc trời tối thì gặp một mục đồng của nhà Thủy Kính tiên sinh, mục đồng liền dẫn Lưu Bị đến nhà. Hóa ra là Thủy Kính tiên sinh đã biết trước là Lưu Bị sẽ qua đây, liền sai mục đồng đi đón.

Lúc này, Thủy Kính tiên sinh đã ăn xong cơm tối, đang đợi Lưu Bị. Ông thấy Lưu Bị đến thì ra đón vào nhà mời ngồi. Hai người tuy mới gặp nhau mà đã như thân thiết từ lâu, bèn cùng bàn luận những chuyện Tam Hoàng, Ngũ Đế. Hết bàn đến chuyện ai là người có tài, lại nói đến chuyện làm

sao để yên thiên hạ, hai người nói mãi mà không biết chán, càng nói chuyện càng phấn chấn. Bỗng nghe thấy tiếng gà gáy, mới biết đêm đã đến canh ba, Thủy Kính tiên sinh bèn thu xếp cho Lưu Bị nghỉ lại.

Mãi mê nói chuyện, Thủy Kính tiên sinh quên mất việc chuẩn bị cơm nước cho Lưu Bị. Còn Lưu Bị chỉ lo chạy thoát thân nên từ trưa tới giờ cũng chưa có hạt cơm nào vào bụng, lại thêm nỗi dọc đường luôn hoang mang lo sợ, vì vậy bụng đói cồn cào. Khi thực Lưu Bị chỉ cần kêu đói một tiếng thì có đâu Thủy Kính tiên sinh lại không đem rượu thịt ra tiếp đãi? Lưu Bị mấy lần chực nói lại thôi. Vì sao vậy? Lưu Bị nghĩ mình sau này sẽ làm vua một triều, nếu như hôm nay hé răng xin ăn, há ngày sau chẳng bị người ta cười chê hay sao? Thế là mặc cho bụng đói réo gào, Lưu Bị vẫn cứ thản nhiên như không có chuyện gì. Thật đúng là cơm thì thừa mà người chịu nhịn đói! Nhưng cũng không ổn, "người là sắt, cơm là thép", đói thì bụng chẳng thể yên, Lưu Bị nằm trên giường, cứ lăn qua lăn lại, mãi mà không ngủ được. Cho đến canh tư, mũi bỗng ngửi thấy mùi thơm, Lưu Bị bất giác chảy nước miếng, quả thực là không thể chịu nổi nữa, liền đánh thức mục đồng dậy, hỏi:

- Nay, mùi thơm ở đâu bay đến vậy?

Mục đồng thưa:

- Đó là hiệu bánh nướng dậy sớm làm bánh.

Lưu Bị nghe xong, muốn thò ngay tay ra mà kiểm lấy một cái bánh ăn, liền khoác áo trở dậy. Mục đồng hỏi Lưu Bị làm gì, Lưu Bị bèn nói là muốn đi ngoài, rồi nhẹ nhàng ra cửa, nhưng lại vấp phải khó khăn là bốn bề tối đen như mực, biết

hiệu bánh nướng ở đâu bây giờ? Muốn trở lại hỏi mục đồng một tiếng, nhưng lại ngại lộ chuyện, đành cử mò mẫm mà đi.

Lưu Bị mò mẫm đi về phía đông, không thấy, lại sờ soạn đi về phía tây, cũng không thấy, đi quanh quẩn mấy vòng mà vẫn không tìm thấy hiệu bánh nướng. Không tìm được cái ăn đã dành, lại còn mệt đến đứt cả hơi nữa. Lưu Bị lần đến một góc tường, ngồi xuống đó nghỉ, nghĩ đến tình cảnh đáng thương của mình lúc ấy, bèn ngửa mặt than thở. Chẳng ngờ vừa ngẩng đầu lên liền nhìn thấy một đốm sáng, Lưu Bị bèn gượng hết sức mình, lần theo đốm sáng kia mà đi. Hóa ra đốm sáng ấy chính là ánh đèn nhựa thông của hiệu bánh nướng kia!

Lưu Bị chẳng cần đắn đo, mua liền mấy cái bánh ăn ngấu nghiến. Ăn bánh, uống nước xong, lấy lại được tinh thần, Lưu Bị thờ dài một tiếng, nói với chủ hiệu bánh:

- Nếu như ông gõ bàn, có tiếng động, thì tôi đã không bị dơi như vừa rồi!

Chủ hiệu nghe cũng cảm thấy có lí.

Về sau, chủ hiệu bánh nướng biết người nửa đêm hôm ấy mua bánh chính là Lưu Bị. Đến khi Lưu Bị lên ngôi vua ở Tây Thục, ông ta liền khoe là mình có quan hệ dây mơ rễ má với đế vương, rồi theo lời Lưu Bị nói ngày trước, khi làm bánh thuận tay gõ gõ vào bàn. Tập quán này truyền hết đời này qua đời khác cho đến tận ngày nay.

TỪ THỨ TÌM CHỦ

Tương truyền Từ Thứ là học trò của Thủy Kính tiên sinh, theo học tại gia trang của Thủy Kính cũng đã nhiều năm. Thủy Kính tiên sinh thấy Từ Thứ thiên tính thông minh, tài hoa hơn người, bèn bảo ông hãy sớm ra ngoài đời tìm mình chủ, ngộ hầu mau chóng làm nên sự nghiệp lớn.

Trước khi Từ Thứ ra đi, Thủy Kính tiên sinh đích thân dặn dò ông:

- Người đến nơi nào mà trời không mưa, nhưng dưới mái hiên nhà lại nhỏ nước, gặp người nào lưu ly tha hương, huyền chuyển tứ phương⁽¹⁾, đức bố thiên hạ (trời nổi tha hương, lan rộng bốn phương, đức trùm thiên hạ), thì người ấy chính là bạc mình chủ mà người đang cần tìm. Hãy ghi nhớ lấy!

Từ Thứ rời gia trang của Thủy Kính, đi nát mấy chục đôi dép cỏ mà vẫn chưa thấy nơi nào trời không mưa nhưng dưới mái hiên nhà lại nhỏ nước. Một đêm, Từ Thứ đến vùng ngoại thành Tân Dã, bỗng dưng trời đổ mưa to, đành phải dừng chân trú trong một ngôi miếu đồ nát. Ngủ một giấc tỉnh dậy, ngừng đầu lên nhìn thì thấy trời đã sáng từ bao giờ, mặt trời

(1) Thực ra chữ [huyền] ở câu này trong nguyên bản chữ Hán là chữ [triền] (tuyền). Âm Bắc Kinh của hai chữ [huyền] và [triền] này đều là [xuán]. Ở đây muốn nói đến họ tên của Lưu Bị là Lưu Huyền Đức do ba chữ đầu của ba câu ghép lại nên khi dịch, chúng tôi phiên chữ [xuán] âm Hán Việt là [triền] thành chữ [xuán] với âm Hán Việt là [huyền] cho phù hợp - ND.

dỏ lên cao chiếu rọi trước cửa miếu, lại nhìn thấy dưới mái hiên của ngôi miếu đồ nát này còn đang nhỏ nước, trong đầu Từ Thứ chợt nảy ra ý nghĩ băn khoăn: Vị tất đã có thể gặp được mình chủ ở chỗ này? Dù sao thì cũng cứ ở lại đây thêm vài hôm nữa xem.

Đã hai ngày trôi qua mà Từ Thứ vẫn chưa nhìn thấy bóng dáng một người nào. Sốt ruột, bụng đói, toàn thân mệt rã rời, Từ Thứ chán nản tựa mình vào cửa miếu ngủ thiếp đi. Bỗng nhiên có một trận gió thổi tới, "rầm" một tiếng, cửa miếu mở toang ra. Từ Thứ giật mình tỉnh dậy, đã thấy trên mình có đắp một chiếc áo dài. Từ Thứ nhìn quanh bốn phía, chẳng thấy một người nào, ngỡ rằng mình đang nằm mơ, lại từ từ ngủ thiếp đi. Được một lát, mặt trời chiếu rọi khiến toàn thân Từ Thứ nóng rang. Khi tỉnh dậy, Từ Thứ cảm thấy cổ họng khô cháy, muốn uống nước, vừa mới trở mình định dậy, bỗng nhìn thấy bên cạnh có đặt một vò nước bằng sành. Từ Thứ trong bụng vừa mừng vừa lạ, vội quay đầu nhìn quanh bốn bề, vẫn không thấy ai cả. "Thôi, chẳng phải là mình chủ đã ở bên cạnh nên mới có sự việc kỳ lạ hiếm thấy này sao?" Từ Thứ nghĩ đến đó, liền cố ý tựa vào cửa miếu, nhắm mắt, giả vờ ngủ. Trong chốc lát, Từ Thứ hé mắt nhìn, thấy một người tay xách một cái làn, rón rén đi đến chỗ mình. Tới trước mặt Từ Thứ, người kia liền lấy cơm từ trong làn ra, sau khi đặt bên cạnh Từ Thứ, lại lặng lẽ quay mình mà đi. Từ Thứ mở mắt, vội vàng kéo người ấy lại, nhìn kĩ từ đầu đến chân, thấy người ấy hai tay dài quá gối, hai tai rủ tới vai, trán rộng, mặt tròn, thật là có tướng quý nhân. Lúc này, Từ Thứ trong bụng đã có chủ ý, bèn lại hỏi đến việc đắp áo và mang nước vừa rồi. Người kia cười mà nói:

- Tôi đi tìm người hiền tài, qua trước miếu, thấy tiên sinh tựa cửa miếu mà ngủ, sợ rằng thân thể bị nhiễm lạnh, cổ họng khát, bụng đói, nên đã đắp áo, mang nước và đồ ăn đến cho tiên sinh.

Từ Thứ nghe xong rất cảm động, liền cùng với người ấy chuyện trò rất thân mật.

Hai người bàn luận từ thiên văn tới địa lí, từ việc lớn trong thiên hạ đến binh pháp quốc sách, không có cái gì là không ăn ý. Nhưng nói chuyện tới hàng nửa ngày rồi mà vẫn chưa biết tên họ của nhau là gì. Từ Thứ bất chợt ngừng lời, kính cẩn hỏi quý tính cao danh của người kia. Người này nói họ Lưu tên Bị, tự Huyền Đức. Từ Thứ nghe xong, nhớ tới lời dặn của thầy mình bảo tự đi tìm một minh chủ "lưu li tha hương, huyền chuyển tứ phương, đức bố thiên hạ". Nhưng chữ đầu "lưu", "huyền", "đức" của ba câu này chẳng phải chính hợp với họ tên Lưu Huyền Đức của người này là gì! Từ Thứ chợt vỡ lẽ, liền nói họ tên của mình, đồng thời tỏ ý muốn đi theo giúp Lưu Bị. Trong lúc chuyện trò đàm đạo vừa rồi, Lưu Bị đã thấy Từ Thứ là một người có tài năng lớn và học vấn uyên bác, lại biết Từ Thứ chính là học trò giỏi của Thủy Kính tiên sinh, thì hết sức vui mừng; liền mời Từ Thứ cùng đi Tân Dã và phong làm quân sư.

QUAN VŨ DƯỚI TRĂNG CHÉM ĐIỀU THIÊN

Truyền rằng sau khi Lữ Bố bị Tào Tháo bắt thất cố chết, người thiếp yêu của Lữ Bố là Điều Thiên cũng bị Quan Vũ giết. Vì sao Quan Vũ lại giết Điều Thiên, và giết như thế nào?

Sau khi Lưu Bị được Điều Thiên, thấy nàng quả thực đẹp như hoa, như ngọc, thiên hạ không người nào sánh được, liền muốn lấy nàng làm thiếp. Trương Phi ở bên cạnh cũng động lòng yêu, mắt luôn liếc theo Điều Thiên. Quan Vũ nhìn thấy hết, bèn cố ý trêu chọc Trương Phi:

- Tam đệ cũng mến Điều Thiên chăng?

Trương Phi đỏ bừng mặt mũi, vội vàng nói lấp đi:

- Tôi thấy Điều Thiên đẹp như vậy, sánh với đại ca mới thực là xứng đôi vừa lứa.

Điều này thực hợp ý Lưu Bị, nhưng Lưu Bị lại ngại mở miệng nhận lời. Lưu Bị nghĩ bụng, Quan Vũ cả đời không mê nữ sắc, thật chẳng khác gì tặng một tình nhân hữu danh vô thực, thử giả vờ nhường cho hắn, liền nói với Trương Phi:

- Tôi thì đã có hai chị của chú rồi, làm sao có thể lấy vợ nữa. Anh Hai của chú còn chưa có vợ, nên nhường cho anh Hai của chú!



Quan Vũ quả nhiên giãy nảy lên như bị lửa đốt, vội vàng nói:

- Không thể được, không thể được, ngàn lần không thể được.

Lưu Bị lại giả vờ khiêm nhường, muốn cho Trương Phi. Trương Phi thấy Quan Vũ nghiêm khắc cự tuyệt thì bụng muốn nhưng lại không dám nhận, đành lại cứ úp úp mở mở nói hùn cho Lưu Bị. Quan Vũ nhìn thấu tâm tư hai người, thầm nghĩ, Đồng Trác, Lữ Bố đều vì quá say mê Diêu Thiển mà mất cả cơ nghiệp, bỏ cả tính mạng; bây giờ đại ca, tam đệ cũng bị sắc đẹp của Diêu Thiển mê hoặc, lâu ngày rồi cũng khó mà tránh khỏi chuyện đó kị ghen ghét lẫn nhau, làm tổn thương đến hòa khí anh em còn là việc nhỏ, vạn nhất lại giẫm lên vết xe đổ của Đồng Trác, Lữ Bố thì làm sao có thể làm nên đại sự, dựng lại giang sơn nhà Hán được? Liền quyết ý phải chém Diêu Thiển.

Quan Vũ lúc thường đều lim dim mắt, lúc nào mở to mắt tức là muốn giết người. Hiện giờ, Quan Vũ mày tằm dựng ngược, trông mắt trợn to hơn cả cái chuông đồng, đối mặt với Diêu Thiển; thấy nàng kiều diễm đáng yêu, mặt hoa da phấn, mắt liếc đưa tình, còn đẹp hơn cả đóa phù dung trên mặt nước, quả thực khiến người không nỡ nhấc tay làm đau đến nửa sợi lông trên thân thể nàng, bất giác con tim mềm yếu, vội quay mình, ngoảnh mặt đi chỗ khác. Đêm ấy là đêm Trung thu, ánh trăng vàng vạc, chiếu bóng Diêu Thiển, vội vội như ngọc đứng, rõ ràng đến xúc động lòng người, thật giống như một bức tranh mỹ nhân được trải ra trên mặt đất. Quan Vũ nhìn, trong lòng càng kinh sợ: ngay đến cái bóng của nàng còn khiến cho người ta hồn xiêu phách lạc, huống chi nếu để sống ở đời chắc gì không gây họa cho đại ca và tam đệ? Nhất

định phải vững tâm trở lại! Quan Vũ nâng đao thanh long yển nguyệt, nhìn lần cuối cùng cái bóng của Diêu Thiện.

Lúc này, nàng sợ hãi run lấy bầy, dáng vẻ như dương liễu bị gió dập, như mẩu đơn bị mưa vùi, lại càng làm xúc động người ta, khiến người ta thương cảm. Quan Vũ không có đủ dũng cảm để nhìn nữa, bất giác hai mắt nhắm nghiền, đao thanh long yển nguyệt cũng tuột khỏi tay rơi xuống, vừa vịn trúng vào bóng của Diêu Thiện in trên mặt đất. Ngờ đâu lúc ấy, Diêu Thiện cũng theo tiếng đao rơi mà ngã xuống, đầu lia khỏi cổ. Hóa ra khi cái bóng của Diêu Thiện bị đao rơi trúng thì thân thể cũng bị trúng đao mà tử thương.

Mỉ nhân nổi tiếng một thời đã bị Quan Vũ chém như vậy đó.

MƯA MÀI ĐAO

Theo cách nói dân gian, ngày mười ba tháng năm nông lịch là ngày Quan Công mài dao, trời sẽ mưa một trận mưa mài dao. Đến ngày mồng sáu tháng sáu nông lịch, Đông Hải Long Vương phơi áo long bào, trời sẽ nắng. Giữa hai ngày này là mùa mưa mai vàng tháng năm, trời mưa liên miên không ngớt. Về sự kiện mưa mài dao thì có hẳn một câu chuyện rất thú vị.

Truyền rằng, thời Tam Quốc, Quan Công sử dụng một thanh đao thanh long yển nguyệt cực kì lợi hại. Một năm, Quan Công thua trận phải hàng Tào Tháo, tuy Tào Tháo đãi Quan Công rất hậu, nhưng Quan Công vẫn quyết một mình một ngựa, hộ tống hai chị dâu, vượt qua hàng ngàn dặm đường để đi tìm Lưu Bị. Quan Công dự định vào ngày mười ba tháng năm sẽ treo trả ấn tín, gói trả vàng bạc mà Tào Tháo đã tặng rồi từ giả dinh thự quân Tào, đi khỏi Hứa Xương. Trước lúc ra đi, Quan Công mài dao. Đao thanh long yển nguyệt là một thanh bảo đao, phải dùng nước ở sông Thiên Hà mà mài thì mới được. Nhưng năm ấy lại hạn hán, lâu ngày mà chưa có mưa, trong lúc cả một vùng trời mênh mông trong vắt không một gợn mây thì đâu đâu ra nước sông Thiên Hà?

Quan Công rất sốt ruột, không nghĩ ra được cách gì, bèn ngửa mặt nhìn trời cười ha ha. Hóa ra Quan Công cười như vậy là để mời Đông Hải Long Vương đến trò chuyện. Lập tức từ phía đông nam có một đám mây đen nổi lên, Long Vương từ cửa Nam Thiên bay lại. Mây đen cứ bay mãi, bay đến giữa trời mà vẫn chỉ thấy mây đen chứ không hề thấy có mưa rơi xuống. Quan Công thấy Long Vương cứ giả cầm giả diếc, không hề để ý đến, liền cau mày, quát to lên một tiếng, khiến trời rung đất chuyển, hồi lâu trong mây nổi lên một tiếng sấm. Nhưng có sấm rồi mà vẫn chưa có mưa. Quan Công lúc này thực sự nổi giận, tỏ rõ thần uy, múa tít đao thanh long yển nguyệt, chỉ thấy lấp loáng ánh sáng lạnh buốt, sát khí đằng đằng. Quan Công chỉ đám mây đen, quát:

- Nhà ngươi không cho ta mượn nước để mài đao thì ta sẽ không cho nhà ngươi phơi áo long bào!

Lúc này thì Long Vương sợ quá, vì nếu đến tháng sáu mà không phơi được áo long bào thì áo sẽ lên mốc mất. Thế là mưa liền rơi xuống. Quan Công mừng lắm, lập tức hứng lấy nước mưa mài đao.

Quan Công mài xong đao thanh long yển nguyệt, liền dùng nó vượt qua năm cửa ải chém sáu tướng của Tào Tháo. Vì sử dụng bảo đao, thường xuyên phải mài, Long Vương chỉ sợ Quan Công không cho mình phơi áo long bào, cho nên suốt dọc đường luôn hầu hạ Quan Công rất cẩn thận, không dám lơ là việc làm mưa. Đến khi Quan Công và Trương Phi gặp nhau ở Cổ Thành, sau ba hồi trống trận chém chết Sái Dương, Quan Công bọc đao lại, Long Vương mới thở phào nhẹ nhõm, liền vội vàng trở về lật rương mở tủ ra phơi áo rồng, hôm đó đã là ngày mùng sáu tháng sáu nông lịch.

Về sau, câu nói của Quan Công: Nhà ngươi không cho ta mượn nước mưa để mài đao thì ta sẽ không cho nhà ngươi phơi áo long bào, đã được lưu truyền lại và trở thành tục ngữ của vùng Hồ Bắc.

TRƯƠNG PHI XÂU KIM

Trương Phi sắp sửa xuất chinh, một hôm, vợ là Triệu phu nhân bảo:

- Trước khi xuất chinh, tướng quân có thể làm giúp thiếp một việc được chăng?

Trương Phi hỏi:

- Việc dời núi hay việc lấp biển?

Triệu phu nhân nói:

- Không phải việc dời núi, cũng không phải việc lấp biển, nhưng mà còn khó hơn cả hai việc ấy.

Trương Phi vén tay áo lên, nói:

- Trên đời này không có việc gì Trương Dục Đức này không làm được.

Triệu phu nhân liền mang ra một cái kim khâu và một sợi chỉ đỏ, nói:

- Vậy thì tướng quân hãy khâu kim giúp thiếp đi!

Trương Phi cười ha ha:

- Khâu kim là cái việc ai cũng có thể làm được, thì còn khó gì đối với ta kia chứ!

Nói xong, xòe bàn tay to như cái quạt, một tay đón lấy cái kim, một tay cầm sợi chỉ, ngấm đúng vào lỗ tròn kim chọc

manh một cái. Sợi chỉ kia hóa ra đầu có dễ sai khiến như con dao giết lợn cơ chứ, Trương Phi đã chọc sang bên trái lỗ tròn kim mất rồi.

Một lần không được, lần thứ hai Trương Phi lại chọc sang bên phải lỗ tròn kim. Trương Phi bèn bỏ kim chỉ xuống, nhổ một bãi nước bọt vào lòng bàn tay, rồi lại chọc lần thứ ba. Lần này thì chọc đúng lỗ tròn kim, nhưng sợi chỉ lại to hơn lỗ kim, thành ra không xuyên qua được.

Trương Phi giương đôi mắt tròn xoe lên nhìn nhìn ngó ngó, rồi vút kim chỉ xuống, nói:

- Phu nhân, nằng cố ý chơi khố ta, sợi chỉ to hơn lỗ tròn kim, làm sao mà xuyên qua được?

Triệu phu nhân nói:

- Tướng quân chẳng nói trên đời này không có việc gì khó đối với tướng quân là gì?

Trương Phi bị hỏi vặn, liền cao giọng:

- Ta vẫn không tin có việc gì khó đối với ta!

Nói xong, một tay cầm kim, một tay cầm chỉ, lại chọc loạn lên. Cứ làm mãi như vậy, đầu chỉ bị tòe ra, lại càng to hơn so với lúc trước nhiều, Trương Phi cố sức khỏe mà lại không sử dụng được, mới bực tức la lớn:

- Cái trò này quả thật là khó đối với Trương Dục Đức này?

Triệu phu nhân đứng bên cạnh, nói:

- Thiếp nghe người ta nói người biết dùng binh thường tránh cái thực dùng cái hư, chẳng hay có đúng vậy không?

Trương Phi đã rõ được phần nào, liền dùng đầu ngón tay vẽ nhỏ đầu sợi chỉ rồi lại xuyên, vẫn chưa được, là vì trên đầu

sợi chỉ còn có những sợi tơ nhỏ. Trương Phi lại hết cách, ngược mắt lên hỏi phu nhân. Triệu phu nhân nói:

- Thiếp nghe nói người biết dùng binh thường mượn nước để đánh địch, có đúng vậy không?

Lần này thì Trương Phi đã hiểu rõ, liền dùng đầu ngón tay chấm nước bọt trên miệng rồi vẽ đầu sợi chỉ, chỉ một loáng đã xâu được sợi chỉ qua lỗ tròn kim. Trương Phi nhảy cẫng lên vui sướng, đang khi đắc ý, Triệu phu nhân lại rút sợi chỉ ra. Trương Phi hỏi:

- Ta phí biết bao công sức mới xâu được, vì sao nàng lại rút bỏ?

Triệu phu nhân nói:

• - Nếu chỉ đơn thuần là việc xâu kim thì thiếp đâu có cần làm khó tướng quân như thế? Tướng quân sắp ra quân đánh giặc, từ nay về sau, không thể cứ làm bữa không chịu suy nghĩ, phải như việc xâu kim ngày hôm nay, học thói quen động não suy nghĩ, trong cái thô phải có cái tinh, trong sự dững càm phải có sự mưu trí, có như vậy thì mới đánh trăm trận mà không bị nguy hiểm!

TRƯƠNG PHI XỬ ÁN

VỤ ÁN DUA HẦU

Sau khi ba anh em Lưu, Quan, Trương lạc nhau, Trương Phi chiếm được Cổ Thành, tự lập làm huyện lệnh, việc văn việc võ một vai gánh vác, việc trong việc ngoài đều tự đảm đương. Trên không có Lưu Bị nâng đỡ, bên cạnh không có Quan Vũ chỉ bảo, nên Trương Phi cũng không khỏi có chút lo sợ; lại e có sai sót không có ai đứng ra mà gánh chịu cho mình, vì vậy Trương Phi dồn hết tâm lực, làm việc rất cẩn thận, thường đắn đo cân nhắc trước sau kĩ càng, việc to việc nhỏ đều có thể ứng phó được.

Một hôm, Trương Phi cầm xà mâu dài trượng tám ngồi ở nha môn, hỏi đám tay chân bên dưới rằng:

- Có người kiện tụng không?

Tả hữu đều thăm là lưỡi, nghĩ bụng: Chỗ quan nha chẳng phải là pháp trường, cầm cái thứ binh khí dọa chết người kia để làm gì? Lúc tức khí lên chắc gì không đâm xuyên bụng người ta? Chúng liền đáp:

- Bẩm quan lớn, như lúc này thì chắc không có người nào đến kiện tụng gì đâu. Xin quan lớn lui gót!

Chính vào lúc ấy, có hai người đến thưa kiện, một là đàn ông, một là đàn bà. Người đàn ông là một người giàu có, lưng to, bụng tròn, dáng người vừa lùn vừa béo, tay ôm một quả dưa hấu to như cái con lân bằng đá, trông giống hệt như cái hũ bắm trên cái chum đựng nước. Y vừa quỳ xuống đã nói luôn:

- Thị lấy trộm dưa hấu của tôi, bị tôi bắt quả tang. Xin quan lớn hãy trị tội thị!

Người đàn bà có dáng người yếu điệu thon thả, mặt tựa hoa đào, bế một đứa trẻ trong lòng, xem ra rất đáng thương hại. Hai mẹ con sợ hãi cứ khóc hoài, không nói được nên lời nữa.

Trương Phi tính tình nóng nảy, gặp dịp chỉ thích dùng dao sắc chém phứa, bèn đổ cây xà mâu xuống đất, mạnh đến nỗi làm cho nha môn phải rung rinh chao đảo, quát:

- Mày ăn trộm dưa hấu của người ta, bị bắt quả tang, vậy chịu đánh đòn hay chịu phạt?

Người đàn bà toàn thân run rẩy, lại càng không cất được nên lời, chỉ rập đầu như giả vờ, miệng kêu hoài:

- Quan lớn tha mạng! Quan lớn tha mạng!

Trương Phi nghĩ: Xin tha mạng tức là có tội, nếu vô tội thì việc gì phải xin tha mạng? Trương Phi từ xưa đến nay không dung thứ cho những kẻ vụng trộm làm điều xấu, chỉ hận không thể giết sạch lũ người này, để cho mọi nhà đều có thể đêm mở toang cửa mà ngủ. Trương Phi không nén được tức giận, giơ xà mâu lên, đâm về phía người đàn bà, cơ hồ như sắp đâm trúng đứa trẻ chị ta đang ôm trong lòng. Bỗng Trương Phi dừng tay lại, nghĩ bụng: Đứa trẻ kia vô tội, sao nỡ hại tính mạng nó? Bèn bảo người đàn bà đặt quả dưa

sáng bên cạnh. Ai ngờ người đàn bà ấy lại càng ôm đứa trẻ chặt hơn, rõ ràng là muốn mẹ con cùng chết.

Trương Phi chợt nghĩ: Đứa trẻ là máu thịt của người mẹ, thì sắp chết cũng không chịu rời ra, thì sao lại có thể mang con đi ăn trộm được? Lại nhìn kĩ quả dưa hấu to mà người nhà giàu ôm, trong óc chợt lóe lên, đoán rằng y muốn vu hại người đàn bà, lại còn đến lừa dối quan phủ, bắt giặc lửa giận bốc lên ngùn ngụt, lập tức thay đổi chủ ý, muốn đâm chết người nhà giàu ngay lập tức. Nhưng qua một loạt những sự quanh co rắc rối vừa rồi, Trương Phi cảm thấy không nên làm việc một cách liều lĩnh, bừa bãi, liền cố ý hỏi người nhà giàu:

- Thị ăn trộm dưa hấu của nhà người, ta sẽ xử thị tội chết, người còn có mong muốn gì?

Người nhà giàu kia cứ ngẩn người ra nhìn người đàn bà, như con mèo nhìn con cá béo, chỉ hận không thể chồm lên vồ lấy mà ôm chặt vào lòng, bèn nói:

- Bẩm quan lớn, ăn trộm một quả dưa, tội không đáng chết. Xin ngài hãy phạt thị đến nhà tôi làm nô tì!

Trương Phi đã hiểu rõ ràng sự việc, lại thần nhiên hỏi:

- Nếu như xử cho làm vợ bé của người thì sao?

Câu nói này đánh trúng nội tâm của người nhà giàu. Y mừng ra mặt, rạp đầu vái lạy không ngớt, luôn miệng nói:

- Tạ ơn! Tạ ơn!

Trương Phi cười ha hả, liền bắt y trước tiên bế đứa con của người đàn bà kia lên, rồi lại bảo y ôm quả dưa hấu to kia lên nữa.

- Người làm xong thì có thể lãnh người đàn bà kia về, coi như ta trả nợ cho người rồi!

Người nhà giàu sau khi bế đứa con và ôm quả dưa hấu to kia được, quả dưa hấu to kia được, liền chạy về nhà. Trương Phi thấy vậy, liền nói:

- Thừa quan lớn, một tay khó mà bắt được hai con cá!

Trương Phi đột nhiên trợn mắt, quát lên giận dữ:

- Dân ông còn như vậy, huống hồ dân bà? Con rắn trên cái đầu hổ, trốn đâu cho được! Người vì muốn chiếm đoạt người dân bà kia, nên đã táng tận lương tâm bày đặt tang vật để hãm hại thị. Dừng cho rằng lão Trương này thô vụng, mắt ta không bỏ qua đến nửa hạt cát đâu!

Lập tức bắt người nhà giàu tống ngục, thả cho người dân bà kia về.

Sự việc này mau chóng lan truyền khắp Cổ Thành. Mọi người đều nói, Trương Phi trong cái thô có cái tinh, làm việc công bằng, thật đáng tin phục. Trương Phi được lòng dân ở đó, cho nên cũng vững chân.

VỤ ÁN CÁI NỒI

Sau khi ba anh em Lưu, Quan, Trương lạc nhau, Trương Phi đi qua huyện Cổ Thành, đánh một trận đoạt được con dấu, làm quan huyện được ít ngày.

Một hôm, có hai người tới huyện nhà thưa kiện. Trương Phi thăng đường, thấy một người làm nghề bán nồi, dáng vẻ hiền lành nhút nhát, một người tàn phế mất cánh tay và cụt chân, liền hỏi người bán nồi:

- Người kiện ai?

Người bán nồi chỉ vào người tàn phế, nói:

- Hai chúng tôi cùng nghỉ tại một quán trọ, cũng ở trong một căn phòng. Mỗi buổi sớm tôi đều thấy mất nồi, đích là anh ta lấy của tôi.

Trương Phi trừng mắt quát:

- Không có người nào vào đây thì nhất định là hán lấy trộm rồi. Người đầu, đánh tên tàn phế kia cho ta?

Người tàn phế kia kêu van thảm thiết:

- Bẩm quan lớn, tôi là một người tàn phế, đi lại còn khó khăn, làm sao có thể ăn trộm nổi được! Hán ta ngấm máu phun người, vu oan cho người lương thiện, xin quan lớn đèn trời soi xét!

Trương Phi nghe đến đây thì nghĩ bụng, phải rồi, hán là một người tàn phế, đi lại còn phải chống gậy, làm sao mà lấy trộm nổi được. Hơn nữa, nời kia lại không phải là thứ có thể giấu vào trong lòng, đựng vào trong túi. Không thể bắt hán được! Bèn lại quát:

- Tên bán nời vu oan cho người lương thiện, tá hữu đầu, bắt hán đánh cho ta!

Dám nha dịch giải người bán nời xuống thêm. Trương Phi thấy người tàn phế vẫn còn ở trên công đường kêu than, thì cảm thấy rất lúng túng: làm sao tống khứ hán ta đi đây? Bổng Trương Phi nhìn thấy mấy cái nời, liền bảo:

- Thôi, người cũng đừng khóc, đừng kêu gì nữa. Ta xử oan cho người, bây giờ ta thưởng cho người nời của hán, người đem bán lấy tiền mà chi dùng, coi như ta bồi thường cho người.

Người tàn phế không nói gì, cặp cây gậy vào nách rất thành thạo, rồi khom lưng đội từng chiếc từng chiếc nời lên đầu.

Trương Phi đương sắp sửa rời công đường, nhìn thấy những hành động ấy của người tàn phế thì sùng sốt, nhận ra điều đáng ngờ, liền quát lớn:

- Đồ xảo trá to gan, người dám làm trò bịp bợm trước mắt lão già! Người nói không thể ăn trộm được nời, kì thực chỉ là lừa dối ta. Còn không mau khai hết sự thực đi à!

Người tàn phế thấy mình bị lộ chân tướng, đành khai kết sự thực việc ăn trộm nời ra.

ĐÈN KHÔNG MINH

Cuối đời Đông Hán, ở Cát Gia Trang thuộc huyện Chư Thành, Sơn Đông có một người thợ mộc thông minh, khéo léo. Bố mẹ đều mất sớm, anh sống mồ côi, đến năm mười bảy tuổi mà vẫn chưa có tên. Vì họ của anh là Cát nên mọi người đều gọi anh là anh Cát thợ mộc. Tuy tuổi còn nhỏ, nhưng Cát thợ mộc khéo léo như thần, con chim gỗ anh làm có thể bay lượn, con cá gỗ anh làm có thể bơi lội. Suốt ngày anh kéo cửa đẩy bào, buổi tối còn cố gắng đọc sách. Anh đọc rất nhiều sách, bộ *Tôn Tử binh pháp* anh đọc đến thuộc lòng.

Ở Cát Gia Trang có một tên nhà giàu, hán dựa vào thế lực ông cậu làm huyện lệnh huyện Chư Thành, thường làm điều tàn nhẫn, đè nén coi khinh những người nghèo, mọi người đều vô cùng căm giận hắn. Cát thợ mộc thấy vậy, liền bày kế cho mọi người, cùng nhau chọc tức hắn ta. Vì thế, tên nhà giàu rất căm Cát thợ mộc. Hắn bèn đi nói với ông cậu làm huyện lệnh của hắn rằng Cát thợ mộc muốn tụ tập dân chúng làm phản. Huyện lệnh bắt phân phái trái, bắt giam Cát thợ mộc cùng ba người nghèo nữa vào trong một gian nhà lao.

Tết Nguyên tiêu sắp đến, nhà nhà đều bắt đầu làm đèn lồng, chuẩn bị chơi tết. Huyện lệnh nghĩ, ta đường đường làm chủ một huyện, ở cổng huyện nhà cần phải treo một cái đèn lồng đẹp nhất huyện, đặc biệt nhất huyện mới được. Ý bèn sai bọn nha dịch làm mấy cái, nhưng đều không vừa ý. Đến

ngày mười bốn tháng giêng vẫn còn chưa làm xong đèn, huyện lệnh sốt ruột chạy quanh. Một tên cai ngục nói với y:

- Tên tù họ Cát trong nhà lao là một tay thợ mộc khéo nhất huyện, nhất định hắn sẽ làm được cái đèn lồng mà ngài ưng ý.

Huyện lệnh nghe nói vậy, bèn bảo cai ngục:

- Thế thì người đi bảo tên thợ mộc họ Cát làm ngay cho ta. Nhưng khi làm, nhất thiết người phải để ý, chớ để cho hắn thừa cơ trốn thoát đấy.

Cai ngục đi bảo Cát thợ mộc làm đèn. Cát thợ mộc hỏi hắn:

- Ông muốn làm cái đèn to ngần nào?

- Càng to càng tốt, mà phải đẹp nữa.

Cát thợ mộc chau mày, có ngay mưu kế, rồi nói:

- Được. Nhưng trong nhà lao bé thế này, làm sao làm được đèn lồng to? Phải ra ngoài sân làm mới được.

Cai ngục nghĩ: Nhà giam có tường bao bọc cao tới một trượng, cửa lớn lại có lính gác canh giữ, tên thợ mộc họ Cát dù thế nào cũng chẳng thể chạy trốn được, liền ưng thuận.

Cát thợ mộc lại hỏi:

- Ông muốn làm mấy cái?

- Hai đôi.

Cát thợ mộc làm ra vẻ khó khăn, nói:

- Ngày mai đã phải chơi Tết. Tôi có ba đầu sáu tay cũng không thể làm xong bốn cái đèn lồng to, phải để ba người cùng làng tôi giúp tôi mới được.

- Cũng được. Nhưng nhất định phải làm xong đúng hạn; nếu không, hai tội gộp một, quan huyện sẽ giết các người.

Sau khi cái ngục đi khỏi, Cát thợ mộc hạ thấp giọng nói với những người cùng làng là cứ thế, cứ thế.

Huyện lệnh sai người mang giấy, gỗ và dây gai đến. Cát thợ mộc chê giấy quá bé, gỗ quá nhỏ, dây gai không chắc. Huyện lệnh đành sai người dùng xe ngựa chở tới một bó giấy lớn, nửa xe gỗ đàn, rui gỗ và mấy cân dây thép.

Cái ngục mở khóa, Cát thợ mộc cùng mấy người làng làm việc luôn chân luôn tay ở trong sân. Nhưng đến ngày tết Nguyên tiêu, khi mặt trời đã ngả về tây mà đèn lồng vẫn còn chưa làm xong. Huyện lệnh sốt ruột vô cùng, đích thân đến nhà giam đốc thúc. Mãi đến lúc mặt trời gác núi, đèn lồng mới làm xong.

Bốn cái đèn lồng này đều cao ba trượng, rộng một trượng, hình bát giác, xanh xanh đỏ đỏ, vừa đẹp lại vừa bề thế. Nhưng có điều lạ là trên đỉnh đèn lại dán kín, không mở lỗ để thông khí giống như những cái đèn lồng thông thường.

Lúc này, trời đã tối. Huyện lệnh ra lệnh:

- Trong mỗi cái đèn lồng đều thắp một ngọn nến, thử xem đèn có sáng không.

Cát thợ mộc nói:

- Sẽ không sáng lắm.

- Vì sao?

- Đèn lồng này còn to hơn cả một gian phòng, một ngọn nến làm sao đủ sáng? Mỗi cái đèn cần phải thắp một trăm ngọn nến.

Huyện lệnh nói:

- Nha môn của một huyện mà lại thiếu nến hay sao?

Bèn lệnh cho bốn tùy tùng lập tức đi lấy bốn trăm ngọn nến mang lại.

Bốn tùy tùng đã mang nến tới. Cát thợ mộc cùng ba người làng đem nến buộc thành bốn bó. Tiếp đó, họ lần lượt vén kẻ hở ở đáy đèn ra, cắm bó nến chui vào trong. Chỉ một loáng, mỗi cái đèn lồng đều phát ra muôn ngàn tia sáng, chiếu rọi mảnh sân sáng như ban ngày.

Huyện lệnh thấy thế, sướng quá, cười nói luôn mồm. Y bảo:

- Bốn tên chúng bay mau chui ra khỏi đèn rồi trở lại nhà lao đi. Ta sẽ sai người khiêng đèn lồng ra cổng huyện nha.

Bốn người ở trong đèn đồng thanh nói:

- Bên trong đèn chốt còn chưa được chắc chắn, phải sửa thêm.

Huyện lệnh đành lòng đợi.

Bỗng nhiên, một cái đèn lồng nhẹ nhàng rời khỏi mặt đất. Huyện lệnh và cai ngục đều giật mình, đang định vươn tay ra để tóm lấy đèn, thì trong nháy mắt, đèn đã bay lên cao quá nóc nhà lao, lại nhìn tiếp, thì thấy ba cái đèn khác cũng đều bay lên trời cả.

Bốn cái đèn lồng bay lên lưng chừng trời. Người trong thành rất ngạc nhiên, thì nhau bàn tán: "Thật là một việc kì lạ hết sức, đèn lồng lại có thể bay lên trời!" "Ài chà! Bên trong đèn còn có bốn người ngồi nữa." "Mấy cái đèn này sáng quá!" "Mấy cái đèn khổng minh!" - thời cổ, "khổng" có ý nghĩa là đặc biệt, "khổng minh" tức là đặc biệt sáng.

Một trận gió tây thổi tới, đèn lồng nhất loạt bay về phía đông, bay qua tường thành, lại bay qua hết thôn trang này tới thôn trang khác. Gió đổi hướng, mấy cái đèn lồng bay tán ra.

Nến ở trong cái đèn mà Cát thợ mộc ngồi dần dần cháy hết. Đèn lồng từ từ hạ xuống một thôn nhỏ. Cát thợ mộc bước ra khỏi đèn, dân trong thôn vây lấy, nhìn anh một cách kinh ngạc, hỏi:

- Ông từ trên trời bay xuống, há chẳng phải là thần tiên sao?

Cát thợ mộc lắc đầu, nói:

- Tôi là người ở Cát Gia Trang.

- Quái lạ! Chỗ chúng tôi đây chính là Cát Gia Trang, sao từ trước tới giờ không hề nhìn thấy ông?

Cát thợ mộc suy nghĩ một lát, rồi hỏi:

- Cát Gia Trang tôi ở thuộc huyện Chu Thành. Còn nơi này là thuộc huyện nào?

- Thuộc huyện Dương Đô.

Hóa ra, đèn lồng đã bay được hơn một trăm dặm. Dân trong thôn lại hỏi:

- Chúng tôi đều là họ Cát, còn họ của ông là gì?

Cát thợ mộc nghĩ: Mình thuộc họ Cát ở huyện Chu Thành, không cùng dòng họ với những người họ Cát ở đây, liền nói:

- Tôi họ Gia Cát.

- Thế tên gọi của ông là gì? Tên chữ là gì?

Anh thợ mộc Gia Cát nghĩ rằng: Mình còn chưa có tên gọi và tên tự. Lại nghĩ: Người ta không thể sống cả đời mà không có tên có tự. Anh nhớ tới những lời bàn tán của mọi người lúc đèn lồng từ Chu Thành bay lên, bèn đáp:

- Tôi tên Lượng, tự Khổng Minh.

Về sau, mọi người liền gọi loại đèn mà anh làm ra là đèn Khổng Minh.

LẠI LỊCH NGỌ LONG CƯƠNG

Truyền rằng, thời nhỏ, Gia Cát Lượng ở trong vùng núi lớn thuộc tỉnh Sơn Đông, vì nhà nghèo, năm lên mười hai tuổi đã phải đi chăn trâu cho nhà giàu. Tên nhà giàu đối đãi với đầy tớ rất tệ bạc, trẻ đi ở chăn trâu ngoài việc chăn trâu ra còn phải kiếm củi, cắt cỏ. Hôm đó, Gia Cát Lượng vai vác đòn xóc, tay cầm liềm đi sâu vào trong núi kiếm củi, thấy hai đứa trẻ con đang đánh nhau. Một đứa mặc áo màu xanh, một đứa mặc áo màu lục, chân dẫm tay đá, đánh nhau chí tử, không bên nào chịu thua bên nào. Gia Cát Lượng bèn quăng đòn xóc, chạy tới can. Đứa trẻ áo màu lục thừa dịp Gia Cát Lượng đến can liền chạy tọt vào trong rừng cây mất dạng. Đứa trẻ áo màu xanh lời Gia Cát Lượng lại giở trò xấu:

- Anh bạn, việc không liên quan đến anh mà anh lại chạy tới kéo tay người ta. Bây giờ anh phải đền cho tôi một thứ.

- Thứ gì?

- Cái đứa mặc áo màu lục cướp thiên thư (sách trời) của tôi. Anh thả cho nó chạy, thì anh phải đền trả tôi!

Gia Cát Lượng vội vàng nhận lời:

- Anh bạn ơi, đó là lỗi của tôi. Giờ tôi sẽ đi tìm anh bạn áo lục kia để lấy lại thiên thư về cho anh.

Đứa trẻ áo xanh cười, nói:

- Đứa mặc áo màu lục không phải là người tốt, nó là tinh của một cây thiết tượng. Anh đi lên vách núi cao bên kia,

trên cây thiết tương to nhất, ở chỗ ngang tầm mắt có một vết sẹo nhỏ màu đỏ, tròn xoe, anh dùng dao rạch một nhát, lập tức sẽ có người tìm anh nói chuyện.

Gia Cát Lượng leo lên vách núi, trên vách núi quả có một cây thiết tương, tán che rợp trời, rễ xuyên sâu xuống đất, ước chừng đã sống đến hàng vạn năm. Gia Cát Lượng vừa mới bắt đầu dùng liềm rạch cái sẹo nhỏ màu đỏ kia, đứa trẻ áo lục đã đứng ở trước mặt, nói:

- Anh bạn, anh đến có việc gì vậy?

- Làm người không thể lấy của bất nghĩa, xin anh hãy trả lại thiên thư cho người ta.

- Anh bị lừa rồi - Đứa trẻ áo lục nói - Vì nó cướp mất viên dạ minh châu của tôi, cho nên tôi mới lấy thiên thư của nó. Nó không phải là người tốt, mà là tinh của một cây sấm, đã quán quanh tôi mấy ngàn năm nay, anh sao lại nghe giọng điệu lừa bịp, tin vào lời nói của một mình nó?

Nói xong, mang thiên thư trao cho Gia Cát Lượng. Gia Cát Lượng nhìn kĩ đứa trẻ áo lục, thấy không phải là người xấu, bèn nói:

- Tôi đã trách nhầm anh, nhất định tôi sẽ giúp anh đòi lại viên dạ minh châu.

Đứa trẻ áo lục bày cách cho Gia Cát Lượng:

- Anh về, cái đứa áo xanh kia nhất định sẽ cúi đầu khom lưng mà đón tiếp anh. Lúc ấy, anh chỉ cần vỗ nhẹ một cái vào sau gáy của nó, viên dạ minh châu sẽ lòi ra.

Quả đúng như lời, khi Gia Cát Lượng quay trở lại, đứa trẻ áo xanh đã đón ở trên đường, còn cười ha ha cúi mình chào Gia Cát Lượng. Tay Gia Cát Lượng vừa mới chạm vào

sau gáy của nó thì, "keng" một tiếng, một viên ngọc sáng lấp lánh đã từ trong miệng đứa trẻ vọt ra, rơi xuống đất.

Hóa ra hai đứa trẻ này đều là tiên đồng trong rừng. Khi Gia Cát Lượng đem thiên thư và dạ minh châu trả lại, chúng đồng thanh nói:

- Anh rất thành thực, quả là người tốt, chúng tôi tặng bảo bối của chúng tôi cho anh đấy!

Từ đó về sau, mỗi buổi tối, Gia Cát Lượng đều nấp trong chuồng trâu, nhờ vào ánh sáng của viên dạ minh châu mà đọc thiên thư, đọc đến tận quá canh năm mới ngủ.

Có một đêm, tên nhà giàu dấy di dái, phát hiện thấy trong chuồng trâu có ánh sáng, tưởng là bị cháy, liền chạy tới xem. Ai ngờ trong chuồng trâu vẫn im lặng như tờ, chẳng thấy xảy ra sự gì. Hắn cảm thấy rất kỳ lạ, liền nhòm qua khe tường, giới thật, Gia Cát Lượng đang đọc sách, trước mặt còn để một viên ngọc tỏa sáng.

Tên nhà giàu biết viên ngọc này là vật bảo bối, bèn làm đơn lên huyện tố cáo Gia Cát Lượng lấy trộm viên dạ minh châu của hắn. Quan huyện vì ăn tiền dút lót của tên nhà giàu nên chẳng đợi phân bua, bắt Gia Cát Lượng tống ngục.

Tết Nguyên tiêu năm ấy, bọn cai ngục và lính canh đều ra phố xem đèn rồng, xem xong trở về đều khen đèn rồng làm rất đẹp. Gia Cát Lượng nghe thấy vậy, bèn nói:

- Những cái đèn rồng mà các ông được xem ấy tuy xanh xanh đỏ đỏ, nhưng tiếc rằng đều là đèn rồng chết bằng giấy và hồ; còn tôi có thể làm đèn rồng sống, chơi loại đèn này thú gấp hàng ngàn lần loại đèn kia.

Bọn cai ngục và lính canh đều muốn được thấy loại đèn rồng sống, bèn đem lại rất nhiều giấy và nan tre. Gia Cát

Lượng liền ra sức làm đèn. Đến ngày mùng hai tháng hai, đèn rồng làm xong. Quan huyện biết tin, bèn cùng bọn thuộc hạ đến sân rộng lát đá xanh để xem tên tù mười hai tuổi này chơi đèn rồng sống. Đèn rồng của Gia Cát Lượng làm rất đặc biệt, có sừng có chân có vảy, đến khi châm nến, nó liền miệng phun mù, chân vờn mây. Gia Cát Lượng nhẩy phất một cái, cưỡi lên lưng đèn rồng, dùng tay nắm lấy sừng rồng mà lay, đèn rồng liền lắc đầu vẩy đuôi, động mi chớp mắt, trở thành rồng sống. Đường lúc quan huyện cùng bọn thuộc hạ thích chí cười hô hố thì rồng bỗng bay vọt lên không, Gia Cát Lượng cưỡi trên lưng rồng bay mất.

Rồng bay mãi trên trời cao, cũng chẳng biết bay được bao xa, đến khi trời sắp tối mới từ từ hạ xuống ngoại thành Nam Dương, tối đêm thì biến thành một dãy núi. Gia Cát Lượng cũng ở luôn tại chốn này, toàn tâm toàn ý đọc thiên thư. Còn dãy núi này người ta bèn gọi là Ngọa Long Cương.

GIA CÁT LƯỢNG THEO THẦY HỌC ĐẠO

Truyền rằng Gia Cát Lượng thời nhỏ là học trò của Thủy Kính tiên sinh. Thủy Kính tiên sinh ẩn cư tại Thủy Kính Trang thuộc phía nam thành Tương Dương. Trong sân nhà Thủy Kính có nuôi một con gà trống hoa. Con gà trống này mỗi buổi trưa đều gáy ba tiếng, Thủy Kính tiên sinh mỗi khi nghe thấy tiếng gà gáy thì ngừng giảng bài, cho học trò tan học.

Gia Cát Lượng say mê nghe thầy giảng thiên văn địa lý cùng các phép dùng binh bố trận, nên mỗi lần nghe thấy gà gáy thì đều không thích. Về sau, Gia Cát Lượng mượn vào quần của mình một cái túi, ngày ngày bỏ vào đấy mấy nắm gạo rồi đi học, khi thấy con gà trống sắp sửa cất tiếng gáy thì liền lén tung một nắm gạo ra ngoài cửa sổ, khi thấy gà sắp ăn hết thì lại tung tiếp một nắm nữa, đến khi con gà ăn hết cả một túi gạo rồi gáy lên thì cũng đã nghe thầy giảng bài thêm được một giờ.

Qua một thời gian như vậy, vợ Thủy Kính tiên sinh ngày ngày đều bụng đói chờ cơm ông đến tận quá trưa, cực chẳng đã mới trách móc:

- Ông quả thực đã thành tiên mất rồi, ngày nào cũng dạy học đến quá trưa mà không biết đói!

Thủy Kính tiên sinh nói:

- Bà chẳng thấy gà trống vừa mới gáy đó sao?

Vợ Thủy Kính tiên sinh là một người tinh tế, ngày hôm sau, lúc sắp đến buổi trưa, bà lên đi vào trong sân, thấy lúc con gà trống kia đang vươn cổ sắp gáy thì có một người từ trong cửa sổ thư phòng tung ra một nắm gạo, bà tiến đến nhìn cho rõ người ấy, rồi chẳng nói chẳng rằng quay trở về.

Hôm nay, Thủy Kính tiên sinh cảm thấy đói bụng, vừa bước vào cửa đã gọi vợ mau dọn cơm. Bà vợ chờ cho Thủy Kính tiên sinh ăn cơm xong mới vừa cười vừa kể hết đầu đuôi sự việc cho ông nghe:

- Không ngờ một thầy giáo già như ông mà lại không bằng thằng bé Gia Cát!

Thủy Kính tiên sinh nghe vậy, từ chỗ vừa buồn vừa ngượng chuyển thành giận dữ:

- Thằng bé con búồng bình này, giám trêu chọc cả thầy giáo, để ngày mai cho nó về!

Gia Cát Lượng ra đi được mấy hôm, vợ Thủy Kính tiên sinh mới xin với ông:

- Thằng bé Gia Cát cho gà ăn gạo cũng chỉ vì muốn học, tôi thấy ông nên tha thứ cho nó một lần.

Thủy Kính tiên sinh biết Gia Cát Lượng thông minh hơn người, lại rất ham học, sau vài năm chịu khó dùi mài tất sẽ trở thành bậc kì tài trong thiên hạ, sao nỡ làm phí hoài sự nghiệp học hành của nó. Nhưng lại nghĩ đến việc xem cây phải xem ở chỗ cây có thẳng, nhìn người phải nhìn ở phẩm hạnh, người có tài có thể trở thành bậc tuấn kiệt trị quốc an bang, nhưng cũng có thể trở thành gian hùng gieo rắc tai họa cho dân cho nước, nhận hay không còn phải xem phẩm hạnh, đức độ của nó đã, liền sai thư đồng đi Long Trung hỏi thăm về Gia Cát Lượng.

Thư đồng tới Long Trung, bị mặt hỏi thăm mấy ngày, rồi quay về bầm với Thủy Kính tiên sinh ba việc:

Một là, mẹ Gia Cát Lượng về mùa đông rất sợ lạnh, Gia Cát Lượng lên núi cắt thủy tinh thảo về trái giường, tự mình nằm lên trước cho có hơi ấm rồi mới mời mẹ nằm để mẹ ngủ cho ngon giấc.

Hai là, nhà Gia Cát Lượng chỉ cách giếng có hai mảnh ruộng rau, Gia Cát Lượng vốn người thấp nhỏ, sợ thùng nước quét vào hàng rào vườn nhà người ta, nên mỗi lần gánh nước đều đi đường vòng men theo chân núi xa hơn một dặm để về.

Ba là, trước đây, khi Gia Cát Lượng còn nhờ một người ít tuổi hơn mình ở cạnh dạy bảo cho thì luôn gọi người ấy là "tiên sinh", mỗi buổi sáng sớm đều đến nhà người ấy quét dọn nhà cửa; đến nay, tài học của Gia Cát Lượng đã vượt hẳn người ấy, lúc rồi rã, người ấy lại đến xin Gia Cát Lượng chỉ bảo cho, vậy mà Gia Cát Lượng vẫn gọi người ấy là "tiên sinh", hàng ngày vẫn chạy sang nhà người ấy quét tước nhà cửa như trước.

Thủy Kính tiên sinh nghe xong ba việc ấy, gật đầu nói: "Thằng bé Gia Cát ngày sau tất sẽ trở thành bậc tuấn kiệt!" Ngay sau đó liền giục thư đồng dẫn đường, đích thân đến tận Long Trung đón Gia Cát Lượng trở lại học.

Sau khi Gia Cát Lượng trở lại Thủy Kính Trang, Thủy Kính tiên sinh muốn tự mình thử trí thông minh của Gia Cát Lượng, bèn bảo Gia Cát Lượng vừa học vừa làm công việc nấu nướng dưới nhà bếp để chờ cơ hội tiến hành thử thách.

Một hôm. Thủy Kính tiên sinh bảo Gia Cát Lượng hấp một con cá chép. Cá hấp xong, lại sai Gia Cát Lượng đi gánh nước. Khi còn ở nhà, Gia Cát Lượng đã từng làm ruộng, bả vai chắc khỏe, nên chỉ một loãng đã gánh được một gánh nước đầy về bếp. Vừa vào tới cửa, thấy Thủy Kính tiên sinh đang trách mắng một lũ học trò. Hóa ra con cá chép vừa hấp xong đã bị học trò nào ăn vụng mất một nửa. Mười mấy học trò không ai chịu nhận là mình ăn vụng cá. Gia Cát Lượng chớp chớp mắt, giả vờ hoảng hốt, quàng thùng nước xuống, chạy đến trước mặt Thủy Kính tiên sinh, lớn tiếng nói:

- Hồng rồi! Hồng rồi! Sắp có người mất mạng rồi! Con cá chép ấy con dùng kinh giới để hấp, kinh giới hấp với cá chép chính là vị thuốc độc tám bước đứt ruột. con dùng nó để đánh bả mèo hoang mà!

Gia Cát Lượng vừa nói như vậy, thì một học trò lập tức biến ngay sắc mặt, quỳ sụp xuống, kêu to:

- Xin thầy cứu mạng! Xin thầy cứu mạng! Chính con đã ăn vụng cá!

Thủy Kính tiên sinh thấy có người sắp chết, đang định trách mắng Gia Cát Lượng, lại thấy Gia Cát Lượng đứng bên cạnh đang cười thầm, thì đã hiểu ra là Gia Cát Lượng dùng mẹo.

Thủy Kính tiên sinh thấy Gia Cát Lượng phẩm hạnh tốt đẹp, thông minh hơn người, bèn truyền thụ hết cho Gia Cát Lượng bản lĩnh vốn có của mình, khiến Gia Cát Lượng trở thành một người tài giỏi kiệt xuất ngàn đời.

GIA CÁT LƯỢNG ĐƯỢC SÁCH LẠ

Khi nói đến Gia Cát Lượng và Tư Mã Ý, mọi người đều biết họ là kẻ thù của nhau. Nhưng truyền rằng thời nhỏ, họ còn là bạn học của nhau nữa.

Ấy là vào cuối thời Đông Hán, thiên hạ đại loạn, anh hùng hào kiệt thi nhau nổi lên. Thầy học của hai người là một vị học thức đại tài, không muốn làm quan trong triều đình, mà ẩn cư tại rừng núi, chuyên tâm dạy dỗ mấy học trò giỏi, hi vọng trong tương lai sẽ yên định được đất nước, cứu giúp muôn dân. Cha của Gia Cát Lượng và Tư Mã Ý đều có mối quan hệ thâm tình với ông thầy này, đã lần lượt mang con của mình phó thác cho ông. Hai học trò đều thông minh linh lợi, chăm chỉ ham học, được thầy vô cùng yêu quý, ngày đêm hết lòng dạy bảo. Sự nghiệp học hành của hai người ngày một tiến tới, chẳng ai kém ai.

Ông thầy này có một bộ sách lạ, do tiên nhân bí mật truyền lại. Trong sách này, thiên văn địa lý, dùng binh bố trận, kế sách định quốc an dân đều có đủ, ai được nó thì có thể làm nên sự nghiệp kinh thiên động địa. Nó là đệ nhất kì thư trong thiên hạ.

Thầy tuổi đã ngoài sáu mươi, lại không có con cái, nên từ lâu đã định đem bộ kì thư này truyền lại cho một học trò yêu quý nhất. Nhưng rốt cục truyền cho ai đây? Dương thời

chư hầu cát cứ, anh hùng hào kiệt phân tranh, nếu như truyền không dùng người thì tất sẽ gây họa cho nước cho dân, cũng là trái với mong muốn của bản thân. Vì thế, ông do dự mãi mà chưa định đoạt được. Về sau, ông quyết định trước tiên hãy tìm hiểu phẩm hạnh, chí hướng của hai học trò đã rồi sẽ tính. Gia Cát Lượng và Tư Mã Ý cũng đều biết thầy mình có một bộ kị thư như thế, và ai cũng muốn được bộ sách ấy.

Một hôm, thầy dẫn hai học trò lên đỉnh ngọn núi nhỏ phía sau nhà, dạy họ phép dùng binh bố trận. Trên vách núi trước mặt có một tiểu phu đang đốn củi, sợ ý ngã xuống. Ba thầy trò đều nhìn thấy, nhưng thầy vẫn thản nhiên như không, tiếp tục giảng bài. Tư Mã Ý cũng nghe giảng một cách bình thản. Còn Gia Cát Lượng thì chạy như bay xuống sườn núi để cứu người tiểu phu kia. Lúc này, thầy mới dẫn Tư Mã Ý xuống núi, giúp Gia Cát Lượng đưa người tiểu phu về nhà.

Lại qua một thời gian, Gia Cát Lượng nhận được một bức thư nhà, nói là cha lâm bệnh nặng, muốn gọi Gia Cát Lượng về nhìn mặt. Gia Cát Lượng gạt lệ từ biệt thầy và bạn, vội vàng trở về nhà. Không lâu sau, cha Gia Cát Lượng tạ thế. Gia Cát Lượng nén đau buồn lo liệu chu đáo việc tang cho cha rồi mới trở lại với thầy học. Kể ra cũng khéo, chỉ sau đó mấy hôm, Tư Mã Ý cũng nhận được một bức thư nhà, nói là mẹ lâm bệnh nặng, muốn gọi Tư Mã Ý về gặp mặt. Tư Mã Ý sợ rằng sau khi mình đi khỏi, thầy sẽ đem bộ kị thư truyền cho Gia Cát Lượng mất, nên khước từ ba bốn lần không chịu về, chỉ gửi cho nhà một bức thư. Thầy thấy vậy, lác đầu than thở, trong bụng đã thầm có chủ định.

Ngày tháng như trôi đưa, hơn một tháng sau, thầy học bỗng dưng mắc bệnh phong hàn. Hai học trò túc trực bên giường, lo thang lo thuốc, chăm sóc rất là chu đáo. Tiếc rằng thầy tuổi cao sức yếu, bệnh tình ngày một nặng thêm. Một

hôm, Gia Cát Lượng ra ngoài tìm cây thuốc cho thầy. Tư Mã Ý đứng hầu bên giường bệnh. Tư Mã Ý thấy thầy hôn mê, mới lên vào thư phòng của thầy lục tìm khắp nơi, cuối cùng tìm được một cái rương nhỏ. Tư Mã Ý mở rương ra xem, chính là bộ kì thư ấy. Chẳng kể thầy còn đang bệnh tình trầm trọng, Tư Mã Ý liền lặng lẽ vác rương chạy trốn.

Khi Gia Cát Lượng hái thuốc trở về thì thầy đã tỉnh lại. Ông bảo Gia Cát Lượng đỡ mình xuống giường, rồi lấy từ trong rương ở dưới giường ra một bộ sách, hai tay trao cho Gia Cát Lượng, dặn dò:

- Sau khi ta chết, con hãy đốt nhà cửa và thi thể của ta rồi mau chóng xa chạy cao bay nghe!

Nói xong thì tắt thở.

Gia Cát Lượng nghe theo lời dặn, nén đau thương đốt nhà và thi thể của thầy, rồi vác bộ sách ấy đi đến Nam Dương, chuyên tâm mà đọc.

Tư Mã Ý sau khi chạy trốn về đến nhà, liền mở bộ sách lấy trộm được ra xem, thấy bên trên có viết bốn câu:

Muốn yên được nước phải yên dân,

Hết lòng hiếu thảo với song thân,

Nếu không có đủ hai điều ấy,

Kì thu chẳng đến kẻ bất nhân.

Tư Mã Ý biết rõ bộ kì thư thật đã được truyền cho Gia Cát Lượng, liền đem theo người đến nhà thầy, định giết người cướp sách. Chẳng ngờ ngay đến thi thể của thầy cũng không tìm thấy; còn Gia Cát Lượng thì đã sớm mang kì thư đi biệt tăm biệt tích.

GIA CÁT LƯỢNG TỐT NGHIỆP

Thủy Kính tiên sinh thu nhận được hơn mười học trò, Gia Cát Lượng là một trong số đó. Sau ba năm, Thủy Kính tiên sinh nói với các học trò rằng:

- Sáu năm ngày nữa ta sẽ kiểm tra các người, người nào đạt thì được tốt nghiệp, người nào không đạt thì xin cứ tùy ý, về sau này không được xưng là học trò của ta.

Các học trò nghe vậy, ai nấy đều lo lắng, vội vàng bế sách đi học suốt ngày đêm. Duy có Gia Cát Lượng là cả ngày dạo chơi ở bên ngoài Thủy Kính Trang, ung dung như không hề có việc gì xảy ra.

Ngày thứ năm đã đến. Học trò thông minh thì đã học thuộc lâu lâu bài vở, còn người chưa thuộc thì lên chép những chương mục quan trọng trong sách vào trong ống tay áo, lên lòng bàn tay. Cơm sáng xong, Thủy Kính tiên sinh ngồi ngay ngắn trên nhà, nói rằng:

- Ta chỉ ra một đầu dê - Từ bây giờ cho đến giờ Ngọ ba khắc, ai được ta cho phép đi ra ngoài Thủy Kính Trang thì người ấy được tốt nghiệp.

Không ít học trò trợn mắt há mồm, vò đầu bứt tai lo lắng. Có người hét lớn:

- Ngoài gia trang cháy rồi!

Có người bảo lão rằng:

- Nước lũ đã dâng đến Thủy Kính Trang !

Thủy Kính tiên sinh vẫn không hề thay đổi nét mặt. Từ Thư lén viết một bức thư giả dạng lên, khóc mà nói rằng:

- Sáng sớm hôm nay có người mang thư từ nhà đến, nói rằng mẹ con lâm bệnh nặng, con tình nguyện không tham gia thi, xin thầy cho phép con lập tức trở về nhà thăm mẹ.

Thủy Kính tiên sinh lắc đầu, nói:

- Sau giờ Ngọ ba khác thì người cứ tùy ý mà về.

Bàng Thống đến nói:

- Xin thầy cho phép con ra ngoài gia trang một lát rồi con sẽ trở lại ngay. Nếu thầy không tin, xin thầy cứ thử cho phép mà xem.

Thủy Kính tiên sinh cười:

- Bàng Sĩ Nguyên hãy thôi cái trò lấu lỉnh này đi và đứng sang một bên!

Thế còn Gia Cát Lượng? Gia Cát Lượng đã gục đầu trên bàn học mà ngủ từ lâu rồi, tiếng ngáy vang như sấm, làm cho chỗ thi cử chẳng còn ra thể thống gì nữa. Thủy Kính tiên sinh rất tức giận, nếu phải những hôm trước thì đã đuổi Gia Cát Lượng ra ngoài từ lâu rồi. Nhưng hôm nay thì Thủy Kính tiên sinh đành chịu nhịn.

Sắp đến giờ Ngọ ba khác. Gia Cát Lượng ngáp một tiếng rồi đứng dậy, mặt hầm hầm tức giận, tay nắm chân đá chạy thẳng lên nhà, túm lấy vạt áo của Thủy Kính tiên sinh mà mắng:

- Cái ông già mọt sách này! Ra một cái đề không nghiêm chỉnh làm hại chúng tôi. Tôi không làm học trò của ông nữa, trả lại tiền học ba năm cho tôi! Trả lại tiền học ba năm cho tôi!

Thủy Kính tiên sinh là danh sĩ trong thiên hạ, ai cũng tôn kính, bị Gia Cát Lượng làm nhục như vậy, chẳng cần phải nói trong lòng tức giận như thế nào, chỉ thấy toàn thân run lên, gọi Bàng Thống, Từ Thử đuổi Gia Cát Lượng ra khỏi Thủy Kính Trang. Gia Cát Lượng còn ngang bướng không chịu đi, làm ầm ĩ lên, muốn đòi lại tiền học, khiến cho chỗ thi cử trở nên hỗn loạn. Bàng Thống và Từ Thử phải ra sức lôi kéo mới đưa được Gia Cát Lượng ra ngoài.

Vừa ra khỏi Thủy Kính Trang, Gia Cát Lượng cười lên ha hả. Bàng Thống và Từ Thử còn bị Gia Cát Lượng cười là ngốc. Hai người đang định mở mồm hỏi thì Gia Cát Lượng đã quay mình chạy vào Thủy Kính Trang, đến trước mặt Thủy Kính tiên sinh phục xuống vái lạy, nói:

- Vừa rồi con có xúc phạm đến thầy, tội thật đáng chết!

Thủy Kính tiên sinh sững sờ rồi bỗng nhiên vỡ lẽ, chuyển giận thành mừng, đỡ Gia Cát Lượng dậy, bảo:

- Con có thể tốt nghiệp được rồi!

Từ đấy về sau, học trò được Thủy Kính tiên sinh thừa nhận chỉ có ba người là: Gia Cát Lượng, BàngThống và Từ Thử.

QUẠT LÔNG CỦA GIA CÁT LƯỢNG

Thời Tam Quốc, thừa tướng Gia Cát Khổng Minh nhà Thục Hán luôn cầm một chiếc quạt lông, bốn mùa xuân hạ thu đông đều không hề rời tay. Lai lịch của chiếc quạt lông này rất dài.

Vốn là, ở phía tây nam thành huyện Nghi Đô cách Nam Dương ba trăm dặm có một quả núi lớn, đỉnh núi có hình dáng tựa như một con chim ưng đang muốn bay, mặt hướng về phía đông bắc, tên gọi là hòn Chim Ưng. Tương truyền rằng có một con chim ưng đại bàng làm tổ ở đấy, biến hóa thành tinh. Mỗi khi mùa xuân đến, lúa mạch non ở trong vòng một trăm dặm đều bị nó ăn sạch, khiến cho dân chúng chẳng thu được một hạt thóc nào. Chim ưng sau khi ăn hết lúa mạch non thì bay về phía bắc đến Nam Dương, uống rượu làm vui, cứ ba ngày say một trận, đến mùa đông lại bay về.

Chính dương khi chim ưng thành tinh tác yêu tác quái thì Gia Cát Lượng theo chú là Gia Cát Huyền từ Lang Nha đến Nam Dương. Ban ngày thì cày cấy ở Ngọa Long Cương, ban đêm lại dốc lòng đọc kinh sử trong lều cỏ. Cuộc sống tuy thanh bần nhưng Gia Cát Lượng tự lấy làm vui. Chú Gia Cát Lượng thích uống rượu, ngày ngày sau khi làm lụng, Gia Cát Lượng đều tới quán rượu ở Long Trung mua rượu cho chú. Lâu ngày, Gia Cát Lượng phát hiện ra trong số khách thường đến quán uống rượu có hai dị nhân. Hai người này, một họ

Kim, tên Đại Bằng: một họ Ô, tên Tam Quý. Cái "kì lạ" của hai người là ở chỗ nào? Một là, cứ ba ngày họ lại đến một lần, lần nào đến cũng uống say, không hề sai lệch. Hai là, từ trước tới giờ họ uống mà không hề trả tiền, nhà hàng cũng không có người nào hỏi đến. Vẫn chưa hết, có một lần, Gia Cát Lượng tới quán mua rượu, trời đã tối, những người làm đang luộc gà, rán cá để chuẩn bị bán vào ngày hôm sau, bèn bảo Gia Cát Lượng chờ cho một lát. Gia Cát Lượng rồi rãi, bèn đi vào trong sân dạo cho đỡ buồn, thấy trong một căn gác nhỏ bên phía đông ánh đèn sáng rực, hương thơm kì lạ bay xộc vào mũi. Nhìn từ ngoài thì căn gác nhỏ này được làm rất tinh xảo, trang nhã, bên trong bày biện rất nhiều thứ sang trọng, nào là chén vàng cốc ngọc, khay bạc bình đồng, đều là những vật quý hiếm trên đời. Gia Cát Lượng tới trước cửa sổ, nhòm vào bên trong, hóa ra Kim Đại Bằng uống rượu say, đang gục trên bàn mà ngủ, trong miệng có một viên tròn tròn hào quang đỏ rực cứ lán ra lán vào, khiến Gia Cát Lượng cứ ngây người ra mà nhìn. Hồi lâu, Gia Cát Lượng mới rón rén trở ra. Về sau, sự việc lạ lùng này Gia Cát Lượng còn nhìn thấy ba, bốn lần nữa.

Một buổi tối, Gia Cát Lượng mua xong rượu trở về, nhìn thấy phía trước mặt có một người đang bước đi ngật ngưỡng, vội đuổi theo, hóa ra là Ô Tam Quý đang say rượu, liền dìu anh ta đi một đoạn. Ô Tam Quý biết Gia Cát Lượng ở Ngọa Long Cương ngày cày ruộng đêm đọc sách, bụng chứa đầy kinh luân, lời lẽ và thái độ không tầm thường, tất sẽ là một bậc hiền tài, cho nên rất muốn làm thân với Gia Cát Lượng.

Đọc đường, vừa đi vừa nói chuyện, Gia Cát Lượng liền đem những điều ngờ vực từ lâu vẫn dấu kín trong lòng ra hỏi Ô Tam Quý:

- Kim Đại Bằng lúc uống say sao lại thổ ra một viên tròn màu đỏ?

- Điều này... anh làm sao mà biết được?

- Thì chính mắt tôi nhìn thấy, mà không phải chỉ một lần.

-A! - Ô Tam Quý kinh ngạc, hồi lâu không nói được thành lời.

Bị Gia Cát Lượng hỏi hai ba lần, Ô Tam Quý chẳng được mới nói sự thực ra với Gia Cát Lượng. Hóa ra, Kim Đại Bằng chính là chim ưng đại bằng biến thành. Viên ngọc quý màu đỏ ấy đã luyện được ba trăm năm, khi luyện thành công rồi, có thể hô gió gọi mưa, hiểu được mọi việc trong trời đất, pháp lực vô cùng. Để luyện ngọc, chim ưng phải uống thứ nước được ngâm bởi hàng vạn mẫu lúa mạch vụ xuân và thứ rượu được ủ bằng hàng ngàn gánh thóc vụ thu, lại còn phải "một đêm say rượu hai ngày ngủ, hai cánh vỗ nhẹ tới canh ba". Cho nên cứ cách ba ngày, chim lại đến Long Trung uống say một đêm, khi gà sắp gáy mới về tổ tu luyện. Vì thế, sau khi uống rượu say, ngọc quý màu đỏ mới lần ra lần vào ở trong miệng nó. Người bình thường không nhìn thấy, còn người có thể nhìn thấy thì quyết không phải là hạng phàm phu tục tử.

Gia Cát Lượng nghe xong, trầm nghĩ, chim ưng muốn tu tiên đắc đạo, hao phí không tiếc số lúa mạch xuân và thóc vụ thu lớn như vậy, há chẳng là làm khổ nhiều đến dân chúng đó sao? Bèn có ý phá viên ngọc quý ấy của chim ưng.

Về đến lều cỏ, Gia Cát Lượng chặt một đoạn trúc tử kinh, làm thành một cây gậy chống, đục xuyên lòng gậy, đổ vôi vào, đầu dưới dùi mấy lỗ nhỏ. Chuẩn bị xong, Gia Cát Lượng nhắm tính thời gian "một đêm say rượu hai ngày ngủ, hai cánh vỗ nhẹ tới canh ba".

Ba ngày sau, quả nhiên Kim Đại Bằng lại tới quán rượu ở Long Trung, ngồi trong căn gác nhỏ phía đông uống đến say bí tỉ. Gia Cát Lượng liền đem gậy chống bằng trúc từ kinh đã chuẩn bị sẵn tặng cho Kim Đại Bằng. Tinh chim ưng không biết đó là kế của Gia Cát Lượng, bèn cứ chống gậy trúc đi về nhà. Đã chống gậy như vậy chẳng thể đi nhanh được, vói dưng trong ruột gậy liền chảy ra, thế là suốt quãng đường đều có dấu vói để lại.

Gia Cát Lượng dậy thật sớm, lần theo dấu vói, thẳng hướng tây nam mà đuổi theo. Sau khi leo dốc băng dèo, qua cầu vượt núi, đuổi một mạch ba trăm dặm thì Gia Cát Lượng đã tới đỉnh một ngọn núi lớn ở tây nam thành Nghi Đô, cuối cùng đã tìm thấy tổ của tinh chim ưng. Kim Đại Bằng đang say không biết trời đất gì nữa, viên ngọc quý tỏa sáng lấp lánh kia cứ thò ra thụt vào ở miệng, tỏa hương thơm ngát ngất.

Gia Cát Lượng đánh "vụt" một cái đã chop được viên ngọc quý màu đỏ ấy. Tinh chim ưng phút chốc giật mình tỉnh dậy, thấy viên ngọc tu luyện ba trăm năm nay bị cướp mất, đạo hạnh ba trăm năm cũng mất luôn, không còn sức lực để giành lại ngọc quý, liền lăn đi mấy vòng, hiện nguyên hình, kêu to ba tiếng rồi tức giận mà chết.

Gia Cát Lượng trở về Nam Dương, Ô Tam Quý lại bảo rằng:

- Lòng trên mình còn chim ưng ấy không phải là thứ tầm thường đâu! Nó là quyển vở ghi chép sự việc mà chim ưng tu luyện đã nhiều năm, được nó thì có thể biết sự việc ba trăm năm về trước và ba trăm năm về sau.

Gia Cát Lượng theo kế mà làm, nhổ lông trên mình chim ưng về, chế thành một cái quạt lông. Chim ưng ấy về sau liền hóa thành đá. Dân chúng Nghi Đô liền gọi tảng đá ấy là hòn Chim Ưng. Đến nay, dân gian vẫn còn lưu truyền những địa danh như dốc Thạch Tích, đình Thạch Tự, cầu Thạch Khôi, núi Thạch Trụ, đó chính là những nơi, ngày ấy, trên đường đuổi tìm tổ chim, Gia Cát Lượng đã đi qua.

Gia Cát Lượng từ khi có quạt lông thì vô cùng yêu quý nó, một bước cũng không rời. Về sau, Long Trung quyết kế, đốt Tân Dã, đánh Xích Bích, được Kinh Châu, lấy Tây Xuyên, định Hán Trung, cho đến ngồi một chỗ đẩy lui năm đạo quân địch, sáu lần ra Kỳ Sơn, bảy lần bát Mạnh Hoạch, Gia Cát Khổng Minh điều binh khiển tướng, cướp Ai lấy thành, đều nhờ có chiếc quạt lông này giúp cho rất nhiều.

ÁO BÁT QUÁI VÀ ÁO CÁNH HẠC

Thời Tam Quốc, Gia Cát Khổng Minh ngoài một cái quạt lông quý ra, còn có hai cái áo rất quý: một cái gọi là "áo bát quái", một cái gọi là "áo cánh hạc". Hai cái áo này cũng có lai lịch của nó.

Vốn Ô Tam Quý hay uống rượu trong quán rượu ở Long Trung là một con rùa núi lớn ở sông Tương Thủy biến thành, tên gọi "Tương Thủy Sơn Quy". Hơn ba trăm năm trước, một hôm, Sơn Quy tắm ở sông Tương, rồi bò lên phơi nắng trên bãi cát. Bỗng nghe bờ bên kia có người gọi, liền ngẩng đầu lên nhìn, thấy một con chim hạc và một con chim ưng, vội ra sức bơi sang, cố gắng qua sông. Hỏi ra mới biết đó là "chim hạc tiên ở Nam Dương" và anh của nó là "chim ưng đại bàng", vì tu luyện, đến ăn lúa mạch non ở ruộng, bị người ta bán bị thương. Máu của Tương Thủy Sơn Quy có thể chữa lành vết thương do tên bán, thương đâm, nó bèn cắn nát ngón chân trước, lấy máu chữa vết thương cho hạc và ưng, còn khuyên chúng đừng ăn hoa màu nữa mà hãy đến dân chúng. Hai anh em hạc và ưng nghe lời, chỉ ăn lúa mạch hoang và quả cây trên núi để tu luyện. Về sau, hạc tiên ở Nam Dương hóa thành "Hoàng Nhị Hạc", mở quán rượu tại Long Trung,

thường cùng với Kim Đại Bằng do chim ưng biến thành uống rượu với Sơn Quy trong quán.

Từ đấy, Tương Thủy Sơn Quy cùng anh em ưng, hạc trở thành "ba người bạn Nam Dương".

Nhưng, chim ưng đại bằng vì muốn mau chóng thành tiên, nên không nghe theo lời khuyên của Sơn Quy, mỗi năm ăn hại lúa non trong vòng một trăm dặm, khiến cho dân chúng đói khổ.

Sơn Quy nhiều lần khuyên bảo, nhưng ưng vẫn cứng rắn bất chấp. Sau khi Sơn Quy quen với Gia Cát Khổng Minh, thấy đúng là một chàng trai trẻ có phong thái không tầm thường, ngày sau tất làm nên sự nghiệp lớn.

Hôm đó, uống rượu trong căn gác nhỏ, ưng, hạc say bí tỉ, nói ra sự thật, Sơn Quy mới biết không những chim ưng làm điều xằng bậy, khổ hại đến dân chúng, mà Hạc cũng làm loạn phép tắc, lấy trộm lương thực trong kho nhà nước để nấu rượu kiếm lời. Sơn Quy giận lắm, liền hất đổ bàn tiệc rồi bỏ về. Trên đường gặp Gia Cát Khổng Minh hỏi mình về sự việc Kim Đại Bằng thổ ra viên ngọc đỏ, Sơn Quy lại càng tin chắc rằng Gia Cát Khổng Minh không phải là hạng tầm thường, vì thế mới quyết tâm bảo cho Gia Cát Khổng Minh đi lấy ngọc quý, nhờ lòng chim, khiến chim ưng hóa thành núi đá.

Hôm ấy, Hạc nghe thấy ba tiếng kêu thảm thiết, biết anh chim ưng của mình đã bị hại, khóc lóc thương xót mãi. Nhưng, nghĩ đi nghĩ lại, quả quyết rằng chỉ có Tương Thủy Sơn Quy biết rõ ngọn ngành mới có thể hại được anh mình. Thế là, thừa lúc Sơn Quy không phòng bị, Hạc bèn ngấm ngấm ra tay, đánh cho Sơn Quy toàn thân thương tích, chết đi sống lại.

Trước khi chết, Tương Thủy Sơn Quy gắng gượng chịu đau tìm Gia Cát Khổng Minh, kể hết đầu đuôi sự việc. Gia Cát Khổng Minh giạt mình, vội vàng định chữa trị cho Ô Tam Quý. Ô Tam Quý bảo đã chữa rồi mà không khỏi, rồi liền đem "áo bát quái" đã tu luyện hai trăm năm trên người tặng cho Gia Cát Khổng Minh, nói rằng về sau gặp lúc chinh chiến, áo có thể chống đỡ được đao thương, lại bảo Gia Cát Khổng Minh cách để lấy áo khoác của hạc tiên. Nói xong, Tương Thủy Sơn Quy liền trút mai rùa bát quái, rồi đi về phía nam. Nó vốn muốn trở về quê cũ ở sông Tương Thủy, nhưng kết quả chỉ đi đến nơi giáp giới giữa Chi Giang và Nghi Đô thì liền ngã xuống. Đến nay, chỗ đó có một mỏm núi đá vôi trơn nhẵn tên gọi Ô Quy Bao, tương truyền chính là do Tương Thủy Sơn Quy biến thành. Về sau, Gia Cát Khổng Minh làm thừa tướng nhà Thục Hán, liền sai nhà chùa đào đắp ao đầm, thả nuôi rùa, nghe nói cũng là để kỉ niệm Tương Thủy Sơn Quy. Cho đến những đời sau, chùa chiền đền miếu các nơi đều có ao phóng sinh, phong tục nuôi rùa chính là ra đời như vậy.

Lại nói Gia Cát Khổng Minh thấy Tương Thủy Sơn Quy đã đi rồi, đành cầm mai mà rùa lột để lại dưới đất, nào ngờ mai rùa lập tức biến thành một cái áo đạo sĩ màu vàng lấp lánh, trên có thêu hình bát quái. Gia Cát Khổng Minh lại theo lời mách bảo của Sơn Quy, quá canh ba, tới quán rượu ở Long Trung, bí mật đột nhập vào căn gác nhỏ ở bên phía đông, quả nhiên thấy Hạc đang say rượu mê mết, bên cạnh vắt một cái áo dài bằng lông hạc. Gia Cát Khổng Minh cầm lấy áo mặc lên người, Hạc phút chốc giật mình tỉnh dậy, thấy áo bảo bối đã bị người khác lấy, pháp lực cũng tiêu tan, đành hiện nguyên hình là hạc vàng rồi bay đi mất.

Từ đấy, Gia Cát Khổng Minh liền có hai cái áo quý. Khi đi chinh chiến thì luôn mặc áo bát quái, sai khiến quân binh rầm rập; còn khi nghị bàn việc nước thì luôn mặc áo cánh hạc, đối sách như nước chảy.

TÍNH TOÁN

Nói đến Gia Cát Lượng, mọi người đều biết ông tay phe phẩy quạt lông ngỗng, mình mặc áo bát quái, giỏi tính toán, liệu việc như thần, là một người đại tài thời Tam Quốc, nhưng lại không biết rằng ông cũng từng bó tay trước một bài toán nhỏ, đến mức phải chỉ trời chỉ mà thôi, suốt đời không uống rượu, cũng không ăn đậu phụ.

Khi Gia Cát Lượng ở ẩn tại Long Trùng, Tương Dương, thường tự ví mình cao hơn Quán Trọng, Nhạc Nghị. Một hôm, ngồi xem sách trên Bào Tất Đình, cảm thấy hơi mệt mỏi, muốn giải trí, Gia Cát Lượng bèn cấp sách đi xuống núi, thấy một cụ già ngồi dưới một gốc cây to, trước mặt đặt một gánh. Gia Cát Lượng tiến đến nhìn, một đầu gánh là giỏ đậu phụ trắng mềm tinh khiết, một đầu là hũ rượu cao lương thơm nức. Gia Cát Lượng đói bụng, bèn bước tới cúi mình thi lễ, hỏi rằng:

- Cụ ạ, đậu phụ và rượu này có phải để bán không?

Cụ già vừa đứng dậy chấp tay đáp lễ, vừa cười trả lời:

- Chính phải, chính phải. Nhưng đã là Gia Cát Lượng tiên sinh muốn thì không phải trả tiền đâu.

Gia Cát Lượng nghe xong, vội lắc đầu cười, nói:

- Thế sao tiện? Sao tôi lại có thể lấy không của cụ. Hơn nữa, cụ buồn bán vốn liếng nhỏ nhoi thế này cũng đã đủ vất vả lắm rồi!

Cụ già thấy Gia Cát Lượng cứ lắc đầu từ chối hoài, thì nói:

- Thế thì thế này vậy: Tôi có một bài toán nhỏ, xin tiên sinh tính giúp tôi. Nếu như tính được thì đậu phụ và rượu này xin làm thành cái lễ tạ ơn.

Gia Cát Lượng nghe nói vậy, mới mỉm cười gật đầu, mời cụ già nói ra bài toán ấy. Cụ già chấp tay, nói:

- Tôi muốn hỏi tiên sinh: một cân đậu hạt có thể làm được bao nhiêu đậu phụ? Một cân cao lương có thể ủ được bao nhiêu rượu?

Gia Cát Lượng nghe xong, không nhin được cười, cho rằng việc này rất đơn giản. Nhưng vừa nghĩ qua đã cảm thấy vấp phải khó khăn, lại nghĩ kĩ một lần nữa, thì thấy khó thực sự. Vì sao vậy? Vì rằng Gia Cát Lượng tuy đã trưởng thành như vậy, đã ăn không ít đậu phụ, uống không ít rượu, nhưng từ trước tới giờ chưa hề xay đậu phụ, chưa hề ủ rượu, không biết bài toán nhỏ này phải tính như thế nào. Gia Cát Lượng cấp sách, bước vòng quanh, đi tới đi lui, vắt óc suy nghĩ, vậy mà vẫn chưa tính ra, đành tiến đến cúi mình, mặt đỏ bừng nói với cụ già:

- Thật xấu hổ! Tôi quả thực tính không ra. Nhất định là cụ biết, vậy kẻ văn sinh này lại phải xin cụ chỉ dạy cho!

Cụ già vuốt râu, cười khà khà, nói:

- Kì thực, bài toán này không khó. Dùng đậu hạt làm đậu phụ, nước nhiều đậu phụ sẽ mềm, cân lên rõ ràng sẽ nặng, nước ít đậu phụ sẽ rắn, như vậy cân lên rõ ràng là nhẹ, thế gọi là "đậu làm đậu phụ không định số". Cao lương nấu rượu

thì không như vậy. Cao lương bỏ vào thùng nấu, trên thùng có nôi, trên nôi ngưng hơi nước, hơi nước biến thành rượu, một cân cao lương có thể nấu được hơn một cân rượu, thế gọi là "cao lương nấu rượu có nặng thêm". Tiên sinh chưa làm qua công việc này, cho nên tính không ra, thế gọi là "việc chưa làm qua không thể biết". Như Gia Cát tiên sinh còn như vậy, thì những người khác càng khỏi cần phải nói.

Gia Cát Lượng nghe xong, gật đầu liên hồi, vui mừng nói:

- Dội ơn cụ chỉ dạy, khiến cho Lượng tôi được mở mang đầu óc ra nhiều. Xin cụ nhận cho Lượng tôi một lạy!

Nói xong, liền cúi mình vái lạy. Cụ già vội ngăn Gia Cát Lượng lại, chỉ vào đậu phụ và rượu cao lương, nói:

- Tiên sinh tuy không tính được bài toán này, nhưng lạy như vậy tôi không dám nhận. Tôi tặng rượu và đậu phụ này cho tiên sinh, coi như là cái lễ ra mắt của tôi vậy!

Ngờ đâu Gia Cát Lượng nghe xong, vội vàng lắc đầu, nghiêm trang nói:

- Tôi đâu dám lại nhận đậu và rượu của cụ? Để ghi nhớ bài học hôm nay, nhắc nhở những cái còn non kém của tôi, tôi thề có ông trời trên cao kia, từ nay về sau, suốt đời tôi sẽ không ăn đậu phụ, không uống rượu nữa!

Từ đấy về sau, Gia Cát Lượng sống đến già, học đến già, cẩn thận suốt cả một đời, phàm là thấy người ta ăn đậu phụ, uống rượu thì đều thăm tự khuyên nhủ mình, tự cho rằng mình đúng.

GIA CÁT LƯỢNG LÀM RÈ

GIA CÁT LƯỢNG LẤY VỢ

Việc Gia Cát Lượng lấy vợ có rất nhiều thú vị.

Năm ấy, Gia Cát Lượng ở ẩn tại Long Trung, Tương Dương, suốt ngày dùi mài đọc sách, không hề ra khỏi cửa. Thấm thoát mấy năm qua đi, Gia Cát Lượng đã hơn hai mươi tuổi, vẫn còn chưa tìm được một người vợ tâm đầu ý hợp.

Bên dòng Hán Thủy cách Long Trung ba mươi dặm có một danh sĩ, tên gọi Hoàng Thừa Ngạn, ông chỉ sinh được một cô con gái tên gọi Hoàng Uyển Trinh, tuổi gần hai mươi mà vẫn chưa lấy chồng.

Hoàng Thừa Ngạn kết giao với Gia Cát Lượng rất thân, có ý muốn gả con gái cho Gia Cát Lượng, liền nhờ bạn là Thôi Châu Bình đi kén rể. Gia Cát Lượng nghe người ta nói rằng con gái họ Hoàng rất xấu xí, tóc vàng, da mặt đen, lại còn bị rổ, thì chân chừ không quyết.

Hoàng Thừa Ngạn biết vì sao Gia Cát Lượng không ưng chịu việc kén rể này, liền tìm Thôi Châu Bình đến, nói rằng:

- Bác đi Long Trung mời Gia Cát Lượng tới, cứ nói là nhà tôi vừa mới kiếm được một bức họa cổ rất quý.

Thôi Châu Bình đi Long Trung, mời được Gia Cát Lượng. Hai người kẻ trước người sau đến cổng nhà họ Hoàng. Vừa mới bước vào, một con chó to từ trong lao ra, xông thẳng vào người Gia Cát Lượng, khiến Gia Cát Lượng thiếu chút nữa thì ngã bệt xuống. Không đợi cho Gia Cát Lượng định thần trở lại, từ cửa sau lại băng ra một con hổ lớn, Gia Cát Lượng quay đầu định chạy, bị Thôi Châu Bình kéo lại. Quay đầu nhìn, thấy con hổ ấy không chạy đến cắn, trái lại nó đuổi con chó kia chạy vào trong ngách cổng. Gia Cát Lượng thận trọng tiến vào xem, hóa ra con chó và con hổ ấy đều làm bằng gỗ. Lúc này, Hoàng Thừa Ngạn bước ra, mời Gia Cát Lượng vào trong nhà chính.

Gia Cát Lượng ngồi yên đầu gối, mới hỏi Hoàng Thừa Ngạn tranh cổ ở đâu. Hoàng Thừa Ngạn nói:

- Chớ vội, chớ vội, uống hớp trà rồi xem tranh cũng không muộn.

Nói xong, vươn tay ra ấn góc bàn, rắc, rắc, rắc, có hai người bung trà từ ngách cửa đi ra, mang khay trà đầy sánh cho Gia Cát Lượng và Thôi Châu Bình. Gia Cát Lượng đang định cảm ơn, ngẩng đầu lên nhìn, thì thấy người bung trà cũng là người gỗ. Gia Cát Lượng kinh ngạc nói với Hoàng Thừa Ngạn:

- Hoàng tiên sinh có thể làm ra những máy móc tinh xảo như vậy, kẻ học trò này thật kính phục.

Hoàng Thừa Ngạn lắc đầu lia lịa, cười ha hả, nói:

- Tôi đâu có được nhân rồi thế, đó đều là đồ chơi do đứa con gái xấu xí của tôi tấy máy làm ra đó.

Gia Cát Lượng nghe nói những thứ tinh xảo ấy đều do Hoàng tiểu thư làm thì nhủ thầm trong bụng: Người con gái

này có thể nói là không tầm thường, nếu lấy làm vợ thì thật là có đốt đèn lồng đi tìm cũng khó mà tìm được ai hơn, sao lại có thể chê người ta là xấu xí được! Gia Cát Lượng nghĩ đến đây, liền đứng dậy nói với Hoàng Thừa Ngạn:

- Hoàng tiểu thư tài hoa như vậy, văn sinh thực kính phục.

Hoàng Thừa Ngạn nói:

- Chỉ hiềm nó là đứa không được xinh đẹp, nói chuyện lấy chồng quả là khó khăn.

Gia Cát Lượng hiểu ý tứ của Hoàng Thừa Ngạn, bồng chốc đỏ bừng mặt mũi, vội vàng thi lễ, nói:

- Rể này có mắt không trông, mong nhạc phụ lượng thứ!

Hoàng Thừa Ngạn nhìn Thôi Châu Bình cười.

Không lâu sau, Hoàng Thừa Ngạn chọn ngày lành, làm lễ cưới cho Gia Cát Lượng và Hoàng Uyển Trinh. Hai người vái lạy trời đất, bước vào buồng cô dâu chú rể. Gia Cát Lượng giơ tay vén tấm khăn trùm trên đầu cô dâu, chỉ thấy một người con gái như hoa như ngọc đang ngồi trước mặt mình, mắt long lanh như nước, má hồng rục rỏ, miệng nhỏ chúm chím, trông cực đẹp. Gia Cát Lượng cho là mình hoa mắt. Người ta nói cô ta xấu xí lắm, sao phút chốc lại biến thành người đẹp đến như vậy! Hoàng Uyển Trinh thấy Gia Cát Lượng bộ dạng cứ ngây ra như si như mê thì phì cười, rồi vội về ngưỡng ngưỡng nói rõ sự việc cho Gia Cát Lượng biết.

Hóa ra Hoàng Uyển Trinh từ nhỏ đã lâu thông kinh sử, tập luyện nhiều kỹ năng, là một tiểu thư có học thức nơi buồng khuê của nhà đại gia. Khi lớn lên, nàng không muốn kết hôn với những hạng công tử lờ loẹt chỉ thích dung nhan bên ngoài, thề rằng phải tìm được một người tài giỏi khinh nhan

sắc trọng tài năng mới lấy. Vì thế, nàng phao tin là mình xấu xí, từ chối một đồng những anh chàng công tử kia. Chỉ có Gia Cát Lượng biết được khả năng của nàng, lại trọng tài mà không trọng nhan sắc, cuối cùng đã cùng nàng kết duyên chồng vợ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng trẻ sống với nhau rất yêu thương, đầm ấm. Gia Cát Lượng còn học được ở Hoàng Uyển Trinh rất nhiều khả năng. Nghe nói về sau, kể trâu gổ ngựa máy mà Gia Cát Lượng dùng chính là học được ở vợ.

VỀ VÒNG CHỌN RỂ

Tương truyền Hoàng Thừa Ngạn là một ông quan thanh liêm văn võ kiêm toàn, chỉ vì có tội với triều đình, đành treo mũ từ quan, mang theo cổ con gái mà trốn đi. Không may giữa đường họ gặp phải bọn cướp, cha con li tán. Người cha lòng đau như cắt, ngồi trong lũng núi khóc lóc thảm thiết.

Vừa đúng lúc Gia Cát Lượng đi qua chỗ này, thấy ông già khóc lóc vô cùng thê thảm, liền mời ông về nhà mình, cung dọn cơm nước tử tế, lại ngày ngày cùng ông đánh cờ, vẽ tranh, du ngoạn cho khuây khỏa. Hoàng Thừa Ngạn thấy Gia Cát Lượng trung hậu, lương thiện, tài mao song toàn, nghĩ bụng nếu như con gái còn sống, chọn Gia Cát Lượng làm con rể, thì thật là mãn nguyện vô cùng! Nhưng mà bây giờ không biết nó ra sao, trong lòng ông rộn lên nỗi nhớ nhung.

Chẳng mấy chốc đã được một năm. Ngày tết Trung thu, Hoàng Thừa Ngạn lại tưởng nhớ đến con gái, trong lòng vô cùng buồn bã, liền cầm bút vẽ lên trên tờ giấy nửa cái vòng tròn, rồi tiện tay kẹp trong đồng sách vở thường xem. Vừa vận lúc Gia Cát Lượng tới thư phòng, phát hiện ra mảnh giấy này, đoán được nỗi lòng của Hoàng Thừa Ngạn, liền vội ra phố mua rượu thịt, mời Hoàng Thừa Ngạn uống. Rượu được ba tuần, Gia Cát Lượng đứng lên, nói:

- Tiên sinh muốn đi tìm tiểu thư nghìn vàng, vãn sinh tôi không dám cố giữ. Đây có ba mươi lạng bạc, gọi chút lễ mọn để tiễn tiên sinh làm lộ phí.

Hoàng Thừa Ngạn giật mình, hỏi:

- Anh làm sao biết được là ta muốn đi tìm con gái ta?

Gia Cát Lượng nói:

- Ngày rằm tháng tám trăng tròn, nhưng tiên sinh vẽ trên giấy chỉ có một nửa mặt trăng, chắc là tiên sinh nhớ tiểu thư, mong mỗi trăng tròn thì gia đình cũng đoàn tụ.

Hoàng Thừa Ngạn thấy Gia Cát Lượng nhìn thấu tâm tư của mình thì thầm cảm phục.

Hoàng Thừa Ngạn từ biệt Gia Cát Lượng, hỏi han tin tức con gái khắp nơi, trải qua biết bao sóng gió, sau nửa năm, cuối cùng đã tìm được.

Đến tết Thanh minh, Hoàng Thừa Ngạn bèn hẹn với mấy người bạn thân là Thôi Châu Bình, Từ Nguyên Trực cùng tới Long Trung tìm Gia Cát Lượng để tỏ lòng cảm tạ. Mấy người gặp nhau muốn phần thân thiết. Giữa tiệc rượu, Gia Cát Lượng nâng chén chúc mừng cha con Hoàng Thừa Ngạn lại đoàn viên, lại còn tỏ ý muốn bá Hoàng Thừa Ngạn làm thầy. Hoàng Thừa Ngạn cười không nói, đến khi cơm xong, vào thư phòng tìm mảnh giấy mà ông đã để lại, cầm bút vẽ thêm một

nét lên nửa cái vòng tròn, nhưng không nối liền lại thành vòng tròn. Mọi người ở đấy không hiểu là làm sao, còn Gia Cát Lượng thì miệng nói Thái Sơn, sụp mình xuống vái lạy. Hoàng Thừa Ngạn lại một lần nữa ngạc nhiên:

- Anh làm sao biết tôi muốn chọn anh làm rể?

Gia Cát Lượng thưa:

- Việc cả một đời của con cái là nỗi lo trong lòng của cha mẹ. Hai cha con tiên sinh đoàn viên trở lại, cứ theo lí mà suy thì phải vẽ thành mặt trăng tròn, nhưng tiên sinh không vẽ thành mặt trăng tròn, đương nhiên là vì việc cả một đời của con gái chưa định, nên còn chưa yên lòng. Chỉ hiềm một nỗi kẻ học trò này tài hèn học cạn, còn mong chờ Thái Sơn chỉ dạy nhiều cho.

Hoàng Thừa Ngạn nghe vậy lại càng vui mừng, liền miệng gọi rể hiền, tay đỡ Gia Cát Lượng dậy. Hóa ra tiểu thư nhà họ Hoàng này rất có tài danh, người đến cầu hôn nhiều đến mức giẫm gãy cả ngưỡng cửa. Những người này tuy đều là hạng con cháu nhà giàu sang quyền thế, nhưng phần nhiều là những kẻ chỉ có cái mẽ bề ngoài, chẳng có người nào lọt vào mắt Hoàng Thừa Ngạn. Đến nay, trải qua hai lần vẽ vòng, Hoàng Thừa Ngạn đã tin tưởng chắc chắn rằng Gia Cát Lượng là bậc kì tài trong thiên hạ, thế là ông bèn lại cầm bút lên, vẽ nốt thành vòng tròn, đưa cho con gái và con rể, chúc hai người được hoa thơm trăng tròn, bách niên giai lão.

TRÁU GỖ NGỰA MÁY

Gia Cát Lượng dùng "trâu gỗ ngựa mảy" vận chuyển lương thảo là việc mà mọi người đều biết cả. Nhưng nói đến lai lịch

của "trâu gỗ ngựa máy" thì lại phải bắt đầu nói từ việc Gia Cát Lượng làm rế.

Sau khi Hoàng Thừa Ngạn hứa gả con gái cho Gia Cát Lượng, bèn bàn định vào ngày hai tám tháng chạp năm ấy sẽ tổ chức lễ cưới. Trước ngày rước dâu một tháng, Hoàng Thừa Ngạn đột nhiên gọi Gia Cát Lượng đến, nói rằng con gái ông đưa ra điều kiện: Ngày rước dâu cô sẽ một là không ngồi kiệu, hai là không cưỡi ngựa, ba là không ngồi thuyền, bốn là không đi bộ. Nếu như không làm được như vậy thì hôn lễ sẽ bị bãi bỏ.

Gia Cát Lượng nghe xong, trong lòng hoang mang: Việc này phải làm sao đây? Trở về Long Trung, Gia Cát Lượng ăn không ngon, ngủ không yên, chỉ đi quanh quẩn trong sân nhà, trên sườn núi suy nghĩ.

Thời gian cứ dần trôi, chẳng mấy chốc ngày cưới sắp đến. Hôm ấy, Gia Cát Lượng đang ở trên sườn núi vắt óc nghĩ cách cưới vợ về, bỗng nghe thấy tiếng kêu kinh hoàng dưới núi: "Trâu lồng, mau tránh đi!" Gia Cát Lượng chạy lên chỗ cao hơn để nhìn, thấy một con trâu đang lòi cổ bừa lan chạy như bay trên đồng, giầy lát trong đầu lóc lên ý nghĩ, rằng nếu như đặt một cái khung lớn lên trên bánh xe thì sao người lại không thể ngồi được?

Gia Cát Lượng trở về nhà, lại đắn đo suy tính kĩ càng một hồi, rồi vẽ ra thành một bản mẫu, sai người chiếu theo đó mà làm. Cứ như thế, làm rồi lại sửa, sửa rồi lại làm, liền một mạch mấy ngày, cuối cùng đã làm xong một chiếc xe đầu ngựa mình trâu. Gia Cát Lượng muốn thử xem chiếc xe này có hiệu nghiệm không, bèn ngồi lên, gọi thư đồng đến đẩy.

Thư đồng nâng còng xe đẩy một cái, chiếc xe liền cứ thế chạy trên đường núi chật hẹp. Gia Cát Lượng mừng vô cùng, bèn đặt tên cho chiếc xe là xe Gia Cát Lượng.

Hôm đón dâu, trong sân ngoài sân nhà Hoàng Thừa Ngạn chật ních người xem. Họ đều biết điều kiện rất khó thực hiện mà Hoàng tiểu thư đã đưa ra, muốn xem xem Gia Cát Lượng ứng phó như thế nào.

Đến trưa, đoàn đón dâu quả nhiên tới. Gia Cát Lượng ngồi trên một cái "bệ" quay vài màu, thư đồng đẩy phía sau, một bánh xe bằng gỗ giống như cái bừa lăn to chuyển động ở giữa "bệ". Mọi người vây lấy, hỏi đây là cái gì? Thư đồng buống còng xe xuống, cười hơ hơ nói lớn:

- Đây là chiếc xe do tiên sinh tôi làm riêng để đón dâu về. Nó không giống kiệu, dùng nó lại tiết kiệm sức lực hơn kiệu; nó không giống ngựa, ngồi lên nó còn chắc chắn hơn cưỡi ngựa; nó không giống thuyền, đường núi hẹp nó cũng có thể đi được.

Mọi người từ trước tới giờ chưa hề trông thấy thứ gì kì lạ hiếm có như vậy, cứ muốn xem cho thật hết. Thư đồng có ý trước mặt người nhà họ Hoàng giấu giấu giếm giếm, chỉ vén một góc tấm vải màu lên cho mọi người nhòm, nói:

- Trâu gỗ ngựa máy này có gì đẹp đâu!

Hoàng Thừa Ngạn vừa nhìn thấy thứ đồ chơi mới lạ này liền chạy vào nhà, đem sự việc nói với con gái rất tỉ mỉ. Hoàng tiểu thư nghe xong, vui sướng quên cả e thẹn, trang điểm xong xuôi, không ngồi kiệu, không cưỡi ngựa, không đi thuyền, cũng không đi bộ, mà ngồi lên "trâu gỗ ngựa máy" ấy để về nhà chồng.

"Trâu gổ ngựa máy" này chính là xe một bánh mà đến nay còn có người sử dụng, còn đương thời nó là một phát minh mới cơ đấy!

GIA CÁT LƯỢNG VÀ HOÀNG PHU NHÂN

Gia Cát Lượng thời trẻ rất mê đọc sách, thường đi khắp nơi mượn sách đọc. Một lần, nghe nói ở Ngọa Long Cương có Hoàng viên ngoại là người có tài thao lược, trong nhà chứa vô số sách lạ cổ kim, nhưng từ trước tới giờ không chịu truyền ra ngoài. Gia Cát Lượng vì muốn gần gũi Hoàng viên ngoại để có thể đọc sách lạ của nhà ông ta, nên đã đích thân chuyển nhà đến Ngọa Long Cương.

Hoàng viên ngoại rất mê thích ngỗng, trong nhà nuôi có đến ngàn con ngỗng, ngày ngày phải đi đến Bạch Hà dưới Ngọa Long Cương để chăn thả. Gia Cát Lượng bèn dựng một túp nhà tranh ở đó, cả ngày trồng trọt, đêm về đọc sách, thường thường cùng Hoàng viên ngoại tới đây chăn ngỗng bàn luận cổ kim, rất tâm đầu ý hợp, chỉ chưa hề dă động đến việc mượn sách mà thôi.

Lâu ngày, Hoàng viên ngoại trong bụng đã rất yêu quý con người trẻ tuổi mà học rộng tài cao này, đoán rằng ngày sau tiền đồ của anh ta sẽ thênh thang rực rỡ, bèn nhờ người mối lái, đem con gái mình hứa gả cho Gia Cát Lượng. Gia Cát Lượng từ lâu đã nghe nói tiểu thư nhà họ Hoàng học giỏi, có tài, đương nhiên là ưng thuận.

Lúc sắp cưới, người mối hỏi Gia Cát Lượng muốn nhà họ •
Hoàng chuẩn bị những đồ cưới gì. Gia Cát Lượng nói:

- Những thứ khác đều không cần đến, chỉ cần nhạc phụ
ưng cho một số sách, thế là ban ơn lớn lắm rồi.

Hoàng viên ngoại quả nhiên tặng cho con rể mấy rương
sách lớn, nào là thiên văn địa lý, âm dương bát quái, không
cái gì không có. Gia Cát Lượng như bắt được vàng, đọc ngấu
nghiến quên ngày quên đêm, không lâu sau đã nhớ hết cả.
Nhưng Gia Cát Lượng còn chưa thỏa mãn, một hôm thở dài,
nói:

- Sách lạ tuy nhiều, nhưng chỉ tiếc là thiếu mất binh pháp.

Hoàng phu nhân nghe được câu này, chỉ nhếch miệng cười,
cũng không hề đáp lại.

Mấy hôm sau, phu nhân vẽ sơ đồ trận bát quái, đưa cho
Gia Cát Lượng, nói:

- Thấy chàng muốn học binh pháp, chẳng biết có thể phá
được trận này không, thử kiểm tra xem chàng có tài làm
tướng hay không!

Gia Cát Lượng còn cho là phu nhân đùa mình, nên mới
đại ngôn như vậy. Đến khi cầm sơ đồ trận xem qua, Gia Cát
Lượng hết sức ngạc nhiên, nếu không phải là tay cao thủ thì
sao có thể vẽ ra được sơ đồ trận này. Gia Cát Lượng khổ
công nghiên cứu, vắt óc suy nghĩ, mất tròn một tháng trời
mới phá được trận bát quái. Hoàng phu nhân hé miệng cười, nói:

- Xem ra, chàng khá thông minh đấy!

Liên đem những phép hành quân bày trận mà cha đã
truyền thụ cho lần lượt dạy lại cho chồng. Hai vợ chồng trẻ
thường dùng những miếng gỗ bày trận điều quân ngay trên
bàn ăn, bàn đọc sách. Người tấn công, người phòng thủ, "giết

giác" chẳng ai kềm ai. Từ đây, Gia Cát Lượng vẫn vô đều tinh thông, xa gần nức tiếng.

Sau đó không lâu, Lưu Bị ba lần tới lều tranh, mời Gia Cát Lượng xuống núi. Trước khi Gia Cát Lượng ra đi, Hoàng phu nhân thức mấy đêm liền, may một chiếc áo bát quái cho chồng. Nàng nói:

- Mặt ngoài của áo này là sơ đồ trận bát quái, đường may ở mặt trong là thế trận bát quái, chàng mặc áo này vào, chỉ huy quân sĩ bày trận, sẽ rất vững lòng. Buổi đầu, cha không muốn cho chàng sách binh pháp, là vì sợ chàng học phép dùng binh mà không gặp được minh chủ thì sẽ rơi vào chỗ bị muốn đời nguyên rủa; ngày nay, đã có Lưu hoàng thúc chấn hưng nhà Hán, khuông phò xã tắc, chàng đi giúp cho ông ấy, cha nhất định là vui mừng. Bây giờ chàng hãy đi gặp cha, nhất định sách binh pháp sẽ về tay chàng!

Gia Cát Lượng nghe vậy, liền mặc áo bát quái, đi tạ từ bố vợ. Hoàng viên ngoại quả nhiên rất vui mừng, tự tay giết ngỗng, bày tiệc để tiễn con rể. Ông lại dùng lông ngỗng làm thành một cái quạt lớn, cùng với sách binh pháp cất kín bấy lâu, đem tặng cả cho Gia Cát Lượng, lại còn dặn đi dặn lại rằng:

- Ngỗng là loài sinh linh rất nhạy bén, chỉ cần gió thoảng có lay là nó biết liền/Làm tướng chỉ huy quân đánh giặc, hai chữ "nhạy bén" nhất thiết không thể quên.

Về sau, Gia Cát Lượng trong cuộc đời chinh chiến mấy mươi năm của mình, áo bát quái và quạt lông ngỗng không lúc nào rời thân, cho nên có thể biết người biết ta, trăm trận trăm thắng.

KHĂN GIA CÁT

Thời trẻ, Gia Cát Lượng vui đầu đọc sách ở Long Trung, cấy trồng mấy mẫu ruộng sống qua ngày. Về sau, Gia Cát Lượng lấy nàng A Xú là con gái Hoàng Thừa Ngạn làm vợ. A Xú là một cô gái học rộng biết nhiều, hai vợ chồng trẻ thương yêu nhau, cùng trao đổi học vấn, cuộc sống qua đi thật là hạnh phúc.

Nhưng, ngày tháng cứ thế trôi đi, Gia Cát Lượng cảm thấy rất sốt ruột, tâm sự ngày một chất chồng.

Một hôm, Gia Cát Lượng đang cầm sách đọc chăm chú, gió mát thổi tới, bất giác thiu thiu ngủ. Trong mờ mờ ảo ảo, bỗng có một người xông tới, trở vào mũi Gia Cát Lượng mà trách mắng rằng:

- Gia Cát Lượng ơi Gia Cát Lượng, ngày nay thiên hạ đại loạn, quốc gia đang lúc cần người, người vì sao cứ ở nhà không hề lo nghĩ gì cả?

Nói xong, nhảm đầu Gia Cát Lượng đập một cái. Gia Cát Lượng kêu lên một tiếng "úi cha", rồi giật mình tỉnh lại, hóa ra là một giấc mộng, giấy lát cảm thấy hoảng hốt, đầu đau muốn chết.

Vợ Gia Cát Lượng là A Xú sau khi biết tin, liền ân cần hỏi chồng:

- Chàng vốn là người rất khỏe mạnh, bệnh gì lại đến một cách đột ngột như vậy? Há chẳng phải có nỗi niềm tâm sự gì, nếu nói ra thiếp có thể giúp chàng khuấy khỏa được.

Gia Cát Lượng liền đem việc mộng寐 nói lại. A Xú nhìn chồng, rồi rút từ trong lòng ra một tấm khăn tay, gấp thành một dải, quấn quanh đầu Gia Cát Lượng. Gia Cát Lượng lập

tức thấy nhẹ hẳn đi, nhưng cũng cảm thấy rất kì lạ, bèn hỏi A Xú. A Xú cười, nói:

Sách y nói rất rõ ràng, "Tâm phiền dẫn đến hỏa vượng, hỏa vượng thì não sưng", bệnh của chàng là do lo lắng phiền muộn trong lòng mà gây nên. Chàng chó có mà coi thường người khác, thiếp đây không những có thể chữa được bệnh đau đầu của chàng, mà còn có thể chữa được bệnh trong tâm của chàng nữa!

Nói xong, chỉ chỉ lên tấm khăn buộc đầu kia. Gia Cát Lượng lấy tấm khăn buộc đầu xuống, mở ra xem, hóa ra trên khăn là một bức "Tam phân tướng đồ" do chính tay A Xú thêu. Gia Cát Lượng bỗng nhiên tỉnh ngộ, phút chốc khỏi bệnh. vội vàng vén chân xuống giường, ngỏ lời cảm ơn A Xú.

"Tam phân tướng đồ" trên tấm khăn tay kia chính là thêu vùng đất Thần Châu, có sông có núi, thành thế chân vạc, chia đất mà trị. Gia Cát Lượng tay nâng tấm khăn, thu nhận được rất nhiều gợi ý ở đó. Về sau, Lưu Bị ba lần tới lều tranh mời Gia Cát Lượng xuống núi cùng mưu đại sự. Gia Cát Lượng thấy Lưu Bị là một vị chúa anh minh, liền cùng ông thổ lộ tâm can, tỏ bày kế lớn, đưa ra chủ trương "chiếm cứ Kinh Châu, Ích Châu, phía bắc chống Tào Tháo, phía đông liên kết với Tôn Quyền, phía tây hòa với chư hầu, phía nam vỗ về di Việt", đây chính là "Long Trung quyết kế" nổi tiếng trong lịch sử.

Sau khi Gia Cát Lượng làm thừa tướng nhà Thục Hán, vẫn không quên sự gợi mở của vợ buổi ban đầu, nên luôn luôn thích đội khăn, mọi người liền gọi khăn ấy là khăn Gia Cát. Về sau, thói quen đội khăn lưu truyền trong dân gian, cứ thế nối tiếp mãi cho đến tận ngày nay, đặc biệt là lúc mắc bệnh trúng gió đau đầu, đội khăn còn có tác dụng trừ phong giảm bệnh!

BA LẦN TỚI LỀU TRANH

Long Trung thuộc ngoại thành Tương Dương, là nơi Gia Cát Lượng ở ẩn. Chuyện ba lần tới lều tranh ra đời chính ở nơi này.

Lưu Bị muốn làm việc lớn, nên đi khắp nơi tìm người hiền tài, mời về giúp đỡ mình. Nghe nói Gia Cát Lượng học vấn uyên bác, có năng lực, là một nhân tài kiệt xuất, Lưu Bị bèn sai Trương Phi đi mời.

Trương Phi cưỡi con ngựa cao lớn, dắt theo một bọn tùy tùng, tiền hô hậu ủng đến Long Trung. Phi thấy ở đây xung quanh đều là núi, trên núi dưới núi mọc đầy cỏ cây hoa lá, chỉ nghe thấy chim hót ve kêu, không hề thấy có một bóng người, liền cười, nói:

- Vùng núi hẻo lánh hoang vu quý không đẻ trứng này nào có nhân tài kiệt xuất! Nếu như là có người, thì hai mắt hán chỉ dán chặt vào cái chỗ bé bằng bàn tay này, làm sao biết được việc lớn trong thiên hạ! Đại ca anh thật hồ đồ, việc gì phải bảo tôi đến chỗ này tìm thàng mù để hỏi đường cơ chứ?

Trương Phi vừa dứt lời, bỗng nhiên nghe thấy tiếng gà cục ta cục tác, lại nhòm thấy một túp lều tranh ở sâu trong rừng, cửa sài kẹt mở, một người trẻ tuổi bước ra, trên mình mặc áo vải thô, tướng mạo giống như một học trò. Người này

tay cầm cần câu, cũng chẳng ngó ngang qua đám khách lạ ngoài cửa, ngồi ngay bên bờ đầm gần đấy mà câu cá.

Trương Phi đâu có chịu nổi sự coi thường ấy? Bèn gầm lên:

- Ở đây không có người nào khác, chắc hẳn nhà ngươi chính là Gia Cát Lượng. Ngươi hãy đồng tai lên mà nghe đây: Lưu hoàng thúc tiếng tăm lừng lẫy quý trọng ngươi, muốn ban cho ngươi quan chức, nên đã sai ta đi gọi ngươi về. Ngươi mau mau đi theo ta!

Người trẻ tuổi hình như bị điếc, cứ ngồi yên chẳng hề nhúc nhích, hai mắt chỉ chăm chăm nhìn phao câu nổi trên mặt nước. Bỗng người này giật phắt cần câu, thấy có vật mắc câu, vui sướng quá kêu lên:

- Cắn câu rồi!

Nhìn kĩ thì là một con tôm, bèn tức giận gỡ nó ra khỏi lưỡi câu, vứt xuống đầm nước, nói:

- Cá không cắn mà tôm lại đến, cut mày đi!

Trương Phi trong cái thò có cái tỉnh, nghe thấy trong lời nói của người ấy có ý mượn tôm để nói mình, lại còn đuổi đi, làm sao mà không tức. Phi bèn vung xà mâu quát tả hữu:

- Trối lại, trối lại! Trối hẳn dẫn đi gặp đại ca!

Người trẻ tuổi vẫn không hề thay đổi sắc mặt, chỉ tập trung tinh thần vào việc câu cá. Trương Phi thấy vậy đâm hoảng, nghĩ bụng: Đại ca ta bảo ta đi mời khách, chứ không bảo ta đi bắt người, ta làm việc thô lỗ cục cằn thế thì biết nói với đại ca ta ra sao đây. Nghĩ vậy, Phi lại vội vàng tự nhún, bảo tả hữu rằng:

- Hòa thượng chạy chẳng khỏi chùa, hãy ghi món nợ này lại, lần sau trở lại sẽ thanh toán với hẳn.

Nói rồi nghênh ngang bỏ đi.

Lưu Bị nghe Trương Phi thuật lại đầu đuôi một lượt, biết chắc người trẻ tuổi câu cá kia chính là Gia Cát Lượng, càng cảm thấy Gia Cát Lượng không phải là người tầm thường, bèn sai Quan Vũ đi mời lần nữa.

Quan Vũ dẫn một toán ngựa xe, chở vô số vàng bạc gấm vóc đến Long Trung. Quan Vũ thấy nơi này nước non đặc biệt thanh tú, hoa cỏ cực kì thơm tho, chim chóc hót líu lo say lòng người, thật đúng là một nơi rồng nằm hổ phục. Nhưng lại nhìn túp lều tranh rách nát ẩn trong rừng cây kia, thì bất giác cười thầm, bụng bảo dạ, cứ cho người ấy đúng là Ngọa Long đi, thì cuộc sống như thế này cũng đủ nghèo đủ khổ rồi, làm sao chịu được nữa! Ta mang ngàn này vàng bạc gấm vóc đến mời ông ta xuống núi, chỉ sợ rằng ông ta nhìn thấy của cải sẽ sáng mắt lên mà nhận lời ngay thôi. Quan Vũ đang nghĩ đến đấy, bỗng thấy cửa sài kẹt mở, một người trẻ tuổi từ bên trong đi ra. quả nhiên trên mình mặc áo vải thô, tay cầm cần câu đến bên đầm nước. Quan Vũ vội tiến lên thi lễ, nói:

- Chắc hẳn ông là Gia Cát tiên sinh. Lưu hoàng thúc từ lâu đã hâm mộ đại danh ông, có lòng sai tôi mang ngàn vàng tới mời ông ra làm quan.

Quan Vũ chỉ vào số vàng bạc gấm vóc:

- Mời ông nhận cho!

Gia Cát Lượng vẫn chẳng thèm nhìn ngó đến, cứ ngồi bên bờ đầm câu cá. Bỗng phao câu trên mặt nước chìm xuống, Gia Cát Lượng vội giật cần câu, nhìn thấy có vật mắc câu, vui mừng kêu lên:

- Lại cần câu rồi!

Nhìn kĩ thì là một con cá nhỏ, bèn gỡ nó ra khỏi lưỡi câu, thuận tay vứt xuống đầm nước, nói:

- Cá to không đến cá nhỏ lại đến, cút mày đi!

Quan Vũ nhận thấy trong lời nói của người này có ý vì mình với cá, lại còn nói đuổi cút. thì trong bụng không vui chút nào. Nhưng lại nghĩ mời người ta thì phải hai bên tình nguyện, không có cách nào bắt ép gà trống đẻ trứng. không tiện nổi nóng, đành ra về.

Lưu Bị lại nghe Quan Vũ nói lại đầu đuôi sự việc một lượt, rồi chẳng những không tức giận về nổi cả hai người đều không làm được việc, mà trái lại còn vô cùng mừng rỡ, nói:

- Tam đệ dùng vũ lực để dọa, ông ấy không sợ; nhị đệ dùng vàng bạc găm vóc để mời, ông ấy không động lòng. Có thể thấy ông ấy không phải là người tầm thường, mà nhất định là một bậc kì nhân bụng ôm chí lớn. Mất đôi đường xa. Đối với người như thế, ta nhất định phải đích thân đi mời. Hai em cũng nên đi cùng ta một lần nữa để mà xin lỗi ông ta về hai lần thất lễ vừa rồi.

Quan Vũ và Trương Phi đều không vui, sợ rằng Lưu Bị sẽ lại bị từ chối giống như họ, mất hết cả thể diện. Hai người khuyên ngăn hai ba lần, nhưng Lưu Bị không đổi ý, đành miễn cưỡng theo hầu.

Ba người không đem theo đám tùy tùng, cũng chẳng mang lễ vật, chỉ ba người ba ngựa, lại đến Long Trung lần thứ ba. Quan Vũ và Trương Phi nhìn lều tranh bất giác thầm nghĩ: Hẳn ta nhất định là người không có chân tài thực học, nên mới cứ đóng kịch làm ra vẻ kiêu ngạo như vậy. Nghe tiếng cửa sài kẹt mở, Quan Vũ và Trương Phi lại càng tức: Người ta thường nói quá tam ba bận. Nếu lần này hán lại vô lễ với đại ca thì dứt khoát sẽ đánh cho hán một trận để hán biết mặt!

Ai ngờ, Gia Cát Lượng lần này trong tay không phải là cầm cần câu, mà là xách hành lý như sắp đi xa. Gia Cát Lượng vái dài ba người khách, rồi nói:

- Tôi hai lần tiếp đón không được chu đáo, thất lễ với các vị, Lưu hoàng thúc đều không chấp, lại còn đích thân lần thứ ba đến lều tranh, có thể thấy phong thái không tầm thường, cứ chỉ không vướng vào hai chữ thế lợi; không coi Lượng này là người chỉ muốn quan chức tiền tài, lại càng tỏ rõ là biết nhìn người vậy. Tôi nay được gặp hoàng thúc, như cá được gặp nước, nhất định cúc cung tận tụy, đến chết mới thôi.

Lập tức cùng Lưu Bị, Quan Vũ và Trương Phi rời lều tranh ở Long Trung.

KHÔNG MINH BA LẦN THỬ LƯU BỊ

Mọi người đều biết chuyện Lưu Bị ba lần mời Gia Cát Lượng, kì thực, trước khi xuống núi, Gia Cát Lượng còn thử Lưu Bị ba lần.

Sau khi Từ Thử tế ngựa tiến cử Gia Cát, sợ Gia Cát Lượng không chịu xuống núi giúp Lưu Bị, bèn đích thân đi vòng qua Long Trung, nói với Gia Cát Lượng rằng:

- Lưu Bị là anh hùng số một đời nay, đã khoan hậu nhân nghĩa, lại quý người hiền trọng kẻ sĩ, chỉ cần Gia Cát tiên sinh ra giúp đỡ, thì nhất định có thể thực hiện được hoài bão, làm nên sự nghiệp kinh thiên động địa.

Ai ngờ, Gia Cát Lượng nghe xong bực tức giậm chân liên hồi, thăm oán Từ Thử quá rối việc mua chuyện. Gia Cát Lượng nói:

- Đã biết rõ là nhà Hán sắp hết, hoàng thượng tối tăm bất lực, họ Lưu từ trên xuống dưới không một người nào có thể dùng được, vậy mà còn bảo ta đi giúp họ, há chẳng phải đưa ta vào chỗ chết à!

Từ Thử chẳng nói được lời nào, đành lại lật dật chạy đến Thủy Kính Trang ở Nam Chương, mời thầy của Gia Cát Lượng là Thủy Kính tiên sinh đến Long Trung khuyên bảo giúp.

Thủy Kính tiên sinh cười lừa đến Long Trung, khuyên Gia Cát Lượng rằng:

- Ta đâu có biết ngọc bích họ Hòa (1) giá trị bằng nhiều thành quách, nếu như Biện Hòa không đem nó mà dâng lên cho vua Sở, thì đến nay nó vẫn chỉ là một hòn đá vô dụng.

Con trên thông thiên văn, dưới tường địa lý, văn võ thao lược, trên đời có một, nếu như học mà không dùng thì uống phí cả một đời, so với hòn đá kia phỏng có hơn gì? Như ngày nay Tào Tháo nắm được thiên thời, Tôn Quyền chiếm được địa lợi, nếu như con có thể giúp Lưu Bị giành lấy nhân hòa thì chẳng phải là hơn họ một bậc hay sao? Theo ta, Lưu Bị là một bậc quân tử nhân nghĩa, có con bàn mưu tính kế cho ông ta, thì nhất định có thể hưng vượng được. Công nghiệp ngàn thu được khởi dựng từ đây, con nhất thiết không được cố chấp, lỡ mất dịp này sẽ không còn dịp khác nữa đâu!

Nghe Thủy Kính tiên sinh giảng giải khuyên bảo một hồi, Gia Cát Lượng trong lòng đã chuyển, bèn nói:

• Việc lớn hệ trọng, Lưu Bị là người như thế nào, đệ tử con còn phải đích thân xem thử, nếu như ông ta cũng như Lưu Biểu là hạng người chỉ có hư danh, thì con thà ở chốn này cây ruộng suốt đời!

(1) Theo *Hàn Phi Tử*, Biện Hòa, người nước Sở, lấy được hòn đá có ngọc ở núi Kinh Sơn, đem dâng cho Lê Vương. Lê Vương cho là dối trá, sai chặt chân trái. Vũ Vương lên ngôi, Hòa lại đem dâng, vua cũng cho là dối trá, sai chặt chân phải. Đến khi Văn Vương lên ngôi, Hòa ôm hòn đá có ngọc ấy ngồi khóc ở dưới chân núi. Vua sai người đến hỏi, Hòa nói: "Tôi không phải đau xót vì bị chặt chân, mà đau xót về chỗ viên ngọc này quý nhưng lại bị xem là hòn đá, kẻ sĩ trung thực nhưng lại bị coi là dối trá..." Vua sai thợ ngọc xem kỹ tảng đá, quả có ngọc quý, bèn gọi ngọc ấy là ngọc bích họ Hòa - ND.

Chưa được mấy ngày, Gia Cát Lượng đã biết Lưu Bị sắp đến Long Trung tìm mình, bèn vội mời bạn thân là Thôi Châu Bình đến, bàn bạc cách thức thử Lưu Bị.

Lưu Bị dẫn theo Quan Vũ, Trương Phi đến Long Trung, vừa tiến vào lưng núi, liền nghe thấy mấy nông phu vừa cuốc đất vừa hát bài dân ca miền núi rằng:

*Thế sự như cuộc cờ,
Một bước yên đại cục.
Quân cờ kia dùng dùng,
Sẽ chuyển bại thành vinh.
Kẻ biết, chẳng lo quanh,
Người không, sao vững dạ.*

Bài ca vùng sơn cước này từng câu từng câu nói trúng vào tâm sự của Lưu Bị. Lưu Bị nghĩ, nghe nói Ngọa Long tiên sinh tự cây cây mà ăn, hay hát Lương phủ ngâm, há chẳng phải là đang ở đây, bèn vội vàng ghì cương nhảy xuống, bảo những người theo hầu hãy chờ cả một bên, một mình tiến lên cung kính hỏi:

- Xin hỏi vị nào là Gia Cát tiên sinh?

Gia Cát Lượng đứng lẫn trong đám nông phu, thấy Lưu Bị dòng dõi tôn thất nhà Hán mà chẳng quản câu "lễ bất hạ thứ dân" (dân đen không biết lễ), cung kính khiêm nhường với nông phu chân lấm tay bùn, quả thực là "quý người hiền trọng kẻ sĩ", danh bất hư truyền, liền có thiện cảm với Lưu

Bị. Gia Cát Lượng liếc nhìn người nông phu bên cạnh một cái, người này bèn trả lời Lưu Bị rằng:

- Ở đây không có Gia Cát Lượng, ông muốn tìm thì đến nhà ông ấy, lẽo cở ở lưng núi phía tây chính là nhà ông ấy.

Lưu Bị cảm tạ người nông phu đã chỉ bảo, sắp sửa lên ngựa, thì thấy từ trên núi phía tây có một người đi xuống, người này cử chỉ khoáng đạt, dáng vẻ thoát tục, bèn lại vội báo những người đi theo đứng thành hàng ở hai bên để nghênh tiếp, tự mình chấp tay tới đón. Ai ngờ hỏi ra mới biết người đi tới là Thôi Châu Bình, bạn thân của Gia Cát Lượng. Thôi Châu Bình tiến đến hỏi Lưu Bị:

- Lưu tướng quân, sao không ở Tân Dã lo liệu việc quân mà lại đến lưng núi này có việc gì vậy?

Lưu Bị đáp:

- Từ lâu đã nghe đại danh Ngọa Long tiên sinh, nên đích thân đến xin chỉ dạy kế sách yên định đất nước.

Thôi Châu Bình nghe nói vậy thì lắc đầu hoài:

- Lưu tướng quân, xin hãy bỏ quá cho lời nói thẳng của tôi, chữ trị hay loạn đều là ý trời. Lưu Biểu uy danh lừng lẫy như thế, mưu si và người ngựa nhiều đến như thế, vậy mà còn không xứng là đối thủ của Tào Tháo, ông mời một Gia Cát Lượng phỏng có tác dụng gì? Theo tôi, ông nên sớm quy hàng Tào Tháo, còn có thể mong được chút quan chức đấy.

Bị Thôi Châu Bình dội một gáo nước lạnh, vậy mà Lưu Bị vẫn không hề bực bội, lại còn trình trọng mời Thôi Châu Bình cùng đi Tân Dã mưu đồ việc lớn. Thôi Châu Bình trả lời thẳng thừng:

- Tôi không cầu danh, không cầu lợi, đi với ông để làm gì? Gia Cát Lượng cũng không có nhà, tôi xin thứ lỗi vì không thể hầu tiếp ông được, xin cáo từ trước.

Nói xong, vung tay áo mà đi.

Cuộc đối đáp của hai người, Gia Cát Lượng đều đã nghe rõ, thấy Lưu Bị vô cùng khiêm tốn, nhất là khi nghe nói mình không có nhà, còn lên núi hỏi thăm, thì rất ngưỡng mộ sự độ lượng rộng rãi của Lưu Bị.

Lưu Bị một lần đi mời Gia Cát Lượng không gặp, sự việc được truyền lan ra. Bố vợ Gia Cát Lượng là Hoàng Thừa Ngạn, các bạn học là Thạch Quảng Nguyên, Mạnh Công Uy không hẹn mà cùng đến Long Trung để hỏi thăm tin tức. Gia Cát Lượng nói với họ rằng:

- Lưu Bị có được đức tính tốt quý người hiền trọng kẻ sĩ. Tôi còn phải xem ông ấy có phải là người bụng ôm chí lớn, vượt khó mà tiến lên, hay chỉ là hạng nhu nhược yếu hèn nửa đường bỏ cuộc, thì tôi cũng không thể ra giúp ông ta được. Khi Lưu Bị lại đến mời tôi, xin các vị hãy giúp tôi thử ông ta.

Một hôm tuyết xuống, Long Trung một màu trắng xóa, Lưu Bị cùng Quan Vũ, Trương Phi ba anh em mạng theo lễ vật rất hậu, dài gió gọi tuyết đến Long Trung lần thứ hai. Lúc ba người đi ngang qua quán rượu cách lầu cỏ của Gia Cát Lượng không xa, Lưu Bị nghe thấy có người đang ngâm thơ ở trong:

Vân Vương tìm hiền Khương Thái Công,
Quản Trọng, Nhạc Nghị cố anh hùng.
Trên cầu nhật dếp Trương Từ Phòng,
Ba lần thử thách Hoàng Thạch Công. (1)

Lưu Bị vội vàng xuống ngựa, đi tới quán rượu, lại nghe một người ngâm tiếp:

Ăn mình Ngọa Long Cương,
Ôm ấp dạ phi thường,
Một sớm xuân sấm dậy,
Bay lên đông bốn phương.

Lưu Bị nghe xong, cảm thấy chỉ có Ngọa Long tiên sinh mới có khẩu khí hùng hồn như vậy, vội đẩy cửa bước vào, chỉ

(1). *Khương Thái Công*: tức Lã Vọng. Ông họ Khương, tên Thượng, tự Tử Nha. Khi đã tám mươi tuổi, Lã Vọng vẫn còn câu cá ở bên bờ sông Vị. Vua Văn Vương đi săn, gặp ông ở bên sông Vị, bèn rước về, lập làm quân sư, tôn làm Thái Công. Lã Vọng giúp Văn Vương và Vũ Vương lập nên cơ nghiệp nhà Chu.

Quản Trọng: tự Di Ngô, người thời Xuân Thu. Ông giúp Tề Hoàn Công làm nên nghiệp bá, khiến nước Tề trở thành nước mạnh nhất thời bấy giờ.

Nhạc Nghị: Tướng giỏi của Yên Chiêu Vương, cầm đầu quân tất cả các nước Triệu, Sở, Hàn, Ngụy, Yên hợp nhất đánh Tề, về sau làm khách khanh ở cả Yên và Triệu.

Trương Từ Phòng: tức Trương Lương, bề tôi giỏi vào bậc nhất của Hán Cao Tổ. Sau khi giúp nhà Hán diệt Tần, phá Sở, Trương Lương thối bệnh, trao trả ấn phong hầu rồi đi biệt tích.

Hoàng Thạch Công: Theo *Sử kí*, Trương Lương dạo chơi trên cầu, gặp một cụ già đánh rơi giày xuống cầu, rồi bảo Trương Lương xuống nhặt lên bỏ vào chân cho cụ. Trương Lương nín nhịn làm theo. Sau nhiều lần thử thách, cụ già trao cho Trương Lương quyển *Thái Công binh pháp* và bảo: "Học quyển sách này thì có thể làm được thầy của bậc vương giả. Mười ba năm sau, con đến gặp ta. Hòn đá màu vàng (hoàng thạch) dưới chân núi Cốc Thành chính là ta đó."
- ND.

thấy có hai người đang ngồi uống rượu. Lưu Bị tiến đến hỏi thăm, hóa ra là Thạch Quảng Nguyên và Mạnh Công Uy. Lưu Bị từ lâu cũng đã ngưỡng mộ tiếng tăm hai người, biết họ chơi thân với Gia Cát Lượng, liền nói rõ ý định tới đây của mình, và rủ họ cùng đi mời Gia Cát Lượng.

Thạch Quảng Nguyên khuyên rằng:

- Lưu tướng quân, họ Lưu nhà các ông đã có thiên hạ bốn trăm năm nay rồi, mỗi đời mỗi sa sút, như ngày nay đến hoàng đế nhỏ tuổi họ Lưu cũng do Tào Tháo tùy ý xếp đặt, Lưu Biểu, Lưu Chương họ hàng nhà ông ngồi trấn một phương, dù có binh hùng tướng mạnh cũng chỉ là bó tay chờ chết mà thôi. Lưu tướng quân muốn thu thập tàn cục để độ cùng Tào Tháo, chẳng qua chỉ là trúng chọi với đá!

Mạnh Công Uy nổi lại càng gay gắt hơn:

- Lưu tướng quân, buổi đầu Hán - Sở tranh hùng, Sở Bá Vương Hạng Vũ bị Hán Cao Tổ Lưu Bang đuổi đến sông Ô Giang, phải tự vẫn chết. Ông hiện nay có thể ví với Sở Bá Vương buổi ban đầu được chăng?

Lưu Bị nghe xong, đồng dục trả lời:

- Hai vị tiên sinh nói sai rồi! Sao có thể lấy sự thành bại để luận anh hùng? Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách, cứu dân khỏi cảnh nước lửa, dù chết vạn lần cũng không từ. Nếu như bàn về cái dũng của kẻ thất phu, thì tôi không bằng Tây Sở Bá Vương, nhưng tôi, nếu như ông ấy, bị đuổi đến bên dòng Ô Giang, rõ ràng vẫn còn có một tia hy vọng, thì sẽ quyết không hành động theo tình cảm yếu mềm, rút gươm tự sát, mà tôi sẽ vượt sông trở về Giang Đông, chỉnh đốn lại binh mã! Sẽ quyết không làm kẻ tiểu nhân vừa mới nếm thất bại đã nửa đường bỏ cuộc như ông ta!

Gia Cát Lượng nấp ở nhà trong nghe Lưu Bị nói vậy, thiếu chút nữa thì đã thốt lên rằng giỏi, rồi phẩn chấn theo đường cửa sau của quán rượu trở về nhà, chuẩn bị nghênh tiếp Lưu Bị.

Không ngờ, đương khi Gia Cát Lượng chuẩn bị mở cửa đón Lưu Bị, thì bỗng nghe thấy Quan Vũ nói:

- Nơi thâm sơn cùng cốc này thì có thể đẻ ra thánh nhân gì, đại ca sao phải khổ sở hai ba lần đi mời ông ta, lẽ nào ông ta có thể chén rượu còn ấm chén Hoa Hùng, qua năm cửa ải giết sáu tướng? Không có ông ta, anh em mình cũng có thể tung hoành thiên hạ!

Trương Phi nói oang oang:

- Một tên học trò đi cày ruộng thì có tài cán gì, làm ra vẻ thối lấm, khiến cho lão Trương bức mình, lại lên cơn giận như năm nào đánh tên đốc bưu, lấy dây thừng mà trói lại bây giờ!

Lưu Bị nghe thấy thế rất tức giận, nhưng lại không tiện to tiếng, bèn hạ giọng trách hai người:

- Một lũ nói liều, lẽ nào các người quên chuyện Văn Vương tìm tôi hiền rồi hay sao? Có mau im miệng lại đi không!

Gia Cát Lượng ở phía trong cửa nghe được những lời nói ấy, trong lòng chộn rộn, nghĩ rằng Lưu Bị rất là khiêm tốn, còn Quan Vũ, Trương Phi một thì kiêu ngạo, một thì ngang ngạnh, từ nay về sau Lưu Bị đối xử với hai người bằng tình nghĩa anh em thì đâu còn chỗ cho mình thì thối. Nghĩ đến đây, Gia Cát Lượng lại tránh mặt Lưu Bị. Lưu Bị lần thứ hai không gặp được Ngọa Long tiên sinh, đành để lại thư và lễ vật rồi ra về.

Mùa xuân năm sau, Lưu Bị lại dẫn theo Quan Vũ, Trương Phi đến Long Trung. Vì Lưu Bị tức giận, nói Quan Vũ và Trương Phi nếu lại không tôn trọng Ngọa Long tiên sinh thì sẽ cắt đứt quan hệ với hai người, cho nên Quan Vũ và Trương Phi đều rất cung kính. Gia Cát Lượng thấy ba anh em từ xa đến, định tránh mặt không gặp, lại không nỡ đối xử lạnh nhạt với Lưu Bị là người trung hậu. Ngày thường, Gia Cát Lượng chẳng cần chau mày mà mưu kế cũng cứ nảy ra. Nhưng hôm nay, trái lại, cảm thấy rất khó chịu, giống như có hàng trăm móng vuốt đang cào cấu trong lòng. Mãi đến lúc Lưu Bị gõ cửa mà Gia Cát Lượng vẫn chưa định được chủ ý, đành cứ mặc nguyên cả áo mà nằm xuống, giả vờ ngủ say. Lưu Bị bảo Quan Vũ, Trương Phi đứng hầu ngoài cửa, còn mình thì rón rén đi vào phòng ngủ của Gia Cát Lượng. Thấy Ngọa Long tiên sinh đang ngủ say, Lưu Bị không dám kinh động, bèn nín thở đứng hầu trước giường. Một lúc lâu rồi mà Lưu Bị vẫn không hề nhúc nhích. Trong và ngoài lầu cỏ đều yên tĩnh đến mức có thể nghe thấy tiếng kiến bò qua. Gia Cát Lượng càng nằm càng thấy chẳng có thú vị gì, bụng nghĩ, không chỉ Lưu Bị đối với ta là kính trọng như vậy, ngay cả hai ông em tính nóng như lửa cũng đối xử với ta rất cung kính khác hẳn những lần trước, quả thực khiến ta khó mà chối từ thịnh tình của anh em họ.

Như vậy, Gia Cát Lượng sau ba lần thử Lưu Bị, cảm thấy chí đồng đạo hợp, liền không còn do dự gì nữa, rời khỏi Long Trung, làm quân sư cho Lưu Bị.

TRƯƠNG PHI MỆO KẾ LỪA KHÔNG MINH

Mọi người đều biết, Lưu Bị ba lần tới lều tranh mời Gia Cát Lượng ra giúp việc. Thực ra, cuối cùng mới được Gia Cát Lượng không phải là Lưu Bị, mà là Trương Phi.

Tương truyền Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi hai lần tới lều tranh mời Gia Cát Lượng, đều hụt. Lần thứ ba tới lều tranh, lại gặp ngày đại tuyết. Họ thúc ngựa đi vào con đường nhỏ Long Trung, đường trơn núi hiểm, rất khó đi. Trương Phi càng nghĩ càng giận dữ, nói với Lưu Bị và Quan Vũ:

- Hai anh vào quán rượu tránh gió tuyết trước, một mình em tới lều tranh, lấy thùng trời Gia Cát Lượng đưa ra là được.

Lưu Bị vội quát to:

- Tam đệ không được làm bừa, đừng để hỏng việc lớn của chúng ta.

Trương Phi giận dữ nói:

- Hai anh quả thật muốn đi, em không đi cùng được.

Rồi một mình đi vào quán rượu bên đường. Trương Phi đang muốn gọi người hầu rượu, bỗng nghe thấy bà chủ quán hốt hoảng chạy ra, la lớn:

- Chú hai, hôm nay gió to, đun nấu cẩn thận. Nhỡ bắn tung lửa ra, cháy lều quán này của ta thì nguy khôn đấy!

Trương Phi nghe bà ấy kêu la, lòng xao động, bỗng nghĩ ra một kế mời Khổng Minh rời lều tranh, vội xoay mình đi ra khỏi quán, dắt ngựa tiến theo con đường nhỏ, đuổi theo Lưu Bị, Quan Vũ.

Lúc này, Lưu Bị, Quan Vũ đang cung kính đứng trên nền tuyết ngoài cửa lều tranh, cổng tre lều tranh lại đóng chặt, không chút động tĩnh. Trương Phi nhìn thấy thế, như lửa đổ thêm dầu, tức giận dùng dùi hỏi Lưu Bị:

- Đại ca, chúng ta gọi tuyết lặn lối đường xa tới đây, Gia Cát Lượng có chi lại không mở cửa tiếp chuyện?

Lưu Bị nói:

- Thư đồng vừa mới ra nói tiên sinh không có nhà, chúng ta đành lạng lẽ đợi chờ, không được xông bừa vào.

Trương Phi không tin, bèn đi lên cạy mở cổng tre, nhòm qua khe cửa vào trong, thấy Gia Cát Lượng đang ngủ trên giường, thì rất không vui. Trương Phi thầm nghĩ: Gia Cát Lượng tiên sinh không thấu tình người như vậy, chớ có trách Trương Phi này vô lễ! Phi lảng lạng vòng ra phía sau lều tranh, bỗng hô hoán lên:

- Cổng sau lều tranh cháy! Cứu mau! Cứu mau!

Gia Cát Lượng đang nhắm mắt nghỉ ngơi, trong mơ màng bỗng nghe tiếng kêu lều tranh bị cháy, lòng hoảng sợ, cuống quýt nhảy xuống khỏi giường, không kịp sửa sang mũ áo, cũng không kịp đi giày, chỉ cầm lấy ba quyển thiên thư ở trên bàn rồi chạy ra ngoài. Nghĩ bụng: Thật lạ lùng! Trời gió tuyết mù mịt, kẻ xấu từ đâu đến ném lửa? Mới chạy tới dưới bậc đá thảo đường thì vừa khéo đâm nhào vào Lưu Bị. Lưu Bị, Quan Vũ vội dìu Gia Cát Lượng dậy, cùng lên tiếng:

- Tiên sinh đừng sợ, có Lưu Bị, Quan Vũ ở đây, không thể xảy ra tai nạn!

Lúc này, bỗng nghe tiếng cười ha hả ngoài cổng tre, một người đàn ông vạm vỡ mặt đen xông vào lớn tiếng nói:

- Hay nhỉ Ngọa Long tiên sinh, rõ ràng ngủ ở nhà, lại nói dối lừa người, để anh em chúng tôi chết cống ở ngoài, quá là không nên. Nghe nói tiên sinh có tài mưu kế thần tình, vậy mà cũng bị Trương Phi này lừa ra khỏi lều tranh!

Gia Cát Lượng chưa ra khỏi Long Trung đã trúng kế Trương Phi, trong bụng thấy thế nào ấy, vội hỏi Lưu Bị:

- Người này phải chăng là mãnh tướng Trương Phi?

Lưu Bị đáp:

- Đúng là tam đệ mà tôi kết nghĩa. Hôm nay làm kinh động đến tiên sinh, thật lẽ, thật lẽ quá!

Gia Cát Lượng thì lại vui tận đáy lòng, cười nói:

- Mãnh tướng Trương Phi trong thô bạo có tính toán, quả là hiếm có.

KHÔNG MINH MỘT CHỮ THUYẾT PHỤC ĐƯỢC TRƯƠNG PHI

Lưu Bị ba lần đến lều tranh, mời được Gia Cát Lượng, tôn làm quân sư, binh lính tướng tá đều do một mình Gia Cát Lượng điều khiển. Trương Phi rất không phục, nghĩ bụng: Thù sinh nhỏ nhẽ, tay trời gà không chặt, ta lại sợ ông ta sao?

Hôm ấy, Lưu Bị có việc đi vắng, Khổng Minh một mình ngồi trong quân trướng. Trương Phi ở ngoài trướng cố ý chỉ động kích tây, cao giọng hét to:

- Ta Trương Dục Đức người đất Yên, không sợ thương, chẳng sợ đao, không sợ trời, chẳng sợ đất, thiên vương quốc vương hết thấy đều không sợ...

Khổng Minh chậm rãi bước ra khỏi trướng, vờ như không biết ý tứ của Trương Phi, hỏi:

- Việc trên đời, tam tướng quân hẳn phải sợ một thứ chứ?

Trương Phi thấy Khổng Minh đáp lời, được dịp trút nỗi buồn bực trong lòng, liền nói:

- Ké anh hùng ở đời, nhiều nhất không ngoài cái chết. Ta không sợ chết, còn sợ gì những thứ khác?

Khổng Minh hỏi:

- Tướng quân dám đánh cuộc không?

- Dám! Nếu có sợ một thứ, từ nay về sau việc xung phong đánh giết đều chịu để quân sư điều khiển; nếu quân sư nói không ra cái việc làm người ta sợ thì sao? - Trương Phi nói.

- Xin không dám chỉ huy tam tướng quân, xin nghe theo tướng quân điều hành.

- Hai người một lời là quyết, vỡ tay thành cuộc.

Khổng Minh yêu cầu Trương Phi đưa tay ra, lấy bút mực viết một chữ lên lòng bàn tay của Trương Phi. Trương Phi rút tay lại xem, hóa ra là chữ "bệnh". Liên nghĩ ngay đến khi còn làm nghề hàng thịt, đã có lần mắc bệnh thương hàn, không nhắc nổi cái tai lợn nặng bốn lạng, nói chỉ là con dao chặt xương pha thịt, càng không thể nói tới cầm bát xà mâu xông pha trận mạc! Ta làm sao quên được câu nói cổ xưa trong dân gian: "Anh hùng xưa nay không sợ chết, hảo hán chỉ sợ bệnh dày vò"? Thế là luôn mồm kêu:

- Sợ, sợ, sợ, tôi sợ bị bệnh.

Khổng Minh cười ha hả nói:

- Trên đời đã còn có thứ nói đến là sợ, vậy là tướng quân vẫn phải nghe tôi điều hành chứ.

- Được, được, được.

Trương Phi đành gật đầu lia lịa, từ đó tin phục Khổng Minh.

NÚI KẸP BỆT

Phía tây nam thành Tương Dương, gần sông Hán Thủy có một ngọn núi đá vát ngang, vừa cao, vừa dốc, hai bên dẹt, tương truyền đó là do hai vế đùi của Trương Phi kẹp bet, cho nên gọi tên là núi Kẹp Bết.

Cách núi Kẹp Bết không xa là Sái Gia Châu, Sái Thị vợ bé của Lưu Biểu, gia đình sống ở đó. Sái Thị độc ác với người, vô cùng căm ghét Lưu Kỳ con trai của người vợ cả, thường xuyên lui tới Sái Gia Châu, cùng em trai là Sái Mạo bí mật âm mưu muốn trừ diệt Lưu Kỳ. Lưu Kỳ xin mưu kế của Gia Cát Lượng, Gia Cát Lượng viết chữ "xuất" vào lòng bàn tay của Kỳ, muốn Kỳ tìm cơ chuẩn đi. Kỳ liền tìm Lưu Biểu, xin binh lính đi trấn thủ vùng khác.

Sái Thị biết, liền sai Sái Mạo giả vờ đi tiễn, dẫn quân truy đuổi Lưu Kỳ, muốn nhân cơ hội giết chết Kỳ.

Sái Mạo cùng một đoàn thiện mã truy đuổi đã ra khỏi thành, sắp vượt qua cửa hẻm núi là tới bến dò ngang qua sông Hán Thủy, có thể tóm được Kỳ trước khi xuống dò. Nào ngờ lại gặp Trương Phi chặn đường phía trước. Trương Phi tay nâng cây bát xà mâu, mắt tròn tròn, từ xa đã hét:

• Sái tướng quân, xem ra là ông muốn dẫn quân đánh nhau, cho tôi cùng nhập bọn, tôi sẽ làm tiên phong, đánh trận đầu.

Sái Mạo ngẫm kêu khổ, để Trương Phi ở cạnh cản trở thì ra tay trị Kì thế nào được? Mạo vội vàng bước tới, tươi cười nói với Trương Phi:

- Đây là tôi đưa tiễn công tử Lưu Kì, không phải là ra quân đánh trận, không phải phiên tướng quân khó nhọc, chỉ xin tướng quân nhường lối.

Sái Mạo e Trương Phi nghi ngờ, còn cố ý chỉ vào rượu và thức ăn hảo hạng mà người ngựa mang theo ở sau mình, lại nói:

- Hãy xem, đều là những thứ chuẩn bị dùng cho tiệc tiễn đưa.

Trương Phi cười ha hả:

- Không ngờ mặt trời lại mọc từ phương tây, ông cậu xa cách núi non này lại có tình nghĩa hơn cậu ruột!

Trương Phi bước tới, vừa xem thức ăn vừa ngửi rượu, tựa như thêm đánh chén luôn, liền nói:

- Rượu, thức nhắm ngon thế này, tướng quân có thể để Trương Phi này cũng được vinh dự lấy chăng?

Sái Mạo sợ Trương Phi gây rắc rối, sai thuộc hạ giành một phần rượu thức ăn cho Trương Phi, rồi lách mình đi ngay. Trương Phi nhận lấy rượu, rồi quay ngang cây mâu dài chặn Sái Mạo lại, nói:

- Một người không đánh bạc được, hai người uống rượu mới ngon. Hôm nay mượn rượu của Sái tướng quân, ra ngoài thành cùng cạn chén mới tuyệt!

Sái Mạo lòng như lửa đốt, nhưng lại không thể nổi cáu, vội lấy chén uống rượu ra. Trương Phi rút từ trong vò ra một chén rượu, nói:

- Chủ không mời, khách không uống, xin mời Sái tướng quân uống trước.

Sái Mạo bực không thể lập tức thoát khỏi Trương Phi. Y liền nâng chén một hơi uống cạn, nói:

- Xin Trương tướng quân từ từ một mình ở lại đây ăn uống, việc tiến đưa Lưu Kỳ cần kíp, tôi xin cáo lui trước.

Trương Phi không nghe, nhất định đòi Sái Mạo phải tiếp.

Sái Mạo trong lòng dần dà hiểu ra: Trương Phi đâu phải là muốn uống rượu, rõ ràng là cố ý gây phiền, kéo dài thời gian, để cho Lưu Kỳ thoát thân, nghĩ ra rằng đây lại là sự sắp đặt ngầm ngầm của Gia Cát Lượng. Nhìn xa, Lưu Kỳ đã đến bên sông, mình lại không thoát khỏi Trương Phi, thì sẽ lỡ việc lớn. Lừa bóc lên mi, không còn để ý được gì nhiều hơn nữa, Sái Mạo vung tay hô hoán người ngựa dưới quyền:

- Mau vượt núi!

Trương Phi thấy Sái Mạo cương quyết, cũng trở mặt nói:

- Muốn cậy người nhiều thế đông ư? Chỉ e các người tất cả hợp lại, cũng không xứng là đối thủ của lão Trương này.

Nói rồi liền choãi hai vế đùi ra, cười lên trên sống núi, lấy sức kẹp mạnh, chỉ nghe thấy một hồi tiếng nổ âm âm, lập tức đá bay tứ tung. hẻm núi này giống như bùn nặn, thoáng cái đã thành núi dẹt. Người ngựa của Sái Mạo tất cả đều hoảng sợ, không ai dám tiến lên. Đến khi hoàn hồn thì Trương Phi đã ngang nhiên đi khỏi, người ngựa của Lưu Kỳ cũng vô tâm biệt tích.

CẦU ĐƯƠNG DƯƠNG TRƯƠNG PHI RA OAI

Truyền rằng, Trương Phi hồi nhỏ theo thầy học võ, thầy dạy cho ba bí quyết: Một là sấm lòng bàn tay, hai là đâm giáo lệch, ba là gào hướng thiên. Ba bí quyết này vô địch thiên hạ, chỉ vì Phi tính tình nóng nảy, thầy sợ Phi dùng bữa bữa xúc phạm đến người, cho nên không giảng dạy kỹ cho Phi, chỉ để Phi biết sử dụng phòng thân khi cấp bách.

Năm đó, Tào Tháo dẫn binh mã tới đánh Kinh Châu, Trương Phi đứng trên cầu Dương Dương, một mình dọa lui thiên binh vạn mã của Tào Tháo, chính là đã sử dụng ba bí quyết này.

Lúc đó Tào Tháo truy đuổi Lưu Bị, thế mạnh như chẻ tre, bỗng có người tới báo: "Đại quân tới bờ sông, chỉ thấy trên cầu Dương Dương có một mình Trương Phi cưỡi ngựa ngang ngọn giáo, e rằng bị lừa, xin thừa tướng định đoạt".

Tào Tháo nghe tin, liền thúc ngựa đi tới, đích thân đến xem xét thực hư, quả nhiên thấy Trương Phi một mình một ngựa đứng trên cầu, râu hùm dựng ngược, mắt hổ trợn trừng, tay cầm cây xà mâu dài trượng tám oai phong凛凛, không chút sợ sệt. Tháo còn đang nghi hoặc: Phải chăng Gia Cát Lượng lại bày ra mưu kế gì? Bỗng thấy Trương Phi ngồi trên ngựa, vận toàn bộ khí công, giương cao bàn tay phải lên, một

tiếng sét, "oàng" phát ra, xông thẳng tới quân Tào. Quân Tào cho là Trương Phi dùng phép bấu gì, lập tức xoay lưng chạy về phía sau. Trương Phi nhân thế đâm xiên cây bát xà mâu, loáng cái đã giết đổ một mảng quân Tào. Để thoát thân, quân Tào xô đẩy nhau, giẫm đạp nhau, chết và bị thương không đếm xuể.

Trương Phi thấy vậy, lại hướng lên trời gào một tiếng, giống như tiếng sấm nổ, long trời lở đất, nhiều binh sĩ tướng tá quân Tào bị chấn động ngã từ trên ngựa xuống, có người vỡ mật mà chết. Quân Tào bỗng chốc rối loạn, Tào Tháo cũng hoảng sợ há mồm trợn mắt, vội vàng quay ngựa chạy. Trương Phi ở trên cầu Dương Dương thấy quân Tào không đánh mà tự lui, vô cùng đắc chí, không nín nổi cười ha hả.

Về sau có người hỏi Trương Phi một mình làm thế nào đánh lui được thiên binh vạn mã của quân Tào, Phi vò đầu gãi tai, không nói ra được cách gì, sau này cũng không dùng ba bí quyết đó nữa.

Đến nay, đầu cầu Dương Dương có dựng một bia đá, trên có khắc sáu chữ: "Trương Dục Đức hoành mâu xử" (Nơi Trương Dục Đức cấp ngang ngọn mâu). Dưới cầu còn có một đoạn nước chảy ngược. Truyền rằng tiếng gào hướng thiên của Trương Phi đã làm nước sông chảy ngược.

TRƯƠNG PHI ĐẤU TRÍ VỚI TÀO THÁO

Tương truyền có một năm, vào tết Trung thu, Tào Tháo ngồi trong trướng uống rượu buồn một mình, suy đi nghĩ lại lòng dạ càng buồn phiền không chịu nổi, bởi vì con hổ Trương Phi ấy đã làm cho công việc của Tháo không thành, nhưng lại không nghĩ ra được cách giành thắng lợi, nên liên tục uống rượu giải buồn. Ai ngờ, chén cuối cùng xuống tới bụng, Tháo đã mơ màng thiếp đi.

Bỗng một vị thần áo giáp vàng xông vào trong trướng, nói với Tào Tháo bốn câu:

*Trên đầu thiên tử mọc chiếc sừng,
Cái miệng ngồi ngay bên phải ông,
Một trời ở dưới chân ông giẫm,
Lí lẽ tuyệt vời chó đoán chung.*

Thần áo giáp vàng nói xong, đẩy Tào Tháo một cái, ấn mình đi mất. Tào Tháo tỉnh dậy, cảm thấy kì quái, cũng chẳng kịp suy nghĩ kỹ càng, liền hô hoán: "Cứu ta với!" Kì thực Tào Tháo lúc này là kêu trung quân, để chúng đi tìm người đến bàn bạc. Không ngờ lúc đó có người tên là Dịch Ngột đi qua trước trướng, liền chạy vào. Tháo thấy Dịch Ngột, biết bụng dạ hán cũng có chút chữ nghĩa, liền vội ngồi xuống và đọc cho Dịch Ngột nghe bốn câu mà thần áo giáp vàng trong mộng đã dặn dò.

Dịch Ngột nghe xong, chép cẩn thận lại trên giấy bốn câu ấy, xem đi xem lại, bỗng nhiên cười ha hả, không ngớt lời chúc mừng Tào Tháo. Tháo hỏi nguyên do, Ngột bèn giải thích từng câu nói: Câu thứ nhất "Trên đầu thiên tử mọc chiếc sừng", là chữ "thỉ", "Cái miệng ngồi ngay bên phải ông", là chữ "tri", "Mặt trời ở dưới chân ông giẫm", là chữ "trí". Tào Tháo bỗng nhiên vỡ lẽ: Thân áo giáp vàng thác mộng niệm chú cho hay, chỉ có thể dùng "trí" chống chọi với Lưu Bị. Tào Tháo lại hỏi Dịch Ngột ý nghĩa câu thứ tư, Dịch Ngột nhìn Tào Tháo, muốn nói lại thôi. Tháo "hừ" một tiếng. Ngột run bần cả người, hoảng sợ nói một thôi: "Kẻ tiểu nhân có tội! Kẻ tiểu nhân có tội!"

Tào Tháo vốn là người ngang ngạnh thực dụng, thấy Dịch Ngột dáng vẻ như vậy liền giật lấy tờ giấy. Nhìn xem, câu thứ tư ấy là thân áo giáp vàng can dặn Tào Tháo, dùng "trí" chính là thiên cơ, không được tiết lộ cho người khác. Dội đến khi Dịch Ngột hối hận thì đã muộn, Tháo rút kiếm bên mình, một nhát đâm chết Ngột.

Hôm ấy, Tào Tháo bèn đến trước doanh trại Lưu Bị, chỉ đích danh đòi Trương Phi ra ứng chiến. Gia Cát Lượng là người túc trí đa mưu, nghe nói Tào Tháo chỉ có một mình đến trước trận khiêu chiến, đã biết là y đến tìm Trương Phi để dẫu trí, liền bí mật bàn qua với Trương Phi. Trương Phi đến trước trận, nghênh ngang khệnh khạng, giống như người đi phở dài chực dậm. Tháo vừa nhìn thấy Phi, cảm tức muốn nuốt sống, nhưng lại không làm gì được, đành lên tiếng trước áp chế:

- Trương than đen kia, Trương than đen, mi chẳng qua là tên lỗ mãng vùng sơn dã, hôm nay ngày tết đẹp Trung thu, mi dám dẫu trí cùng lão phu chăng?

Trương Phi nghe nói Tào Tháo quả nhiên muốn đầu trí, trong lòng không nén nổi khâm phục mưu kế thần tình của Gia Cát Lượng, liền nói lớn:

- Sợ thì chẳng phải là họ Trương, ông thích làm sao thì cứ làm, tôi xin hầu tiếp đến cùng!

Tào Tháo tự tin rằng đầu trí nhất định có thể áp đảo được Trương Phi, liền lấy hai tay làm cái chậu rửa mặt tròn, yêu cầu Trương Phi trả lời. Trương Phi nhớ lời dặn của quân sư trước khi ra đi, cũng không nói năng gì, chỉ đối phó bằng ra hiệu tay, bèn giơ ba ngón tay về phía Tào Tháo. Tháo không nén nổi kinh hãi, vội vàng thò ngón tay cái và ngón tay trở ra làm thành chữ "bát". Phi vỗ cùng bình tĩnh, vỗ vào bụng ba cái. Kết quả là làm cho Tháo hoảng sợ kêu la "ối, ối", cuống ngựa chạy về.

Trương Phi về đến trường, Lưu Bị, Gia Cát Lượng, Quan Vân Trường cùng quây lại hỏi han. Trương Phi làm lại một lượt các hiệu tay lúc mình đầu trí cùng Tào Tháo. Gia Cát Lượng phe phẩy chiếc quạt lông ngỗng, cố ý hỏi Trương Phi vậy là ý tứ ra sao? Trương Phi ngây cười hi hí một lúc, nói:

- Hôm nay tết Trung thu, Tào Tháo mời tôi đến nhà ăn bánh Trung thu to bằng cái chậu rửa mặt. Tôi nói được, phải ăn thì ăn ba cái. Tào Tháo lại muốn tôi ăn tám cái. Tôi đành vỗ vỗ vào bụng, nói bụng tôi chưa không nổi! Tháo liền cười ngựa chạy về, hẳn là muốn về nhà nói với đầu bếp làm bánh Trung thu nhỏ đi một chút!

Gia Cát Lượng nghe xong, không nhìn được, cười ha hả, cười khiến Trương Phi chẳng hiểu ra sao, khiến Lưu Bị như rơi trong mây mù. Lưu Bị hỏi Gia Cát Lượng cười gì? Gia Cát Lượng giải thích cho Trương Phi rằng:

- Tào Tháo dùng hai tay làm thành cái chậu rửa mặt tròn, thực ra là chỉ địa bàn của Tháo lớn hơn của chúng ta. Song tam tướng quân lại giơ ba ngón tay ra, Tháo cho rằng đó là chỉ việc ba anh em Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi kết nghĩa ở vườn đào, Tào Tháo rất sợ sự việc này. Nhưng Tháo chưa chịu thua, lại giơ ngón tay cái và ngón tay trỏ ra làm thành chữ "bát", nói rằng bên Tháo lính giỏi ngựa khỏe, có những tám chục vạn binh mã. Song tam tướng quân lại vỗ vào da bụng liền ba cái, Tháo cho rằng khí phách của tướng quân lớn đến mức có thể nuốt vào bụng cả tám chục vạn binh mã, cho nên Tào Tháo đã hoảng sợ bỏ chạy, rất có thể Tháo đã bực tức sinh bệnh nằm liệt giường, sống không qua được tháng tám nữa đâu.

Quả nhiên đúng như lời phỏng đoán của Gia Cát Lượng. Tào Tháo sau khi về đến trướng, đã bực tức sinh bệnh, mấy hôm liền không ăn uống gì, chưa được **vài ngày** đã chết.

CẦU HẢO HÁN

Thời Tam Quốc, trấn Thanh Nê có ông già họ Trương bán đậu phụ. ông có cô con gái tên là Mĩ Dung, nhan sắc hơn người. Năm Mĩ Dung mười tám tuổi, bị Quách Hổ là một cậu ấm có tiền có thế nhòm thấy, bắt ép phải làm vợ bảy. Ông Trương thà chết chứ không chấp thuận. Quách Hổ không từ bỏ ý định, bèn kiếm cơ hội gặp con gái của ông Trương.

Một hôm, Quách Hổ dẫn một bọn tay sai hung ác đến nhà ông Trương, nói là muốn mua miếng đậu phụ có thể xuyên dây thừng qua. Ông Trương nói: "Trên đời này không có thứ đậu phụ như vậy". Quách Hổ hô một tiếng "đánh", bọn ác ôn đó vây lại, đánh ông Trương học máu mồm. Mĩ Dung con gái ông ra cãi lí, Quách Hổ cười nham hiểm, bắt cô đem đi.

Bọn Quách Hổ vừa mới đi, bỗng nghe thấy tiếng: "Dừng lại!" Tiếng nói chưa dứt, một chàng trai mặt đen đã băng tới trước mặt Quách Hổ. Chàng trai này thân cao tám thước, đầu hỏ mắt tròn, Quách Hổ mới nhìn thấy xương cốt đã mềm ra. Quách Hổ thấy bọn tay sai vẫn đứng đó, liền định thần lại nói:

- Tên mặt đen kia muốn chi?

Chàng trai nói:

- Ta bảo ngươi thả người ra!



Quách Hồ đưa mắt, bọn ác ôn đó, nhất tề xô tới, loáng một cái đã ghì chặt tay chân chàng trai lại. Chỉ nghe thấy "a ha" một tiếng, cánh tay về đùi của chàng trai động mạnh, lũ ác ôn từng đứa bị quăng ra xa hàng trượng, bỏ dây chạy mất.

Chàng trai mặt đen đánh lui được bọn Quách Hồ, cứu được cha con nhà họ Trương, ông già tạ ơn vạn bội. Chàng trai mặt đen nghe nói ông già mang họ Trương, bèn kéo ông lại, nói:

- Này, hai ta còn là người nhà đây! Tôi cũng họ Trương. Di nào, tiểu đệ đi bán đậu phụ với bác, xem ai dám động đến một ngón tay của bác!

Nói xong, gánh gánh đậu phụ của ông già, đi lang thang trên phố.

Chàng trai mặt đen đó chính là Trương Phi. Hôm ấy, Phi nhận lệnh tuần tra sông, ăn mặc quần áo thường, một mình đi ngược theo dòng, đến trấn Thanh Nê. Phi gặp việc này liền xong ra, thấy việc bất bằng chẳng tha, còn cùng bán đậu phụ với ông già. Ngày nay, vùng Tương Dương có câu nói lừng: "Trương Phi bán đậu phụ - người cứng hàng lại mềm" chính là nói sự việc này.

Vò quít dày có móng tay nhọn. Chớ xem Quách Hồ ghê gớm, khi hắn được tin chàng mặt đen đó là Trương Phi gào gậy cầu Dương Dương, thì hoảng sợ ba vía rơi đi mất hai. Hồ sợ Trương Phi còn đến gây sự, liền nghĩ cách lấy lòng Phi. Y dựng bia cho Trương Phi. Dựng bia thì dựng bia, song y lại tiếc rẻ không bỏ tiền mua đá, liền lấy hai phiến đá ở cầu Nam trấn Thanh Nê, dỡ xuống dùng làm bia. Vậy là cầu gãy đường tắc, người qua kẻ lại đành lội nước qua ngòi, không ai không chửi.

Một hôm, Trương Phi đến đầu cầu Nam, thấy một cụ già đang cởi giày chuẩn bị qua mương, bèn đi tới dò hỏi phiến đá ở cầu đi đâu mất. Cụ già nghiêng rắng nói: "Dựng bia lớn cho Trương Phi đáng chết đó!". Trương Phi cảm lòng nghe cụ kể chuyện dở cầu của Quách Hổ, bồng lửa giận bốc cao ba thước, bụng nghĩ: Quách Hổ, Quách Hổ, chỉ hận ban đầu không đánh chết mi, để mi làm nhục ta thế này. Phi càng nghĩ càng giận dữ, toan cất bước đi tìm Quách Hổ tính nợ. Cụ già can ngăn thế nào cũng không được, đành nói:

- Nếu hảo hán nhất định đi, thì xin lưu lại quý danh quý họ, nhờ khi có chuyện chẳng lành, tôi cũng còn mua chút giấy vàng để đốt cho ông.

Trương Phi chưa nguôi cơn giận, liền nói:

- Tôi chính là Trương Phi, người mà ông máng chửi đó.

Câu nói ấy suýt nữa khiến cụ già hồn bay phách lạc, cụ liền quỳ xuống rạp đầu xin nhận tội. Trương Phi dịu cụ già đứng dậy, nói:

- Cụ máng chửi là phải. Nếu cụ không máng chửi, tôi còn mê muội đó!

Nói xong, liền đi nhanh như bay.

Chẳng bao lâu, chỉ thấy Trương Phi hai cánh tay kẹp hai phiến đá chạy lại. Đằng sau là ngựa hí người thét, Quách Hổ dẫn một tốp người đuổi theo, la ó: "Bắt lấy thằng giặc cướp bia!" Trương Phi đợi chúng đến gần, đặt bia đá xuống, xông lên đánh liền. Quách Hổ vốn tưởng là mình đang đuổi theo tên cướp nhỏ, định thần nhìn lại, cha mẹ ơi, hóa ra là Trương Phi! Y vội thét bọn tay chân ngừng tay, tụt lẫn xuống ngựa, rạp đầu xin tha. Trương Phi chẳng thèm để ý đến cái trò ấy, liền tóm ngay lấy Hổ, giơ lên cao rồi quẳng xuống. Chẳng đợi

Quách Hồ bò dậy. Phi lại nhắc một phiến đá đè lên người y. Chỉ nghe "ôi!" một tiếng. Quách Hồ liền hồn lìa khỏi xác. Trần Thanh Nê thái bình trở lại, từ đó đổi tên là diêm Thái Bình.

Bà con nghe tin Quách Hồ bị đánh chết, đều đến xem. Trương Phi đặt lại phiến đá về chỗ cầu rồi dìu cụ già ấy qua mương, ai hay cụ già không chịu đi qua. Hỏi ra thì hóa là cụ biết trên phiến đá đã làm bia có tên Trương Phi, cụ không dám giẫm lên đại danh của Trương Phi. Trương Phi cười ha hả nói:

-Ồ, chỉ cần bà con qua được kênh mương, giẫm lên tên tôi có ngại gì! Chớ cầu nệ như thế, xin cứ qua cầu đi!

Bà con nghe vậy, đều nói:

- Đúng là vị hảo hán đó!

Từ đấy, cầu Nam được mang tên là cầu Hào Hán.

TRÀ NGHIÊN

Trương Phi từ xin đi đánh lấy quận Vũ Lăng, nóng lòng lập công, tình tình nóng nảy, những muốn một miếng nuốt trôi cả chiếc bánh nóng, suốt dọc đường thúc ngựa ra roi, đi miết chẳng kể ngày đêm; các tướng sĩ bị Phi thôi thúc gấp rút rào bước, bụng và chân căng như đỡ đòn về trước. Lại gặp ngày mưa gió, bùn dưới chân, nước trên người, nóng một thời, lạnh một hồi; no một ngày, đói một hôm, mọi người đều nhanh chóng mang bệnh. Ai nấy ngấy sốt, đầu nhức, chân mỏi, cảm thấy đất trời quay cuồng, không kim nổi toàn thân run rẩy, đều ngã lan giữa đường.

Trương Phi bụng thăm kên khổ, song vẫn không chịu thả lỏng dây cung. Phi ra lệnh cắm trại tại chỗ, ăn ở tại chỗ, không được quấy rầy dân chúng. Dân chúng xưa nay chưa hề thấy binh lính tốt như vậy, đều rất cảm động.

Ở địa phương, có một bà lão mời Trương Phi đến nhà và nói:

- Tướng quân từ xa tới, vất vả quá, tôi làm chút điểm tâm quê mùa để tướng quân thưởng thức.

Bà lão quay người đi bưng tới một chiếc bát sành, nhúm một nhúm gạo sống, một nắm trà, lại bỏ vào một miếng gừng tươi; rồi lấy cái chày gỗ, tay nắm một đầu, ra sức mài nghiền trong lòng bát, khoảnh khắc đã thành bột nhỏ. Cho nước vào

nấu, lại xối với vùng rang, đậu vàng, rán và muối, đem vào bát, bày lên bàn, cung kính nói:

- Mời tướng quân xối!

Trương Phi thấy bà lão lòng thành, cũng không chối từ, bưng lên uống, uống xong hỏi:

- Hừ! Thơm, ngọt, đắng, cay, mùi vị đủ cả, tôi xưa nay chưa từng được ăn. Nó là món gì vậy?

Thấy Trương Phi khen, bà lão vô cùng phấn khởi, nói:

- Đó là nghề gia truyền của tôi, gọi là trà nghiền, có bệnh uống nó sẽ khỏi bệnh, không bệnh cũng gây hưng phấn.

Bà lão thấy Trương Phi chỉ cười không nói, cho là Phi không tin lắm, liền chỉ tay nói:

- Mồ hôi ra khắp cả đầu tướng quân, trên người đang hầm hấp nóng, đó chẳng phải là hiệu nghiệm sao?

Trương Phi quả nhiên cảm thấy trong người dễ chịu, tinh thần sảng khoái, cho là đã được uống thuốc hay tuyệt vời, vội vái dài bà lão, nói:

- Xin hỏi, tôi phải trả bà bao nhiêu tiền mới được nhỉ?

- Nếu nói tiền, thì đó là báu vật vô giá, nên gia đình tôi đời đời kiếp kiếp đều không chịu truyền lại cho người ngoài. Chỉ vì tướng quân tốt với bà con, binh lính tướng quân đem theo cũng tốt, nên truyền lại cho tướng quân và binh sĩ đó thôi.

Trương Phi tạ ơn bà lão, rồi ra lệnh cho tướng sĩ toàn quân mua trà, gừng tươi, gạo, đỗ, muối, vùng dựa cho bà lão bào chế, sau đó tướng sĩ cùng nhau uống trà nghiền. Quả nhiên, trà nghiền uống vào, bệnh của mọi người liền khỏi hẳn. Thế là lại lên đường ngay, hôm đó đánh lấy được Vũ Lang.

Từ đây trở đi, uống trà nghiền có thể phòng bệnh, chữa bệnh được, đã được truyền rộng ra. Cho đến nay, ở vùng lân cận Đào Hoa Nguyên, người ta còn giữ thói quen hàng ngày uống trà nghiền.

MÃ TỐC TÌM ĐẾN CHỦ

Ngoài cửa đông thành Nghi có một trà am, lại gọi là đền Mã Tốc. Từ đâu có được cái tên này? Điều ấy có liên quan tới chuyện Mã Tốc tìm đến chủ thời Tam Quốc.

Mã Tốc nhà ở Mã Gia Loan thuộc thành Nghi, từ nhỏ có chí, học thuộc binh thư, mưu đồ làm nên sự nghiệp, báo đền Tổ quốc. Lúc ấy, quân hùng cát cứ, Mã Tốc nghĩ bụng: Làm nhà phải chọn đất đời cao, chim chóc phải đậu cành hướng về mặt trời, làm người cũng phải tìm đến một minh chủ mới phải.

Dương khi đó, Kinh Châu mục Lưu Biểu chết. Con trai Lưu Biểu là Lưu Tôn không nên người, đầu hàng Tào Tháo, mở toang cửa thành hiến dâng Kinh Châu. Lưu Bị đơn độc khó chống lại, bèn dẫn binh mã rút về phương nam, qua thành Nghi. Mã Tốc từ lâu đã nghe nói Lưu Bị thương dân, có nhân có nghĩa, lại được Gia Cát Lượng và Quan Vũ, Trương Phi làm trợ thủ, trước mắt tuy có khó khăn, tương lai nhất định có thể thành nghiệp lớn, bèn một lòng tìm đến Lưu Bị.

Cửa đông thành Nghi là nơi binh mã Lưu Bị phải qua. Mã Tốc tìm các bộ lão đồng hương bàn bạc, xây dựng một trà am ở đầu cửa đông, bắc nồi tó, thêm củi đóm, không kể ngày đêm, đun canh nấu trà, tiếp đón đại quân Lưu Bị qua đường. Mã Tốc còn đặc biệt cử người vào rừng thu hái cây

thuốc, chế biến thành phương thuốc, bỏ vào canh trà: vừa có thể khỏi khát mát ruột, vừa có thể giải nhiệt tiêu độc.

Bình mã Lưu Bị chỉ chưa quá vài ngàn, song dân chúng được họ bảo vệ chạy nạn thì những mấy vạn, già có, trẻ có, người khóc, người la. Lại đúng vào ngày hè tam phục, trời đeo lọi, suốt ngày nắng đêm sương, từ lâu họ đã mệt mỏi khôn cùng. Tại trà am, họ uống canh trà Mã Tốc chuẩn bị sẵn, ai nấy đều cảm thấy mát ruột mát gan, vị của nó thì ngay cả rượu quý e cũng còn thua!

Lưu Bị nhìn thấy cảnh tượng này, trong lòng hết sức cảm động, chớ bảo chân trời đường đều lạ, khắp nơi đều có khách tâm giao! Liên ngay tại chỗ hỏi thăm: Ai dẫn đầu làm việc tốt này? Muốn người như một đều nói là Mã Tốc đưa ra chủ ý. Lưu Bị liền dẫn Khổng Minh, Quan Vũ, Trương Phi đi đến gặp Mã Tốc cảm ơn. Mã Tốc khiêm tốn nói:

- Đây chẳng qua là việc cốc nước, không phải là việc lớn.

Lưu Bị nói:

- Tuy là một cốc nước, nhưng giống hết nước cam lộ!!

Khổng Minh phe phẩy chiếc quạt lông ngỗng tiếp lời:

- Nước ngọt người càng tốt, người tốt nước cũng ngọt mà!

Lưu Bị gật đầu lia lịa, tức thì thu nhận Mã Tốc làm bộ tướng. Để kỉ niệm Mã Tốc, người đời sau liền đổi trà am do Mã Tốc dẫn đầu xây dựng thành đền Mã Tốc.

NGÔ CỪU VÀ ĐÁ QUYẾT

Lưu Bị bị Tào Tháo đánh đuổi chạy trốn khắp nơi, hôm nay đến chỗ này, ngày mai tới chỗ nọ, đều không tránh khỏi dựa tường tựa vách, tựa núi núi tan. Không có đường nào đi được nữa, đành chạy thẳng tới Nam Từ, vào yết kiến Tôn Quyền, xin kê vai sát cánh với Tôn Quyền, cùng chống cự Tào Tháo.

Tôn Quyền chân giẫm hai con thuyền, ngâm tính toán: Tào Tháo thế lực rất mạnh, đánh ư, chỉ e là trúng chọi đá; trả lời cự tuyệt Lưu Bị, giảng hòa với Tào Tháo ư, như vậy rõ ràng là cưỡi đầu nhận hàng, nghe theo người khác sắp xếp, quả thật lại không cam lòng. Tôn Quyền do dự không quyết, đành miễn cưỡng giữ Lưu Bị, cho Lưu Bị ăn ngon, ở tốt, chơi cùng tốt, chỉ tránh không nói chuyện chính, muốn kéo dài một thời gian, xem đúng hướng gió mới kéo buồm.

Lưu Bị thấu hiểu tâm tư Tôn Quyền, song cũng không tiện nói ra. Bất tay hợp tác thì hai bên phải tình nguyện, không thể bỏ không uống nước mà cứ ăn đầu xuống nước được!

Một hôm, Tôn Quyền hẹn Lưu Bị cùng đi săn bắn ở ngoại thành, người đi theo rất đông, tiền hô hậu ứng. Lưu Bị nói với Tôn Quyền:

- Mọi người đồng lòng, núi Thái Sơn phải chuyển. Người đông như vậy, chỉ cần chung sức vào một chỗ, thì dù gặp hổ dữ cũng nhất định giết chết được nó.

Tôn Quyền dương dương tự đắc, buột miệng nói ra:

- Đông Ngô của tôi binh hùng ngựa khỏe, lên núi có thể đánh được hổ dữ, xuống biển có thể bắt được giao long!

Lưu Bị tiếp lời nói:

- Tào Tháo không phải là hổ dữ, cũng không phải là giao long, lại càng không khó đối phó.

Tôn Quyền cảm thấy khẩu khí ấy quá lớn, bất giác nhạo báng nói:

- Vậy lẽ nào Tào Tháo lại là con cừu! Vì sao thiên hạ có rất nhiều anh hùng hào kiệt, lại bị Tào Tháo đuổi chạy loạn xạ khắp nơi?

Rồi bỗng cảm thấy lờ lờ, không nói tiếp nữa.

Lưu Bị không hề để ý, lại cười và nói:

- Trách thì chỉ trách mọi người không đồng tâm nhất trí thôi.

Vừa hay lúc đó, có một con cừu hoang chạy qua. Không đợi truyền hiệu lệnh, mọi người nhao nhao đuổi bắt. Nhưng đuổi đông nó chạy sang tây, đuổi tây nó lại chạy sang đông, quả thật giống như chim trên trời, cá dưới biển, khó nhọc hỏi lâu mà cũng không bắt được. Tôn Quyền mắt nhìn thấy binh mã dưới quyền lộn xộn, bèn bảo họ từ xa vây thành một vòng, không để cừu hoang trốn chạy. Rồi sau Tôn Quyền đích thân cưỡi ngựa tiến vào trong vòng vây đuổi bắt. Ngựa đuổi mau, cừu chạy gấp, chạy đi chạy lại không biết bao nhiêu là đường, người mệt, ngựa mỏi, những người đi theo cũng uể oải. Dột nhiên con cừu ấy xống bữa nhảy ra khỏi vòng vây, trốn vào trong một ngõ hẻm trong thành. Ngõ này thông thẳng, đầu này vào, đầu kia ra, đi vào phía trong nữa, đường phố như mạng nhện, dày đặc, thông suốt khắp ngã, người đông hơn

nửa cũng đành bó tay, khó dùng vào việc. đến lúc này lại muốn bắt một con cừu hoang, há chẳng phải là mò kim đáy biển? Tôn Quyền vừa nóng vừa bực tức, hét tất cả bọn tùy tùng lui ra, một mình tiến vào trong ngõ hẻm, muốn đi chậm nhìn dấu vết cừu hoang để lại, xem xét đường đi của nó. Chàng ngờ bỗng nhiên nghe thấy mấy tiếng cừu kêu, hóa ra ở đầu kia của ngõ hẻm từ lâu đã có Lưu Bị chặn lối đi của nó. Tôn Quyền tinh thần phấn chấn, bước vội mấy bước, chẳng tốn công sức là bao, đã cùng Lưu Bị tóm được con cừu. Từ đây về sau, ngõ hẻm này gọi là ngõ Cừu.

Lưu Bị vui vẻ cười to, nói:

- Tôn Quyền, Lưu Bị sát cánh, nó chạy đường nào?

Tôn Quyền nghe xong câu nói, cúi đầu ngẫm nghĩ, lời của Lưu Bị quả có lí, bèn cười và tiếp lời:

- Là cừu là hổ, đều dễ đối phó!

Nhìn bên trái bên phải người qua kẻ lại, không tiện nói kĩ, hai người bèn thủ thảo bàn bạc qua loa, rồi cùng nhau đánh cừu đi đến chỗ vắng sau chùa Cam Lộ. Tôn Quyền ghéch đuôi cười lên lưng cừu hoang nói với Lưu Bị:

- Tôi là rùa đen ăn quả cân - quyết tâm rồi, nhất định liều hoặc là cá chết hoặc là lưới tan với Tào Tháo.

- Nhất định cá chết, không đến nỗi lưới tan. - Lưu Bị nói

- Quân Tào không thông thạo thủy chiến, có thể dụ chúng đến gần núi Xích Bích, phóng một mũi lửa lớn!

- Xích Bích đại chiến, hay lắm! - Tôn Quyền không nén nổi vỗ mạnh vào con cừu mình đang ngồi - Đã nói thì làm!

Liên ngay lúc ấy, bỗng nghe thấy tiếng "ầm", con cừu đó biến thành một tảng đá. Vì Tôn Quyền, Lưu Bị cùng nhau quyết tâm tại đây, nên người đời sau gọi nó là đá Quyết, đến nay vẫn còn.

BA ANH THỢ DA DỊCH NÒI GIA CÁT LƯỢNG

Khi đại trận Xích Bích. Chu Du thấy Gia Cát Lượng tài năng hơn mình, ngầm ngầm ôm hận. liền sai Gia Cát Lượng trong ba hôm phải làm ra chục vạn mũi tên, mượn mượn cơ hội này để giết Gia Cát Lượng.

Gia Cát Lượng không mảy mĩu, cũng không mua vật liệu. Ông phe phẩy chiếc quạt lông ngỗng, bước đi chữ bát, mang theo ba tùy tùng thân cận vòng đi vòng lại bên bờ sông, đi đi lại lại nơi nhà chứa cỏ. ngó trông thời tiết, đoán chắc sáng sớm ngày thứ ba có mù lớn, liền nghĩ ra cách dùng thuyền cỏ mượn tên. Ông bảo ba người tùy tùng chuẩn bị hai chục chiếc thuyền nhỏ, hai bên cắm bù nhìn cỏ, quây màn vải xanh, nói là đến lúc ắt sẽ có cộng dụng kì diệu.

Ba người tùy tùng theo lời dặn của Gia Cát Lượng mà sắp xếp ổn thỏa, rồi trở về bẩm cáo, nói:

- Quân sư thật giỏi suy tính! Há chẳng phải là muốn đưa thuyền bù nhìn cỏ tới thủy trại quân Tào, dụ chúng phóng tên đó sao?

Gia Cát Lượng cười thần bí nói:

- Đây là quân cơ đại sự, các ông chớ hỏi cặn kẽ!

Ba người tùy tùng đưa mắt nhìn nhau, nói với Gia Cát Lượng:

- Chủ kiến này hay thì có hay, song nếu muốn lấy được tên, thì phải chèo thuyền đến sát bên thủy trại, nhờ chúng nhìn ra chỗ sơ hở, chỉ thấy màn vải mà không thấy người, thì sẽ không chịu chui vào cái thông lọng của quân sư nữa.

- Ô, nói cũng rất có lí đấy! Các ông đều là những người sắc sảo, vậy có cao kiến gì chăng?

- Chúng tôi đều xuất thân thợ da, vừa mới nghĩ ra một cách, đảm bảo có thể đánh lừa được quân Tào:

- Có thể nói cho ta nghe được chứ?

- Xin quân sư chờ hỏi cận kề. Quân sư đã lập tờ quân lệnh trước mặt Chư Du, chúng tôi cũng lập một tờ quân lệnh trước mặt quân sư. Đêm mai nếu không được như ý quân sư, chúng tôi cam chịu quân pháp!

Đêm hôm sau, ba người thợ da mời Gia Cát Lượng tới bên sông kiểm tra xem xét, trên đầu mỗi chiếc thuyền nhỏ đều có dựng đôi ba bù nhìn rơm, khoác lên áo da, mũ da, giống như người thật. Gia Cát Lượng gật đầu, cười nói:

- Kẻ tài trí nghĩ mãi cũng có khi nhầm; người dân ngu suy sâu lại có lúc được!

Ngày thứ ba, nhân lúc trên mặt sông có sương mù, Gia Cát Lượng dẫn quân lái hai chục chiếc thuyền nhỏ tới đối diện trại Tào giống trống la hò, rất là uy thế. Trên bờ, quân Tào không biết quân Giang Đông kéo tới bao nhiêu chiến thuyền, lại sợ trúng mai phục, chỉ lo bắn tên về chỗ có tiếng la hò.

Bắn một hồi, không thấy một tên lính nào của quân Giang Đông áp bờ, quân Tào sinh nghi, ngừng bắn tên, cử người mất tỉnh, can đảm, ra sát bên sông để dò xét cẩn thận. Nhưng

người đó mơ hồ nhìn thấy trên từng chiếc thuyền đều có binh sĩ, đầu đội mũ lính, mặc áo giáp, vội la lớn:

- Có người, có người thật!

Lúc ấy, tiếng trống trên thuyền càng vang rộn, tiếng la hò càng to, quân Tào tưởng rằng quân Giang Đông sắp tấn công lên bờ, muôn ngàn mũi tên lại bắn ra, hướng tới những con thuyền nhỏ. Trong chốc lát, Gia Cát Lượng đã "mượn" về được trên mười vạn mũi tên nhọn hoắt.

Sự việc này lưu truyền mãi mãi trong dân chúng. Câu tục ngữ: "Ba anh thợ da dích nổi Gia Cát Lượng" chính là nói về việc này.

ĐÈN KHỔNG MINH TRÊN LẦU HOÀNG HẠC

Trên mỏm Hoàng Hộc có lầu Hoàng Hạc, cạnh lầu Hoàng Hạc có tháp đá, hình dáng hơi giống quả bầu, mọi người đều gọi là đèn Khổng Minh.

Tương truyền thời Tam Quốc, Tào Tháo dẫn tám mươi ba vạn binh mã đánh xuống Giang Nam, muốn nuốt tươi Lưu Bị và Tôn Quyền. Không ngờ Lưu Bị và Tôn Quyền hai sợi dây vắn thành một, quyết chỉ một sống một chết với Tào Tháo. Họ biết địch nhiều mình ít, phải khéo đánh mới được, liền chọn chiến trường trên sông lớn gần núi Nam Bình, chuẩn bị phóng lửa đốt sạch thuyền giặc, làm cho giặc có đến không về. Lúc bấy giờ, Gia Cát Lượng là quân sư, điều binh khiến tướng, mọi thứ đều trôi chảy, chỉ có Quan Vũ vẫn còn dẫn thủy quân ở xa mãi tận Phần Thành, khó về tới chiến trường đúng thời gian, Gia Cát Lượng bèn cấp tốc ra lệnh cho Quan Vũ: Ngày đêm chèo thuyền, mưa gió vẫn tiến, nhất định phải đến đúng thời hạn.

Quan Vũ tính toán kỹ càng đường đi, ngày giờ, cảm thấy quả thực mình không nắm chắc, liền trả lời rằng:

- Chèo thuyền xuôi dòng trên sông Hán Giang thì rất dễ, tiến vào Trường Giang thì lại phải bơi thuyền ngược dòng, ở đó nước xiết sóng cao, khó mà lường được!

Gia Cát Lượng nói:

- Lúc xuôi dòng cũng phải xem như đi ngược dòng. kéo hết buồm, dùng hết sức lực bơi chèo, làm cho một ngày bằng được hai ngày.

- Kiểu ấy, người chưa đến Trường Giang đã mệt ngã lăn ra, còn hơi sức đâu mà ngược lên thượng nguồn? Lẽ nào trời dặt xuôi dòng không làm mồi cho cá tôm ngoài biển cả!

Gia Cát Lượng cười nói:

- Sau khi tiến vào Trường Giang, sẽ có biện pháp hay khác: Chỉ cần tướng quân đích thân bắt tay vào việc, bơi chèo trên thuyền, kéo dầy trên bờ, các tướng sĩ đương nhiên sẽ theo gương liều mạng tiến lên, chẳng lo lỡ thời gian.

Quan Vũ nghĩ bụng, quân sư lại sắp xếp đại tướng đi bơi chèo kéo dầy, nói nhẹ nhàng khéo léo quá! Còn bản thân mình ư, chẳng qua chỉ đi đi xem xem khắp nơi, thật là ung dung tự tại. Nghĩ vậy, bất giác nổi nóng, đưa ra vấn đề khó khăn với Gia Cát Lượng:

- Trời có gió mưa bất trắc, hơn nữa, thuyền tiến vào Trường Giang cũng không rõ là ngày hay đêm. Quân sư để chúng tôi cứ đi bừa vào, khác chi người lòa cưỡi ngựa mù, nhớ khi va vào mỏm Hoàng Hộc, người ngã thuyền lật, cái đó thì can hệ không vừa!

Gia Cát Lượng thấy rõ đó là quân của mình mong mồi, song vẫn cứ ôm kéo về mình:

- Bất kể ban ngày ban đêm, cho dù có gió có mưa, trên mỏm Hoàng Hộc đều có đèn chiếu sáng cho tướng quân bơi thuyền, nếu để lỡ việc, sẽ theo quân pháp trị tội!

Quan Vũ không tin lắm, lại đưa ra khó khăn:

-Quân sư, trong quân là không có đùa đâu!

Gia Cát Lượng múa bút viết tờ quân lệnh, sau đó đặt giấy bút trước mặt Quan Vũ, nói:

- Xin tướng quân cũng cho mấy chữ làm bằng chứng! Nếu tướng quân để lỡ ngày giờ hành quân, xin đừng trách đao kiếm của tôi không có tình cảm.

Quan Vũ vui vẻ chấp thuận, lập tức dẫn thủy quân xuất phát. Thuyền đến Hạ Khẩu, vừa đúng nửa đêm, mưa to gió lớn, gió tay ra khó nhìn thấy ngón, chỉ nghe tiếng sóng vang trời dậy đất, đáng sợ quá! Quan Vũ đang cảm thấy tiến lui đều khó, trong lòng oán trách Gia Cát Lượng không nên nói phét, bỗng thấy trên mồm Hoàng Hộc ở bờ bên kia quả thật có một ngọn đèn tỏa sáng, lấp lánh lóa mắt, hơn cả vàng trắng Trung thu, chiếu rõ thông suốt một vùng trên sông. Quan Vũ vừa ngạc nhiên vừa vui sướng, chỉ huy chiến thuyền lại vào sông lớn một cách thuận lợi, rồi lại ngược dòng tới Xích Bích, đúng thời gian vào chiến trận.

Ngọn đèn tò ăy do Gia Cát Lượng thắp, sau này còn sáng mãi, chỉ đường cho mọi người, chiếu sáng cho thuyền bè đi lại, hơn nữa dầu ở trong ngọn đèn ăy không bao giờ cạn.

Mấy đạo sĩ sống ở lâu Hoàng Hạc vẫn dùng dầu ở đèn này xào nấu thức ăn, muốn bao nhiêu lại chảy ra bấy nhiêu, không hề thiếu cho họ ăn. Về sau có đứa lòng tham vô đáy muốn phát tài, hắt dùng chiếc kẹp sắt kẹp chặt bắc đèn, vừa kéo ra ngoài vừa đổ dầu vào cái thùng, đồng thời la hét: "Dầu chảy, dầu chảy, giống như nước chảy, đổi lấy bạc vàng, chẳng lo ăn mặc!" Bỗng kéo tụt bắc đèn ra, đèn tắt ngay, dầu cũng không chảy nữa, đồng thời ngọn đèn cũng biến thành đá, chính là hình dạng của nó sau này. Song, mọi người vẫn gọi nó là đèn Khổng Minh như cũ.

NÚI NAM BÌNH VÀ XÍCH BÍCH

Núi Xích Bích kề sát núi Nam Bình, kéo dài hình chữ "nhất" ra giữa lòng sông. Ở đây nước xiết sóng cao, vô cùng hiểm yếu, đã thành nơi nhà binh phải giành lấy. Đại trận Xích Bích thời Tam Quốc chính là đã đánh nhau ở đây, cho đến nay, một số di tích vẫn còn.

Tương truyền năm đó Chu Du dẫn quân đến đóng tại núi Xích Bích. Tào Tháo dẫn quân đến đóng ở núi Ô Lâm bên bờ sông đối diện. Chu Du muốn dùng hỏa công để phá quân Tào, lại thấy hướng gió không đúng, không có kế để thi hành, lo nghĩ đâm mắc bệnh nặng, ốm nằm liệt giường. Gia Cát Lượng thấu hiểu tâm tư của Chu Du, kê cho Chu Du một đơn thuốc: "Muốn phá Tào Tháo, phải dùng hỏa công; mọi việc đều xong, chỉ thiếu gió đông".

Chu Du thấy Gia Cát Lượng một lời mà nói trúng tâm sự mình thì vừa kinh ngạc vừa vui mừng, vội triệu Gia Cát Lượng tới. Sau khi hai người gặp mặt, Chu Du lại lắc đầu than thở:

- Có đơn mà không có thuốc, vẫn chẳng có cách chữa bệnh!

Gia Cát Lượng nói:

- Không để chữa bệnh, hà tất kê đơn? Tôi quả quyết tướng quân uống thuốc vào là bệnh khỏi ngay.

Chu Du tỉnh thần hết sức phấn khởi, trở mình nhảy ra khỏi giường, kéo mạnh tay Gia Cát Lượng nói:

- Ông đã dùng thuyền cỏ mượn được tên, chắc hẳn cũng có thể mượn được gió đông chứ, xin ông lại giúp tôi một tay.

- Nhất trí chống giặc, có chi còn phân biệt anh tôi? Xin hỏi gió đông khi nào cần đến?

- Trong vòng mười hôm là được.

- Dịch nhiều ta ít, nên đánh nhanh quyết nhanh, kéo dài mười ngày, há chẳng lỡ mất việc lớn! Chỉ cần ba ngày, tôi có thể mượn được gió đông về.

Chu Du nói:

- Trong quân là không có nói giỡn, nếu đến lúc không làm được thì sao?

- Cam chịu để đầu lại! - Gia Cát Lượng nói xong, viết tờ quân lệnh. Sau đó lại nói:

- Song, tướng quân phải cho tôi mượn ba chục binh sĩ, san bằng làm một cái đài trên đỉnh núi, tôi sẽ ở trên cùng tế trời đất; lại xin trồng cây cối hoa cỏ lên khắp núi, để chúng triệu gió đông về cho tôi.

- Điều đó làm được - Chu Du nhận lời ngay.

Ba chục binh sĩ tới núi Nam Bình, thấy nơi đây chỗ nào cũng là đá xanh một màu, nhẵn bóng, rắn cứng, giống như gang đúc, bên trên không có chút đất vụn, thật là nhụi cỏ cũng khó mọc, liền tùy tiện mang lại những cây mục, tre gãy, cỏ khô, hoa héo, vứt bừa bãi trên núi; rồi sau lại miễn cưỡng san một cái đài phẳng nhỏ nhỏ, gọi là cho xong công việc được giao.

Chính trên cái đài phẳng ấy, Gia Cát Lượng đích thân thắp bảy ngọn đèn. Những đèn này trước hết là phát ra bảy tia chớp thông trời thấu đất, rồi lại phát ra bảy tiếng sấm

rung chuyển núi non. Sau đó, trên dưới núi cao, hai bên bờ sông là một vùng ngời sáng. Xa xa nhìn lại, trên núi Nam Bình giống như đột ngột xuất hiện bảy ngôi sao sáng lung linh. Cho nên, sau này chỗ đó gọi là đài Bảy Sao. Trên đài Bảy Sao, Gia Cát Lượng xoa tóc chống kiếm, mặt hướng về phương bắc, đầu tiên là đốt một lư đàn hương, tiếp đó lễ trời lễ đất, rồi sau cầu khẩn trời: "Phù hộ cho đại quân Tôn Quyền, Lưu Bị ra quân là đánh bại quân Tào...". Vừa dứt lời, bên trên bên dưới núi cây mục đâm rễ, tre gãy sống lại, cỏ khô xanh dần, hoa tàn lại nở, cả quả núi giống như con công bỗng nhiên giương cánh, đầu cúi đuôi vênh lên, đang uống nước ở bờ nam sông lớn.

Lúc này, Tào Tháo đang đứng trên núi Ô Lâm phía bắc sông, Tháo cũng đã nhìn thấy tất cả những cái đó, thăm nghĩ: Gia Cát Lượng hỏi Gia Cát Lượng, người đã lừa lấy không đi của ta chục vạn mũi tên, bây giờ lại giờ trò gì nữa? Ta thật không thể giương mắt đợi chịu thua thiệt lần nữa. Tào Tháo lập tức sai tướng sĩ ngồi thuyền nhanh, vòng qua núi Xích Bích, từ phía trên thượng du nhằm đài Bảy Sao mà bắn tên. Những mũi tên này dày hơn giọt nước mưa, nhưng bắn không tới được bên Gia Cát Lượng. Cây cối hoa cỏ ở xung quanh, giống như bức bình phong, mũi tên sắc nhọn mà vào được. Nghe nói, núi này gọi là núi Nam Bình chính là bắt đầu từ đó.

Tối hôm ấy, quả nhiên Gia Cát Lượng mượn được gió đông về. Chu Du nhân thế gió, phóng lửa đốt doanh trại Tào Tháo. Trong chốc lát, ngọn lửa ngút trời, khói đen mù mịt, đất đai cháy khô, nước sông sôi lên, cả núi cũng bốc cháy, đá từ xanh thành đỏ. Vách núi càng bị thiêu cháy loang loang lỗ lỗ, đỏ một khối, đen một đám, giống như nồi vá. Từ đấy, quả núi vốn không tên này được gọi là Xích Bích.

Chu Du nhờ Gia Cát Lượng đánh thắng trận, lại ghen ghét Lượng có tài hơn mình, lo lắng Lượng có thể giúp Lưu Bị tranh hùng với Đông Ngô, tương lai sẽ thành hậu hoạn. Thế là liền sai người nhân lúc hỗn loạn, lập tức giết chết Gia Cát Lượng tại chỗ, đồng thời ngầm xin Tôn Quyền xuất quân từ Sài Tang, đến Hạ Khẩu để tiêu diệt hết toàn bộ binh mã của Lưu Bị.

Ai ngờ, khi ấy Gia Cát Lượng đã bí mật rời khỏi núi Nam Bình từ lâu, thuận gió xuôi dòng, một ngày ngàn dặm, đã đến Hạ Khẩu tụ hợp cùng Lưu Bị. Lưu Bị thấy dưới hạ lưu đều là đại quân Đông Ngô, hơn nữa họ vì vừa mới thắng trận, sĩ khí dương hăng, nếu như hai phía cùng đánh lại, mình sẽ thành chiếc bánh kẹp đường, bị một miếng nuốt trôi. Lưu Bị vô cùng lo lắng, cùng Gia Cát Lượng bàn cách đối phó. Gia Cát Lượng không chút hoang mang, nói:

- Lĩnh tới tướng cần, nước tới đất ngăn, tôi có cách đối phó với họ.

Lưu Bị vẫn không yên tâm:

- Lửa lớn sắp đốt cháy lông mi, làm sao không lo chứ? Tôi điều tướng cho quân sư ngay lập tức.

- Tướng không nhiều bằng Đông Ngô, địch không nổi họ.

- Điều thêm binh sĩ cho quân sư.

- Binh sĩ cũng không mạnh bằng Đông Ngô, như vậy đều là trúng chọi với đá.

- Vậy chẳng phải là đá tới đường cùng sao? Quân sư còn có cách gì?

Gia Cát Lượng không trả lời, chỉ sai thư đồng đưa tới một chiếc bút lông. Gia Cát Lượng cầm lấy bút, nhúng no mực đậm, nhìn vào không trung, chăm chú vận lực, nét vẩy nét

vung, khoanh khắc viết ra hai chữ to "Xích Bích", tỏa sáng long lanh, ánh lên giữa đỉnh trời xanh. Bỗng nhiên hai chữ to ấy như có cánh, bay lượn ngược theo dòng Trường Giang, trong chớp lát đã tới dưới núi Xích Bích, khảm ngay ngấn vào vách đá gần sông. Cùng lúc này, ở trên ngọn núi Sài Tang cũng xuất hiện bóng lưng của hai chữ lớn này, giống nét chữ nhìn được từ mặt sau tờ giấy mỏng, không khác nhau tí nào.

Lúc đó, Chu Du ở Xích Bích, bỗng thấy có hai chữ lớn này, hoảng sợ. Du nghĩ: Tài Gia Cát Lượng trong trận Xích Bích ta đã rõ, nếu không chuẩn bị cẩn thận đây đủ há dám khinh suất dọ sức với Lượng. Đồng thời, Tôn Quyền ở Sài Tang cũng nhìn thấy hai chữ to này, khiến Quyền nhớ lại tình nghĩa cũ, thầm nghĩ: Trận Xích Bích may mà Tôn, Lưu hai nhà liên hiệp, ta không thể qua sông dễ dàng, đâm dao vào sau lưng người ta. Trận đánh lớn rồi cuộc không xảy ra là như vậy.

Đến nay, nhân dân địa phương còn truyền tụng hai câu sau: "Một bút thấu qua núi vạn trùng, Giang tây có kẻ chống Xích Bích". Từ cổ đến nay, mọi người đều tôn kính, ngưỡng mộ Gia Cát Lượng, do đó, đối với bút tích của Gia Cát Lượng, bao giờ cũng giữ gìn vô cùng toàn vẹn.

GIA CÁT LƯỢNG MUA CÁ CHẠCH

Truyền rằng, trước đại trận Xích Bích, Gia Cát Lượng dụng dài lẽ gió ở núi Nam Bình, giúp Chu Du mượn gió đông, dùng hỏa công đánh doanh trại Tào Tháo. Gia Cát Lượng ban ngày ở trên núi xoa tóc chống kiếm, niệm chú làm phép; đến khi trời tối hẳn, liền đi qua chiếc cầu nhỏ, chạy đến Lục Khẩu tìm những ông già đánh cá nọ ở một nơi có tên gọi là Bát Bả Dao bên dòng sông, nói chuyện con cá con kê, lúc sắp trở về còn mua mấy con cá tươi uống rượu. Những người đánh cá nghe nói Gia Cát Lượng mua cá, đều mở khoang thuyền, đem những con cá tươi hảo hạng tặng ông. Nào ngờ loại cá này ông không lấy, loại cá kia ông cũng không cầm. Hỏi ông rốt cục cần gì, ông nói:

- Cần mua vài con cá hiếm lạ.
- Cá gì là cá hiếm lạ?
- Lúc thời tiết sắp thay đổi, cá ở trong nước không yên phận gọi là cá hiếm lạ.

Một lão ngư dân nói:

*Mùa xuân góc mồm trời sáng trắng,
Chẳng mưa rào cũng nổi gió ngay;
Mùa hạ dĩa nổi trời mặt nước,
Không quá trưa thời tiết đổi thay;*

"Ngày giữa thu" có bão di chuyển,
Trắm trong ao bong bóng phập phồng;
Tháng mười cá chạch nằm giữa bụng,
Gà chưa gáy đã nổi gió đông.

Gia Cát Lượng nghe tới câu cuối, vui sướng vỗ tay liên tiếp, khen:

- Đúng, đúng, đúng! Cá hiếm lạ chính là cá chạch giữa bụng. Mấy ngày tới, các ông nếu bắt được loại cá này xin đưa gấp cho tôi, tôi nhất định trả giá cao, ba con, năm con không chê ít, mười cân tám cân không ngại nhiều, chịu khó để ý cho.

Nói xong, chấp tay cáo từ.

Sự việc này truyền khắp mấy thôn gần Bát Bà Dao, ai nấy đều cười Gia Cát Lượng sơn hào hải vị không ăn, lại chỉ muốn ăn cá chạch.

Buổi chiều hôm đó, có hai lão ngư dân bắt được mười con cá chạch giữa bụng, vội vàng đem đi. Gia Cát Lượng thấy vậy, mừng vui khôn xiết, đem ra mười lạng bạc ròng, hai tay nâng tặng cho hai lão ngư dân.

Vào ngày hôm sau, trời còn chưa sáng đã nổi gió đông nam. Tiếp đó, trên mặt sông trước núi Xích Bích, ánh lửa ngút trời, tiếng gươm dậy đất, đại trận bắt đầu. Về sau, hai lão ngư dân đã đưa cá chạch ấy lên núi xem, thấy mười con cá chạch đó được nuôi ở trong chậu, không chỉ giữa bụng, mà cả con người mát cũng phồng lên. Hóa ra, Gia Cát Lượng muốn ăn cá chạch là giả, mong chờ trời nổi gió đông là thật.

Người đời sau gọi chiếc cầu nhỏ đương thời Gia Cát Lượng đi qua để mua cá chạch ấy là cầu Khổng Minh. Song về sau này, khi mọi người nói đến lai lịch cầu Khổng Minh, chỉ biết Gia Cát Lượng mượn gió đông ở đây, mà rất ít người biết Gia Cát Lượng qua cầu này để mua cá chạch.

BÀI TỪ LONG

Phía đông núi Xích Bích có một bãi cát lớn, khi nước lên, ngập chìm trong nước, lúc nước xuống, cát vàng miên mông, đó chính là bãi Từ Long nổi tiếng.

Trong trận Xích Bích, Gia Cát Lượng mượn gió đông về, giúp Chu Du dùng hỏa công đánh bại Tào Tháo. Lẽ ra, Chu Du phải cảm ơn Gia Cát Lượng, song bụng dạ lại ghen ghét, muốn ra tay độc ác, trừ diệt con người tài năng này.

Gia Cát Lượng sớm đã nhìn ra Chu Du sẽ qua sông dò cầu. Khi gió đông vừa nổi, liền lên đi khỏi đài Bảy Sao, lên chiến thuyền của Triệu Vân đến đón, thuận gió xuôi dòng, xa chạy cao bay.

Sau khi Chu Du biết, lập tức sai đại tướng Từ Thịnh, Đinh Phụng cưỡi thuyền nhanh, gấp rút ra sức đuổi. Hai con thuyền cái trước cái sau ngày một gần nhau, dần dần đều nghe được nhau nói chuyện. Gia Cát Lượng tay phe phẩy quạt lông ngỗng, thư thái đứng ở đầu thuyền, lớn tiếng khuyên họ trở về:

- Tôi như con chim bay ra khỏi lồng, không thể trở về được nữa. Xin hai vị tướng quân chớ phí công!

Từ Thịnh, Đinh Phụng vẫn đuổi riết không buông, vung gươm giáo nói:

- Ông muốn thoát chết, chỉ e gươm trong tay này sẽ không nhận lời.

Triệu Văn không chịu nổi, quát mắng:

- Triệu Tử Long ở Thường Sơn đây! Các người chó hồng động đến một sợi lông tơ của quân sư.

Từ Thịnh, Đinh Phụng biết Triệu Tử Long lợi hại, có phần sợ hãi. Nhưng quay đầu nhìn thấy có hàng loạt chiến thuyền cùng đi tới, lượng tính võ nghệ của Tử Long dù cao nữa cũng ít không thắng được nhiều, liền lấy thêm can đảm, sai binh sĩ liều mạng bơi chèo, ngay tức thì mũi thuyền chạm sát ngay vào đuôi thuyền trước. Triệu Văn thiện xạ, gấp rút giương cung đặt tên, muốn bắn đối thủ. Bỗng nghĩ ra, không nên đánh lộn với Đông Ngô, kết thành thù địch, bèn đổi hướng bắn vào dây treo buồm. Trúng rồi! Mũi tên bắn ra, dây buồm đứt, rầm một tiếng, cánh buồm rơi xuống, bay vào giữa sông, chiếc thuyền đuổi theo lập tức chậm lại. Từ Thịnh, Đinh Phụng thấy trong thiên hạ lại có mũi tên thần như vậy, đều sợ hãi ra, vốn muốn quay thuyền trở về, nhưng thấy các chiến thuyền đi sau đã tới bên cạnh. Trên chiến thuyền có thiên binh vạn mã, điều đó khiến cho hai người phút chốc lại lấy lại được can đảm, liền chui vào chiếc thuyền nhỏ đã đi xa kêu to:

- Đuổi mau! Nhất định phải bắt bằng được Gia Cát Lượng và Triệu Tử Long.

Không ngờ, tấm buồm vải bị Triệu Tử Long bắn rơi ấy, lúc này bỗng biến thành một bãi cát lớn chặn đường sông phía trước, dừng hòng tiến thêm lên được một bước. Về sau, mọi người đều gọi bãi cát này là bãi Tử Long.

LƯU BỊ MƯỢN KINH CHÂU

Sau đại trận Xích Bích, Tào Tháo hao binh tổn tướng, chịu thua thiệt lớn, trở về phương bắc. Đại tướng Đông Ngô là Chu Du thừa thắng đuổi đánh, chiếm lĩnh lấy thành Kinh Châu, nhận chức thái thú Nam Quận.

Lúc này, quân đội của Lưu Bị đóng ở Du Giang, Công An, trông mắt nhìn miếng thịt béo bị người ta cướp mất, trong lòng ngứa ngáy lắm. Lưu Bị từ lâu muốn lấy thành Kinh Châu, chỉ là hổ ăn thịt trời, không biết nuốt trôi đường nào.

Quân sư Gia Cát Lượng nhìn thấu tâm tư Lưu Bị từ lâu, hỏi rằng:

- Có phải chúa công đang sốt ruột vì việc Kinh Châu chẳng?

Lưu Bị gật đầu:

- Tiên sinh có chủ kiến gì hay?

Dương lúc ấy, lính canh tới, báo là mưu sĩ Đông Ngô Lỗ Túc đến thăm. Gia Cát Lượng nhay cảm, vỗ tay nói:

- Có rồi!

Lưu Bị trong phút chốc chưa rõ ý nghĩa gì, Gia Cát Lượng vội vàng nhét cuộn giấy vào lòng bàn tay ông. Lưu Bị gỡ ra xem, trong giấy chỉ viết một chữ "mượn". Ông cười gượng nói:

- Tiên sinh đùa sao! Đắt người ta bỏ tiền, bỏ người đánh trận mới giành được, sao có thể cho chúng ta mượn?

Gia Cát Lượng cười nói:

- Sau khi Lỗ Túc vào, chúa công chỉ cần làm như thế này, đến lúc tự nhiên tôi có cách mượn...

Gia Cát Lượng đón Lỗ Túc vào nhà, Lưu Bị nhìn thấy Lỗ Túc, liền kéo tay ông ta khóc lóc rất thương tâm. Lỗ Túc thấy tình cảnh như vậy, thoát bóng ngay ra. Gia Cát Lượng ở bên cạnh hỏi:

- Tiên sinh biết tâm sự của chúa công tôi chứ?

Lỗ Túc lắc đầu. Gia Cát Lượng nói tiếp:

- Chúng tôi vốn muốn cất quân đi đánh Tây Xuyên, nhưng ở giữa lại cách Kinh Châu, nếu như dụng tới binh đao, lại sợ tổn thương tới hòa khí giữa hai nhà Tôn Quyền, Lưu Bị, vì thế tiến lui đều dở...

Lưu Bị nghe xong câu ấy, khóc lóc càng thêm thiết hơn.

Lỗ Túc là người hiền lành, thấy Lưu Bị khóc như thế thì mềm lòng, hỏi:

- Hoàng thúc có việc gì cầu đến tôi chăng?

Lưu Bị càng khóc càng thêm thương đau xót, Gia Cát Lượng trả lời thay ông:

- Chúng tôi chỉ muốn mượn thành Kinh Châu để dùng một chút, đợi sau này lấy được Tây Xuyên sẽ trả lại.

Lỗ Túc lại hỏi:

- Mượn dùng bao lâu vậy?

Gia Cát Lượng một mình trả lời:

- Mùa đông năm nay mượn, mùa đông sang năm trả.

Lỗ Túc nói:

- Nói miệng không căn cứ, phải có giấy tờ làm bằng.

Gia Cát Lượng vội vàng lấy bút mực, đề nghị Lưu Bị kí tên chấp thuận trên giấy mượn, lại mời Lỗ Túc ở giữa làm người bảo lãnh.

Lúc ấy, Lưu Bị mới không khóc nữa. Sau này, mọi người đều nói giang sơn của Lưu Bị là do khóc mà nên.

Lỗ Túc mang tờ giấy mượn đến Giang Đông gặp Tôn Quyền. Tôn Quyền nói:

- Địa bàn chúng ta đánh lấy được, đâu có lí cho người khác mượn.

Lỗ Túc giải thích:

- Tuy Kinh Châu là đất người dụng binh phải tranh bành được, song trước mặt bắc có Tào Tháo, nam có Lưu Bị, chúng ta bị kẹp ở giữa, trước mặt sau lưng đều có địch, chỉ bằng địa bàn này tạm, thời cho Lưu Bị mượn, một là có thể làm yên lòng dân chúng Kinh Châu, hai là có thể chống cự được với thế lực Tào Tháo ở phương bắc, đó đúng là toàn vẹn cả hai.

Tôn Quyền suy nghĩ kĩ, cảm thấy lời Lỗ Túc nói rất là có lí, cũng muốn thuận nước gió thuyền, liền gật đầu đồng ý.

Lỗ Túc đến thành Kinh Châu, gặp Chu Du, nói rõ về việc "mượn Kinh Châu", Chu Du lại không tán thành, nói:

- Địa bàn người ta đem hết sức binh sinh ra, khó khăn lắm mới tranh giành được, đâu có thể tùy tiện cho người khác mượn?

Lỗ Túc khuyên:

- Đại trận Xích Bích là do Tôn Quyền, Lưu Bị liên hiệp đánh thắng Tào Tháo. Hiện giờ, người ta tìm đến chúng ta mượn chút địa bàn tạm dùng, nếu không cho, người ta chẳng cười, chúng ta nhỏ nhen sao?

Chu Du kiên quyết nói:

- Gia Cát Lượng quý kế nhiều, lời nói của ông ta rất khó tin.

Lỗ Túc nói:

- Lưu Bị có viết giấy mượn đặt vào trong tay tôi đây!

Chu Du cầm lấy giấy mượn xem, nói:

- Chao ôi! Tiên sinh mắc lừa Gia Cát Lượng rồi!

Lỗ Túc hỏi:

- Tướng quân, làm sao biết được?

Chu Du chỉ vào tờ giấy mượn, nói:

- Trên giấy này không ghi ngày tháng mà?

Lỗ Túc cũng chỉ vào tờ giấy mượn, nói:

- Trên đó ghi rõ rành rành: mùa đông này mượn mùa đông tới trả mà!

Chu Du thở dài nói:

- Ôi! Tiên sinh là người quá thành thực, đó là câu nói băng quơ, họ viết mượn đến năm khi năm ngựa nào cơ!...

Chu Du tuy nói như vậy, song sợ tổn thương thể diện của Tôn Quyền, cũng đành chấp thuận cho Lưu Bị mượn Kinh Châu.

Quả nhiên, Lưu Bị sau khi mượn được Kinh Châu, cứ lảng ra mãi không chịu trả. Đến nay, dân chúng địa phương vẫn còn truyền tụng câu nói: "Lưu Bị mượn Kinh Châu, mượn xong không trả nữa".

LƯU BỊ MỜI KHÁCH

Năm ấy, Lưu Bị đóng quân ở Công An, trong quân thiếu lương thực, Trương Phi vô cùng sốt ruột, muốn Lưu Bị tìm cách ngay. Lưu Bị cười hì hì nói:

- Chớ nôn nóng, chớ nôn nóng. Tôi đang muốn chú Ba đi làm một việc, làm xong việc này, lương thực sẽ có liền.

Trương Phi hỏi là việc gì. Lưu Bị nói:

- Tôi chuẩn bị dọn một trăm mâm rượu, tiếp khách bà con địa phương, chú đi lo liệu giúp.

Trương Phi nghe xong, rất không hài lòng, nói:

- Đại ca cũng thật là, quân lính đương thiếu lương, đại ca lại mời khách trong lúc này, há chẳng phải vớ miệng sung để làm ra béo ư? Việc chi khổ vậy?

Lưu Bị cười nói:

- Càng thiếu lương thì càng không được thiếu lễ! Hơn nữa, không có lương thực, vẫn mời khách được như thường, ngoài thành có núi, bên thành có sông, có thể lên núi săn bắn, xuống sông bắt cá mà!

Trương Phi cũng không rõ mẹo mực nằm ở đâu, vâng lệnh đi lo liệu.

Tiệc bày hoàn toàn phù hợp quy cách, bà con cảm thấy Lưu Bị kính trọng họ, trong lòng rất vui, chỉ là không nắm

rõ trong quân dùng thức ăn gì chiêu đãi khách. Lướt đầu bưng ra là món gà rừng; lướt sau bưng ra lại là thỏ rừng; tiếp đó là ngỗng rừng, lợn rừng; rồi sau lại bưng ra cá nấu, cá rán, cá chiên... Món ăn làm đạt, sắc đậm vị nồng, chỉ có cơm là mãi không thấy mang ra. Lúc này, Lưu Bị đích thân cầm chén mời ép mọi người uống rượu. Lưu Bị nói:

- Khó có được hân hạnh mời bà con thưởng thức mùi vị trong quân chúng tôi, có muối cùng mặn, hết muối cùng nhạt, chúng ta lấy rượu thay cơm vậy. Xin cùng uống ba tuần, say sưa mới thôi.

Mọi người nghe xong trong lòng đều sáng tỏ, nâng chén cùng cạn, rất đổi vui vẻ ra về. Hôm sau, dân làng từng tốp từng đoàn đem lương thực tới cho Lưu Bị. Người khuân, kẻ gánh, súc vật thồ, xe lớn chở, không đến nửa ngày, các kho tàng đã chứa đầy ắp, ngay trên bãi luyện quân cũng chất đống mấy ngọn núi lương nho nhỏ. Lúc này, Trương Phi mới hiểu được dụng ý của Lưu Bị, mời khách dâng lễ, có đi có lại, trên mâm bày có thịt có cá, duy chỉ không có lương thực, để bà con dân làng tận mắt nhìn thấy rõ. Trương Phi thực sự khâm phục Lưu Bị có chủ kiến cao.

TRƯƠNG PHI TẶNG DẦU

Nam thành Công An có một dòng sông nhỏ, dài độ hơn ba chục dặm, nước sông xanh biếc trong suốt, bốn mùa không cạn. Truyền rằng thời Tam Quốc, có một năm vào mùa hè, xuất hiện nạn châu chấu, đồng ruộng sản lượng giảm, nhà nhà nổi niêu hết mỡ. Nhà nông không dầu ăn, cổ mềm, không có sức làm lụng. Lúc bấy giờ Trương Phi đang lập đồn điền luyện quân ở Công An, biết việc này, liền đích thân chèo một thuyền dầu ăn, tặng cho dân chúng địa phương.

Tin vui lập tức truyền khắp hai bờ sông, dân chúng đi loan báo khắp nơi, người trong vòng trăm dặm đều đổ ra bờ sông tiếp nhận. Quả nhiên, thuyền dầu từ thượng lưu xuôi dòng mà xuống, càng ngày càng gần. Trương Phi đứng trên mũi thuyền, lấy tay che mặt trời nhìn, ôi chao trời ơi! Chỉ thấy hai bên bờ sông đông chật như kiến dọn nhà, khắp nơi người nọ chen lấn người kia, người cầm gáo, kẻ xách thùng, người bung chậu, còn có người khiêng cá vại ra. Trương Phi nhìn thấy cảnh ấy, trong lòng rầu rĩ, miệng lẩm bẩm:

- Ta chỉ đem đến có một thuyền dầu, người đông thế này chia làm sao được?

Bên cạnh có người buột miệng nói oang oang:

- Nếu như đầy sông đều là dầu, thế thì đủ chia.

Câu nói vô tâm ấy của anh ta đã khiến Trương Phi tu tưởng bỗng thông suốt, chẳng nói nửa lời, rút dao đeo bên lưng ra, bực! bực! bực! chọc thủng mấy lỗ to dưới đáy thuyền, trong chốc lát, nước sông chảy vào khoang, thuyền dần chìm xuống đáy sông. Người bên cạnh nóng ruột chân cứ nhảy hoai, nói:

- Tướng quân làm cái trò gì vậy?

Trương Phi vuốt râu cười ha ha:

- Thuyền dần chìm, chẳng phải đáy sông đều là dầu cháy hay sao?

Một lúc, dầu trong thuyền tràn hết cả ra, dầu nổi trên mặt nước, xuôi dòng chảy xuống, vàng óng ánh, thật giống như đáy sông đều là dầu cháy. Dân chúng nhìn thấy, đều đua nhau đổ xuống bên sông để múc, người nào người nấy gánh từng gánh mang về.

Kể cũng lạ, gánh mang về lại toàn là dầu tốt sắc hương vị nguyên chất, dân chúng vui sướng không nói nên lời. Về sau đã xây dựng ở trên bờ một ngôi miếu thờ Trương Phi, nơi Trương Phi tặng dầu thì gọi là cửa Sông Dầu.

GIA CÁT LƯỢNG ĐỐI THƠ VỚI CHU DU

Chu Du muốn sát hại Gia Cát Lượng. Ông ta nghĩ ra một cách, trước tiên cho bọn đao phủ mai phục tại phủ đồ đốc, sau đó để Lỗ Túc đi mời Gia Cát Lượng đến dự tiệc.

Chu Du vốn là nhân tài nổi tiếng Giang Nam, tự cho rằng cầm quân đánh trận tuy không bằng Gia Cát Lượng, nhưng ngâm thơ viết văn vẫn giỏi hơn Lượng. Vì thế, trong tiệc rượu, Chu Du bèn muốn cùng Gia Cát Lượng đối thơ, còn nói: "Ai thua thì phải chịu phạt". Lỗ Túc cho rằng đó là chuyện nhỏ thường thấy, buột miệng nói:

- Ai thua thì phạt uống ba cốc rượu!

Gia Cát Lượng biết ý Chu Du không phải ở rượu, liền nói:

- Ai thua thì chém đầu người đó chứ.

Chu Du đang chỉ mong như thế, vội nói:

- Quân tử không nói đùa, nói đùa không phải là quân tử.

Lỗ Túc thấy cả hai người vỗ tay thỏa thuận, lo lắng, ngầm giẫm lên chân Gia Cát Lượng ở dưới bàn. Gia Cát Lượng giả vờ không biết, lại còn kéo Lỗ Túc nói:

- Nào, nào, lại đây, Tử Kính tiên sinh cũng cùng tham gia.

Chu Du thấy Gia Cát Lượng tiến vào tròng, rất vui sướng.
Du nói:

- Trước tiên tôi ngâm một bài, xin mời Gia Cát tiên sinh,
đối thơ:

*Có nước thì là suối,
Không nước đục là "hề",
Vứt bỏ nước cạnh suối,
Thêm chim hóa ra gà.
Mèo khi đặc chỉ hơn cả hổ,
Phượng hoàng trụ lông không bằng gà.*

Gia Cát Lượng ngẫm nghĩ về mình, mang danh là quân
sư, hôm nay rơi vào tay Chu Du, há chẳng phải là phượng
hoàng trụ lông không bằng gà hay sao? Gia Cát Lượng bèn
đối lại bằng một bài thơ rằng:

*Có gỗ thì là cò,
Không gỗ đục là "kì",
Vứt bỏ gỗ cạnh cò,
Thêm nợ hóa ra khinh.
Rồng bơi nước cạn bị tôm nhạo,
Hổ lạc khỏi rừng bị chó khinh.*

Chu Du tức giận đứng dậy nói:

- Ông dám ví ta là tôm, chó!

Lỗ Túc vội vàng hòa giải:

- Đò đốc chó hiểu lầm, đò đốc không nói Gia Cát tiên
sinh, Gia Cát tiên sinh cũng không nói đò đốc. Nào, nào, nào,
tôi cũng ngâm một bài, giải hòa với hai vị:

Có nước thì là tương,

*Không nước đục là "tương",
Vứt bỏ nước cạnh tương,
Thêm mưa hóa ra sương.
Cần lo quét tuyết cổng mình,
Chẳng lo sương phủ trên đỉnh nhà người.*

Một cơn sóng gió qua đi. Chu Du lại đối đề thơ, ngâm rằng:

*Có mắt thì là ngó,
Không mắt đục là "xú",
Vứt bỏ mắt cạnh ngó,
Thêm nữ hóa con gái.
Long Trung con gái nhan sắc xấu,
Trăm dặm kiếm đâu lấy một người.*

Gia Cát Lượng thấy Chu Du chế nhạo mình lấy người vợ xấu, liền nói:

- Ngâm rất hay, tôi xin đối một bài:

*Có mộc thì là cầu,
Không mộc đục là "kiều",
Vứt bỏ mộc cạnh cầu,
Thêm nữ hóa yêu kiều.
Giang Đông lớn bé hai người đẹp,
Đồng Tước họ Tào khóa ở trong.*

Chu Du thấy Gia Cát Lượng nhạo báng vợ mình, lẽ nào không tức giận, "choang" một cái, ném cốc rượu xuống đất, lập tức phục binh đồng loạt xông ra, vây chặt lấy Gia Cát Lượng.

Lỗ Túc vội vàng kéo Chu Du lại, nói:

- Xin đồ đốc người giặc, hãy lấy đại cục làm trọng. Tôi có bài thơ hiến dâng:

Có mọc thì là máng,

Không mọc đục là "tào"

Vứt bỏ mọc cạnh máng,

Thêm gạo hóa cặn cao.

Kế hoạch giờ đây là đánh Tào,

Rồng hổ giết nhau hồng bát sao!

Qua lời chỉ vạch của Lỗ Túc, Chu Du tỉnh ngộ, hạ lệnh cho bọn đao phủ rút lui, không sát hại Gia Cát Lượng nữa.

ÔNG TRE HỘ GIÁ

Tương truyền, lúc đại trận Xích Bích, Lưu Bị lợi dụng sơ hở của Đông Ngô, chiếm lấy Kinh Châu, Chu Du mấy lần lập kế lấy Kinh Châu, đều bị Gia Cát Lượng khôn khéo ngăn cản phải trở về. Có một lần, Chu Du dò hỏi biết Gia Cát Lượng không ở bên cạnh Lưu Bị, bèn giả danh nghĩa Ngô chủ Tôn Quyền, mời Lưu Bị tới lầu Vọng Giang thuộc địa phận Đông Ngô dự tiệc, muốn dùng vũ lực ép buộc Lưu Bị trả lại Kinh Châu.

Lưu Bị sau khi nhận được thiệp mời, biết việc tới chẳng lành, vội vàng triệu tập các quan văn võ bàn bạc cách đối phó. Bọn quan văn Tôn Can, Mi Trúc nói:

- Lần này Đông Ngô bày "tiệc Hồng Môn", cần dứt khoát kiếm cơ chối từ.

Nhưng Quan Vũ, Trương Phi cảm thấy làm thế không ra vẻ anh hùng, đòi đích thân dẫn quân đi hộ giá. Các quan văn võ tranh cãi giằng co mãi, Lưu Bị nhất thời không quyết định được, mới sai Triệu Vân tìm Gia Cát Lượng hỏi kế sách.

Triệu Vân vừa trở về, Lưu Bị vội hỏi:

- Quân sư có cao kiến gì?

Triệu Vân đáp:

- Quân sư căn dặn tôi một mình đi cùng chúa công qua sông dự tiệc, để tránh Đông Ngô kiếm kế động binh.



Lưu Bị nghe xong, lắc đầu lia lịa nói:

- Nếu như Đông Ngô lần này bày "tiệc Hồng Môn", chỉ có hai ta qua sông thì địch sao nổi?

Triệu Vân nói tiếp:

- Quân sư đã dặn dò khi chúa công dự tiệc gặp nguy hiểm, có thứ này có thể hộ giá.

Nói xong, móc từ trong lòng ra một ống tre nhỏ bịt kín.

Lưu Bị vừa trông thấy, nhiệt tình ngụi lạnh đi một nửa, nói:

- Nam ấy tiệc Hồng Môn, lính chọi lính, tướng đấu tướng, Cao Tổ mới không bắt lợi, giờ đây dựa vào chiếc ống tre, sao giữ được tính mạng của hai anh em ta!

Triệu Vân bước lên khuyên giải:

- Quân sư chỉ mới thi hành kế sách nhỏ, lừa thiêu Tân Dã và gò Bắc Vọng, khiến quân Tào nhìn mà phát sợ; thuyền có mượn tên, đàn Bảy Sao mượn gió đông, mọi việc tính toán như thần. Có ống tre này giấu trong người, tới lúc ắt có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn hóa may!

Lưu Bị nghĩ tới Gia Cát Lượng xưa nay làm việc vô cùng cẩn thận, không có đùa, bèn bố trí trong ngoài rồi cùng Triệu Vân sang sông dự tiệc.

Lưu Bị và Triệu Vân vừa tới, trước lầu Vọng Giang trống nhạc rầm trời, pháo nổ rầm ran, Chu Du dẫn các tướng lĩnh bước tới nghênh tiếp, hỏi han các mặt, vô cùng thân mật. Trước trưởng, đại tướng Lữ Mông tới bắm cáo Chu Du:

- Tiệc rượu chuẩn bị xong, Ngô chủ lập tức sẽ đến, mời Lưu hoàng thúc và Triệu tướng quân lên lầu ngồi tạm.

Chu Du nhìn sang bên cạnh, người dưới quyền làm ám hiệu, tỏ ý đã chuẩn bị ổn thỏa. Chu Du liền vui mừng hơn hờ dích thán dẫn Lưu Bì và Triệu Vân lên lầu Vọng Giang.

Lưu Bì vừa mới ngồi yên, bỗng nghe dưới lầu trống nhạc lại nổi lên, Chu Du hiểu ý, nói với Lưu Bì và Triệu Vân:

- Ngõ chủ đã đến, tôi đi ra đón, để Lữ Mông hầu hạ chốc lát.

Nói rồi bước nhanh xuống lầu.

Sau khi Chu Du đi không lâu, dưới lầu Vọng Giang tiếng người ầm ỉ. Lữ Mông giả vờ đi tới quất máng đuổi lui, chạy ra ngoài lầu hạ lệnh đóng chặt cửa.

Lưu Bì và Triệu Vân hoang mang ngó đầu nhìn ra, chỉ thấy chung quanh lầu chật đầy củi khô. Lĩnh tráng bao vây bốn phía ra sức đánh trống reo hò: "Lưu Bì mau trả Kinh Châu, hôm nay không chịu trả thì sẽ thiếu chết!". Triệu Vân ức quá, xuống lầu tìm Lữ Mông chém giết, đâu biết cửa ra vào và cửa sổ đều bị bịt chặt, đành chạy lên lầu gào Lữ Mông nói chuyện. Lữ Mông nói:

- Các ông chiếm đoạt Kinh Châu, binh lính gốc Kinh Châu không đồng tình. Chỉ cần Lưu hoàng thúc hạ lệnh trả lại Kinh Châu cho Đông Ngô thì sẽ không xảy ra rắc rối. Nếu không, chúng tôi cũng không quản được.

Triệu Vân nói:

- Chỉ cần thả chúng tôi ra, mọi việc đều dễ thương lượng.

Lữ Mông trả lời:

- Không có cờ lệnh của Chu đô đốc, thì đừng hòng ra.

Nói xong, nấp vào một bên, không trả lời nữa.

Binh lính dưới lầu dùng tên bắn vắn bắn trao trả Kinh Châu lên, hạn sau ba hồi trống, đòi Lưu Bì kí tên chấp thuận, nếu không sẽ châm lửa thiêu chết.

Tiếng trống thôi thúc, Lưu Bị nghĩ mỗi họa lớn đã giáng xuống đầu, bối rối không biết quyết định thế nào, không kìm nổi nước mắt trào ra. Binh lính dưới lầu thấy ba hồi trống đã dứt, Lưu Bị không có động tĩnh gì, bèn châm một mồi lửa to, ngay tức thì sắp sửa thiêu cháy lầu. Triệu Vân trong lúc vô cùng bối rối, bỗng nhớ tới lời dặn dò của Gia Cát Lượng, bèn moi từ trong lòng ra chiếc ống tre, đưa cho Lưu Bị, nói:

- Xin chúa công đừng buồn, trong này rất có thể có cấm nang diệu kế.

Lưu Bị nhìn ống tre, vô cùng tức bực, quăng mạnh ống xuống đất, nói:

- Cả hai ta đều sắp chôn thân biến lửa, còn có thể dựa vào ống tre cứu mạng sao?!

Ống tre đập xuống đất, "cạch" một tiếng vỡ tung, từ trong một lá cờ lệnh lăn ra. Triệu Vân mắt sáng lên, vội kéo Lưu Bị nói:

- Đây là cờ lệnh điều binh của Chu Du, có nó, chúng ta có thể thoát thân.

Lưu Bị nghe xong, mặt mày hớn hở, Triệu Vân cầm cờ lệnh của Chu Du kêu Lữ Mông thả ra.

Lữ Mông nhờ ánh lửa, nhìn thấy trên cờ lệnh hổ bay có thêu chữ "Chu", không có chút nào là giả. Lữ Mông trong lòng rất buồn bực, không biết Chu Du chơi trò gì, đành theo lệnh mà làm, ra lệnh cho binh lính tắt lửa mở cửa, thả Lưu Bị, Triệu Vân ra về.

Lưu Bị, Triệu Vân sau khi xuống lầu, cướp ngựa chạy tới bên sông, nhìn thấy một chiếc thuyền buôn Kinh Châu đậu ở đó, hai người vội vàng nhảy xuống thuyền, thì chỉ thấy Gia Cát Lượng từ trong đi ra, cười ha hả một thời, nói:

- Lúc tôi thuyền cỏ mượn tên, quên không trả lá cờ lệnh của Chu Du, hôm nay lại để chúa công đích thân trao trả.

Không đợi Lưu Bị trả lời, xa xa nhìn thấy binh lính truy đuổi của Chu Du đã tới, Gia Cát Lượng bảo người cho thuyền đi, dọc đường cưỡi gió đạp sóng, như mũi tên rời khỏi dây cung, một mạch thẳng tới Kinh Châu. Chu Du thực mong mỗi chuẩn bị cũi cung bát hổ dữ, sắp soạn mỗi thorn câu giao long, đến cuối cùng thì lại vì mình ngày trước làm việc không cẩn thận, mà như rở tre dựng nước chẳng được gì cả. Sau này, nghe người ta nói ống tre hộ giá của Gia Cát Lượng đã chiến thắng trăm vạn binh mã của Chu Du, khiến Chu Du tức giận mà chết.

NGÔ QUẢ TRẦN GIANG

Truyền rằng, năm đó Lưu Bị mượn Kinh Châu, mượn xong không trả, Chu Du muốn lấy lại Kinh Châu, bèn hiến kế bảo Tôn Quyền vờ gả em gái cho Lưu Bị, lừa Lưu Bị đến chùa Cam Lộ bàn chuyện hôn nhân, sau đó giam giữ lại, để đổi lấy Kinh Châu về. Ai hay, kế đó bị Gia Cát Lượng nhận ra, bèn tương kế tựu kế, để Lưu Bị đi, và sai Triệu Vân đi cùng, dọc đường thổi sáo gây đàn, cố ý tuyên truyền việc Lưu Bị đi Đông Ngô ở rể.

Tôn Quyền thấy vậy, để Lưu Bị sống riêng ở chùa Cam Lộ, chỉ cho Triệu Vân trú ở dịch trạm ngoại thành, sai binh lính giam lỏng, không cho phép tùy ý đi lại. Triệu Vân vô cùng sốt ruột, lo lắng cơm chẳng buồn ăn. Trong số những người theo đến có một vị đầu bếp nổi tiếng nước Thục, thấy Triệu Vân chẳng màng ăn uống, liền làm mấy món điểm tâm để Triệu Vân ăn. Triệu Vân thấy trong đó có một loại quả ngọt khô vàng, liền nạy ra một kế, gọi đầu bếp đến, dặn ông thâu đêm làm gấp quả ngọt, làm được càng nhiều càng tốt.

Sau khi trời sáng, Triệu Vân sai lính tráng khiêng quả đến chỗ nhện nhíp nhất trong thành lớn tiếng la gọi, chào mời dân chúng tới nếm quả cưới của Lưu hoàng thúc tới ở

rể. Vừa gọi mời xong, dân chúng lập tức loan báo cho nhau, ai nấy đều chạy tới xin quả ăn. Chẳng mấy chốc, cả thành náo động, dân chúng treo đèn kết hoa, vừa múa vừa hát, chúc mừng hai nhà Tôn, Lưu kết duyên. Tin này truyền đến chỗ mẹ và em gái Tôn Quyền, họ liền hỏi Tôn Quyền sự thể ra sao? Tôn Quyền đành lấy vờ làm thật, thừa nhận việc hôn nhân này. Về sau, mọi người gọi nơi Triệu Vân rắc quả ngọt là ngô Quả.

GIA CÁT LƯỢNG VIẾNG TANG

Vùng Kinh Châu, Sa Thị lưu truyền câu nói lừng: Gia Cát Lượng viếng tang - già nhân già nghĩa. Vậy rốt cuộc việc ấy ra sao?

Nghe nói, Gia Cát Lượng ba lần chọc tức Chu Du, lần thứ ba ở ngoài cửa nam thành Kinh Châu, làm Chu Du tức hộc máu tươi, ngã lăn từ trên ngựa xuống, ngất đi, các tướng Đông Ngô đành cẳng Chu Du về.

Chu Du về tới Đông Ngô, ngựa mất lên trời mà than rằng: "Hỡi ôi! Trời đã sinh ra Chu Du, sao còn sinh Gia Cát Lượng? Gia Cát Lượng không chết, khó tiêu tan mối hận trong lòng ta!" Chu Du nghĩ ra được một mẹo lừa: Tự mình ẩn trong quan tài, lừa Gia Cát Lượng tới viếng tang, để nhân cơ hội giết hại ông.

Gia Cát Lượng nhận được giấy báo tang của Đông Ngô gửi tới, liền nói với Lưu Bị:

- Chu Du là tướng tài hiếm có! Hiện nay tuy là địch thù của chúng ta, nhưng cũng là mối người mối chủ. Chu Du đã đi châu trời, tôi nên đến viếng tang ông ấy cho phải lễ.

Lưu Bị vội vàng khuyên ngăn:

- Quân sư nhất thiết không thể mạo hiểm đi lần này, e là Đông Ngô đặt thông lọng.

Gia Cát Lượng nói:

- Khi Chu Du sống, tôi chưa từng sợ ông ta; giờ đây đã chết, lẽ nào tôi lại sợ ông ta được? Giả như thực là có đặt tròng, tự tôi sẽ có cách đối phó.

Nói xong, mang thêm Triệu Vân cùng lên đường.

Gia Cát Lượng tới nhà đặt linh cữu Chu Du, song thấy bài vị cúng ở giữa, hương quý đặt trong lư, khói hương nghi ngút, nến hiệu thấp sáng trưng, các tướng Đông Ngô đeo dao đeo kiếm, mắt nhìn giận dữ đứng ở hai bên, không có vẻ gì là đau xót. Gia Cát Lượng trong lòng đã rõ quá nửa phần. Ông không đổi sắc mặt đi gần lại quan tài, lại thấy trên nắp quan tài có mười mấy lỗ nhỏ thì đã hoàn toàn hiểu rõ, đồng thời cũng đã có kế đối phó.

Gia Cát Lượng bày đồ tế trước linh cữu xong, thắp hương đốt nến, thiêu hóa tiền giấy, sau đó tưới rượu, đọc văn tế. Giọng Gia Cát Lượng thê thảm, lời điệu xót thương, khiến người nghe hết sức đau lòng. Gia Cát Lượng tế xong, phục trên quan tài gào khóc thất thanh, khóc một tiếng Chu đô đốc, lại đập một cái vào nắp quan tài; kêu một tiếng Công Cấn, lại đập nắp quan tài một cái; đập mãi nắp quan tài rầm rầm thình thịch, người bên cạnh khuyên cũng không được, kéo cũng không ra, thật thảm thương đau xót hơn cả bố mẹ chết!

Các tướng Đông Ngô nhìn thấy, đều lặng lẽ bồn chồn, có người nghĩ: Thường ngày chúng ta đều cho rằng đô đốc là kẻ thù của Gia Cát Lượng, hôm nay xem ra, tình cảm của hai người thật sâu sắc vậy! Có người nghĩ: Gia Cát tiên sinh khi ở đại trận Xích Bích, vốn là thực lòng giúp đỡ chúng ta, đô đốc lúc ấy lại cứ tìm cách giết hại, giờ đây lại nghĩ cách như

vậy để giết Khổng Minh, thật rất không phải với người ta. Do vậy mà các tướng đều không nhấn tâm ra tay độc ác.

Kì thực, Gia Cát Lượng đang chơi trò bịp bợm. Ông nhìn ra kẽ hở của mẹo mực Chu Du, liền khi tưới rượu dâng hương kín đáo giấu một cây nến trong ống tay áo, vẽ thành những viên nến, đập một cái vào nắp quan tài chính là dùng viên nến bịt một lỗ thông hơi, toàn bộ lỗ thông hơi đều bị bịt kín.

Đợi khi Gia Cát Lượng tế viếng xong, dẫn Triệu Vân ra về, các tướng Đông Ngô mở nắp quan tài ra xem: Chu Du đã chết ngạt ở bên trong.

GÁNH ĐẤT TRƯỞNG PHI

Ngoài cửa đông thành Kinh Châu có một quả đồi đất lớn, xưa kia gọi là ngọn Họa Phiến, phong cảnh thanh tú đẹp đẽ, một vùng xanh rờn, giờ đây trở thành trọc lóc. Dân làng khi nói về lai lịch của nó, còn có một câu chuyện.

Tương truyền vào thời Tam Quốc, Lưu Bị dẫn binh mã đánh Tây Xuyên, để quân sư Gia Cát Lượng và Quan Vũ ở lại trấn thủ Kinh Châu. Trương Phi đóng quân ở Lô Hoa Dã. Vì Kinh Châu là vị trí yết hầu của Ba Thục, là địa thế quan trọng mà nhà binh phải giành lấy. Tào Tháo cũng muốn chiếm, Tôn Quyền cũng muốn đoạt, ba nhà đánh đi đánh lại ở đây, làm cho dân chúng không được sống yên ổn. Bà Vương Mẫu trên trời nhìn thấy tình trạng này, muốn thu Kinh Châu làm đất thánh, để từ đó sẽ không đánh nhau nữa, bèn sai Cửu tiên nữ xuống trần gian để thu đất của Quan Vũ.

Cửu tiên nữ cưỡi mây lành, một thoáng là tới Kinh Châu. Tiên nữ ra khỏi mây, đi thẳng tới soái phủ của Quan Vũ. Quan Vũ thấy Cửu tiên nữ đến, vội vàng đứng dậy tiếp đón. Cửu tiên nữ nói rõ ý đồ đến, Quan Vũ nghe xong cười ha hả, nói:

- Tiên cô không biết thành này là Quan mỗ đánh lấy được hay sao? Sao có thể tùy ý lấy đi được? Theo tôi thế này: Tối nay hai ta làm cuộc thi xây thành, tiên cô xây thành đông,

thành bắc, tôi xây thành tây, thành nam, trời tối bắt đầu, gà gáy là thôi, tôi thắng thì không thu thành, tiên cô thắng thì thu đất.

Cửu tiên nữ nghĩ một lúc rồi trả lời rằng:

- Được. Chúng ta một lời là quyết, không được phản lại lời hứa.

Quan Vũ nói:

- Trong quân không có nói đùa.

Đến khi trời vừa tối, hai bên bắt đầu thi xây thành. Cửu tiên nữ là thần tiên trên trời, phép thuật vô bờ, một váy đất là đắp thành một ụ trên thành. Quan Vũ tuy là tinh tú trên trời, nhưng là thai phạm xương tục, đương nhiên không phải là đối thủ của tiên nữ. Thế là Quan Vũ này sinh một kế, lấy lau sậy bên thành tường thành cửa đông, cửa tây, tranh thủ làm xong trước khi gà gáy. Lúc này, Cửu tiên nữ chỉ còn một váy đất cuối cùng là ngay tức thì thành sẽ được xây xong, bỗng nghe bốn bề gà gáy, lại thấy bên Quan Vũ thành đã xây xong, một vùng đen ngòm, ngỡ là mình đã thua, bèn cười mấy trỏ về thiên cung phục mệnh.

Trương Phi nghe nói trên trời sai tiên nữ xuống thu đất, anh Hai đang thi xây thành, liền sai người làm quang gánh thật to, đến để giúp đỡ. Trương Phi lấy đất từ hồ phía nam, chất đầy một gánh, mỗi tay xách một bên vội vội vàng vàng chạy tới cửa đông. Khi sắp tới chân thành thì nghe thấy gà gáy, lại thấy một tòa thành đen ngòm bày ra trước mặt. Trương Phi nghĩ là thành đã xây xong, còn dùng đất làm gì? Lại nghe quân sĩ nói Quan Vũ thắng rồi, trong lòng càng thêm vui sướng. Trương Phi trợn cặp mắt tròn, hai tay buông lỏng, hai sọt đất liền đổ cả xuống. Đồi đất lớn ngoài cửa đông này, người đời sau gọi là gánh đất Trương Phi.

RỒNG PHƯỢNG PHỐI

Những người qua Kinh Châu đều nghe nói món ăn nổi tiếng của Kinh Châu là rồng phượng phối. Tên của món ăn nổi tiếng này được lưu truyền từ khi Lưu Bị đón dâu. Việc Lưu Bị đi Đông Ngô ở rể, vốn là do mĩ nhân kế của Tôn Quyền, may mà cố diệu kế cấm nang của Gia Cát Lượng, Lưu Bị mới gặp dữ hóa lành, thoát khỏi miệng hổ, dẫn Tôn phu nhân về được Kinh Châu. Gia Cát Lượng vui mừng khôn xiết, muốn làm chút thức ăn nổi tiếng của Kinh Châu mời cơm Tôn phu nhân, tức thì tìm đầu bếp tài giỏi nhất ở địa phương bàn bạc việc này.

Tục ngữ nói, tướng mạnh không có quân hèn. Người đầu bếp của Gia Cát Lượng cũng là người thông minh, ông có tay nghề xuất chúng, lập tức nhận lời ngay.

Đến ngày đó, Gia Cát Lượng đích thân dẫn trăm quan, văn võ cùng các cung nữ vũ nữ đến trấn Sa Đầu bên sông đón Lưu Bị và Tôn phu nhân, nơi này chính là ngõ Đón Rồng của Sa Thị ngày nay. Để mời cơm tẩy trần hai vợ chồng Lưu Bị, đầu bếp có dâng lên khay thức ăn nổi tiếng, trong khay là con rồng uốn quanh có râu, có sừng, quây lấy con phượng màu dầu ngải cánh xòe, màu sắc muôn vẻ, rất là đẹp mắt. Mọi người reo lên khen ngợi không ngớt, người này nói giống "rồng bay phượng múa", người kia nói giống "rồng phượng hiện thân", khiến cho Lưu Bị lòng ngửa ran, liền gấp miếng

đầu tiên, mọi người ăn, ôi chao, giòn, mềm, thơm, nhuyễn, xưa nay vị ngon thế này chưa từng được thưởng thức.

Sau vài hôm, Tôn phu nhân đặc biệt cho mời người đầu bếp nấu món ăn tối, hỏi han món ăn này làm như thế nào. Đầu bếp nói:

- Dùng lươn to và gà đầu phượng đặc sản nổi tiếng vùng Kinh Châu làm thành con rồng, con phượng, lấy gừng non làm thành sừng rồng, lấy rễ tỏi to làm râu rồng.

Tôn phu nhân gật đầu, mỉm cười nói:

- Thật là đầu bếp tài giỏi bậc nhất!

Rồi sai người tặng thưởng cho người đầu bếp, còn đặt tên cho món ăn này là "rồng phượng phối". Từ đó rồng phượng phối thành món ăn ngon nổi tiếng truyền thống vùng Kinh Châu, Sa Thị, lưu truyền mãi đến ngày nay.

ĐÁ VỌNG PHU

Tương truyền, Lưu Bị và Tôn phu nhân từ Đông Ngô trở về, từng sống ở huyện thành Thạch Đầu một thời gian. Để chúc mừng Lưu Bị lấy Tôn phu nhân, dân chúng địa phương khắp nơi chăng đèn kết hoa, gấm vóc như rừng. Do đó, nơi đây có tên là trấn Rừng Gấm, phía đông bắc của thành có ngọn núi nhỏ, gọi là núi Rừng Gấm. Khi hai vợ chồng Lưu Bị sống ở trấn Rừng Gấm, còn xảy ra một chuyện rất chối.

Nguyên do là Tôn phu nhân tuy sinh trưởng trong gia đình vương hầu, nhưng lại là một nữ anh hùng, thích dùng giáo khiên gươm, tính tình dũng mãnh, cương nghị. Có một hôm, đêm đã khuya, Lưu Bị trở về nơi ở của Tôn phu nhân, nhìn từ cửa sổ vào, thấy trong phòng ánh đao bóng kiếm, những tiếng động "chát chát, chát chát" phát ra. Lưu Bị ngỡ là có kẻ ám sát vào trong phòng, hoảng sợ toàn thân lạnh toát mồ hôi, quay đầu chạy. May mà a hoàn hầu hạ bên cạnh Tôn phu nhân trông thấy, vội vàng kêu to:

- Tướng quân đừng sợ, đây là phu nhân nhà ta đang luyện võ trong phòng đấy!

Lưu Bị dừng bước, buồn bã trở về phòng. Tôn phu nhân lập tức sai a hoàn bày rượu và thức nhắm để uống cùng Lưu Bị, song Lưu Bị lại cứ ngồi phát phiền mãi.

Tôn phu nhân lạ lùng hỏi:

- Phu quân tối nay sao vậy? Từ khi chúng ta lấy nhau đến nay, luôn trọng nhau như khách. Để phu quân làm nên đại nghiệp, thiếp từ Đông Ngô theo phu quân đến Kinh Châu, lẽ nào còn có điều gì không phải với phu quân?

Lưu Bị nhìn một lượt những đao, thương, kiếm, kích bày đầy trong phòng, lúc này mới lên tiếng:

- Phu nhân, tôi không hiểu phu nhân là đàn bà con gái, sao lại thích dùng giáo khiên gươm?

Tôn phu nhân cười ha ha, nói:

- Ngày nay ở đời, kẻ mạnh là vua, kẻ yếu thì sẽ bị người ăn hiếp. Đàn bà chúng tôi có võ nghệ mới có thể không bị đàn ông các anh ức hiếp!

Lưu Bị càng không vui, nói:

- Thôi được, phu nhân hãy thu những thứ gươm giáo này lại!

Tôn phu nhân bấu môi, tức giận nói:

- Thế mà cũng là đàn ông, còn muốn làm chủ một phương, hóa ra gặp việc cũng thua sự hiểu biết của đàn bà, từ nay về sau chớ hòng làm nên nghiệp lớn gì...

Lưu Bị bị Tôn phu nhân nói cho đỏ mặt tía tai, tức thì xông ra khỏi cửa, đứng ở bên ngoài, nhất quyết đòi Tôn phu nhân thu cất gươm giáo mới chịu vào phòng. Tôn phu nhân giận dữ ở trong phòng, dứt khoát không chịu thu dọn. Từ đấy, hai vợ chồng ăn riêng ở riêng. Lưu Bị sống ở Du Giang, huyện Công An, chỗ đó gọi là thành Lưu Bị; mọi người gọi nơi ở của Tôn phu nhân là thành Tôn phu nhân.

Phía tây trấn Rừng Gấm khoảng hai dặm Trung Quốc có ngọn núi cao tên là núi Sở Vọng. Trên núi có hòn đá lớn tên là đá Vọng Phu. Truyền rằng, năm ấy Tôn phu nhân thường đứng trên hòn đá lớn này, nhìn sang hướng Du Giang, Công An, hi vọng Lưu Bị suy nghĩ lại, trở về chung sống như xưa. Song Tôn phu nhân chỉ thấy nước Trường Giang cuộn cuộn chảy về đông mà chẳng thấy bóng hình của chồng. Đến nay, trên hòn đá vọng phu này còn vết chân của Tôn phu nhân để lại.

TRIỆU VÂN LẤY THÀNH QUẾ DƯƠNG

Truyền rằng, khi Triệu Vân dẫn quân đánh lấy Quế Dương, đại doanh đóng ở dưới ngọn núi Phù Dung phía tây thành. Vì ở đây địa thế cao, cúi đầu có thể nhìn thấy đường phố, nha môn, văn miếu trong thành, thật như là giơ tay có thể ôm lấy Quế Dương vào lòng. Triệu Vân bảo rằng:

- Bất ba ba trong chum, Triệu Phạm chạy không thoát, mau ra khỏi thành đầu hàng đi.

Còn Triệu Phạm, đã không hàng, cũng không đánh, sống chết cố thủ ở trong thành, còn đưa tin ra nói:

- Rõng khỏe chẳng dè được rắn đầu bờ. Ta sẽ không động tới mũi gươm cây giáo, để coi Triệu Vân đến bằng đường nào, thì cũng trở về bằng đường đó.

Miếng thịt mỡ cạnh miệng mà không nuốt được vào trong bụng, làm sao không sốt ruột! Triệu Vân mắt nhìn thành trì, cúi đầu, trong lòng giận dữ, nói:

- Sông lớn, biển lớn đều qua được, thuyền lại có thể lật trong cống ngầm con này sao? Nhất định không buông tha Triệu Phạm!

Lúc này, vừa hay Triệu Phạm từ nha môn bước ra, xuyên qua phố lớn, qua ngõ nhỏ, khệnh khạng bước vào văn miếu. Ngay sau đó, chuông trống kêu vang, Triệu Phạm dánh bệ vệ chống mõng bái thánh! Triệu Phạm vẫn còn vênh vào ra oai

như vậy ngay trước mắt mình, thật tức điên người! Triệu Văn không nén chịu được nữa, giương cây cung bách thạch, đặt mũi tên truy phong, chỉ nghe "vút" một tiếng, mũi tên loang loáng, cuốn thành gió to, bắn thẳng vào ván miếu, trúng vào diện lớn, quét đi mất một góc. Từ đó về sau, diện lớn ở ván miếu hình dáng cứ như vậy mãi, không làm sao sửa được.

Triệu Phạm may mắn không bị bắn trúng, từ dưới nhà đổ bò ra, trốn trong nha môn, không dám lộ mặt nữa. Nhưng Triệu Phạm vẫn không đầu hàng, còn ngầm nói với người khác rằng:

- Trong thành có bốn mươi tám cái giếng, cái nào nước cũng đều ngọt ngào, ăn không hết, lấy không cạn; ngoài thành toàn là đồi cao, đào cũng không ra giếng, không có nước uống, để cho Triệu Văn mở mắt trông chúng ta uống no uống đủ; chúng ta dễ dàng mở mắt nhìn Triệu Văn chết khát, chết khô!

Người ngựa làm sao không có nước được! Triệu Văn quá nhiên sốt ruột đi đi lại lại.

Hết cách, Triệu Văn đành yêu cầu Gia Cát Lượng cho chủ kiến. Khổng Minh trú ở phía nam thành, nhìn thấy Triệu Văn nói khô cả nước bọt, đầu bốc lên những đốm lửa, nhưng vẫn không vội vàng, giống như người chẳng có công việc gì, nói:

- Tôi là quân sư, cần mưu cần kế đều có thể giúp tướng quân, chứ tôi không phải là người gánh nước, không có cách lấy nước uống cho tướng quân.

Lời nói cho dù là thực tình, nhưng vẫn khiến cho người nghe bức tức. Triệu Văn nói:

- Các tướng sĩ không có nước uống, chỉ e có mưu kế cũng chẳng điều khiển nổi giáo gươm!

Gia Cát Lượng biết rõ trong câu nói của Triệu Vân có sự tức giận, song vẫn lửa đổ thêm dầu, nói

- Nước có thể tạm thời không uống, trận thì lại không thể không đánh. Tôi vẽ cho tướng quân tờ tranh bát quái, cầm về, suy tính cặn kẽ, theo đó dùng binh, tự sẽ thấy hiệu nghiệm.

Triệu Vân trầm nghĩ: Nếu quả là có mưu kế hay, có thể lấy thành ngay lập tức, thì cũng không nhất thiết nôn nóng không có nước uống. Triệu Vân chuyển lo thành vui, vội vã trở lại đại doanh, đem tờ tranh bát quái trải dưới núi Phù Dung, xem kĩ, thấy chỉ là một tờ giấy trắng rất bình thường, vẽ một hình tám góc thật to, giữa đã không có đường tấn công thành, cũng chẳng có mẹo đánh lên. Thật đúng là bánh vẽ lớt dãi! Hừ! Thật là ngay cả bánh vẽ cũng không như thế! Dùng làm quái gì? Triệu Vân cho rằng việc quân gấp như lửa, liên quan tới sự sống chết của ngàn vạn binh mã, Gia Cát Lượng không nên đùa như vậy. Triệu Vân càng nghĩ càng buồn phiền, không kìm nổi, nhắc cây thương lên, ráng sức một thôi vào tờ tranh tám góc trải trên đất:

- Xéo đi, thật vỡ vụn!

Kể cũng lạ, bỗng nhiên có một loạt tiếng nổ ầm ầm dữ dội, núi lở đất toác, trước mặt hiện ra một cái giếng, dáng vẻ, kích thước giống hệt như hình trong tờ tranh Gia Cát Lượng vẽ. Nước giếng vừa trong vừa ngọt, cuộn thành hoa đổ lên mặt đất, chảy ào ào không thôi. Trong chốc lát, bình mã bao vây thành đều đã có nước uống, cuối cùng đánh lấy được thành Quế Dương.

Hiện nay, cái giếng đó vẫn còn, mọi người gọi là giếng Tám Góc. Dùng nước giếng này nấu rượu đặc biệt ngon, nổi tiếng gần xa.

BÀNG THỐNG ĐOÁN CHỮ

Bàng Thống rất có tài năng và học vấn, lúc trẻ thích lấy cách đoán chữ để giải nan trừ nguy, lập mưu vạch kế cho người, do năng lực nhận xét khác thường, hễ nói là trúng, cho nên rất có tiếng tăm ở Tương Dương.

Lúc đó, Lưu Biểu làm quan trấn thủ Tương Dương nghe được việc này không tin lắm. Một hôm, Lưu Biểu nhân rỗi, liền cải trang thành dân thường, tìm đến Bàng Thống, nói là muốn đoán chữ. Bàng Thống nói:

- Ông lấy ra một chữ đi.

Lưu Biểu lấy bút viết một chữ "nhân", và hỏi:

- Ông đoán xem tôi là người thế nào?

Bàng Thống nhìn kĩ cái tay béo chầy mỡ đó, suy nghĩ qua quýt một chập, nói:

- Tiên sinh nhất định là người trong quan trường.

Lưu Biểu trong lòng thầm kinh ngạc, nhưng bề ngoài vẫn không biểu lộ trên nét mặt.

Một lúc sau, Lưu Biểu tìm một người tùy tùng đến, nói với anh ta:

- Anh có thể cũng đi đoán thử coi.

Người tùy tùng đó cũng viết một chữ "nhân" vào lòng bàn tay của mình, hỏi Bàng Thống:

- Ông nói thử tôi là người thế nào?

Bàng Thống xem đi xem lại vài lần bàn tay anh ta, nói:

- Anh nhất định là tùy tùng của người ấy trước đã đến đây.

Lưu Biểu thăm khen lạ, nhưng vẫn không phục, liền tìm một tù nhân trong nhà giam, cho hắn đầu đội vải the đen, mình mặc áo măng bào, đi kiệu lớn tám người khiêng, tiền hô hậu ứng đi đến trước mặt Bàng Thống. Tù nhân xuống kiệu, nói:

- Nay, đoán chữ nhân này cho ta.

- Ồ, ông cũng đoán chữ này.

Bàng Thống ngắm kĩ người này một lượt rồi nói:

- Chắc chắn ông đang là tù phạm.

Lưu Biểu được bẩm cáo, trong lòng thầm nghĩ: Người này thật là tài giỏi, mình phải thử ông ta một lần nữa.

Lưu Biểu tìm một người ăn mày, cho hắn đổi mặc bộ quần áo sạch sẽ. Người đó đến trước mặt Bàng Thống, lấy cái gậy viết chữ "nhân" lên trên đất rồi nói:

- Tiên sinh xem tôi là người gì nào?

Bàng Thống nhìn kĩ chữ viết trên đất một lúc, ngắm nghĩa người này một lát rồi nói:

- Chắc hẳn ông đang ăn xin trên đường phố.

Lưu Biểu giờ đây mới thực lòng khâm phục, than rằng:

- Quả là có tài hiểu biết hơn người, thật hiếm có!-Liền hỏi:

- Tiên sinh, ông làm sao có thể nhanh chóng đoán ra thân phận của người ta như vậy được?

Bàng Thống mỉm cười đáp:

- Người có các loại, tất biểu hiện ra trên thần sắc. Cứ lấy bốn chữ "nhân" đoán hôm nay ra mà nói, chữ "nhân" thứ nhất viết nét phẩy bên trái như dao, nét móc bên phải như gậy, thế chữ tung hoành đặc chí, nên suy ra biết tiên sinh là người phi thường. Chữ "nhân" thứ hai viết trong lòng bàn tay của người đó. Ngạn ngữ cổ nói: Mu tay là trên, lòng tay là dưới. Hơn nữa người đó cẩn thận từng li từng tí, vâng vâng dạ dạ, có thư thái chớ ngựa, nên suy ra biết anh ta là tùy tùng trong quan phủ. Chữ "nhân" thứ ba tuy là thốt ra từ miệng của người đến, song ông ta ăn mặc áo quần sang trọng mà sắc mặt lại xanh xao, ngồi kiêu kiêu mà dáng vẻ hoảng sợ, chữ "nhân" này từ trong chữ "vi" mà ra, ắt là tù phạm, nên đoán ông ta là tù nhân. Chữ "nhân" thứ tư càng dễ nhận ra, người đến gầy như que củi, khắp phố đều có; ông ta lấy gậy vẽ chữ "nhân" bé còn con xuống đất, gầy yếu, đáng thương, bèn khẳng định ông ta là người ăn mày.

Lưu Biểu nghe xong, miệng tuy không ngớt ngợi khen, song trong lòng thầm nghĩ: Con người này, trẻ đã khác thường, tài trí hơn người, luôn trừ lo giải nan cho người ta, rất được lòng dân chúng, sau này e có nguy cơ đoạt chủ, chỉ bằng kịp thời lừa vào nha môn, cầm tù suốt đời.

Bàng Thống nghe tin đồn, lập tức đi ở ẩn, không lộ mặt ở Tương Dương nữa.

VIẾT VĂN TỰ BÁN RUỘNG ĐẤT

Ngày xưa, Tương Dương có tên quan huyện tham ô hối lộ phá rối kỉ cương, đào hố làm hầm cũng đều muốn ép để lấy tiền của dân, dân chúng vô cùng căm ghét hắn.

Có một lần, một nông dân muốn bán ruộng đất cho người khác, vì người mua và người bán đều không biết chữ, liền nhờ một ông thầy trẻ viết cho tờ văn tự. Sau đó, cùng nhau lên nơi quan huyện để làm thủ tục mua bán. Quan huyện thấy thế, trong lòng mừng thầm: Cơ hội phát tài lại đến rồi! Bèn quát to một tiếng bảo đem văn tự trình lên. Hắn cầm lấy xem, trong văn tự viết: "Nay có một đoạn đất bãi, đông giáp X X, tây giáp X X, nam giáp X X, bắc giáp X X, chọn bờ không bán". Quan huyện xem xong, bất giác trong lòng sinh nghi, mảnh đất bãi này bốn phía bờ viết rất rõ ràng, sao lại thêm "chọn bờ không bán" nhỉ? Tức thì hỏi người bán rằng:

- Văn tự này do người viết phải không?

Người bán trả lời:

- Bẩm quan, đó là nhờ người khác viết hộ ạ.

- Văn tự sao lại viết như thế này, mau gọi người viết văn tự ấy đến đây cho ta!

Ông thầy viết văn tự được gọi tới. Quan huyện quát hỏi:

- Sao nhà anh viết văn tự thế này? "chọn bờ không bán" là cái gì?

Ông thầy cười, khom mình đáp:

- Thưa quan lớn, đó là tôi chỉ cách làm ra tiền cho quan lớn đấy ạ!

Quan huyện đỏ mặt tía tai, đập bàn giận dữ:

- Lão! Bản quan xưa nay chính trực vô tư, trong sạch như nước, đâu thèm sinh lợi phát tài hay không sinh lợi phát tài?

Ông thầy lại cười, nói:

- Xin quan lớn người giận. Chữ "chọn" ấy mà, rất dễ hiểu. Việc mua bán ruộng đất vốn cần phải chia trên bờ, dưới bờ, trên bờ đất cao, không úng không lụt, là đất tốt, nếu người bán đưa tiền bạc cho quan, quan liền vạch một nét ngang dưới chữ "chọn", chữ "chọn" thành ra chữ "trên", tức là đất ở trên bờ không bán; nếu người mua đưa tiền bạc cho quan, quan liền vạch một nét ngang trên chữ "chọn", chữ "chọn" thành ra chữ "dưới", tức là đất ở dưới bờ không bán (1). Như vậy, quan lớn đã được tiền bạc, lại có thể bảo vệ lợi ích của một bên, há chẳng vẹn cả đôi đường sao?

Quan huyện nghe xong, bắt giắc mặt mày hớn hờ, gật đầu lia lịa, không làm ra vẻ nữa. Bỗng nhiên, quan huyện lại hỏi:

- Nếu như hai bên đều đưa tiền đưa bạc cho bản quan, bản quan sẽ làm thế nào?

Chưa dứt lời đã thấy bên mua, bên bán cùng la lên:

- Xin quan lớn ra ơn, chúng con không có tiền bạc để đưa nữa ạ!

(1) Chữ "bốc" (chọn) nếu thêm một nét ngang ở dưới thì thành chữ "thượng" (trên), nếu thêm một nét ngang ở trên thì thành chữ "hạ" (dưới) - ND.

Quan huyện thù người ra, đang định nổi cáu, ông thầy đó lại cười nói:

- Quan lớn không phải nổi cáu, việc này dễ làm, họ đã không có tiền bạc, mảnh đất này sẽ do quan lớn đứng bán, có thể làm tờ cáo thị, trên viết: Bán quan "tham" được mảnh đất, chỉ bán cho những nhà có tiền! Tiền nhiều có thể mua trên bờ, tiền ít chỉ mua được dưới bờ!

Quan huyện nghe xong, ngẩn tò te, mặt đỏ bừng như gan lợn, hồi lâu mới chẳng ra lời. Sau này mọi người mới biết, ông thầy trêu tên tham quan này chính là Phụng Sở Bằng Thống tiếng tăm lẫy lừng.

BÀNG THỐNG DÙNG KẾ

Tài năng của Bàng Thống so với Gia Cát Lượng chẳng kém gì nhau, chỉ là người thì rất xấu, vừa đen, vừa lùn, vừa béo, mũi hếch, râu rậm. Lưu Bị chọn người theo tướng mạo, chỉ cho Thống làm quan huyện Lỗi Dương, là chức quan rất nhỏ. Bàng Thống trong lòng không phục, liền chẳng để ý đến chính sự, thường xuyên lẩn vào vườn hoa phía sau uống rượu, ngâm thơ, đọc sách, giả điên giả dại. Lưu Bị biết, rất giận, bèn sai Trương Phi đến Lỗi Dương điều tra xem xét.

Tà hữu đều toát mồ hôi lo thay cho Bàng Thống, nói với ông rằng:

- Tính Trương Phi nóng nảy, thường không hỏi phải trái trắng đen, đã đánh người, giết người ngay. Giờ đây rõ ràng là Trương Phi tới bôi lông tìm vết, lại càng là tú tài gặp phải lính, cớ lý nói không rõ. Quan phải sớm lo chuẩn bị, làm việc cẩn thận đấy!

Bàng Thống không chút bận tâm, cười nói:

- Trương Phi tuy thô lỗ cục cằn, nhưng trong cái thô có cái tinh. Mỗi lần Phi gây họa, hầu như đều là quá say, sẽ chẳng sợ Phi làm bừa nữa.

Lập tức hạ lệnh các cửa hàng rượu trong huyện thành đều phải đổi nước bán rượu, chỉ được làm cho người uống thỏa cơn nghiện, không được để uống say.

Trương Phi đi dọc theo con đường lớn trên bờ Lối Thủy, qua cầu Hóa Long trên con suối nhỏ là đã tới huyện thành. Chỉ thấy trước mặt có một cửa hàng rất lớn, trên biển viết bốn chữ to "Quán rượu Khái Tường", đồng thời ngửi thấy mùi rượu thơm phả vào mũi. Trương Phi xuống ngựa vào quán, liền tiếp gọi to:

- Dem rượu lại đây, mau dem rượu lại đây!

Người bán rượu nhìn thấy là Trương Phi, lập tức bưng tới cho Phi một bát tô rượu gạo đối nước. Phi thấy rượu này màu trắng nhạt, gần như sữa nước, chưa từng trông thấy bao giờ. lấy đầu lưỡi nếm, vừa có mùi thơm của rượu, lại có vị ngọt, cũng khá ngon miệng, liền một hơi cạn sạch, luôn mồm khen ngon, không ngớt vời gọi:

- Dem rượu, dem rượu! Cứ dem nhiều đến đây để ta uống cho thoải mái!

Về sau Phi chê bát tô khó vừa ý thích, dứt khoát ôm cả vò rượu, thả dạ uống say sưa. Đến lúc bụng đã phồng lên như cái trống cái, mới rời khỏi quán rượu Khái Tường, xông thẳng tới huyện nha.

Trên đại đường nha môn vắng vẻ, không thấy Bàng Thống ra đón tiếp. Trương Phi bực tức, hai chân nhẩy chồm lên:

- À, tên quan huyện còn con này, quả là không màng chính sự, còn khinh thường chuyển đại giá của lão Trương này, đáng đánh!

Trương Phi khua múa, sắp sửa ra tay đánh vào phía trong nha môn.

Lúc đó, Bàng Thống từ bên trong nha môn loạng choạng bước ra, mặt mang vẻ say, ăn nói huyên thuyên, lâu lâu lăm lăm:

- Rượu ngon, rượu ngon, say ư? chưa say!

Một tí nữa là ngã nhào vào lòng Trương Phi.

Trương Phi đâu còn nén chịu được nữa! Phi một tay túm lấy cổ áo Bàng Thống, một tay nắm chặt lại, giơ cao lên:

- Hạng vai rượu túi cơm, ta cho người ném món lợi hại của lão Trương này!

Ngay lập tức nếu quả dấm rơi xuống, Bàng Thống sẽ thành chiếc bánh thịt. Nhưng Bàng Thống lại chẳng vội vàng, cười hì hì nói:

- "Vai rượu túi cơm" chính là tội danh của tôi sao? Trương tướng quân há chẳng phải cũng là vừa mới ăn no uống say!

Trương Phi vừa mới uống no một trận, nhưng may mà chưa say, nghe xong trong lòng vỡ lẽ, biết mình đuối lí, chưa dám liều lĩnh làm bừa. Phi bèn bỏ tay xuống, thử người ra, giải thích:

- Uống rượu không phải là sai, sai là uống rượu làm hỏng việc. Từ sau khi ông nhậm chức, đơn kiện đã có bao nhiêu? Tất thấy ông đều thờ ơ lãnh đạm. Lí không người xử, oan không được giải, há không khổ cho những người tốt! Ông mang danh là quan phụ mẫu mà không làm chủ cho dân, lẽ nào không đáng đánh đáng giết hay sao?

Bàng Thống cười "khì" một tiếng, nói:

- Tôi biết tướng quân giận gì rồi, hóa ra là sự việc to như đầu kim, hà tất quá kinh ngạc! Mời tướng quân tạm ngồi, xem tôi phán xử đầu ra đây.

Bàng Thống lập tức ra công đường, truyền gọi tất cả nguyên cáo, bị cáo quỳ thành một dải như lũ kiến.

Trương Phi thăm thẳm trong bụng: Người đi kiện muôn hình muôn vẻ, đủ các loại người, chín dòng ba giáo, án lại cũng đủ

kiểu, không thiếu cái lạ, họ ông nói ông phải, bà cái bà đúng, nhất định sẽ tranh cãi không gỡ ra được, muốn tất cả đều được làm rõ thẳng cong phải trái, chỉ sợ phải đến tháng ngựa năm lửa mới xong! Trương Phi thì không có sự kiên nhẫn này, tức tối nói:

- Lúc thường không thấp hương, khi làm sự mới ôm chân Phật, ông đừng hòng lừa bịp được ta. Một giờ ba khắc nữa nếu như không phán xử rõ tất cả thì ta phải xin cái đầu của ông!

Bàng Thống lại gật đầu cười, và để cho những người quỳ bên dưới cùng lúc trình bày tình tiết và lý do án của mình. Lập tức họ mồm năm miệng mười, la hét ầm ỉ, rồi tung như nôi cháo, ai nghe cũng chói tai hoa mắt, da đầu phát tê. Trương Phi bất giác bịt chặt lỗ tai, giận dữ gào lên:

- Hồn lão! Dâu có kiểu xử kiện thế này?

Bàng Thống không để ý đến Trương Phi, chỉ một mặt vênh tai nghe tố, một mặt lật tờ cáo trạng phê duyệt; tay, miệng, tai, mắt đồng thời làm việc, phán định thưởng phạt, chẳng mấy chốc từng vụ án đều được xử lý rõ ràng. Trương Phi đâu có thể tin, lớn tiếng hỏi những người đi kiện:

- Ông ta một tay nắm lấy tất cả râu và lông mày, nhất định là sai be bét chứ hở?

Ai ngờ, không chỉ những người thắng kiện đồng thanh khen hay, ngay cả những người thua kiện cũng hoàn toàn tin phục, khiến Trương Phi kinh ngạc, trở mắt dờ người. Bàng Thống cho tất cả ra khỏi công đường, rồi vái Trương Phi một vái và nói:

- Tướng quân chẳng phải là vâng lệnh tới hỏi tội tôi sao? Việc của tôi đã làm xong, có thể theo tướng quân đi được rồi.

Trương Phi lúc này đã biết là quả trách sai Bàng Thống, vội vàng xin lỗi, nói:

- Tiên sinh mất nhìn ngàn sự việc, tai nghe vạn người nói, thật là kì tài trong thiên hạ. Đại tài tiểu dụng, có sai làm rồi; tôi sẽ nói với anh tôi, đề nghị thu xếp trọng dụng.

Bàng Thống cười ha hả nói:

- May mà tiểu huyện rượu nhạt, tướng quân uống no mà chưa say, nếu không thì cái đầu tôi đây đã lìa khỏi cổ từ lâu.

Trương Phi nghe xong bỗng nhớ ra mình vừa mới uống no một trận mà vẫn chưa say, liền hỏi:

- Vậy rượu ở đây vì sao nhạt vô cùng vậy?

- Đều đã đổi nước. Đó chẳng qua là tôi tạm dùng kế nhỏ, nhất thời tiếp đón không được chu đáo với tướng quân!

- Kế nhỏ trí lớn! Đổi nước rất hay!

Vì được Trương Phi khen ngợi, sau này bán rượu đổi nước đã thành tập quán của địa phương, loại rượu gạo này cũng gọi tên là rượu Trương Phi; vì Trương Phi mặt đầy râu nên lại gọi loại rượu đó là rượu Râu. Loại rượu này đến nay vẫn là đặc sản của Lôi Dương.

MIẾU ÔNG BÀNG

Trên bãi Bách Sa phía nam thành Tương Dương có ngôi miếu ông Bàng. Tương truyền, Bàng Thống năm đó ở ẩn tại đây, có chôn bốn mươi tám túi vải đựng đầy bạc trên bãi Bách Sa. Sau khi ông mất, không quên bà con xóm giềng, ai sống khó khăn, trong tay túng bấn tiền bạc, chỉ cần có vay có trả, đến miếu cầu xin ông, cần bao nhiêu là có bấy nhiêu.

Có một đêm, một tên lửa gạt đến miếu ông Bàng, hướng lên thần tượng Bàng Thống vừa rập đầu lễ, vừa nói:

- Ngài là Bàng Phượng Sồ nổi tiếng trong thiên hạ, con dúi dãi bụng đáp dĩnh vào xương sống. Trong gia đình, trên có mẹ già tám mươi tuổi, dưới có con nít thơ dại, đến nước vo gạo cũng không có để mà uống. Người trong thiên hạ đều biết ngài đức hạnh tốt, xin cho con mượn năm trăm lạng bạc nuôi sống gia đình, kiếp sau dù có biến thành lửa, thành ngựa, con cũng phải đền đáp công ơn của ngài.

Hắn rập đầu lễ xong, trước mặt đã có một đồng bạc to, trắng xóa. Tên lửa gạt đếm một mạch mấy lần số bạc, thấy vừa vặn năm trăm lạng, không hơn không kém. Hai con mắt hắn vui sướng híp cả lại, vội vã nhét bạc vào trong lòng, bỏ vào trong ống tay áo, dựng vào trong hầu bao, mặc dù vừa nắm vừa bê cũng không thể nào mang hết. (Hắn lại vái xin thần tượng Bàng Thống:

- Bạc tuy nhiều nhưng không có cách mang đi. Xin ngài lại bố thí cho con cái túi vải để đựng.

Hắn vừa dứt lời, chiếc túi vải liền xuất hiện. Tên lừa gạt lập tức chộp lấy, đựng toàn bộ số bạc vào trong và vác lên vai, bạc nặng, khiến người hắn xiêu hẳn đi. Hắn đã muốn phát tài, lại không muốn tốn sức lực, bụng nghĩ, nếu có sức vật thờ thì tốt. Thế là lại phủ phục trên đất van nài lần nữa:

- Ngài Bàng Phượng Sồ nổi tiếng trong thiên hạ, làm việc tốt cứu người khốn khó thì xin hãy làm cho chót. Con quả thật là đói không cầm nổi ngay cả bắc đèn bốn lạng. Ngài nếu như không cho được la cao ngựa lớn, thì cho con lừa để thờ bạc cũng được. Lát nữa con nhất định dẫn cả nhà già trẻ lớn bé tới miếu kính dâng đại hương lễ tạ ngài.

Còn chưa đợi hắn ngẩng mặt lên, một con lừa béo khỏe đã thờ phỉ phỉ ngay bên cạnh. Tên lừa gạt không kịp vái lay, đứng lên đặt túi vải đầy bạc lên lưng lừa rồi cưỡi đi luôn.

Tên lừa gạt đi một mạch tới cửa cổng đầu bãi Bách Sa, lúc này hắn mới cảm thấy yên ổn trong lòng. Hắn cưỡi trên lưng lừa, miệng không dừng được nói lầm bầm:

- Hôm nay vận may, lừa được cả thần tiên, chẳng tốn công sức gì mà lại phát tài lớn. Ra khỏi nơi này, dù cho Bàng Thống sống lại, điều binh mã tới tra khám khắp chín châu mười tám phủ, số bạc này vẫn yên ổn thuộc về ta tiểu pha.

Bỗng có tiếng người nói:

- Bạc không trả lại miếu ông Bàng, mày có chạy lên trời cũng không thoát.

Tên lừa gạt nghe thấy, sợ quá, ngã lăn từ trên mình lừa xuống, một hồi lâu thở chẳng ra hơi. Khi hắn định thần lại,

nhìn ngó bốn bề đêm khuya vắng vẻ, giơ tay không nhìn thấy ngón, bên mình ngoài con lừa ra, ngay một chiếc lông quý cũng không có. Bụng nghĩ, đây chỉ là mình thần hồn nát thần tính dọa bản thân mình, để lấy lại can đảm, hấn bèn gào to một hồi: "Hôm nay dù Bàng Thống đích thân tới, lại thi hành kế liên hoàn lừa thiêu Xích Bích, thì cũng đừng hòng cướp đi từ trong tay ta một phân bạc nào".

Bổng có người nói tiếp luôn:

- Thiện có thiện báo, ác có ác báo, không đúng không báo, chưa đến thời cơ.

Tên lừa gạt nghiêng tai lắng nghe, té ra là con lừa đang nói chuyện. Hấn hoảng sợ ba vía mất đi hai, vội vàng rạp đầu vái như gà mổ thóc. Chỉ nghe con lừa nói:

- Tôi vốn cũng là người, có mắt không người, lừa tiền bạc của miếu ông Bàng không hoàn trả lại, mới bị biến thành con lừa để chuộc tội. Không ngờ, anh cũng giống tôi xưa kia là một kẻ tham lam.

Tên lừa gạt thấy lừa biết nói chuyện, bụng nghĩ nhất định là phép Bàng Phượng Sồ làm, nếu như không trả bạc lại cho miếu, bản thân cũng sẽ biến thành con lừa, trong lòng vô cùng sợ hãi, bèn quay đầu trở lại, đưa cả lừa, cả bạc về trả lại miếu ông Bàng. Từ đó về sau, hấn cũng không dám lừa gạt ai nữa.

MÃ SIÊU NHẬN LỖI

"Chiến tướng thời Tam Quốc phải kể đến Mã Siêu". Mã Siêu xuất thân gia đình danh tiếng, võ nghệ cao cường, tài năng xuất chúng, cho nên con mắt cũng cao, xưa nay không dễ cúi đầu, khom lưng trước ai.

Mã Siêu theo về với Lưu Bị, là vì cảm thấy Lưu Bị rất độ lượng, không lên mặt, và Mã Siêu cư xử với Lưu Bị đương nhiên là cũng vô cùng tùy tiện, mở miệng là Lưu Bị thế này Lưu Bị thế khác, không kiêng kị những điều húy phạm. Lúc bấy giờ, người ta rất coi trọng quan niệm vua tôi như cha con, phạm thượng như vậy thì là mất đầu, thế có nguy không? Đặc biệt là Quan Vũ, thường đọc sách *Xuân Thu*, rất coi trọng những phép tắc cổ ấy. Quan Vũ nói với Lưu Bị rằng:

- Mã Siêu không phân biệt trên dưới, không biết lễ tiết, giết đi cho rồi!

Lưu Bị trong bụng tuy cũng không vui, nhưng con mắt nhìn xa hơn: "Giết một con gà, cả đàn khỉ sẽ sợ chạy. Ngay có một người cũng không dung nạp được, vậy còn có thể chào mời các anh tài trong thiên hạ được sao?"

Trương Phi tính thẳng ruột ngựa, bụng nghĩ sao, mồm nói vậy:

- Tôi hiểu ý của anh rồi: nhất định là đã muốn làm cho Mã Siêu ngoan ngoãn phục tùng, lại muốn để lại cho mình

tiếng tốt là biết khoan hồng đại lượng. Cái đó dễ làm, xin làm theo cách tôi nghĩ là xong!

Trương Phi lại hạ giọng nói nhỏ một hồi, Lưu Bị và Quan Vũ bất giác cùng gạt đầu lia lia.

Hôm sau, Lưu Bị mời khách, Mã Siêu như thường lệ ngáng đầu vào thẳng, và ngồi cùng hàng bên cạnh Lưu Bị. Mã Siêu đang muốn nâng chén uống rượu, song thấy cùng bàn chỉ có Lưu Bị, bỗng nhớ ra rằng: mọi người đều nói, Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi tình thân như chân tay, luôn luôn ăn cùng một bàn, ngủ cùng một sập, hiện giờ ở đây sao lại thiếu hai người nhỉ? Quay đầu lại nhìn, hóa ra Quan Vũ cầm đao, Trương Phi cầm mâu đều đứng thẳng ngay ngắn, hộ vệ đằng sau Lưu Bị.

Mã Siêu vô cùng sùng sốt, đứng dậy bảo họ cùng ngồi uống rượu. Trương Phi tiếng to giọng thô, từ chối thẳng thừng:

- Vua ngồi trên, bề tôi không dám vô lễ!

Mã Siêu bưng tỉnh ngộ, vội vàng xoay mình lùi trước mặt Lưu Bị, tạ tội nói:

- Thất lễ! Tôi thất lễ!

Từ đó về sau, Mã Siêu trong mọi việc đều hết sức cẩn thận, không thiếu lễ phép nữa; song cũng không làm nên được gì lớn.

LAI LỊCH TRẤN ĐỒNG QUAN

Gần Trường Sa có trấn Đồng Quan, thời Tam Quốc, nơi đây vốn là chỗ đóng quân của đại tướng Đông Ngô Trình Phổ. Trấn Đồng Quan ở bờ đông sông Tương, dựa sát vào Động Đình tám trăm dặm, từ Trường Sa đến Kinh Châu, muốn đi đường thủy thì không thể không qua chốn này. Sau khi Quan Công chiếm Trường Sa, Trình Phổ vẫn còn cố thủ ở chỗ cũ, chưa rút quân, giống như một miếng xương mắc trong cổ họng. Quan Công đem quân đến đánh, liên tiếp vài trận, mỗi bên chết và bị thương rất nhiều binh mã, cũng không phân được thắng bại.

Lúc ấy, Tào Tháo dẫn đại quân đánh tới, tung tin là sẽ trả thù đại trận Xích Bích. Quan Công, Trình Phổ đều rất sốt ruột: Cờ, trai đánh nhau, ông chài được lợi, hay là gấp rút ngừng tay, đổi thù thành bạn mới tốt. Nhưng cả hai ai cũng không chịu đi trước bước đó, vẫn tiếp tục giằng co với nhau.

Hôm đó, Trình Phổ đi dạo bên sông, thấy một ngư ông đang câu cá. Song ông ta câu được một con cá, thuận tay vớt trả xuống nước; lại câu được con cá khác, cũng thuận tay vớt xuống nước mà không bỏ vào trong giỏ. Trình Phổ cảm thấy lạ lùng, hỏi:

- Ông lão, ông làm vậy là nghĩa lý gì?

Ngư ông không quay đầu lại, nói:

- Vì tham chút mồi con con mà chịu mất cả mạng sống, đáng thương quá, nên lại thả chúng về sông.

Trình Phổ càng lạ, hỏi:

- Thế thì ông tới đây câu cá làm gì?

Ngư ông nói:

- Tôi muốn để mọi người nhìn thấy, hiểu ra: Chớ tham lợi nhỏ, hại đến việc lớn. Vừa rồi Quan Vũ qua đây, xem tôi câu cá, bỗng nhiên tỉnh ngộ, nói là không nên đánh nhau với Trình Phổ, phải cùng nhau đối phó với Tào Tháo!

Trình Phổ nghe xong vừa vui vừa kinh ngạc, sau khi trở về lập tức cử người đi giảng hòa với Quan Vũ. Quan Vũ nói:

- Binh lính hai bên đánh nhau chết rất nhiều, chỉ bằng đem binh khí họ để lại đúc thành chiếc quan tài lớn. Sau này nếu ai còn đánh lại đối phương, không đánh quân Tào, thì để họ chết trong chiếc quan tài lớn này.

Trình Phổ cảm thấy rất hay, cùng thề với Quan Công, rồi cùng đi đánh Tào Tháo.

Nơi đúc quan tài bằng đồng, sau này gọi là Quan Tài Đồng, lại vì chữ "quan tài" mọi người không thích, sau đổi thành Đồng Quan, dùng cho mãi đến ngày nay. Còn vị ngư ông đó là ai, truyền rằng là Gia Cát Lượng cải trang thành.

KHÔNG MINH DẠY CON

Sông Long Than ở Cốc Thành chín khúc mười tám eo, bờ đá dốc đứng, giống như búa đe dao chặt, đúng như bài dân ca đã nói:

Rán lui lại, quỳ lo sâu,

Diêm Vương trông thấy lác đầu một thôi!

Nhưng chính trên bờ đá này lại có một vết vết chân rất sâu, tương truyền đó là dấu chân con trai Gia Cát Lượng lưu lại khi kéo thuyền.

Sông Long Than bắt nguồn từ ngọn Đại Thần Nông chảy vào Hán Thủy. Thời Tam Quốc, Tào Tháo, Lưu Bị đánh nhau ở vùng này, ba ngày anh đánh qua, hai ngày tôi đánh tới, giằng co như kéo cưa, vô cùng ác liệt. Rốt cuộc Tào Tháo người nhiều thế đông, chiếm cứ được tây Hán Thủy, bèn lại sai quân lính từ thượng lưu và hạ lưu bí mật qua sông, muốn một miếng nuốt chừng binh mã của Lưu Bị.

Gia Cát Lượng là quận sư của Lưu Bị, ông biết cái chỗ to bằng bàn tay khó mà đặt chân đứng vững, bèn định hóa tốc lui quân, ngược dòng sông Long Than, qua ngọn Thần Nông, xuyên qua sạn đạo cổ, đi chiếm cứ Ba Thục, dựng nước tranh hùng. Nhưng dọc sông phần nhiều là núi lớn, cỏ rậm rừng dày, hổ báo hoành hành, không có bóng người, trèo non vượt suối gian nan lắm!

Tục ngữ nói: Người ngựa chưa động, lương thảo tiên phong. Chuẩn bị đủ lương thảo là việc quan trọng nhất. Gia Cát Lượng bèn ra lệnh, hết thảy các tướng sĩ đều phải tự mang khẩu phần lương thực; đồng thời lại chuẩn bị mấy chiếc thuyền lớn, chứa đầy lương thảo, ngược dòng di theo, phòng bị nhờ có khi cần đến.

Gia Cát Lượng có người con trai, từ nhỏ được yêu chiều, lúc bấy giờ là lính tốt đen, dựa vào bố là quân sư, ngang bướng không chịu mang theo lương thực. Anh ta nói:

- Nấu rượu quấy kẹo, mỗi người mỗi nghề. Đã có người, thuyền chuyên trách vận chuyển lương thảo, hà tất để chúng ta vừa phải vai vác lưng thồ, vừa phải xông pha trận mạc.

Người tiểu đầu mục dùng mọi cách giảng giải khuyên bảo anh ta:

- Mười ngón tay cũng có ngón dài ngón ngắn, mồng một ngày rằm khác nhau mà! Tình hình hiện nay không bình thường, mọi người đều phải "một gạo mười khoai sắn, vừa nấu bếp vừa trông trẻ".

Anh lính trẻ tuổi giống như con ghé xông vào gỗ sâu, cứ chạy thẳng không quay đầu lại, vẫn không chịu mang lương thực. Tiểu đầu mục không nhìn mặt sư mà nhìn mặt phạt, vì bố anh ta là quân sư Gia Cát Lượng, nên đành một mắt nhắm một mắt mở, mặc anh ta. Trước có xe qua, sau hẳn có vết; tiền lệ đã có, đương nhiên là có người làm theo. Lương thảo mọi người đều không chịu mang theo bên mình, để lại từng đống ở trên bờ sông.

Gia Cát Lượng xưa nay quân quân nghiêm minh, thân thích bè bạn đều không nể mặt. Con trai mắc lỗi đâu có thể cho qua? Một tờ quân lệnh gọi anh ta tới. Trên dưới chung

quanh tất cả đều toát mồ hôi lo cho người trai trẻ, tranh nhau lên van xin họ:

- Tuy quân lệnh như sơn, nhưng anh ta mới vào lĩnh, còn chưa hiểu phép tắc, nhất thiết không được giết!

Gia Cát Lượng gật đầu nói:

- Cũng phải, tội không đáng chết.

Mọi người yên tâm được nửa phần, nhưng sự việc vẫn chưa kết thúc. Họ lại nói:

- Trẻ tuổi thịt non xương mềm, hư gân hại xương thì sẽ tàn phế suốt đời, cũng không được đánh!

Gia Cát Lượng nghĩ một lát, nói:

- Tra tấn chỉ có thể làm tổn thương da thịt nó, không làm cho nó mở mắt ra được, cũng miễn!

Hòn đá đè nặng trong lòng mọi người đã trút bỏ được, nhưng đồng thời lại nhét vào một nắm bông: Tình người nói cho cùng không chống lại được quân lệnh, thừa tướng lẽ nào có thể làm việc thiên tư? Không biết cuối cùng Gia Cát Lượng giải quyết việc này ra sao?

Lúc ấy, chỉ nghe thấy Gia Cát Lượng nói với con trai:

- Trước mắt còn chưa phải xông pha trận mạc, việc cấp thiết nhất là phải vận chuyển lương thảo, con đi kéo thuyền ngay cho cha.

Con trai đầu còn dậm ương ngạnh nữa, đành đổi lấy giày cỏ, mặt nhìn bờ sông, lưng trông trời, kéo thuyền thực mạng, vì lấy sức quá mạnh, đã để lại dấu chân trên đá. Các tướng sĩ nhìn thấy, đương nhiên không nói được gì, đều mang đủ lương thảo lên đường.

Dấu chân trên bờ sông Long Than, nghe nói đến nay vẫn còn. Người địa phương luôn dẫn con cái đến xem, vừa kể câu chuyện này.

RAU GIA CÁT

Gia Cát Lượng khi ở Long Trung, có một lần mắc bệnh nhẹ, lên núi hái thuốc, nhìn thấy một loại rau dại lá giống lá cây củ cải, đào lên rễ như quả cân to bằng nắm tay, trên to dưới nhọn. Cán nẩy thừ một miếng, không đắng không chát, lại có chút cay ngọt. Con người Gia Cát Lượng gặp việc không làm rõ là không chịu được, ông nghĩ, trăm thứ cỏ trên mặt đất đều nuôi sống người, loại rau này nếu không độc, chẳng phải là cũng có thể làm rau ăn được sao? Ông đào mấy cây về, xào lên, cả nhà đều nói ngon, hỏi đó là rau gì. Gia Cát Lượng nghĩ một lúc, nói:

- Đây là cây ca la thầu.

Về sau, ông lại đào lên một số, đem về trồng trong vườn, trông nom chăm sóc để làm rau ăn.

Một năm mưa thuận gió hòa, cây ca la thầu Gia Cát Lượng trồng mọc rất mập mạp, thu hoạch được một đồng lớn. Nhất thời ăn không hết, ông đem rửa sạch phơi khô muối thừ một vại. Năm sau, Gia Cát Lượng phát hiện ra ca la thầu muối ngon hơn ca la thầu tươi, hơn nữa càng ngày càng thơm. Việc ấy khiến ông hết sức vui mừng. Vừa đến vụ, ông đã trồng vài mẩu cây giống, nhổ lên tặng cho bà con lân cận để trồng, ông còn dạy họ phải làm thế nào, muối thế nào. Thử đồng không hiểu dụng ý của Gia Cát Lượng, mới hỏi:

- Tiên sinh, Tương Dương xưa nay chưa thiếu rau bao giờ, tiên sinh dạy mọi người trồng nhiều ca la thầu như vậy để làm gì?

Gia Cát Lượng điềm nhiên như không trả lời:

- Ất có chỗ dùng.

Vài năm sau, ca la thầu truyền rộng ra cả vùng Tương Nam.

Bạn tưởng là Gia Cát Lượng dạy trồng nhiều cây ca la thầu không có chỗ dùng sao? Hừ, năm đó Lưu Bị chuẩn bị tiến quân Tây Thục, văn có mưu sĩ, võ có tướng tốt, binh mã lương thảo đầy đủ, chỉ vì cái chuyện ăn rau mà dâm lo! Thu mua dọc đường ư, vừa phiền phức vừa lỡ thời gian, có nơi còn khó mà mua được; mang rau xanh đi ư, qua vài hôm là hỏng. Lưu Bị nằm ngồi chẳng yên vì việc đó, giữa lúc sốt ruột đi lại loanh quanh thì đội xe trâu gỗ ngựa máy mà Gia Cát Lượng cử đi đã trở về, vận chuyển tới hàng loạt ca la thầu muối sẵn. Món ca la thầu này ăn vào có hương vị, mang đi thuận tiện, để lâu không hỏng, Lưu Bị trông thấy vui mừng quá chừng. Từ đó về sau, trước mỗi lần đại trận, Lưu Bị đều phải đến Tương Dương để mua ca la thầu, binh mã của Lưu Bị bao giờ cũng được ăn món này. Riêng việc đó, Lưu Bị đã bớt bận tâm lo lắng bao nhiêu.

Ca la thầu Tương Dương đã lập "quân công" lớn lao, càng ngày càng nổi tiếng. Mọi người đương nhiên nhớ tới Gia Cát Lượng. Để không quên công lao của ông, họ lại gọi ca la thầu là rau Gia Cát.

LƯU BỊ ĐÓNG QUÂN

Trên đỉnh núi vùng ngoại ô phía tây bắc huyện Vạn thuộc Xuyên Đông có một lâu thành cổ, đó chính là thành Thiên Từ, một trong tám cảnh nổi tiếng của huyện Vạn. Thời cổ, nơi đây gọi là thành Trời, vì sao lại đổi tên là thành Thiên Từ?

Tương truyền khi Lưu Bị dẫn quân vào đất Thục, đã từng đóng quân ở thành Trời. Để được lòng dân, Lưu Bị quân quân rất nghiêm, chưa hề cho phép binh lính quấy nhiễu nhân dân, do vậy, rất được dân chúng yêu mến ủng hộ. Vùng Xuyên Đông thường là mùa đông mưa dầm liên miên, mùa hạ không mưa, trời oi bức. Thuộc hạ của Lưu Bị phần lớn là người phương bắc, không hợp thủy thổ, ngã bệnh rất nhiều. Lưu Bị sốt ruột nằm ngồi không yên.

Nhân dân xung quanh thành Trời biết chuyện, lập tức đi vào rừng núi sâu để đào cây thuốc, sắc một nồi to thuốc nước. Các binh sĩ uống vào, ngày hôm sau là khỏi. Lưu Bị mừng lắm. Từ đó Lưu Bị với nhân dân địa phương lại càng thân như người nhà.

Khu vực thành Trời thuộc đất đồi gò, núi nhỏ trụi lủi, đã không cấy được mạ, lại không trồng được mạch, chỉ có thể thu hoạch được ít lương thực phụ như đậu Hòa Lan, đậu tằm, sắn, nửa năm là ăn hết sạch. Những ngày còn lại đánh đào rau dại, hái quả dại sống qua ngày. Do vậy, người nào người nấy mặt bủng da chì, người già trẻ nhỏ chết đói rất nhiều.

Lưu Bị thấy tình cảnh này, dù quân lương của mình không dư dật, vẫn truyền lệnh đem một nửa số ngô từ miền bắc đưa tới phát chẩn cho dân. Mọi người bưng những hạt ngô mấy chắt vàng óng, đầu nõ ăn? Họ được biết qua cửa miệng của người miền Bắc: Ngô là thứ hoa màu chịu hạn, lại có thể sống được trên núi. Thế là, sườn trên dốc dưới núi thành Trời đều trồng ngô.

Ngô ra mầm, một vùng tràn đầy sức sống. Nào ngô, một trận mưa lớn xối đổ tàn tã những cây ngô non, mọi người đành chạy đi tìm Lưu Bị xin chỉ bảo. Lưu Bị nói:

- Những đồi núi này trọc lông lóc, không có lấy một cây, mưa lớn xối vào, cây mầm đương nhiên không giữ lại được. Bà con cần phải trồng thêm nhiều cây ở trên núi, từ đỉnh núi đến chân núi, cây thành rừng, rừng thành tuyến, thì có thể giữ được cây mầm.

Dân chúng thật khó xử, nói:

- Chúng tôi từng hộ từng nhà, người ít, một lúc trồng sao được nhiều cây như vậy!

Lưu Bị cười hề hề nói:

- Chớ lo, tôi sai binh lính giúp đỡ bà con.

Tiếp đó, Lưu Bị hạ lệnh tướng sĩ toàn quân mỗi người phải trồng sống một cây, đồng thời lại bảo tướng tá dưới quyền chọn một số ngô gửi tặng dân chúng.

Sau vài năm, cây cối mọc lớn. Ngô có rừng cây che chở, không sợ mưa to gió lớn nữa. Mọi người sau khi được mùa liền vui vẻ chọn lựa những bắp ngô vàng rực rỡ, tặng Lưu Bị nếm trái đầu mùa, họ lại còn đem nộp quân lương cho Lưu Bị, năm nào cũng đủ. Dân chúng cảm ơn sự giúp đỡ của Lưu Bị, đều hy vọng Lưu Bị đánh thắng Tào Tháo và Tôn Quyền, sớm lấy được thiên hạ, bèn gọi một cách kính trọng Lưu Bị là thiên tử. Thành Trời từ đó cũng đổi tên là thành Thiên Tử.

ĐAO CHÉM HẠ HẦU UYÊN

Ở phía tây núi Định Quân là ngọn núi cao hơn, giữa hai ngọn núi này có một xóm núi tên là Cao Trại Tử. Tương truyền Hoàng Trung dùng dao chém Hạ Hầu Uyên chính là ở đây, hơn nữa còn để lại di tích.

Lúc ấy, Hoàng Trung tấn công núi Định Quân, đánh không được, bèn tranh chiếm lấy núi cao phía trước mặt. Việc này đã làm cho Hạ Hầu Uyên lo lắng: Giờ đây nằm dưới tầm mắt của địch thủ, nhất cử nhất động đều bị họ trông thấy rõ cả, nguy quá! Hạ Hầu Uyên quyết ý đoạt lại núi cao phía trước mặt, liền dẫn đầu binh mã liều chết xông bừa, tấn công một mạch lên núi. Như thế, cảnh ngộ của đôi bên đã đổi cho nhau. Hoàng Trung thì giống như Hạ Hầu Uyên trước đây, ngồi vững trên bệ câu cá, mặc xác dưới núi chúi máng đến rách da mồm vẫn cứ giả câm giả điếc; mắt nhìn thấy lính địch sức cùng lực kiệt, rời rạc tan rã, cũng vẫn cứ kiên trì cố thủ trên núi, không xuống ứng chiến.

Vài hôm như vậy trôi qua, Hạ Hầu Uyên cho rằng Hoàng Trung tuổi già vô dụng, sợ đánh nhau rồi, bèn không coi Hoàng Trung là đối thủ đáng sợ nữa, bắt đầu qua loa đại khái. Lính cõi giáp không hỏi, ngựa tháo yên không quản, khắp trên khắp dưới nhanh chóng trở nên biếng nhác uể oải, Hạ Hầu Uyên cũng đều không để tâm. Hôm ấy, ông ta ngắm

nhìn trên núi, vẫn yên ắng, không có động tĩnh gì, càng thêm coi thường Hoàng Trung, chế giễu nói:

- Hoàng Trung, Hoàng Trung, uy danh hão huyền, quả không đáng kể!

Cảm thấy giao chiến với đối thủ như thế này không thú vị gì, cũng không phấn chấn tinh thần, Hạ Hầu Uyên bất giác ngáp dài lia lịa, mí mắt díp lại. Quay đầu nhìn thấy trong xóm có một cái thớt cối xay, liền đặt đầu nằm xuống và ngáy khò khò ngay lập tức.

Hoàng Trung không có phút nào quên Hạ Hầu Uyên, ngay cả lúc ngủ tối cũng mở to mắt. Giờ đây, ở trên cao, Hoàng Trung tận mắt nhìn thấy địch thủ, giữa ban ngày ban mặt nằm ngủ trong xóm, căn bản không coi mình ra gì, vừa tức giận vừa buồn cười: "Cố mắt không nhìn thấy núi Thái, để mi nếm thử đòn lợi hại của Hoàng Trung này!", liền lấy dao lên ngựa, chạy như bay xuống núi, nhanh như tia chớp, thoáng cái đã vào tới xóm Cao Trại Tử. Hoàng Trung giơ dao bổ xuống, lập tức Hạ Hầu Uyên bị chém làm đôi. Nhất dao ấy của Hoàng Trung mạnh quá, không những đã chém chết Hạ Hầu Uyên, mà ngay cả thớt cối xay bên dưới thân ông ta cũng bị nứt toác ra. Máu tươi thấm vào đá, liền biến thành những hoa văn và những vết loang lổ đỏ tươi. Cho đến nay, cái thớt cối xay bằng đá bị chém này vẫn còn ở xóm Cao Trại Tử, vết máu ở trên cũng vẫn còn, vẫn đỏ tươi như thế.

TÔN LẬP HÁN TRUNG VƯƠNG

Lưu Bị sau khi vào đất Xuyên, lại phải đi giành giật Hán Trung. Hán Trung đất đai phì nhiêu, sản vật phong phú, là miếng mỡ khiến người ta thèm muốn; song nơi đó đã bị Trương Hợp và Hạ Hầu Uyên chiếm, giống như khúc xương khó gặm ở trong miếng thịt béo. Về những điều này khắp trên dưới đều đã có chủ trương, đã không thể bỏ qua, lại cũng không thể xem thường. Mọi người đều biết núi sông cách trở, đường xá gian nan, tức thì chuẩn bị đi chuẩn bị lại, thu xếp lên thu xếp xuống, làm xong xuôi đâu vào đấy mới hành trang gọn nhẹ lên đường.

Lúc này, Lưu Bị bỗng truyền lệnh: Mọi người đều phải mang theo một túi đất vàng khi rời đất Xuyên, nói là tới lúc sẽ phải dùng. Trong chốc lát ai nấy đều không hiểu ra sao cả, bụng lăm bằm: Đó chẳng phải là chuốc vạ vào mình sao? Thật khổ quá đi thôi! Nhưng quân lệnh như sơn, ai cũng không dám chống lại.

Mọi người vác túi đất hành quân đánh trận, không biết phải bỏ thêm biết bao nhiêu công sức, phải chạy thêm bao nhiêu là mồ hôi. Có lúc quả là mệt không chịu nổi, thực muốn vứt quách đi. Song chúa công ra lệnh, người nào vi phạm giết chết miến bàn, ai còn dám liều chết!

Họ tràn đèo vượt núi, ngày càng xa quê hương, ngày càng gần Hán Trung, giao chiến chém giết với quân địch cũng ngày càng nhiều. Đến lúc này, mọi người đều như ốm một trận rất nặng, không muốn ăn uống, hết sức uể oải, chỉ cảm thấy trong người bải hoải rã rời. Các đầu mục thấy thế rất đối hoàng sợ, cho rằng họ quá mệt mỏi, liền để họ nghỉ rồi vội vàng đi mời y quan đến, song ai cũng nói không đúng nguyên nhân vì sao. Để họ nghỉ ngơi đầy đủ, vẫn toàn thân mệt mỏi; dùng thử rất nhiều thảo dược, phương thuốc dân gian cũng đều không hiệu nghiệm.

Chính lúc ấy, Lưu Bị tới trại lính thăm các binh sĩ. Lưu Bị khe khẽ hỏi han ân cần, rồi giống như một y quan, hỏi, nghe, nhìn, ngửi tỉ mỉ, bắt mạch xem bùa lưỡi, kiểm tra sức khỏe có tới vài chục người, sau đó trở về quân trưởng của mình. Một lúc sau, các trại lính đều nhận được lệnh truyền: Mỗi lần ăn cơm, uống nước, ai nấy đều phải cho thêm một miếng đất vàng mang theo từ quê hương vào. Kể cũng lạ, thứ đất ấy còn hiệu nghiệm hơn cả thuốc tiên, sau vài hôm, số binh sĩ ấy đều phấn chấn tinh thần, khỏe mạnh như rồng như hổ. Họ đánh thành được thành, lấy ai được ai, thật giống như gió thu quét lá rụng, nhanh chóng đánh bại binh mã của nước Ngụy, chiếm toàn bộ mấy trăm dặm Hán Trung. Hóa ra, các binh lính mắc chứng bệnh bất phục thủy thổ, Lưu Bị sớm đã lo tính đến việc binh lính Thục không phục thủy thổ Hán Trung, kịp thời chẩn đoán, quân lệnh vừa ra, thuốc uống vào là khỏi bệnh.

Hôm ấy, Lưu Bị tập hợp binh mã trong thành Miến Dương, chuẩn bị úy lạo ba quân, xét công ban thưởng. Các tướng sĩ bình đi xét lại, đều cảm thấy đánh thắng trận, thực ra là ai ai cũng đều có thành tích lớn, lí nên phong cấp, thêm chức, phát thưởng, song nếu như không có Lưu Bị ra lệnh mang theo đất trong Xuyên tới, lại kịp thời truyền lệnh sắc uống, thì e tính mạng của mọi người cũng chẳng còn nữa. Xét công trạng, phải tính công Lưu Bị là lớn nhất, tăng thêm quan tước cũng nên trước tiên là Lưu Bị. Tức thì tất cả trên dưới mọi người cùng nói, tiếng vang núi đồi:

— Mời Lưu hoàng thúc làm Hán Trung Vương.

Lưu Bị chối từ mãi, mọi người đâu có chịu nghe. Họ đồng thời hoan hô một hồi và đem toàn bộ đất trong Xuyên mà mọi người sắc uống còn thừa đổ vào một chỗ, thoát đã chất lên thành một đàn cao. Sau đó nhất tề đỡ Lưu Bị bước lên đàn cao tế trời, tế tổ tiên; tiếp đó Lưu Bị bị đẩy, bị kéo ngồi quay mặt về nam, tiếp nhận các quan văn võ lạy chào.

Miến Dương trải qua hàng ngàn năm, bộ mặt từ lâu đã hoàn toàn thay đổi, ngay tên của nó cũng đã đổi thành Cựu Châu Phố. Song đàn đất lên ngôi của Hán Trung Vương ấy lại được bảo tồn rất lâu, các cụ già còn tận mắt nhìn thấy nó.

MỘ BÀN CỜ

Năm đó, Gia Cát Lượng đi hướng tây mưu lấy Ích Châu, trước lúc đi, hai ba lần dặn dò Quan Vũ việc đánh Tương Phần, lại lấy ra một cái nang giao cho Quan Vũ, nói:

— Kể này chỉ có thể dùng sau khi bày trận, trước khi đại chiến.

Sau khi Gia Cát Lượng ra đi không lâu, Quan Vũ liền dẫn quân đi đánh Tương Dương. Binh mã đi tới Thanh Nê Loan, tức Thái Bình Diêm hiện nay, cách Tương Dương bảy mươi dặm, cắm doanh trại ở chỗ mộ tổ gia đình họ Vương thuộc đông nam vùng này, bố trí xong thế trận.

Quan Vũ biết tường thành Tương Dương kiên cố, không thể đánh trực diện, phải dụ quân Tào ra ngoài mới dễ đánh. Thế là Quan Vũ phục binh ở đâu, chặn đường ở đâu v.v... sau khi sắp xếp ổn thỏa, hạ lệnh cho binh sĩ tới trước trận chửi mắng, khiêu chiến, hòng dụ quân Tào ra ngoài. Song Tào Nhân đóng chặt cổng thành, nhất định không chịu ứng chiến.

Quan Vũ thấy dụ địch không ra, đánh thành khó phá, rất là lo phiền, bỗng nhớ tới kế sách quân sư trao cho, bèn cẩn thận mở cái nang ra xem. Ô, hóa ra là một bộ cờ tướng. Quan Vũ trong bụng lăm lăm: Gia Cát Lượng sao lại trêu đùa thế này, đây đâu phải là diệu kế gì! Quân sư biết ta thích đánh cờ, hẳn muốn tặng ta bộ cờ tướng để giải buồn. Song

ta giờ đây đang phải trừ hoạch mưu kế, nếu bày biện cờ tướng, há chẳng phải lỡ mất việc lớn? Lại nghĩ lại: Quân sư thường ngày trị đủ mưu nhiều, răn người có kế, chắc hẳn bảo ta lãnh hội chiến thuật từ trong cuộc cờ. Suy nghĩ hoài, lòng ham mê cờ trở dậy, bèn bảo bộ tướng Mã Lương xếp bày quân cờ ngay ngoài trướng trước trận mà đánh.

Lại nói Tào Nhân đóng giữ Tương Dương, thấy binh sĩ hàng ngày tới đánh thành, chửi mắng, trong lòng đã bức tức từ lâu, muốn ra nghênh chiến, lại sợ đánh thua, do dự hoài không dám quyết. Hôm ấy, trái lại không thấy binh sĩ của Quan Vũ đến chửi mắng, thật là kì lạ. Một lát sau, thám mã về báo rằng binh mã Quan Vũ hôm nay đều chơi bởi rất tán mạn uể oải, ngay cả Quan Vũ cũng đánh cờ ngoài quân trướng. Tào Nhân nghe xong, trong lòng nghi ngờ, phải chăng là mưu kế gì, không dám làm xằng.

Hôm sau vẫn như thế, Tào Nhân lại nghĩ: Hẳn là Quan Vũ cho rằng ta không dám ra, muốn bao vây chết ta. Chi bằng ta bất ngờ, cho hấn một đòn không kịp trở tay, giết ngay Quan Vũ, trừ mối họa trong lòng ta! Chủ trương đã quyết, liền ra lệnh các tướng sĩ toàn thành nhất tề xuất quân tiến thẳng tới Thanh Nê Loan.

Tào Nhân đã đến trước trận của Quan Vũ, quả nhiên thấy Quan Vũ đang đánh cờ, như không hề bận việc gì. Tào Nhân sợ lỡ mất cơ hội này, lập tức hạ lệnh, binh sĩ tướng tá ồ ạt xông lên, vừa xông tới mộ tổ gia đình họ Vương, chỉ thấy Quan Vũ vút quân cờ trong tay xuống, thuận tay cầm đao thanh long yểm nguyệt, tung mình nhảy lên con ngựa xích thố thiên lí, hét lên một tiếng, lao ra khỏi doanh trại. Đồng thời bốn bề đột nhiên có ngàn vạn binh mã đổ ra, nam bắc

tây đông, tiền hô hậu ứng, vây bọc quân Tào lại mà đánh. Tướng sĩ quân Tào thấy vậy thì luống cuống hoảng sợ, chỉ lo chống đỡ, đâu còn đánh trả được. Trong nháy mắt đã bị giết đến quá nửa. Tào Nhân vội vã quay mình tháo chạy, không ngờ giữa đường lại có phục binh đánh ra. Quan Vũ tể ngựa đuổi tới, chém chết hai đại tướng của Tào Nhân, rồi thừa thế dẫn quân đánh vào thành, chiếm lấy Tương Dương dễ như trở bàn tay. Tào Nhân đành chạy tới Phàn Thành.

Quan Vũ lấy được Tương Dương, tỉnh tâm suy xét lại, ò, trận đánh này mình đều dựa vào bàn cờ tướng của quân sư! Nếu không, Tào Nhân sao có thể dễ dàng xuất quân. Quan Vũ nghĩ tới đó, vội di thu nhặt quân cờ. Đến mộ tổ gia đình họ Vương thì thấy bàn cờ đó đều đã biến thành các đồng đất, từng đóm từng diềm, giống như cách bày các quân cờ lúc trước vậy, chỉ có một đồng đất cách hơi xa một chút, đó là quân cờ Quan Vũ lúc lên ngựa vút xuống, lăn tới chỗ đó. Sau này, mọi người thấy cờ tướng của Quan Vũ lưu lại đây, mới đổi gọi mộ tổ gia đình họ Vương thành mộ Bàn Cờ.

ĐÁ BA ĐAO

Thời Tam Quốc, phía tây thành Tương Dương bảy mươi dặm có điện thờ Ngọc hoàng, trong ngôi miếu ở sau điện có một vị hòa thượng. Vị hòa thượng này đã nhiều năm tu luyện, đầu trọc của ông cứng như đá, mọi người gọi ông là "hòa thượng Đá". Hòa thượng Đá thường ngày thích đánh cờ với mọi người, lúc đánh cờ lại thích hoãn để đi lại nước cờ. Nếu đối thủ nói "không được", thì ông lấy sọ cứng của mình húc người ta, húc vài cái thì người ta chết. Người ta đánh ông không đau, chọt chém ông không vỡ, thiêu đốt ông không bị thương, đánh lánh xa, để mặc ông. Một lần Quan Công qua đây, nghe nói chuyện về hòa thượng Đá, trong lòng bốc lửa, nghĩ, ta nhất quyết phải xem hòa thượng Đá là cái trò gì.

Quan Công tìm tới hòa thượng Đá, muốn đánh cờ với ông ta. Hai người bàn bạc thỏa thuận, hể nhắc quân lên là không được hoãn đi lại, rồi cùng ngồi trên một phiến đá đánh cờ. Chưa đi được vài nước, Quan Công đã ăn được một quân cờ của hòa thượng Đá, hòa thượng Đá lại đòi hoãn để đi lại. Quan Công vừa định ngăn lại, hòa thượng Đá đã cúi đầu trọc đâm xỏ tới. Quan Công giả vờ đánh cờ, thật ra là tìm hiểu sự việc, vội nghiêng mình né tránh, cũng chẳng nói chẳng rằng, cầm dao thanh long yển nguyệt chém liền ba nhát vào

bàn cờ, khối đá to như thế bị chém thành bốn khúc. Đó là
thủ đao để răn đe hòa thượng Đá. Hòa thượng Đá thấy tình
thế không hay, co cẳng chạy, Quan Công lên ngựa gíơ roi đuổi
theo. Đuổi đến núi Thất Lí thì kịp, một đao chém xuống, đầu
hòa thượng Đá rơi xuống đất. Nào ngờ hòa thượng Đá có tà
thuật chấp nối đầu, liền nhặt đầu lâu lên đặt vào cổ, lại tiếp
tục chạy. Quan Công càng giận dữ, vối gĩa roi đuổi gắp. Đuổi
đến núi Miên Dương thì lại kịp, "phập", một nhát đao chém
xuống, tiện thể quăng đi, cái sọ cứng ấy giống tựa quả bầu
lân công cóc xuống vực sâu dưới núi Miên Dương. Hòa thượng
Đá tìm không thấy đầu, đứng tại đỉnh núi Miên Dương, không
động đậy được nữa. Ngày qua tháng lại, thân mình của hòa
thượng Đá biến thành một cột đá.

Quan Công trừ hại cho dân, để báo đáp ơn đức ấy, nhân
dân đã gọi tên phiến đá Quan Công thủ đao ấy là đá Ba Đao,
và ở trong thung lũng không xa còn dựng miếu Quan Công.

ĐỒI ĐỒNG LINH

Phía tây bắc thành Kinh Châu hơn hai mươi dặm có đồi Đồng Linh, đất màu vàng óng, hình dáng giống cái nhạc đeo trên cổ ngựa. Núi tới ngọn đồi nhỏ bé này, có một truyền thuyết gắn với Quan Công.

Truyền rằng Quan Công vào Kinh Châu, trở nên kiêu ngạo, ngày không luyện quân, đêm không canh gác. Việc này truyền tới tai Gia Cát Lượng, quân sư rất không vui, liền sai một lính sai dịch thẳng tới Kinh Châu.

Buổi trưa hôm ấy, Quan Công đang ngủ gật dưới bóng cây, bỗng người lính sai dịch đến, tay cầm chiếc nhạc đồng buộc vào một dây rơm, khe khẽ gọi:

- Tướng quân, tướng quân hãy tỉnh dậy!

Quan Công mở bừng mắt, ngấm nhìn từ trên xuống dưới người lạ mặt này, hỏi:

- Người từ đâu đến?

Người lính sai dịch đáp:

- Tuân lệnh quân sư, tôi từ Tứ Xuyên tới.

Quan Công lại hỏi:

- Có việc công gì?

Người lính sai dịch vội vàng quỳ xuống, hai tay dâng lên chiếc nhạc đồng xâu vào dây rơm, nói:

- Quân sư đặc biệt sai tôi đến Kinh Châu, gửi tặng dây rơm và chiếc nhạc đồng, để tướng quân dùng đeo vào cổ ngựa xích thố.

Quan Công tiếp nhận sợi dây rơm vàng óng ánh và chiếc nhạc đồng, bất giác cười ha hả:

- Ngựa xích thố của ta nam chinh bắc chiến, chạy rơi mất không biết bao nhiêu là nhạc đồng buộc dây xích sắt. Cái nhạc đồng xâu dây rơm này chịu sao được một lần phi của ngựa xích thố ta!

Song vì là quân sư đặc biệt gửi tới, bèn cũng sai người treo vào cổ ngựa xích thố.

Hôm sau, Quan Công ra lệnh toàn bộ tướng sĩ, ai nấy luyện quân tập võ. Chu Thương hỏi:

- Tướng quân, luyện quân đến khi nào vậy?

Quan Công hẹn:

- Luyện tới khi ngựa xích thố của ta chạy rơi mất nhạc đồng xâu dây rơm thì thôi.

Chu Thương nói:

- Vậy chẳng phải chỉ luyện chốc lát là xong hay sao?

Quan Công không trả lời, tay cầm đại đao, mau lẹ cưỡi lên ngựa xích thố, bắt đầu phi nhanh như gió. Chỉ nghe thấy leng keng, leng keng, leng keng... một ngày trôi qua, hai ngày trôi qua, ba ngày trôi qua.

Quan Công rất lấy làm lạ, nhạc đồng xâu dây rơm chạy ba ngày ba đêm vì sao vẫn không rơi nhỉ? Bụng nghĩ: Tại ta bất tài, hay là ngựa xích thố không còn được việc? Quan Công

dựng ngược mày tằm, trợn tròn mắt phượng, quan sát tỉ mỉ dây rơm xâu nhạc, lấy tay vẽ đi vẽ lại, kéo đi kéo lại, hóa ra dây rơm đã biến thành xích đồng.

Chu Thương chỉ vào xích đồng lại hỏi Quan Công:

- Còn luyện quân nữa hay thôi?

Quan Công nói:

- Luyện tiếp! Ta sẽ chạy đứt xích đồng.

Chỉ nghe leng keng, leng keng, leng keng... bốn ngày trôi qua, năm ngày trôi qua, sáu ngày trôi qua, nhạc đồng vẫn không rơi, hình như càng ngày càng chắc.

Quan Công khi quan sát lần thứ hai, càng kinh hoàng, xích đồng đã biến thành xích vàng. Chu Thương chỉ vào xích vàng hỏi:

- Tướng quân, luyện quân nữa hay thôi?

Quan Công nói như đinh đóng cột:

- Luyện tiếp! Ta sẽ chạy đứt xích vàng.

Lại chạy ba hôm nữa, xích vàng của nhạc đồng biến thành xích đồng; lại chạy ba hôm nữa, xích đồng của nhạc đồng biến thành dây rơm.

Chu Thương lại hỏi:

- Tướng quân, luyện quân nữa hay thôi?

Quan Công nói:

- Luyện tiếp, luyện tiếp, luyện tiếp! Không chạy rơi nhạc đồng thì không chịu nghỉ.

Chỉ nghe leng keng, leng keng, leng keng... đến bình minh ngày thứ tư, bỗng "choang" một tiếng, dây rơm đứt, nhạc đồng rơi xuống đất biến thành quả dơi nhỏ, liền gọi là dơi Đồng Linh.

NGUYÊN NHÂN QUÁN RƯỢU PHỤNG THỜ QUAN CÔNG

Ngày xưa, quán rượu ở các nơi thuộc Hồ Bắc đều thích phụng thờ Quan Vân Trường, quán rượu nhỏ phần lớn treo ở giữa nhà bức họa Quan Công, quán rượu lớn bày thờ tượng Quan Công nặn bằng sứ trắng. Vì sao quán rượu kính trọng Quan Vân Trường như vậy?

Quan Vân Trường vốn là người Sơn Tây, lúc trẻ làm nghề đậu phụ, có người hàng xóm biết nấu rượu tên là Vương Tam, hai người rất thân với nhau, thường cùng nhau đi làm ăn xa nhà. Sau này, Quan Vân Trường làm đại tướng dưới quyền Lưu Bị, trấn thủ Kinh Châu, còn Vương Tam thì vận lại không may, tai họa dồn dập, lưu lạc quê người. Vương Tam khó khăn lắm mới tới được Kinh Châu, gặp được Quan Công. Quan Công cho Vương Tam một số tiền bạc làm vốn. Vương Tam bèn làm lại nghề xưa, nấu rượu kiếm sống, mở một quán rượu tại một trấn gần Kinh Châu. Vương Tam được ông thợ cả của quán rượu Hạnh Hoa Thôn truyền nghề cho, rượu nấu ra đặc biệt ngon, giá tiền cũng phải chăng, vì thế hàng ngày cửa hàng đông như chợ phiên, chưa tới vài năm đã nổi tiếng tăm. Vương Tam vừa làm nhà mới, vừa cưới vợ, sống những tháng ngày thư thái dễ chịu.

Một hôm, Vương Tam đi vắng, một tốp người đột nhiên xông tới quán rượu, ba người cầm đầu tự xưng là Quan Văn Trường, Chu Thương, Quan Bình, điểm danh đòi gặp Vương Tam. Dương Thị vợ mới cưới của Vương Tam nghe nói ân nhân tới, vội ra đón tiếp. Người mới tới nói Vương Tam lúc đầu mượn tiền bạc để mở quán, tới nay một xu chưa trả, hôm nay đích thân tới đòi lại. Dương Thị cười làm lành nói:

- Hôm nay thật không may, nhà tôi đi vắng. Tiền bạc nợ nần đợi nhà tôi về nhất định sẽ trả.

Tên cầm đầu đó không chịu, nói rằng đâu có thời gian đợi, rồi vấy tay một cái, cả bọn bắt đầu ra tay, làm rối tung rồi bời trong nhà Vương Tam, các thứ của cải, đồ tế nhuyễn đều cướp đi sạch sành sanh.

Khi Vương Tam trở về nhà, hỏi rõ quá trình bị cướp và hình dạng người đến, biết là có người mạo danh Quan Văn Trường. Vương Tam lập tức trình báo vụ án lên phủ quan địa phương, rồi sau đó lên thành Kinh Châu tìm Quan Văn Trường. Sau vài hôm, Vương Tam vừa về đến nhà, nha dịch do quan phủ địa phương sai tới liền lập tức trối gô khuấy tay lại, bắt đi cả vợ cùng toàn bộ người làm trong quán. Họ lại còn dán tờ thông cáo niêm phong ngoài cửa quán, nói Vương Tam vu cáo quan phụng mệnh triều đình, tội đáng xử tử, ngày mai bị hành quyết tại chỗ.

Hóa ra bọn người cướp giật quán rượu Vương Tam, tên cầm đầu họ Lí, tên gọi Quang Tổ, là một thằng ác bá, luôn câu kết với bọn quyền quý địa phương, ức hiếp chèn ép dân làng. Nhà hắn cũng làm nghề nấu rượu, ghét Vương Tam chen vào chỗ làm ăn của hắn, liền tụ tập những tên nát rượu những kẻ làm bậy mạo xưng là Quan Văn Trường đến cướp quán rượu. Lí Quang Tổ nghe nói phủ quan đã bắt được Vương

Tam, ngày mai sẽ xử chém, không nên nổi sự vui mừng, với gọi đồng bọn tới uống rượu chúc mừng, còn hẹn đến pháp trường để tận mắt nhìn xem Quan Văn Trường xử tử người bạn đồng hương tốt của mình.

Hôm sau, cả bọn Lí Quang Tổ nghênh ngang đi đến pháp trường, nhìn thấy Vương Tam bị giải vào, đầu cúi, mình bị gô trời, những người xem nhốn nháo chen chúc nhau, ai cũng muốn xem cái tên vong ân bội nghĩa, vu cáo Quan Văn Trường. Bọn Lí Quang Tổ chen vào trong đám đông, muốn xem đầu Vương Tam rụng xuống đất. Ai hay lúc ấy, có vài chục binh sĩ ở sáu lưng đi tới bắt gọn bọn chúng. Thì ra bắt giữ Vương Tam là mưu kế Quan Văn Trường nghĩ ra. Hôm sau, Quan Văn Trường lại cho những người làm trong quán rượu ăn mặc như binh sĩ, bảo họ tới pháp trường bí mật tìm kiếm hung phạm. Quả đúng như dự đoán, bọn Lí Quang Tổ tới xem xử chém, bị những người làm trong quán rượu nhận ra, tóm lấy quy án. Qua thẩm vấn tra khám, tang vật nhân chứng đầy đủ, vụ án hết sức rõ ràng, Quan Văn Trường bèn cho giết chúng đi.

Vợ chồng Vương Tam và những người làm vui vẻ trở về quán, liền mở tiệc rượu lớn, còn mời các đồng nghiệp gần xa tới, đem kĩ thuật nấu rượu và phương pháp làm men rượu truyền cho họ. Vương Tam nói, làm như vậy là để báo đáp công ơn cứu giúp của Quan Công. Phường rượu ở các nơi thuộc Kinh Châu, từ sau khi học được bí truyền của Vương Tam, làm ăn ngày một thịnh vượng, cho nên đều đua nhau phụng thờ Quan Công.

ĐÀI ĐIỂM TƯỚNG

Tại nơi ra khỏi cửa tây thành Kinh Châu, đi sáu dặm về hướng bắc, có một gò đất bằng, tên gọi là đài Điểm Tướng. Truyền rằng là nơi Quan Công trước khi đánh Phàn Thành lần thứ mười đã duyệt binh điểm tướng.

Quan Công có khi đích thân ra trận, có khi sai người khác cầm quân, chín lần đánh Phàn Thành, chín lần không thành công. Song Quan Công không chán nản thất vọng, quyết tâm nắm chắc việc luyện quân, thế không lấy được Phàn Thành thì không thôi.

Một hôm, gà vừa mới gáy lần thứ nhất, trời vẫn còn tối om, Quan Công đã mang đại đao, cưỡi ngựa xích thố, phi ra cửa bắc, tới núi Phách Mã cách thành năm dặm, chuẩn bị luyện võ nghệ. Núi Phách Mã là núi nhỏ, xung quanh là bãi rộng, bằng phẳng, là nơi luyện quân tốt, vì Quan Công thường vỗ ngựa tại đây nên có tên là núi Phách Mã.

Hôm ấy, Quan Công đến rất sớm, ai hay còn có người đến sớm hơn Quan Công. Chỉ nghe thấy tiếng vó ngựa lộc cộc, một bóng đen lúc thì vượt qua đỉnh núi, lúc thì phi chạy quanh bãi, Quan Công cảm thấy rất lạ, liền buộc ngựa vào một gốc cây, nấp sau tảng đá để nhìn cho rõ. Trời sáng dần, không nhìn thấy thì không sốt ruột, nhìn thấy lại làm cho Quan Công sững sốt ngạc nhiên, té ra ngựa là ngựa của Quan Hưng

con trai mình, nhưng người cưỡi ngựa lại là tiểu mã đồng mười lăm tuổi của Quan Hưng. Tiểu mã đồng lúc thì phủ phục trên lưng ngựa, lúc thì dấn sát vào bụng ngựa, lên xuống lặn lội, cơ động linh hoạt, Quan Công thấy vậy thầm khen giỏi.

Cứ thế, Quan Công bí mật liên tục quan sát mười hôm, hôm nào cũng vậy. Tiểu mã đồng ấy luyện ngựa xong, nhân trời còn chưa sáng rõ, thường là thần không biết quỷ chẳng hay, đã đưa ngựa về chỗ cũ, rồi cho ngựa uống nước ăn cỏ. Còn Quan Hưng thì sao, anh ta thì khi mặt trời còn chưa lên tới ba cây sào, núi Phách Mã còn chưa thấy được bóng dáng của anh ta.

Để nắm rõ căn nguyên, Quan Công lại đi tìm Quan Hưng, úp mở quanh co hỏi han về việc tiểu mã đồng luyện ngựa, ai ngờ Quan Hưng vẫn còn mê muội, không biết một tí gì.

Sau hai tháng, Quan Công chuẩn bị đánh Phàn Thành lần thứ mười, quyết định trước tiên duyệt binh điểm tướng tại đài Diêm Tướng.

Hôm ấy, trên bãi điểm tướng, tiểu mã đồng dắt ngựa, tinh thần phấn chấn đứng ở dưới đất; Quan Hưng say sưa mãn nguyện, uy phong lẫm liệt ngồi trên ngựa. Quan Hưng nắm chắc cha mình điểm tướng nhất định sẽ gọi đến tên mình. Ai ngờ Quan Công lại không điểm đến anh ta, mà lại điểm danh tiểu mã đồng là người dắt ngựa cho anh ta, hơn nữa còn ra lệnh Quan Hưng lập tức xuống ngựa, giao ngựa lại cho tiểu mã đồng, để tiểu mã đồng đứng đầu, dẫn quân đi đánh Phàn Thành. Tiểu mã đồng thi hành diệu kế, ra quân bất ngờ, chỉ huy binh mã, cuối cùng lấy được Phàn Thành. Lúc quân đội thắng trận trở về, Quan Công đi bộ từ xa tới đón, gặp nhau trên cầu cách thành Kinh Châu sáu mươi dặm. Để biểu dương công trạng của tiểu mã đồng, Quan Công đặt tên cho cầu này là cầu Thập Hồi.

THẢO NƯỚC NHẤN CHÌM BẦY CÁNH QUÂN

Trận đánh thảo nước nhấn chìm bảy cánh quân khiến uy danh Quan Vũ chấn động Trung Nguyên. Vậy trận này Quan Vũ đã đánh như thế nào?

Truyền rằng Quan Vũ và Bàng Đức giao chiến, đánh nhau hàng trăm hiệp vẫn chưa phân thắng bại, hôm sau, hai người lại ra đánh. Lần này Bàng Đức đánh hai cái là rã đao lui ngựa, ngằm đặt cung rút tên. Quan Vũ khi đó đang ham đánh, nhất quyết phải tiến lên bắt sống, bèn quất mấy roi dữ dội vào ngựa xích thố. Ngựa xích thố bỗng tung mình nhảy, vừa vọt vó trước dẫm trên cầu đá, vó sau tụt hẫng. Chính lúc ấy, một mũi tên của Bàng Đức bắn tới, trúng cánh tay Quan Vũ. Khi ngựa xích thố rơi xuống mặt cầu, làm tảng đá mặt cầu có hai vết chân ngựa, người đời sau gọi cầu này là cầu Vết Chân Ngựa. Ngọn đời mà Quan Vũ và Bàng Đức giao chiến, sau này gọi là đời Ao Chiến.

Quan Vũ sau khi bị Bàng Đức bắn trúng một mũi tên, tức giận đứng ngồi không yên, đi lên đầu thành để chokhuay khóa. Tình cờ, Quan Vũ ngẩng đầu trông về phía tây bắc, thấy lò mờ mấy đập nước lớn, bất giác trong lòng sáng lên,

cơn giận tiêu tan, nổi sầu biến mất, vội vàng quay về quán trưởng.

Lúc bấy giờ, trên dải đồi phía tây bắc Phần Thành có năm đập nước và hai hồ cách nhau không xa là: đập Hoàng Long, đập Hắc Long, đập Bạch Long, đập Thanh Long, đập Phố Đà, hồ Long và hồ Liên Hoa. Năm đập hai hồ này, cái nào cũng có cửa, trên có nguồn nước, khi nước lớn mỗi cái đều rộng trên dưới một trăm mẫu. Quan Vũ liền có ngay chủ trương. Tục ngữ nói: nước chảy chỗ trũng. Nhưng quân Tào đều đóng ở chỗ cao, làm thế nào, được đây? 'Đã có cách. Quan Vũ lập tức ra lệnh bao vây doanh trại quân Tào. Hơn nữa cứ cách hai ba dặm thì cắm một lều trại, dựng một cái lán, lấy những phân ngựa tích gom lại trong chuồng ngựa từ lâu đem rải cho mỗi lán một số. Lại ra lệnh cho người lảng lạng đi đến năm đập hai hồ sửa bờ đắp đập cao thêm, tận dụng chúng chứa đầy áp nước.

Chính nam tướng quân Vu Cấm và tướng tiên phong Bàng Đức của quân Tào sau khi chiến thắng ở cầu Vết Chân Ngựa, đang chuẩn bị đánh thành, bỗng nghe lính do thám tới báo binh mã Quan Vũ đã bao vây chặt doanh trại. Vu Cấm không tin, nghĩ rằng Quan Vũ đâu có nhiều binh mã như vậy mà dám đến vây? Cho dù binh lính của ông ta nhiều, chưa hẳn đã có tướng nhiều như vậy. Lúc bấy giờ đại tướng đều có ngựa, Vu Cấm bèn sai binh lính lại đi do thám cho rõ, xem trong những lều trại đó có ngựa không. Lính do thám trở về báo, nói trong lán tuy không thấy ngựa, nhưng đều có phân ngựa. Lần này Vu Cấm thật sự hoảng hốt: Chẳng lẽ Quan Vũ giấu binh mã đi, đợi thời cơ tập kích trộm? Chẳng quân thật hư, cẩn thận là hơn, Vu Cấm lập tức ra lệnh di chuyển binh mã tới đóng quân ở Triệu Gia Kiều dưới đồi, đợi do thám rõ

ràng thực hư sẽ tính sau. Như vậy là Vu Cấm bị diệu kế của Quan Vũ "dồn" xuống dưới đời. Nơi Quan Vũ dựng lầu ngựa già, người đời sau gọi là Lầu Ngựa.

Dưới bờ ngăn năm đập hai hồ, mỗi cái đều có vài dòng mương. Mấy con mương dưới đập Bạch Long hợp lại thành một con mương lớn, người ta gọi là sông Thất Lí. Trên sông Thất Lí có chiếc cầu, xóm làng xung quanh cầu chính là Triệu Gia Kiều. Vu Cấm di chuyển binh mã tới đây là có chủ trương của mình. Vì nơi này là cửa ngõ quan trọng, vào thành, qua lại đều rất thuận tiện. Quan Vũ nếu tới đánh trộm, qua sông dễ cầu vẫn có thể chống cự được một trận. Vu Cấm nghĩ rất tuyệt, nào hay chỗ này chính là nơi hao binh tổn tướng của ông ta.

Cũng là nhờ trời giúp, mấy hôm ấy, như là vũ đệ sông Thiên Hà, mưa như trút nước mấy ngày trời, nước ở năm đập hai hồ đều ngập bằng bờ ngăn. Thời cơ vừa đến, Quan Vũ ra lệnh đồng loạt phá bờ cả năm đập hai hồ. Ôi chao! Vu Cấm có bảy cánh binh mã, Quan Vũ dẫn tới bảy dòng nước lớn. Trước tiên là nước sông Thất Lí ngập tràn đê, tiếp đó bảy dòng nước lớn hợp lại, một dải đồng bằng bỗng chốc trở thành biển cả, thế áp đảo ấy quả thật thần sầu cũng phải sợ, Long Vương cũng chết chìm. Binh sĩ tướng tá quân Tào không đề phòng trận đánh này, chẳng mấy chốc đều toi mạng, Vu Cấm, Bàng Đức cũng bị bắt tới trước tướng của Quan Vũ.

Bây giờ, bên đập Bạch Long có một xóm tên là Yến Khẩu, đó là nơi Quan Vũ phá bờ ngăn trước tiên. Có một xóm tên

là Mã Bàng, trong xóm có hòn đá mài dao, truyền rằng lúc Quan Vũ giết Bàng Đức đã dùng hòn đá mài này; ụ đất to ngoài xóm kia chính là mộ Bàng Đức. Con đường lớn lúc Quan Vũ đánh Phàn Thành đi đi về về ấy, mọi người gọi là Mã Đạo.

Mọi người nói, Vu Cấm là cá, Bàng Đức là cua, Triệu Gia Kiêu là nơm (1) chuyên môn bắt cua cá. Quan Vũ đã dùng "nơm" ấy, mới đánh thắng "cá" và "cua".

(1) Chữ Vu trong Vu Cấm, chữ Bàng trong Bàng Đức và chữ Triệu trong Triệu Gia Kiêu có âm đọc Bắc Kinh lần lượt giống với chữ ngư (cá), chữ bàng trong bàng giải (cua) và chữ trạo (nơm) - ND.

CHU THƯƠNG VÁC ĐÁ

(Truyền thuyết dân gian dân tộc Khơng)

Gần Khơng Trại giáp giới hai huyện Văn Xuyên và Mậu Văn có cửa quan Nhạn Môn. Thời cổ, ở đây chỉ có một con đường duy nhất, bên trên là núi đá cheo leo, bên dưới là nước sông cuộn cuộn. Bên đường cái dựng đứng một tảng đá xanh nhẵn bóng rất to, theo truyền thuyết dân tộc Khơng, đó là tảng đá đại lực sĩ Chu Thương vác để bịt cửa quan Nhạn Môn.

Thời Tam Quốc, Gia Cát Lượng sai danh tướng Quan Vũ dẫn đội quân tinh nhuệ đi miền tây dẹp bọn phản loạn. Quân Thục tướng không cỡi giáp, ngựa không ngừng vó, theo dòng Mạn Giang đi lên miền tây. Đội quân này đi đến đâu đánh thắng đến đó, thu hồi được rất nhiều thành trì. Quân phản loạn dọc đường nghe đồn là bỏ chạy. Quân Thục thừa thắng truy kích, đánh thắng tới cửa quan Nhạn Môn. Thủ lĩnh quân phản loạn biết Quan Vũ đã đến trước cửa quan Nhạn Môn, lo sợ cuống quýt, một mặt sai trọng binh đi giữ cửa quan, một mặt khắp nơi bắt người thu lương, làm cho muôn dân nháo nhác, tiếng oán hờn vang dậy khắp đường.

Hôm ấy, thủ lĩnh quân phản loạn lại mang theo tùy tùng đi bắt người, đến dưới tường Tây Môn, thấy một đám dân phu đang hò la ở đó. Nhìn kĩ, có một chàng trai người to, đen, hai tay nắm một con trâu lùn mới mổ, khoảng hơn ba

trăm cân, hai cánh tay vung lên, quăng một cái lên tường thành cao hơn ba trượng. Lính canh và dân phu trên tường thành trở mắt nhìn, ai nấy đều đưa ngón tay cái ra khen ngợi. Thủ lĩnh bước tới hỏi, mới biết chàng trai to đen họ Chu tên Thương, mồ côi cha mẹ từ nhỏ, là một người nghèo sinh sống bằng nghề lái đò, lập tức thu nhận vào quân phòng thủ thành để sai bảo. Lúc này, quân Thục càng ngày càng tới gần, thủ lĩnh quân phản loạn liền ra lệnh cho Chu Thương thâu đêm vác tảng đá lớn cách thành không xa tới lấp bịt cửa quan Nhạn Môn, ngăn chặn quân Thục. Chu Thương bụng đang đói, thủ lĩnh quân phản loạn thì lòng như lửa đốt, hạ lệnh đi mau. Không nghe lệnh chỉ của quan lớn thì phải chém đầu lột da. Chu Thương đành phải vác tảng đá lớn, leo trèo trên con đường nhỏ hẹp xoe bần tay không nhìn thấy ngón, quá nửa đêm mới trèo đến bờ phía tây, khờ khạo lắm mới tới được cửa quan Nhạn Môn. Chu Thương đặt đá xuống, thật là mệt mỏi quá mức, toàn thân kiệt sức, định nghỉ một lát rồi lại tiếp tục. Chu Thương ngồi dựa lưng vào tảng đá, tháo ủng da, giũ sạch bùn đất rồi lại đi vào, ai hay đội mí mắt cứ díp lại, hai chân vừa đặt xuống đã ngủ ngáy khò khò. Trong mơ màng, nghe thấy một con gà trống gáy bên tai mấy tiếng. Khi tỉnh lại, nhận thấy đã làm lỡ quân cơ, không dám trở về trong thành, bèn vứt bỏ tảng đá lớn, chạy về bến đò chèo thuyền đi. Song, tình hình Chu Thương đêm khuya, vác đá lại bị thám tử quân Thục trông thấy, suốt đêm trở về báo cho Quan Vũ.

Quan Vũ hết sức kinh ngạc nói:

- Dắt Tỳ Phiến có người cự phách như vậy, nhất định là anh hùng!

- Bèn có ý định thuyết phục đầu hàng. Quan Vũ cải trang thành dân thường, tới bờ sông, bắt chuyện với chàng trai to đen. Quan Vũ hỏi:

- Đá cuội với lông cừu, thứ nào nặng thứ nào nhẹ?

- Lông cừu nhẹ.

- Anh lấy thứ nhẹ, tôi lấy thứ nặng.

Quan Vũ thấy Chu Thương thật thà trung hậu, nói tiếp:

- Hãy thử xem ai ném được sang bờ bên kia!

Chu Thương nghe xong ôm bụng cười lớn. Ai ngờ Chu Thương cầm lấy chiếc lông cừu nhưng không làm sao mà ném qua sông được. Chu Thương nhìn Quan Vũ nhặt đá cuội lên, quăng nhẹ nhàng chẳng tốn sức gì đã sang tới sườn đê bên bờ sông đối diện, bỗng sừng sốt, thì ra trên đời này còn có người khỏe hơn mình, liền quỳ xuống, nguyện xin suốt đời đem hết sức mình phục vụ Quan Vũ. Quan Vũ cả mừng, thu nhận Chu Thương, để Chu Thương ở cạnh mình làm bộ tướng tâm phúc. Về sau, Chu Thương đã lập nên chiến công hiển hách cho quân Thục.

Nơi Chu Thương cỡi ừng đồ đất đã thành hai ụ đất to, mọi người gọi tên là "Chu Thương cỡi ừng". Vết ngón tay trên tảng đá lớn bên cạnh, mọi người nói là lúc Chu Thương vác đá nhét bịt cửa quan Nhạn Môn đã mọc vào; mặt dưới tảng đá lớn có một hố to và hai hố nhỏ, mọi người nói đó là chỗ lúc Chu Thương nghỉ xả hơi mệt dít ngời xuống và hai chân đặt vào. Sau này, người dân tộc Khương ở địa phương còn truyền lại bài về như sau:

Uy Châu có thành Khương Duy,

Long Sơn có mỏ Thái Tử,

Ngọc Lũy có núi Vũ Bi,

Chu Thương vác đá bịt chặt lối đi

- Ai Nhạn Môn này!

MẬN QUAN CÔNG

Đời Hoàng Lam ở Dương Dương trồng rất nhiều loại mận ngọc hoàng, quả to, màu tươi, nước nhiều, với loại màu đỏ mùi vị ngọt, thơm, hợp khẩu vị nhất, người địa phương gọi là mận Quan Công. Nhắc tới mận Quan Công, còn có một đoạn lai lịch.

Xưa kia, Mạch Thành có giống cây mận đáng, tháng ba ra hoa trắng như tuyết, khi lúa mạch vàng thì có quả xanh lè, quả tuy to nhưng vị đắng, nhìn được nếm không xong, dân địa phương trông thấy là lắc đầu, không ai dám ăn. đành để mặc nó mọc, tự rơi rụng.

Thời Tam Quốc, Quan Vũ sợ ý để mất Kinh Châu, bị khốn đốn ở Mạch Thành, người thiếu lương, ngựa thiếu cỏ, rau dại ăn sạch gặm vỏ cây, đói không chịu nổi, cuối cùng đành phải nhấm mắt nhấm mũi lấy quả mận đắng lót dạ cho đỡ đói, sau khi ăn, bụng đau thương thổ hạ tả.

Quan Vũ nghe dân chúng địa phương nói, trong thành có một cái giếng nước đỏ, nếu ai uống nước đỏ trong giếng, thì khắp mình mẩy trên dưới ngay cả sợi lông tơ cũng đều thành đỏ. Nói thì nói vậy, cũng chưa có ai thử qua. Quan Vũ trầm nghĩ: Có thể dùng nước giếng này để cải tạo bản tính của mận đắng được chăng? Quan Vũ thử ngấm vài quả mận, quả nhiên, quả mận đắng xanh lè lập tức đổi thành màu đỏ, hơn

nửa còn đỏ tím, trong đỏ tím còn sáng bóng. Ném thử một miếng, chà, đã ngọt lại thơm, rất ngon miệng! Quan Vũ mừng quýnh, lập tức cho tướng sĩ toàn quân tất cả đi hái mạn ngâm vào trong nước giếng, làm theo cách đã có sẵn. Các tướng sĩ ăn no quả mạn đã ngâm qua trong nước giếng, sức khỏe hồi phục, ngay cả ngựa chiến ăn vào cũng phần chấn tinh thần. Quan Vũ kịp thời quyết đoán, hạ lệnh tướng sĩ toàn quân chuẩn bị đầy đủ mạn làm lương khô, sẵn sàng phá vây.

Quan Vũ dẫn đầu binh mã đột phá vòng vây từ cửa bắc Mạch Thành, ban đêm chạy về Tây Xuyên, không đi đường lớn mà đi đường nhỏ, đi được ba mươi dặm, đang khi vượt qua đồi Hoàng Lâm, bỗng nghe chiêng trống khua vang, tiếng thét dậy trời, hóa ra quân Đông Ngô đang mai phục ở đây. Quan Vũ không dám ham đánh, chỉ huy tướng sĩ đánh mở một đường máu chạy vào chỗ vắng. Trong lúc chân tay rối loạn đã vung vãi những quả mạn khắp nơi. Kể ra cũng kì diệu, quả mạn rơi xuống đất, nhảy nhót sôi động, giống như những viên đạn, cứ đánh vào binh mã Đông Ngô khiến mặt mũi chúng sưng vù, đứa nào cũng như người mù cười ngựa dui, lạc mất phương hướng. Quan Vũ nhân cơ hội phá vây mà đi.

Cho đến nay, ở đồi Hoàng Lâm khắp nơi có mọc loại mạn vỏ đỏ, nghe nói chính là giống mạn Quan Công truyền lại, nên mọi người đều gọi là mạn Quan Công.

CÂU ĐỐI MIẾU QUAN VƯƠNG

Sau khi Quan Vũ chết, tại cửa quan Thiên Nhạc ở núi Hoàng Long thuộc huyện Thông Thành người ta cố xây cho ông một ngôi miếu Quan Vương, cao to hùng vĩ, rất có tiếng tăm. Hòa thượng trụ trì nói, chùa miếu tốt phải có câu đối hay mới được. Hòa thượng còn nêu rõ trên cột hành lang hai bên diện lớn cần phải có một đôi câu đối đặc biệt: Vế trên phải có ba địa danh có một chữ giống nhau, vế dưới phải có ba tên người có một chữ giống nhau, mà ý nghĩa phải ca ngợi công nghiệp một đời của Quan Vũ. Đòi hỏi này quả gây khó khăn cho rất nhiều văn nhân tài tử, trên cột hành lang dành trong thời gian dài treo câu đối không có chữ. Khách qua đây tuy nói cảm thấy tiếc, nhưng cũng bất lực, đành lắc đầu than thở.

Một hôm, có một vị du học tới trước miếu Quan Vương, xem đi xem lại, buột miệng nói:

- Ôi, dựng lên một ngôi miếu Quan Vương, để lại biết bao lời than thở.

Câu nói ấy vừa khéo bị hòa thượng trụ trì nghe được, ông cảm thấy trong câu nói có ngấm ý, vội bước tới thi lễ, nói:

- Xin tiên sinh tăng sắc thêm màu cho miếu nhỏ.

Rồi sai tiểu hòa thượng mang bút, nghiên, giấy, mực ra. Vị du học đó cũng không từ chối, vén tay áo nhấc bút, nhúng đầy mực đậm, viết như rồng bay phượng múa câu đối sau:

*Sinh Bồ Châu, giúp Dụ Châu, ngồi trấn Kinh Châu, tay
đó dựng ngàn thu sự nghiệp;*

*Anh Huyền Đức, em Dục Đức, chẳng hàng Mạnh Đức,
lòng son rung vạn thuở cương thường.*

Hòa thượng trụ trì xem xong, vỗ bàn khen tuyệt.

QUAN CÔNG HỀ NHỜ LÀ GIÚP NGAY

Truyền rằng sau khi Quan Vũ chết, nhân dân lễ bái thường hễ khẩn cầu là giúp ngay. Do vậy, tiếng tăm ông mỗi ngày một lớn, người dâng hương giẫm nát cả ngưỡng cửa miếu Quan Vương. Tượng Chu Thương đứng ngay cạnh Quan Công, Chu Thương nhìn thấy thế trong lòng lại rất giận dữ, thầm nghĩ: Người khác cầu xin cái gì, tướng quân cho cái đó, có gì là lạ, ai chẳng làm được?

Quan Vũ thấu hiểu tâm sự của Chu Thương. Một hôm, Quan Vũ đi vắng, việc trong nhà để Chu Thương cai quản. Chu Thương hoàn toàn đồng ý.

Trong chốc lát, có bốn khách dâng hương tới: người trồng rau, người đồn củi, người kéo thuyền và người đánh cá. Họ quỳ trước tượng, tranh nhau khẩn cầu. Một người nói:

- Con là dân trồng rau, van xin ngài cho ít mưa! Trời hạn thế này, rau của con sắp chết hết.

Chu Thương đang chuẩn bị nói: "Cho mưa ngay lập tức", ai hay người đồn củi đã nói xen vào:

- Xin ngài làm điều lành, nắng thêm vài hôm nữa, nời cơm nhà con còn đang chờ củi khô để đốt gạo ạ!

Chu Thương lo toát mồ hôi, không biết làm như thế nào mới được. Lúc này, người kéo thuyền cầu xin nổi trận gió

nam, người đánh cá lại van nài cho cơn gió bắc. Gió nam, gió bắc, làm sao có thể thổi cùng một lúc được? Điều này thật khó cho Chu Thương, ngay cả thần tiên trên trời cũng khó làm được. May quá, lúc này Quan Vũ trở về, hỏi han xong, bèn lấy giấy bút, viết bốn câu:

*Đêm tối đổ mưa ban ngày nắng,
Chiều cho củi khô rau mọc xanh,
Sớm nổi gió nam chiều chuyển bắc,
Kéo thuyền bắt cá đều tốt lành.*

QUAN CÔNG ĐỘI MŨ CAO

Sau khi Quan Công chết, người đời sau tôn xưng ông là Võ Thánh Nhân. Hoàng đế các triều đại lại không ngừng gia phong cho ông: Triều Tống tôn phong ông là Nghĩa Dũng Võ An Vương, triều Nguyên gia phong cho ông là An Anh Tế Vương, triều Minh lại phong cho ông là Quân Thánh Đại Đế... Quan Công nghĩ bụng, ta thật là gặp vận may, người chết rồi vẫn không ngừng được thăng chức. Quan Công dương dương tự đắc, quên hẳn việc mất Kinh Châu, chạy sang Mạch Thành nằm đó!

Có một hôm, Quan Công đi ra ngoài chơi, trên đường gặp Thái Bạch Kim Tinh trên trời. Thái Bạch Kim Tinh đi đường có mang theo một người tùy tùng, bụng một chồng to mũ cao. Quan Công trông thấy, hỏi:

- Tiên sinh chuẩn bị nhiều mũ cao như thế này để đi làm gì vậy?

Thái Bạch Kim Tinh cười trả lời:

- Người bây giờ đều thích thứ này, ngay thần tiên trên trời cũng như vậy, tôi muốn đi biểu họ, cũng là để họ nói hộ cho tôi vài câu tốt đẹp trước mặt Ngọc Hoàng Đại Đế. Tôi bằng này tuổi đầu, đừng bắt tôi phải chạy vạy khắp nơi nữa.

Quan Công ngay thẳng với người, nghe thấy nói vậy, trong bụng không khoái lắm, có phần nào bực tức nói:

- Tiên sinh chớ vợ dũa cả năm, Quan Vũ này cả đời không hề thích thứ đó. Tiên sinh đội mũ cao cho tôi, tôi còn nói xấu tiên sinh trước mặt Ngọc Hoàng Đại Đế đó.

Thái Bạch Kim Tinh nghe xong, cười ha ha, nói:

- Ông chớ vội tức giận. Tôi nói là nói người khác, họ sao sánh được với ông. Ai mà không biết, nói về văn, ông có thể xem *Xuân Thu* thấu đêm suốt sáng; nói về võ, ông có thể dẫn quân qua ải chém tướng, lại là chén rượu còn nóng chém Hoa Hùng, lại còn tháo nước nhận chìm bảy cánh quân; dùng thì một mình dự tiệc, nghĩa thì Hoa Dung thả Tào; sống là anh hùng cái thế, chết vẫn còn hiển thánh hiện hình. Võ Thánh Nhân tiếng tăm lừng lẫy, đâu lại thích thứ mũ cao tầm thường này!

Quan Công nghe xong những lời nói ấy, trong lòng cảm thấy vui sướng, vẻ mặt tươi cười, phần khởi thực sự! Lúc chia tay, còn nói với Thái Bạch Kim Tinh:

- Người hiểu tôi là Thái Bạch Kim Tinh tiên sinh vậy. Tiên sinh bằng ấy tuổi thật cũng đáng ở nhà hưởng phúc rồi.

Thái Bạch Kim Tinh mỉm cười nhìn Quan Công rời xa. Bỗng, tùy tùng của Thái Bạch Kim Tinh bỗng hoảng kêu lên:

- Hồng rồi, chồng mũ này sao lại thiếu mất một chiếc, e là rơi trên đường đi, tôi phải quay lại tìm!

Thái Bạch Kim Tinh nói:

- Không phải tìm, chiếc mũ cao đó ta vừa tặng cho Quan Công rồi!

TRƯƠNG PHI TRỒNG BÁCH

Trên cổ dịch đạo dài ba trăm dặm trong địa phận Tứ Xuyên mọc rất nhiều cây bách. to chắc ngay ngắn, cây nọ nối tiếp cây kia, xanh thẫm ngút trời, thật là cảnh lạ của Xuyên Bắc. Nhân dân địa phương đời đời truyền nhau, nói những cây bách này đều là do Trương Phi trồng từ năm đó.

Trương Phi vì sao trồng nhiều cây bách như thế? Hóa ra Lưu Bị chiếm lĩnh xong ích Châu, phong Trương Phi làm Lãng Trung Vương, địa phận Xuyên Bắc đều thuộc Phi trông coi cai quản. Có một năm, Hán Trung báo gấp xin cứu viện, Trương Phi được tin, dẫn quân đi giúp. Lúc bấy giờ đúng là ngày tam phục, binh mã hành quân trên cổ dịch đạo, ngay đến một chỗ râm mát to bằng bàn tay cũng khó tìm được. Mặt trời thiêu đốt khiến người chảy mồ, ngựa thở dốc, lại tìm không ra một giọt nước uống, thật là khổ hết sức. Mấy trăm dặm đường, mười trạm chưa đi hết một trạm mà quân lính đã ngã xuống không ít. Dợi qua được Tử Đồng, người ngựa ngã xuống càng nhiều hơn. Trương Phi sốt ruột quá, mắt trợn tròn xoe, ngựa cũng không cưỡi nổi nữa, tụt xuống tới dìu một người lính đi bộ sắp chết khát, nào ngờ người lính này còn chưa đứng vững, thì "bịch, bịch" một dãy lính ở bên mình lại đổ xuống.

Trương Phi lo quá, khóc òa lên, chửi bới ông trời ức hiếp người quá đáng, rồi ráng sức dùng nắm tay to bằng cái bát nện xuống đất, chỉ nghe "uych" một tiếng, chỗ nắm đầm rơi lõm thành một hố sâu, một dòng nước suối trong mát ào ào phun lên. Mọi người mừng quá, đua nhau uống no nước, lại cho từng con ngựa uống đủ, rồi mới lại lên đường. Chỗ này về sau gọi là suối Quả Đám.

Khi Trương Phi đánh xong trận ở Hán Trung, đem binh mã trở về Lãng Trung, ra lệnh cho binh sĩ mỗi người vác một bó cây bách giống, vừa đi vừa trồng, cách năm bước trồng một cây. Quân lệnh của Trương Phi rất nghiêm, cách xa bao nhiêu đào một hố, hố cây to rộng là bao, tưới bao nhiêu nước, sai một tí cũng không được, quân lệnh như sơn, trồng phải đảm bảo cây sống. Trong quân ngũ không ai dám chậm chạp lười nhác, cây trồng ngay ngắn đáng yêu quá. Song không phải người nào cũng thật lòng tin phục, có người bực tức nói:

- Trồng tốt hơn nữa cũng là uống công, quân đội di khỏi, cây con không người trông coi, không bị bò ăn ngựa gặm, cũng sẽ chết khô tất cả, có tác dụng gì nào!

Trương Phi biết, nổi giận nói:

- Lạ Trương ta làm chủ công việc, bắt nó buổi sớm trồng, buổi tối hóng mát. Nếu ai còn nói làm quân lính dao động sẽ chém đầu không tha!

Trương Phi liền dẫn đầu trồng lên phía trước. Kế cũng là, những cây bách giống bé nhỏ vừa trồng ấy, quả thực lớn

nhANH theo gió, thoát đã vu vu, vươn lên trên. Đặc biệt là những cây bách trên cổ dịch đạo vùng từ suối Quả Dấm đến Tử Đồng, Quán Nhi Phố đều mọc rất tốt.

Trương Phi dẫn đội ngũ trồng một mạch tới núi Đại Miếu, đi thêm nữa thì ra khỏi địa phận Lăng Trung, lúc này mới hạ lệnh ngừng trồng. Nhưng cây giống các binh sĩ vác vẫn chưa trồng hết. Trương Phi liền thuận tay chỉ, ra lệnh trồng cả trên núi Đại Miếu. Cho nên đến ngày nay, khắp trên núi Đại Miếu đều là cây bách cổ.

MIẾU TRƯỞNG PHI

Bờ bên kia sông của thành Vân Dương có ngọn núi, trên núi có một tòa miếu rất lớn, diện thờ nguy nga, lầu gác xen nhau, cột vẽ xà chạm, xanh vàng rực rỡ, phản chiếu xuống dòng sông như một tòa Long cung. Đó chính là miếu Trương Phi nổi tiếng Xuyên Đông, truyền rằng đầu Trương Phi được chôn trong đó.

Năm ấy, Trương Phi dẫn quân đóng ở Lăng Trung thuộc Xuyên Bắc, nghe nói Lục Tốn thiêu đốt tám trăm dặm doanh trại liên hoàn, bức Lưu Bị thua chết ở thành Bạch Đế, liền xuất quân đánh Ngô, báo thù cho anh. Trương Phi sai hai bộ tướng là Phạm Cương và Trương Đạt, làm gấp mũ trắng, giáp trắng cho ba quân. Sắp đến thời hạn, mũ giáp vẫn chưa làm xong, Phạm Cương, Trương Đạt sợ vi phạm quân lệnh, sẽ bị nghiêm trị, bèn đi giết Trương Phi.

Chúng rón rén mò vào quân trướng, thấy Trương Phi nằm ở trên giường, tiếng ngáy vang như sấm, cho rằng đúng lúc ra tay. Đến sát để nhìn kĩ, Trương Phi lại mở to mắt, giống như là tỉnh. Hai tên sợ hết hồn, toàn thân run rẩy, vội bước lùi lại, song không thấy Trương Phi trở dậy kêu la mà vẫn ngáy đều, rõ ràng là chưa tỉnh. Hai tên lấy lại can đảm, bước nhanh lên phía trước, gươm dao chém liền. Chỉ nghe một tiếng "chát", lửa tóc lên, chẳng làm thương tổn da thịt của Trương

Phi một chút nào. Phạm Cương, Trương Đạt đều sợ mất mặt, không dám chém nữa, rút dao bỏ chạy ra ngoài.

Trương Phi bị một nhát dao cũng vẫn chưa tỉnh, trở mình một cái, lại khò khò ngủ tiếp. Lúc này, con dao Phạm Cương, Trương Đạt bỏ lại vẫn còn dính ở cổ Trương Phi. Trương Phi cảm thấy lạnh lạnh, ngứa ngứa, cho là muỗi đốt. Lắc lắc đầu để đuổi muỗi đi, nhưng vẫn cảm thấy ngứa. Trương Phi bất giác phát khùng, mắt vẫn không mở, vung tay lên, ráng sức đập mạnh vào cổ, vừa vịn đập đúng vào sống dao. Sức thần ngàn cân! Chỉ nghe "phập" một tiếng, đầu người rơi xuống đất, Trương Phi đã tự mình giết mình như vậy đó.

Phạm Cương, Trương Đạt vội quay trở vào, mang lấy đầu Trương Phi, thâu đêm chạy về Tam Hiệp, để từ đó ra khỏi đất Xuyên, tới Đông Ngô xin thưởng công. Đến dưới thành Bạch Đế, nghe nói hai nước Ngô, Thục đã giảng hòa, muốn bắt tay cùng đối phó với nước Ngụy, chúng tiến cũng không được, thoái cũng không xong, hết đường đi, đành vội vàng vứt đầu Trương Phi vào Qùy Môn, chạy trốn sang nước Ngụy.

Cách Qùy Môn một trăm tám mươi dặm là thành Vân Dương. Có một ông già cô đơn sống ở bờ bên kia sông, làm nghề đánh cá, mọi người gọi ông là ông già Cá. Hôm ấy, ông già Cá vừa từ giường bệnh trở dậy, thấy gạo trong chum cũ đã hết, muối trong bát vỡ không còn, liền cố gượng mình vác lưới tới Đồng Tiền Bao ở bên dòng La đánh cá.

Ông già Cá vung hết mẻ lưới này đến mẻ lưới khác, ngay đến nửa chú cá bột cũng không vớt được. Nhìn mặt trời ngày một lên cao, chân ông đã mỏi, cánh tay cũng đã uể oải, liền ngồi xuống nghỉ trên mỏm đá bên sông. Một lát sau, ông mơ màng nhìn thấy một cụ già râu trắng đi tới. Cụ dùng chiếc gậy chống bằng gỗ từ nhĩ chỉ vào Đồng Tiền Bao nói:

- Sớm mai, ông nhất định phải đến đây quang lưới. Kéo lưới lên được một đầu người, đó chính là đầu ông Trương Vương. Chớ cố vớt đi, phải chôn cất tử tế ở trên núi bên sông này.

Ông già Cá giật mình tỉnh lại, thấy trước mặt không có một ai, lại ngủ thiếp đi. Một lúc sau, ông mơ mơ màng màng lại nhìn thấy cụ già râu trắng ấy, cụ già lại nhắc lại một lượt những câu vừa mới nói. Lúc ấy, ông già Cá không sao ngủ được nữa, nghĩ bụng: Ông Trương Vương há chẳng phải là Trương Phi? Trương Phi ở xa mãi tận Lăng Trung, bỗng nhiên sao có thể tới đây được? Nhất định là gặp chuyện bất hạnh!

Hôm sau, trời chưa sáng, ông già Cá đã đến Đồng Tiền Bao. Mé lưới nào cũng có cá, chẳng mấy chốc giỏ cá đã đầy, song không thấy có đầu người gì cả. Ông nghĩ bụng, mòng mị không thể tin, hà tất lấy làm thật! Bèn chuẩn bị thu dọn lưới để qua sông, tới thành Văn Dương đi phở sớm, bán cá cho được giá. Chính ngay lúc ấy, ở hạ lưu xuất hiện một chấm đỏ, trong nháy mắt trở nên to như quả cầu lửa, chạy nhanh như tên, mang theo tiếng gió ù ù; sóng rẽ cả sang hai bên, làm thành con đường thủy bằng phẳng giữa lòng sông. Ông già Cá tròn dang cảm thấy lạ lùng, quả cầu lửa ấy đã đến trước mặt. Nó bỗng dừng lại, quay tròn mãi, và cũng không đi nữa. Ông già Cá thầm nghĩ, đây nhất định là ông Trương Vương đã đến rồi, vội tung lưới ra, kéo lên xem, quả nhiên có một đầu người: Mắt mở to như chuông đồng, râu từng sợi giống như kim, nhìn lỗ mũi vẫn còn thở, tiếng ầm ầm như sấm. Trương Vương rõ ràng vẫn còn sống đó. Ông già Cá chợt hiểu ra: Đây nhất định là ông Trương Vương bị người làm hại, đã là thần-tiên báo mộng cho mình, mình nhất định phải chôn cất Trương Phi thật tử tế. Ông già Cá từ Đồng Tiền

Bao lên dốc, đi về đông bảy bảy bốn mươi chín bước, phát hiện ra một đám đất nhỏ bằng phẳng. Trên sườn dốc là những cây hoàng giác che chắn ánh mặt trời, dưới chân là rừng tùng bách muôn đời xanh ngát.

Ông già Cá cảm thấy chỗ này rất tốt, liền cởi áo, bọc đầu Trương Phi tử tế, lại về nhà lấy cái cuốc, rồi bắt đầu đào. Đào mãi, bỗng "rầm" một tiếng làm vỡ tung cái chum sành chôn bên dưới, trong chum đựng đầy vàng bạc. Ông già Cá nhặt ra, xếp thành hai đồng lớn. Trong bụng nghĩ: Nhiều vàng bạc như thế này thì dùng thế nào? Đầu Trương Phi lúc này ở bên cạnh lên tiếng:

- Vàng, bạc đều thuộc về ông, ăn mặc tiêu dùng về sau không phải lo nữa!

Ông già Cá hiểu ra vàng bạc là của ông Trương Vương tặng cho, vội vàng cúi đầu lay tạ, nói:

- Tôi đánh cá sinh sống, tự mình có thể nuôi nổi mình, không dùng đến vàng bạc, xin hoàn trả Trương Vương thôi.

Nói rồi, đem đầu Trương Phi đi chôn, và dựng cho ông tòa miếu lớn.

Trương Phi được an táng, đã cảm ơn ông già Cá, cũng lại quan tâm đến nỗi khổ của dân vùng này. Trời hạn hán, Trương Phi cho mưa đúng lúc; đi thuyền, Trương Phi cho gió thuận chiều. Chỉ đối với những người làm quan, đặc biệt là bọn quan lại tham ô bóc lột của dân, thì lại rất nghiêm khắc, có lỗi là phạt, có tội là trị. Phàm là quan lại từ trên sông lớn qua đây, đều phải lên bờ làm lễ mới được.

Phù Toại Ninh có tú tài họ Trương, đồ trạng nguyên, sau làm tể tướng. Thường ngày hán hoành hành ngang ngược, khinh người ra mặt. Một năm về nhà tế tổ, hán ngồi thuyền

quan, tới địa giới huyện Vân Dương. Người chèo thuyền ngừng chèo nói với hân:

- Phía trước sắp đến miếu Trương Vương. Ông Trương Vương có thể phù hộ di thuyền bình yên, các quan qua đây đều phải làm lễ. Quan tể tướng ngài cũng...

Nói chưa dứt lời, tể tướng đã quát to:

- Dừng nói bậy bạ, hãy chèo chò mau!

Thuyền quan lại đi hai hòm nữa, đến bến đò Đồng La. Người kéo thuyền đi vào khoang thuyền, nói:

- Thuyền quan đã đến trước miếu Trương Vương. Ông Trương Vương thường thổi gió thuận chiều cho chúng tôi, các quan qua đây đều phải làm lễ. Quan tể tướng ngài cũng...

Tể tướng không đợi anh ta nói hết, hăm hăm giận dữ nói:

- Văn thần không lễ võ tướng. Ta đường đường là tể tướng thiên triều, sao lại đi lễ đũa vũ phu quên? Mau đi kéo thuyền ngay!

Lúc ấy, trên mặt sông lập tức nổi trận gió tây. Thuyền quan ngược gió ngược nước, không tiến lên được. Khó khăn lắm mới đi được ba mươi dặm, đến suối Tam Bá, trời đã tối, đành thả neo, buộc cáp, dừng lại bên bờ.

Gió to thổi ù ù, sóng sông vỗ ào ào. Trương tể tướng kinh hồn bạt vía, cả đêm không dám chợp mắt. Trời vừa sáng, đã gấp rút cho thuyền đi, mau mau rời khỏi đây. Những người làm ở trên thuyền bồi rồi nhổ neo tháo cáp, đang định chèo đi, bỗng phát hiện ra chỗ này không phải là suối Tam Bá, mà là bến đò Đồng La! Họ liền la ó thất kinh. Trương tể tướng ra khỏi khoang thuyền nhìn xem, lửa giận bốc cao ba trượng, trách mắng người kéo thuyền không buộc chặt dây cáp, người chèo thuyền không thả chắc neo, bắt họ lại ngược gió ngược nước đi lên. Người chèo thuyền đành liều mạng chèo, người

kéo thuyền đánh liều mạng kéo, đến suối Tam Bá, trời lại tối, đành thả neo buộc cáp.

Lại một đêm gió to ù ù. Trương tế tướng vẫn kinh hồn mất mật, suốt đêm không ngủ. Sáng sớm hôm sau, lúc cho thuyền đi, thì thấy thuyền lại đổ ở bến dò Đông La.

Ba hôm liền như vậy, ngày nào cũng như thế. Người kéo thuyền và người chèo thuyền đều hiểu nguyên do, giận dỗi không làm việc nữa.

Trương tế tướng hết cách, cũng không dám xúc phạm đến ông Trương Vương nữa, bèn mua sấm lễ cúng bò, dê, lợn, lên bờ vào làm lễ ở miếu Trương Vương. Rồi sau trở về thuyền, thuận buồm xuôi gió, chẳng mấy chốc đã về tới phủ Toại Ninh.

Sau này, Trương tế tướng còn xây ở trong miếu Trương Vương một gác trợp gió cao, ở trên vách đá của gác còn có đề một bài thơ nữa.

TÔN PHU NHÂN NHẢY XUỐNG SÔNG TỰ VÂN

Tôn Quyền gả em gái cho Lưu Bị, vốn là muốn làm cho Lưu Bị trở thành con chim trong lồng của mình, không còn bay cao đi xa được nữa, tùy ý mình chi phối. Không ngờ tốt quá lại hóa ra lớp, em gái thì lại tự nguyện cùng đi theo Lưu Bị. Mọi người đều lấy việc này làm trò cười, nói: "Chu Lang kẻ khéo yên thiên hạ, đã tặng phu nhân lại tổn binh".

Câu nói ấy mang tính châm biếm, thật khiến người ta đỏ mặt đau lòng!

Tôn phu nhân sợ anh không chịu được, bèn gửi thư cho Tôn Quyền, khuyên rằng: "Tặng phu nhân có hề chi, chỉ cốt sao yên thiên hạ".

Tôn phu nhân muốn Tôn Quyền nể tình anh em, xóa bỏ nợ cũ, cùng bắt tay chống Tào. Tôn Quyền nghe chẳng lọt tai, lửa giận bốc cao: Con gái đi lấy chồng như nước đã hát đi, phu nhân một mực bảo vệ Lưu Bị, ta cũng chẳng chiều cố nữa. Tôn Quyền không nể mặt chút nào, trước hết là uy ép, tiếp đó là xuất quân lấy Kinh Châu, giết Quan Vũ.

Lưu Bị há chịu bỏ tay, ăn miếng trả miếng, muốn đẩy binh báo thù cho Quan Vũ. Mất nhìn những người thân, muốn liều mình sống mái với nhau, Tôn phu nhân lòng như lửa đốt,

lòng bàn tay mu bàn tay đều là thịt, phu nhân sao nở nhẫn tâm, bèn khuyen chồng:

- Anh Tồn Quyền đã đi sai một nước cờ, phu quân không nên gậy ông lại đập lưng ông, hết sai này lại đến sai khác. Người thân biến thành kẻ thù, gây nên vết thương chẳng bao giờ chữa được, há chẳng lợi cho Tào Tháo sao?

Lưu Bị nghe chối tai, nổi giận nói:

- Giết người đền mạng, mất đất đòi về, một tác cũng không thể nhưng. Một bút khó mà viết được hai chữ Tôn mà, phu nhân và ta rút cuộc vẫn mỗi người một ý, thật đáng giận!

Lời cay độc làm đau lòng người, lời ấy thốt ra từ miệng chồng, đương nhiên lại càng đau lòng hơn. Tôn phu nhân tính cách vốn cương nghị, trong con mắt không để nửa hạt bụi, lời nói nặng như vậy, làm sao chịu đựng nổi! Ngay tức thì, phu nhân liền mang theo mười a hoàn hầu hạ, trở về Đông Ngô.

Thuyền nhẹ nước xuôi, dọc theo sông đi xuống, một ngày ngàn dặm. Tôn phu nhân cách Lưu Bị càng xa, trong lòng càng nặng nề: Vợ chồng tình sâu, sao không nhìn nhau đượcدام câu ba lời? Từ đây hai nước Ngô, Thục nhất định càng rời càng xa, mình ra đi thì còn ai có thể ở giữa điều hòa cuộc tranh chấp! Tôn phu nhân âm thầm hối hận, nhưng thuyền con đã vào địa phận nước Ngô rồi. Sông lớn cuộn cuộn chảy về đông thì chảy ngược làm sao cho được? Chính trong lúc tiến thoái lưỡng nan này, Tôn phu nhân liền ra lệnh thuyền con dừng lại ở cửa sông Loan. Phu nhân muốn suy nghĩ kĩ càng một chút, sau rốt là nên đi về đông hay là trở về tây?

Lúc này, thuyền Đông Ngò đi đón phu nhân đã đến. Trên thuyền treo đèn kết hoa, gõ chiêng đánh trống, mọi người vui mừng phấn khởi đón tiếp Tôn phu nhân trở lại Đông Ngò. Tôn phu nhân vui buồn khó tả, lại càng nhớ nước Thục và Lưu Bị, liền hỏi những người tới đón:

- Hai nước Thục, Ngò vẫn bình yên chứ? Gần đây có tin tức gì mới không?

Ài hay ngày tạnh nắng lại có tiếng sấm, mọi người thưa rằng:

- Lục Tốn lừa thiêu bảy trăm dặm doanh trại liên hoàn. Lưu Bị thất bại chạy sang thành Bạch Đế, đã chết rồi.

Tôn phu nhân nghe xong, nước mắt ròng ròng. Phu nhân yêu thương anh, cũng yêu thương chồng; giận anh, cũng giận chồng, giận họ không nên cố chấp coi người thân thành kẻ thù, người đánh qua kẻ đánh lại, kết cục dẫn tới thế thảm nhường này. Song gạo đã nấu thành cơm, còn có cách gì khác! Tôn phu nhân đã không thể liệu mình sống chết với anh để đòi lại chồng, lại không muốn đi gặp người đã giết hại chồng mình, liền hạ lệnh cho các thuyền đi đón, toàn bộ trở về Đông Ngò, rồi dẫn đầu mười á hoàn tế vọng Lưu Bị trên bờ sông lớn. Phu nhân vừa tế xong, đất trời đổi sắc; tế lại lần nữa, bỗng nổi gió lớn; tế lần thứ ba, trên sông nổi sóng to. Sau đó, họ liền cùng nhau nhảy xuống sông tự vẫn.

Sau này, ngư dân địa phương chôn cất họ ở mỏm đá gần đó. Trên mỏm đá lại xây ngôi miếu, trong miếu đắp bức tượng Tôn phu nhân, người địa phương đều gọi là tượng thần nữ. Mỏm đá này về sau gọi là đảo Kiêu Cơ. Sóng gió quanh đảo Kiêu Cơ rất lớn, nghe nói mỗi lần xảy ra tai nạn lật thuyền, Tôn phu nhân vẫn ngầm tới cứu.

CHUYỆN LƯU A ĐẦU

A ĐẦU BẮT CÁ

Khu ngoại thành Thành Đô, dưới núi Long Tuyền có cái giếng tám góc nối liền với ao. Truyền rằng nước giếng này là từ miệng Long Vương nhả tuôn ra, cho nên rất trong, pha trà thơm, nấu cơm ngọt, các cô gái dùng nước rửa mặt sẽ vô cùng xinh đẹp. Trong giếng còn có cá chép từ biển đông tới, thịt non vị tươi, ăn vào có thể kéo dài tuổi thọ.

Truyền thuyết này bị thái tử A Đầu nước Thục nghe được, thái tử muốn uống thử nước giếng này, ném thử cá trong giếng này. Tức thì, chọn ngày lành tháng tốt, dẫn một tốp thái giám, đánh trống gõ chiêng đi đến bên giếng. Quả nhiên trông thấy cá chép màu vàng hết con này đến con khác, từ trong hang đá dưới giếng bơi ra, bơi vào, rất là thích thú. A Đầu vui sướng khua chân múa tay, hét to:

- Mau bắt cá cho ta, bắt cá!

Các thái giám lần lượt cởi quần tháo ủng, nhảy xuống, bị bơm bơi đi lộn lại. Chỉ nghe thấy những tiếng huyền não bên giếng: "Chạy rồi, chạy mất rồi, chặn lấy nó!" Thái tử A Đầu đứng trên giếng càng hăng say nhảy hét rồi mù lên, lúc thì cười, lúc thì mắng, song ồn ào hồi lâu mà chẳng bắt được con cá nào.

Lúc này, phía sau có tiếng nói: "Được". Mọi người quay đầu nhìn, thấy một cụ già tóc trắng tay cầm cần câu, vừa vung tay ra đã câu từ trong giếng lên được một con cá lớn dài một thước. A Dấu nhìn thêm quá. Các thái giám như dẫn vịt đồ xô tới, mồm nậm miệng cười la ó đòi mua cá của cụ già. Cụ lắc đầu nói:

- Cá của tôi là tôi ăn, không bán.

- Ê! Lão già muốn chết này, mắt chó mù à. Đây là thái tử A Dấu của hoàng thượng đương thời đó. Thái tử muốn ăn cá, lão già dám nói không cho sao?

Cụ già nói:

- Tôi câu cá của tôi, mặc kệ ông ta là "kẻ đại lừa", là "ông đại oai". Không bán là không bán.

Nói xong, cụ cầm cần câu đi luôn.

Các thái giám nổi giận, chồm tới, cướp luôn con cá chép, nộp cho A Dấu. A Dấu đang đặc ý, không ngờ chân giẫm phải bùn loãng, loạng choạng một cái, người và cá cùng rơi xuống ao. Chỉ thấy con cá chép ấy ngoáy đầu quấy đuôi chui qua hàng đá, bơi về giếng tám góc.

A Dấu không kịp cởi áo, băng mình nhảy vào trong giếng, muốn bắt lấy con cá đó. Ai hay, cá chép đã chui vào lỗ biển, trở về biển Đông rồi. A Dấu uống liền hai ngụm nước, kêu lớn: "Cứu ta với!" Các thái giám bả chân bốn tay kéo A Dấu lên, nhưng mà cái đai báu hoàng gia lại rơi vào trong giếng, lác lay rập rình chìm xuống nước, không sao vớt được. Mọi người vô cùng lo lắng. Họ muốn tóm lấy cụ già đánh cho một trận giải hận, nhưng nhìn ra thì chẳng thấy bóng cụ già đâu.

Chỉ thấy ở dưới đất có chiếc khăn lụa trắng, nhặt lên xem, trên có bài thơ vết mực chưa khô, viết rằng:

Không lo dựng nghiệp khó,

Phóng dăng quã đi con.

Dai rơi giếng tám góc,

Vận vua ắt suy tàn.

A Dấu tức giận biến sắc mặt, vò nhàu chiếc khăn thành một nắm, vút vào trong giếng. Ai ngờ chiếc khăn lụa và chiếc đai bấu xoắn vào với nhau, bứt lấy lỗ biển. Từ đấy, nước giếng tám góc trở nên vừa đắng, vừa chát, vừa đục. Người trong trấn cảm giận không nguôi, bèn đặt tên cho trấn nhỏ là trấn Mắt Dai.

A Dấu vì chơi bời phóng dăng, không quan tâm đến triều chính, rốt cuộc trở thành ông vua mất nước.

ĐÀM RỒNG

Khu Kim Ngưu ở Thành Đô có một cái đầm rất lớn, gọi là đầm Rồng. Vì sao đầm có tên gọi như vậy? Chính là vì Hậu chủ nhà Thục Hán lúc nhỏ đã tắm ở đây. A Dấu đương thời là thái tử, lá ngọc cành vàng, sao có thể giống trẻ con, trong vùng chạy ra đầm tắm được? A Dấu vốn từ nhỏ ham chơi, không thích học hành. Người sắp sửa làm hoàng thượng không học làm sao được? Do vậy, từ sau khi được Lưu Bị ở thành Bạch Đế giao phó con côi, Gia Cát Lượng đã quản lý A

Đấu rất nghiêm ngặt, suốt ngày bắt A Đấu đọc sách viết chữ, luyện văn tập võ, muốn dạy A Đấu thành một ông vua hiền văn võ toàn tài. Song A Đấu từ nhỏ đã được nuông chiều sinh hư rồi, thêm nữa sau khi Triệu Vân cứu A Đấu ở dốc Trường Bàn, Lưu Bị quảng A Đấu xuống đất, sợ hãi bị chấn thương hóa thành bệnh, đại không ra đại diện chẳng phải diện, không tinh khôn nữa. Cả ngày từ sớm đến tối chạy nhảy leo trèo, ai nói cũng không nghe, chỉ sợ có Gia Cát Lượng.

Buổi sớm hôm đó, A Đấu chưa ngồi nóng ghế ở ngự thư phòng, đã dẫn tiểu thái giám bạn học chuẩn ra cổng thành, chạy tới vùng ngoại ô chơi. Từ xa đã nhìn thấy một cây, trên có đầy trái vàng rực rỡ, liền hỏi tiểu thái giám:

- Kia là quả gì?

Tiểu thái giám đáp:

- Đó là mạn ngọc hoàng nổi tiếng Thành Đô.

A Đấu lại hỏi:

- Mạn ngọc hoàng nhỏ bé vậy, vì sao nổi tiếng?

Tiểu thái giám nói:

- Vì nó vừa mềm vừa ngọt, ăn rất ngon, trông rất xinh.

A Đấu nghe xong, thèm quá, chạy tới nơi dừng ngựa, vén áo trèo lên cây. Tiểu thái giám sợ A Đấu rơi ngã, mình không gánh chịu nổi trách nhiệm, bèn hết lời van xin A Đấu xuống ngay. A Đấu đâu có chịu nghe, vừa trèo vừa hái, vừa hái vừa ăn, quả nhiên cảm thấy thơm ngọt. Đang lúc hào hứng, bỗng nghe thấy tiểu thái giám dưới gốc cây phục qùy đánh phịch, rập đầu mãi không thôi. A Đấu lại nhìn xuống dưới, hòng rồi,

thì ra thừa tướng Gia Cát Lượng đã tới, đang trợn mắt nhìn mình trên cây! Thừa tướng là "cha tướng" của A Đẩu, A Đẩu xưa nay vốn sợ thừa tướng, vì thế lòng hoảng sợ, tay chân bối rối, ngã lộn nhào từ trên ngọn cây xuống. Cây mận này lại là cây mận mọc nghiêng. Ngọn cây đối diện với mặt đầm nước trong leo lẻo, ồm một tiếng, A Đẩu rơi vào trong đầm. Tùy tùng vội vàng nhảy xuống, ba chân bốn tay vớt A Đẩu lên. May mà được cái đầm này đã cứu sống A Đẩu, nếu như rơi xuống đất thì cái gọi là cửa bấu cựa chiều này không thể không thịt nát xương tan. Đầm nước cứu giá có công, từ đó được gọi là đầm Ròng.

TƯỜNG UYÊN MƯU TRÍ LẤY LẠI NGỌC NHƯ Ý

Tường Uyên là công thần khai quốc triều vua Thục Hán, khi ông vừa vào đất Xuyên, đã làm chức quan huyện Thập Phương. Trong dân gian lưu truyền câu chuyện như sau.

Tường Uyên vừa mới nhậm chức quan huyện Thập Phương, thầy giáo tư thực là Lí Tái Chi tới thưa kiện. Tường Uyên gọi người tới hỏi, mới biết có tên tài chủ họ Ngô, mở một cửa hiệu cầm đồ ở trong thành, thường ngày lừa dối cưỡng đoạt, ức hiếp dân chúng, không từ một tội ác nào. Nhà họ Lí nghèo đói, mẹ bỗng nhiên mắc bệnh cấp, không tiền chạy chữa, đành nén đau đem chuỗi ngọc như ý gia truyền tới hiệu cầm đồ của tài chủ họ Ngô cầm lấy ba chục lạng bạc. Sau ba hôm, Lí Tái Chi đã bán diên sản lấy ba chục lạng bạc để chuộc ngọc như ý. Tài chủ họ Ngô lòng bất lương, cứ nói ngọc như ý đã bị lấy trộm, xin bồi thường năm trăm lạng bạc cho xong việc. Lí Tái Chi không bằng lòng, tranh chấp mãi, thế là kiện lên huyện nha.

Tường Uyên đang định lên công đường xét án, tài chủ họ Ngô đã sai người nhà mang tới hai hũ rượu chôn cất lâu năm, lại có thêm rất nhiều đặc sản địa phương, và một tờ thiếp mời vị quan huyện mới nhậm chức này trưa mai đến nhà dự tiệc. Tường Uyên tính bơ như không, thu nhận tất cả, tùm

tìm cười, trong lòng nảy ra mưu kế. Tướng Uyển gọi gia đồng A Hưng tới, bảo A Hưng cứ thế cứ thế theo kế mà làm.

Hôm sau, quan lớn Tướng Uyển cưỡi con ngựa lớn đầu cao, mang theo A Hưng và bốn sai dịch công vụ đến dự tiệc nhà họ Ngô. Vài cốc rượu vào bụng, Tướng Uyển ra vẻ ngà ngà say, nói với tài chủ họ Ngô:

- Ngô... Ngô tiên sinh, nghe... nghe nói nhà ông thu thập... thu thập tàng trữ rất nhiều đồ cổ châu... châu báu, chạm ngà mạ vàng, nhân... nhân dịp này, Tướng... Tướng Uyển tôi muốn thỏa... thỏa thuê oon mát, giám... giám thưởng một lần!

Tài chủ họ Ngô tỉnh tỉnh keo kiệt gian xảo, xưa nay không dễ dãi dễ lộ của quý trước mặt mọi người, hôm nay thấy vị quan lớn mới nhậm chức này coi trọng mình như vậy, nhất thời phấn khởi, đồng ý ngay, lập tức mang ra các loại vòng ngọc xanh biếc, quan âm hổ phách, bình hoa chim trả, tua quạt mã não. Tướng Uyển liếc nhìn, dừng dừng nói:

- Những thứ này, trong... trong hoàng cung tôi nhìn thấy nhiều, không.... không thể xem là của... của quý. Còn... còn có thứ... thứ nào tốt hơn không?

Tài chủ họ Ngô trầm nghĩ: Người đã gần hoàng thượng có khác, mắt trông là biết của. Ngay tức thì lại đưa ra vài thứ. Nhưng quan lớn Tướng Uyển vẫn chỉ cười khinh rẻ, thuận tay gạt sang bên, nói:

- Vẫn là hàng kém phẩm chất. Ngô tiên sinh sợ... sợ tôi không biết của, hay là sợ tôi...

Tướng Uyển mặt đầy vẻ không vui, sắp sửa đứng dậy cáo lui. Điều đó khiến tài chủ họ Ngô lo cuống lên, vội vàng nói:

- Xin quan lớn chớ vội, chớ vội, của quý vẫn còn để sau mà!

Tài chủ họ Ngô biết con mắt lợi hại của Tường Uyển, vội về phòng mang ngọc như ý vừa mới đưa từ hiệu cầm đồ về, hải tay bung ra, mặt tươi như hoa nói:

- Thưa quan lớn, quan lớn coi thứ này thế nào?

Tường Uyển cầm lấy xem, bụng thầm khen là một loại châu báu hảo hạng, đúng là ngọc trắng mỡ cừu, hàng tốt Hòa Diên trong trèo ăm nhuần, tinh xảo đặc sắc. Tường Uyển ngắm nghía mãi, yêu thích không nỡ rời tay, tủm tỉm cười, nói:

- Cái này rất khá, cái này rất khá!

Tường Uyển bỗng như sực nhớ ra điều gì, nói:

- Ừa, vật báu này tôi đã nhìn thấy nó ở đâu rồi.... Vật này... vật này...

Tường Uyển dùng hai ngón tay gõ gõ vào thái dương, rồi ve mặt tươi cười biến mất, hai mắt nhìn chằm chằm vào tài chủ họ Ngô, hỏi:

- Vật này ông có từ đâu?

Không đợi tài chủ họ Ngô trấn tĩnh lại, Tường Uyển lại chậm rãi nói:

- Tôi nhớ ra rồi, đây là ngọc như ý của Hoàng thúc trên đường vào đất Thục bị người ta lấy trộm. Phải, phải, đúng là nó.

Lập tức nghiêm sắc mặt hỏi tài chủ họ Ngô:

- Ngô tiên sinh, vật báu này ông có được từ đâu?

Họ Ngô nhất thời bị hỏi, không biết trả lời thế nào, ấp a ấp úng nói:

- Là... là...

Tường Uyên cố tỏ vẻ kinh ngạc, hỏi:

- Lẽ nào Ngô tiên sinh lại có quan hệ gì với bọn trộm cướp lục lâm?

- Không, không, thưa quan lớn, đây quả thật là tôi... là tôi...

Tài chủ họ Ngô càng nói càng ruột gan rồi bời.

Tường Uyên bỗng thét lớn:

- Bay đâu!

A Hưng cùng bốn sai dịch nghe tiếng xông vào. Tường Uyên cần dặn:

- Vị này với sự việc ngọc như ý có khả nghi, các người phải canh giữ tại chỗ, không được rời nửa bước. Nếu có sai lầm sơ suất sẽ tra hỏi các người. Dợi ta ngay đêm nay phi ngựa về báo thừa tướng.

Nói rồi phẩy tay áo bỏ đi.

Tài chủ họ Ngô còn muốn theo ra bày tỏ vài câu, nhưng bị bốn sai dịch chặn lại. Ông ta mặt mày ủ rũ, bỗng không nén nổi, tự thốt lên:

- Lời quan lớn nói khi say rượu, e là trò đùa chứ?

A Hưng nghiêm sắc mặt lại, nói:

- Ngô tiên sinh, quan lớn không nói đùa đâu!

Tài chủ họ Ngô hỗn hển nhón nhác, rống lên:

- Đó là lừa bịp, tôi sẽ kiện ông ta!

- Ha! ha ha! - A Hưng cười lớn nói - ông còn chưa biết ngọn ngành quan lớn nhà tôi. Quan lớn không phải là hàng quan thất phẩm thông thường, thừa tướng luôn ca ngợi quan

lớn là bậc hiền tài của xã tắc kia! Quan-lớn về đây là để giải quyết các án trộm cướp, ông tới nơi nào để kiện quan lớn vậy?!

Tài chủ họ Ngô nhứt chí, nghĩ: Cầu kết với giặc cướp lục lâm ắt là phải tội chém đầu! Giống như phật đất chìm trong nước lũ, toàn thân y như sắp đổ sụp xuống.

A Hưng thấy thời cơ đã chín muồi, bèn dịu giọng nói:

- Ông cũng đừng sợ. Quan lớn nhà tôi xưa nay làm quan thanh liêm chính trực, không để người tốt bị oan' uống. Chỉ cần ông nói ra xuất xứ của ngọc như ý, lại có người làm chứng, thì đảm bảo không việc gì.

Tài chủ họ Ngô thầm nghĩ: Ngọc như ý này không thể giữ nổi nữa rồi. Sau đó liền nói ngọc như ý đã đem về, thì để Lí Tái Chi đến chuộc đem đi thôi. Lí Tái Chi cho đó là sự thật, liền đến huyện nha xin rút tờ đơn kiện về, không tố cáo ông ta nữa. Trận sóng gió đã dẹp yên như vậy đó.

PHỐ AO TỬ LONG

Thành phố Thành Đô có một phố nhỏ, gọi là phố Ao Tử Long. Tử Long là tên tự của Triệu Vân. Mọi người đều nói, năm đó, sau khi Lưu Bị vào đất Xuyên, phong Triệu Vân làm trấn nam tướng quân, dinh thự tướng quân ở ngay tại ngõ phố này, sau dinh có một cái ao lớn. Mọi người sẽ hỏi, đã là dinh Triệu Tử Long ở trong ngõ phố này, vì sao không gọi là phố Tử Long, phố Phủ tướng quân, lại gọi là phố Ao Tử Long? Ở đây có một nguyên do.

Cái ao này thông với sông Phủ, nước không tù đọng. Năm đại hạn, ao cũng có nước, năm mưa lũ, cũng không tràn ngập. Mùa hạ, nước ao vô cùng trong mát; mùa đông tháng chạp, cả ao nước hơi nóng bưng bưng. Triệu Vân, đối với những nhà cao phòng lớn, mái hiên chái nhà ở trong dinh, chính mắt đều không để ý lắm, chỉ riêng đối với chiếc ao này là yêu quý đặc biệt, xây lên mấy cái bến xếp bằng đá xanh to, bờ ao viền đá xanh. Vì sao Triệu Vân yêu quý cái ao này như vậy? Vì ông là chiến tướng nổi danh nhà Thục Hán, hàng năm chinh chiến trận mạc, cưỡi con ngựa bạch long, ngựa này ngày chạy ngàn dặm, đêm đi tám trăm, không chỉ chạy khỏe mà còn hiểu tính người. Khi ấy đánh nhau, hai bên chủ tướng giao phong, cưỡi ngựa khiến háng hết sức quan trọng, nhanh hay

chậm, mau lẹ hay từ từ, chạy nhảy xê dịch, chồm cao nhảy xa, nước bước nào đi sai một chút là nhỏ thì có thể thua trận, lớn thì toi mạng, cho nên quan võ đặc biệt quan tâm kén ngựa tốt. Con ngựa bạch long này của Triệu Vân thật là thần kì. Triệu Vân ngồi trên ngựa khiến nước gỏi, nó sẽ ra ngay thể võ đó, phối hợp hiệp ngẫm, trôi chảy thuận lợi. Mọi người ca ngợi Triệu Vân là tướng luôn thắng trận, được trợ lực nhiều bởi con ngựa bạch long này, cho nên Triệu Vân đặc biệt yêu quý nó. Sau khi tới Thành Đô, mỗi lần chinh chiến về triều, thao trường huấn luyện xong, Triệu Vân luôn dắt ngựa quý của mình tới bên ao này, lấy nước trong ao cho ngựa bạch long uống, tắm rửa chải gội cho nó. Ngựa bạch long được uống được tắm nước ao, béo tròn trũng trục, toàn thân sáng lấp lánh như vãi đoạn trắng, thể lực khỏe hơn, sức chạy tăng gấp bội. Ngựa cũng có lúc bị thương. Mỗi lần ngựa bạch long bị gươm giáo đâm chém phải ở chiến trường, Triệu Vân dắt ngựa tới bên ao, lấy nước ao cẩn thận tưới rửa vết thương, so với thuốc tán thượng phẩm còn mau lành hơn nhiều. Triệu Vân yêu quý ngựa, đương nhiên cũng đặc biệt yêu quý cái ao này.

Một truyền mười, mười truyền trăm, công hiệu thần kì của nước ao này được truyền rộng ra, các võ tướng, các tá úy dưới quyền cùng triều của Triệu Vân đều tìm cách dắt ngựa của mình tới bờ ao để uống nước, tắm rửa, được uống, được tắm ở đây, các chiến mã quả thực đều tràn đầy sức sống. Sau này, tuy là triều đại đã thay đổi nhiều, không biết là bao nhiêu người kẻ tới người đi xưng vua, chủ sự ở Thành Đô, nhà cửa

xưa đã đổ nát, lại có nhà mới của người khác xây dựng ở nơi này, song câu chuyện cái ao tắm ngựa này của Triệu Tử Long thì vẫn truyền lại diệu kì như vậy. Tướng sĩ các triều đại tới đóng quân ở Thành Đô, không thể không tới đây cho ngựa uống nước, tắm rửa. Khi tới họ luôn hỏi thăm: "Cái ao ấy của Triệu Tử Long ở đâu nhỉ"? Về sau, người hỏi thăm đông, ngõ phố này cũng gọi luôn thành phố Ao Tử Long, truyền mãi tới ngày nay.

GIA CÁT KHÁC VÀ GIA CÁT LƯỢNG

Anh Gia Cát Lượng tên là Gia Cát Cẩn, là đại thần nước Ngô. Con trai Gia Cát Cẩn là Gia Cát Khác, từ nhỏ thông minh lanh lợi, mồm miệng vô cùng khéo, có thể nói khiến con cóc chết cũng nhảy nhót vui vẻ, cái rổ tre đựng nước cũng chẳng chảy giọt nào.

Một hôm, Tôn Quyền thết tiệc, các quan văn võ đầy triều, bổng cao hứng muốn trêu đùa, liền cho người dát tó một con lừa. Tôn Quyền lấy bút viết ba chữ "Gia Cát Cẩn" lên mặt con lừa. Gia Cát Cẩn có bộ mặt dài quả thật hơi giống lừa. Trước công chúng, Tôn Quyền vạch trần chân tướng Gia Cát Cẩn như vậy, đương nhiên làm cho mọi người cười ồ lên. Gia Cát Cẩn thì khóc không dạng, cười chẳng xong, cảm thấy khó thoát ra khỏi, mặt lại càng dài ra. Lúc ấy, Gia Cát Khác bước lên, đòi lại cây bút ở tay Tôn Quyền, rồi viết tiếp thêm hai chữ nữa thành "Lừa của Gia Cát Cẩn". Ý nghĩa bỗng thay đổi hẳn, mọi người ở đó đều kinh ngạc, Tôn Quyền cũng đành tặng con lừa ấy cho Gia Cát Cẩn.

Tôn Quyền thấy bẩm tính khác thường của Gia Cát Khác, cố ý ra đề khó hỏi Gia Cát Khác:

- Người ta thường nói: Cháu gái giống cô, cháu trai giống chú, người giống Gia Cát Lượng quá. Song, cha người cũng không kém, nếu so sánh hai anh em họ, thì người nào hơn?

Dương thời Ngô, Thục đang đánh nhau, Gia Cát Lượng là thừa tướng của nước thù địch. Nếu như nói tốt cho Gia Cát Lượng, Tôn Quyền trách tội, thì còn gì nữa? Gia Cát Khác trong lòng có sẵn dự kiến, buột miệng trả lời:

- Chú không bằng cha.

Tôn Quyền hỏi:

- Vì sao vậy?

- Vì hoàng đế cha theo giỏi hơn hoàng đế của chú!

Câu nói đã gài đúng vào chỗ ngứa của Tôn Quyền.

Nước Thục cử sứ thần đến nước Ngô giảng hòa, Gia Cát Khác cũng được tham dự. Sứ thần nước Thục từ lâu đã nghe nói Gia Cát Khác thông minh hơn người, có ý thử tài hỏi:

- Chữ "Thục" của nước Thục chúng tôi rất thiêng liêng, anh giải thích nổi không?

Gia Cát Khác buột miệng nói luôn:

- Có nước là đục, không nước là Thục, mắt ngang mình cầu, sâu vào giữa bụng" - Ché bai chữ "Thục" vô cùng thậm tệ.

Sứ thần nước Thục vừa tức giận vừa kinh ngạc, lại hỏi tiếp:

- Vậy chữ "Ngô" của nước Ngô các vị thì nên giải thích thế nào?

Gia Cát Khác ung dung trả lời: "Không miệng là trời, có miệng là Ngô, dưới kẻ biển lớn, thiên tử đế đô". Ca ngợi chữ "Ngô" lên tới mây xanh.

Tôn Quyền nghe xong rất vui, nhưng sợ làm cho cuộc thương thuyết bế tắc, mới xoa dịu nói:

- Thằng bé này là cháu của thừa tướng Gia Cát Lượng bên các vị đó. Nó rất thích cưỡi ngựa, xin chuyển lời tới chú Gia Cát của nó mang cho cháu con ngựa tốt để làm quà!

Lời nói chưa dứt, Gia Cát Khắc đã quỳ phục xuống, vái lạy Tôn Quyền lia lịa, tỏ lòng cảm tạ. Tôn Quyền ngạc nhiên hỏi:

- Người sắp đưa ngựa tốt đến là chú của người, không phải là ta, huống chi ngựa tốt vẫn còn chưa mang tới kia mà!

- Hoàng đế giáng chỉ, chú Gia Cát dám không đưa sao? Dương nhiên phải tạ ơn bệ hạ!

Lại gài mạnh vào chỗ ngựa của Tôn Quyền lần nữa.

Tôn Quyền đương nhiên vui thích; sứ thần nước Thục lại vô cùng khó chịu, trở về nói hết đầu đuôi với Gia Cát Lượng. Gia Cát Lượng không những không nổi giận, mà còn tươi cười hơn hờ, nói:

- Tôi ở nước Thục làm thừa tướng, địa vị cao, quyền hành lớn. Họ hàng thân thuộc ở bên nước thù, nếu như có chút thiếu thận trọng, thì khó tránh khỏi bị nghi ngờ, bị liên lụy. Cháu tôi tuổi còn nhỏ đã có thể phân biệt công và tư, mỗi người mỗi chủ, tốt đấy!

CHUYỆN MẠNH HOẠCH

(Truyền thuyết dân gian dân tộc Di)

RA ĐÒI

Thời xưa, có một làng người Di tên là A-trô-li-ti; có cặp vợ chồng sống ở đầu làng. Chồng tên là A-ya-chơ-tô, vợ tên là Su-ya-sa-ma. A-ya-chơ-tô là một thần y, hiểu biết nghìn loại thuốc, chữa được trăm loại bệnh; Su-ya-sa-ma là nghệ nhân thêu hoa, trên mảnh vải thô có thể thêu được mặt trời, mặt trăng, những áng mây trên trời, chim hoa cá thú dưới đất. Hai vợ chồng luôn giúp đỡ mọi người, được dân làng A-trô-li-ti ca ngợi.

Su-ya-sa-ma bốn mươi tuổi mới có mang, mang thai chín tháng chín ngày. Chập tối hôm đó, một nghìn con chim khách bay tới đậu trên nóc nhà tranh của Su-ya-sa-ma, hót một thời gian dài bằng cả một bữa cơm, rồi bay về phía nam; lại một nghìn con chim phượng hoàng bay tới, quây quanh nóc nhà tranh của Su-ya-sa-ma, hót một thời gian dài bằng cả một bữa cơm, rồi bay về phía nam; cuối cùng một ngàn con sếu trắng, đậu trên nóc nhà tranh của Su-ya-sa-ma, kêu mãi cho tới lúc mặt trời về nhà, các vì sao ngủ dậy mới bay về nam.

Nghe tiếng kêu hót của chim khách, phương hoàng và sếu trắng, cả làng đều kéo đến. Họ biết nhà A-ya-chơ-tô sắp có việc vui lớn, đều tới để chúc mừng; có người thổi khèn quả bầu, có người thổi sáo tre vàng, có người thổi kèn đồng thau, gõ mang la, đánh trống đồng; các trai gái còn ca hát nhảy múa trước cửa nhà A-ya-chơ-tô. A-ya-chơ-tô vui sướng khiêng ra mười hũ rượu kiều mạch cho mọi người uống.

Bỗng nhiên, một ngôi sao từ trên trời phía đông từ từ bay tới, dừng lại giữa bầu trời trên làng A-trô-li-ti, ngôi sao to bằng cái đầu, sáng lấp lánh. Dừng lại một lát, rồi giống như tia chớp, nó cắm mạnh lên nhà của A-ya-chơ-tô, làm thành một cái hốc rất lớn. A-ya-chơ-tô vội vào trong nhà để xem, không nhìn thấy gì hết, chỉ nghe thấy tiếng khóc của trẻ con oa oa chào đời.

A-ya-chơ-tô chạy ra cửa, báo cho mọi người rằng vợ đã đẻ con trai. Mọi người nói: "Thằng bé này là sao trên trời rơi xuống, sau này lớn lên, nhất định sẽ làm hoàng đế nước lớn, vừa cai quản người Di, vừa cai quản người Hán". A-ya-chơ-tô bèn đặt cho nó một cái tên của người Di là Chơ-tô-a-nơ, lại mời thầy cúng đặt cho nó một cái tên của người Hán là Mạnh Hoạch.

Chơ-tô-a-nơ lớn rất nhanh, một tháng đã cười thành tiếng, ba tháng đã mọc răng, năm tháng đã biết ngồi, bảy tháng đã biết đứng, chín tháng đã biết chạy; một tuổi đã biết nhặt nắm sồi dưới đất cho mẹ, lấy ống diều ở góc tường cho cha, ba tuổi đã theo cha lên núi đào moi vị thuốc, bốn tuổi đã có thể lên rừng truy đuổi thỏ rừng, tóm bắt gà rừng, năm tuổi thì học tiếng Di, đã thành người văn võ toàn tài nổi tiếng.

ĐÁNH HỔ

Mạnh Hoạch khi mười tuổi thân cao bảy thước, đầu báo mắt hổ, biết giương nỏ bắn tên, biết múa dao múa gậy. Một hôm, Mạnh Hoạch giấu cha mẹ, tới núi A-trô-li-ti để săn bắn. Trèo tới khu rừng rậm giữa lưng núi, Mạnh Hoạch nhìn thấy một con lợn rừng lớn và một con hổ lớn đang đánh nhau: Lợn rừng dựng đuôi lên, miệng há to; hổ chân sau đạp đất, chân trước nhảy, nhe nanh múa vuốt, song hai bên đều sợ hãi, không dám ra tay trước. Mạnh Hoạch biết thú dữ trong rừng, nhất lợn, nhì hổ, ba gấu, bốn báo, năm sói lang, lợn rừng là ác nhất, cần phải kìm nó lại. Mạnh Hoạch lặng lẽ trèo lên một cây to sau lưng lợn rừng, giương cung lắp tên, kéo hết dây cung, bắn vào mông đít lợn rừng. Lợn rừng cảm thấy đau, song lại không hiểu vì sao, ngỡ là hổ đã ra tay, liền dùng hết sức mình, nhảy rồ thật cao, giống như núi Thái Sơn đè chồm tới. Hổ sợ hãi vội né mình sang bên cạnh tránh được. Lợn rừng không thể dừng bước được, liền đâm vào cây lớn trước mặt, chỉ nghe "rào" một tiếng, cây lớn bỗng gãy thành hai khúc, lợn rừng cũng đập nát cả đầu. Hổ sợ mồi hôi lạnh toát ra khắp người: Suýt chết! Hổ thấy ở mông đít lợn rừng có cắm mũi tên, một người ngồi trên chạc cây đối diện, hổ hiểu ra là người ấy đã giết lợn rừng, cứu sống mình, hai chân trước liền quỳ xuống, gật đầu tỏ ý tạ ơn và nguyện phục tùng theo Mạnh Hoạch.

Mạnh Hoạch hiểu ra, từ trên cây băng mình xuống, rút dao dắt ở lưng ra, chặt lợn rừng ra làm đôi, cắt một cây mây vắn thành cái thò, đặt lên lưng hổ; đồng thời bản thân cũng cười hổ, xuống núi, trở về nhà.

Thủ lĩnh A-trô-li-ti là A-trô-li-tơ nói:

- Mạnh Hoạch có thể dùng tên bắn chết lợn rừng, hàng phục được hổ dữ, cưỡi nó về làng, đó là chuyện từ xưa đến nay chưa từng có, tôi muốn để Mạnh Hoạch làm thủ lĩnh.

Cha mẹ Mạnh Hoạch nói:

- Mạnh Hoạch còn nhỏ, miệng còn hơi sữa, vẫn chưa đạt, võ chưa thông, vẫn chưa phải là cây tùng xanh, chỉ là một cọng cỏ bé, chưa trải qua gió sương băng tuyết, không thể đảm nhận thủ lĩnh A-trô-li-ti. A-trô-li-tơ không ép buộc được, bèn đưa Mạnh Hoạch đến phương đông để tìm thầy học võ.

LÀM THỦ LĨNH

Cha Mạnh Hoạch chuẩn bị một chiếc búa đồng và cung tên cho Mạnh Hoạch, mẹ thêu túi đựng tên và chuẩn bị bột kiều mạch rang để Mạnh Hoạch đi tới phương đông nơi mặt trời mọc, bá danh sư học võ nghệ.

Mạnh Hoạch cưỡi hổ, đi về hướng đông qua chín trăm chín mươi chín ngọn núi, chín nghìn chín trăm chín mươi chín con sông, hỏi thăm chín vạn chín nghìn chín trăm chín mươi chín người, tìm tới vị danh sư võ nghệ cao cường là A-óc-sa-ba, học mười tám ban võ nghệ như cung tên, đao kiếm, búa rìu, côn quyền. Mạnh Hoạch thông minh lại chịu khó, học được ba năm, đã có thể dùng tên bắn hòng chim, dùng dao chém giao long, phi ngựa vượt lên cao, qua mái vượt tường.

Lúc này, cha Mạnh Hoạch là A-ya-chơ-tô được thủ lĩnh thành Côn Minh mời đi chữa bệnh. Ông ta mắc "chứng loạn

tai": Một luồng gió lạnh từ trong tai thổi ra, đầu trường như muốn vỡ, tròng mắt sắp sưng lên. A-ya-chơ-tô xem xong nói, chứng bệnh này chỉ có tách sọ ra, dán thuốc vào chỗ có bệnh mới có thể chữa được. Thủ lĩnh ngô là A-ya-chơ-tô muốn giết hại mình, liền bỏ A-ya-chơ-tô vào vạc dầu đun cho chết. Mạnh Hoạch sau khi được tin, khóc òa lên, bái biệt thầy, trở về nhà để báo thù.

Lúc sắp từ biệt, A-óc-sa-ba truyền cho Mạnh Hoạch một "phương thuốc nổi đầu rơi". Lại dặn dò Mạnh Hoạch không được truyền lại cho người thứ hai.

Mạnh Hoạch về đến nhà, thấy mẹ uất ức chết đã ba hôm. Hoạch kêu to một tiếng, giống như sấm rền, bỗng nhiên chấn động đổ sập ngôi nhà tranh. Dân làng liền lấy đất bùn, đào vòng cổ, đắp thành nấm mồ to như trái núi con, thầy mo đọc bầy hồi kinh an táng cho Su-ya-sa-ma.

Mạnh Hoạch bàn với A-trô-li-tơ là thủ lĩnh A-trô-li-ti rằng mình muốn dẫn đầu một ngàn binh lính Di đến thành Côn Minh để trả thù cho cha. A-trô-li-tơ nói:

- Thủ lĩnh thành Côn Minh có chục vạn quân, chúng ta chỉ đưa đi một ngàn lính, rất khó đánh thắng hẳn, tôi sẽ đi kéo thêm người của chín mươi chín làng, mang theo binh mã của chín mươi chín làng mới được.

Mạnh Hoạch nói:

- Binh mã không cần nhiều, mà cần tinh. Chỉ cần kéo thêm ba mươi ba làng, mang theo binh mã của ba mươi ba làng là được rồi.

Chưa tới mười hôm, Mạnh Hoạch đã tập trung được ba vạn binh mã. Mạnh Hoạch cưỡi con hổ đốm, oai phong lẫm liệt dẫn đầu, tiến quân vào thành Côn Minh.

Binh mã của thủ lĩnh thành Côn Minh đóng ở dưới Diên Trì, Mạnh Hoạch một mặt lặng lẽ cử người đi Diên Trì, một mặt đòi thủ lĩnh ra quyết chiến ở núi đen thành Côn Minh.

Thủ lĩnh thành Côn Minh cử mười viên chiến tướng ra trận. Họ đều mặc áo quần da báo tiền đồng, tay cầm đại đao sát hoa tuyết sáng loáng, cưỡi mười con ngựa hắc long trông vô cùng oai vệ. Mạnh Hoạch mình mặc da hổ đốm, tay cầm hai đại đao thép ô hường, cưỡi con hổ ra nghênh chiến. Trong một lúc, mười chiếc mang la cùng gỗ, mười chiếc trống đồng cùng đánh, mười viên chiến tướng giương roi nhót ngựa, quây chặt lấy Mạnh Hoạch. Mạnh Hoạch vung đại đao cả hai phía, đao lại gặp đao, tia lửa bắn ra bốn phía, đánh nhau mãi cho tới lúc trời đất tối mờ, mặt trời mặt trăng không còn sáng. Mạnh Hoạch càng đánh càng dũng cảm, bóng hăng máu lên, từ trên lưng hổ nhảy vọt lên không, đồng thời vung hai đại đao, loáng cái chém chết năm viên chiến tướng. Năm viên chiến tướng còn lại liều mạng tới chém, chém rơi đầu Mạnh Hoạch xuống đất, đồng thời thân của Mạnh Hoạch cũng ngã lăn xuống cạnh chân hổ. Bỗng nhiên thân của Mạnh Hoạch lăn về phía đầu, đồng thời tay thò ra móc trong túi áo lấy "phương thuốc nối đầu rơi", ngay lập tức thân và đầu lại liền với nhau. Mạnh Hoạch hét lớn ba tiếng, đất rung núi chuyển, vung tay chém chết năm viên chiến tướng còn lại. Lúc này, binh mã của Mạnh Hoạch đổ xô tới. Binh mã của thủ lĩnh thành Côn Minh chết và bị thương quá nửa, số còn lại hoảng hốt chạy trốn vào trong thành, đóng chặt cổng lại. Mạnh Hoạch cho người tháo nước Diên Trì, không đầy một đêm đã nhấn chìm toàn bộ binh mã của thủ lĩnh thành Côn Minh.

Mạnh Hoạch báo được thù, trừ được hại, uy danh lẫy lừng bốn phương, nơi nơi đều tới lạy chào, được suy tôn làm thủ lĩnh, sống ở thành Côn Minh, kiêm cai quản người Di và người Hán.

VỢ CHỒNG CHUNG HOẠN NẠN

Mạnh Hoạch sau khi đánh được thành Côn Minh, dẫn một bộ phận binh sĩ ra khỏi núi đi săn bắn. Một con sư tử đực bị Mạnh Hoạch đuổi, phát khùng lên, há cái miệng to như chậu máu, nhảy cao hơn ba trượng, muốn gặm sọ của Mạnh Hoạch. Lúc này, bỗng nhiên có một mũi tên thần có mang lông đuôi sếu trắng từ mé bên bay tới, vừa vụn cắm vào tròng mắt phải của sư tử đực, sư tử đực đau đớn không sao chịu nổi, kêu to ba tiếng chết ngay.

Mạnh Hoạch vô cùng cảm ơn người anh hùng bắn mũi tên này, nhìn sang bên, chỉ thấy một cô gái dưới chân khóm cây hoa mĩ y, bóng lưng tựa như cành liễu đu đưa trong gió, trên mình cô gái đeo cung và tên, trên túi đựng tên là gấm thêu, trên mũi tên cắm trong đó có mang lông đuôi của sếu tiên. Khi cô gái quay người lại, mặt cô giống như châu bạc, mắt giống sao sáng lấp lánh, vô cùng xinh đẹp, khiến Mạnh Hoạch ngây người ra nhìn. Cô gái ấy nhìn Mạnh Hoạch, cũng ngượng ngịu cúi đầu, giống hệt như đóa hoa mĩ y.

Mạnh Hoạch đi tới, nói:

- Cô em xinh đẹp, tôi vô cùng cảm ơn ân nhân đã cứu sống tôi!

Cô gái cười nói:

- Chẳng là anh hùng trần gian, em là con gái trên trời, vì ái mộ chàng, nên mới xuống đây!

Mạnh Hoạch dắt con ngựa long câu của mình tới cho cô gái cưỡi, cô gái nói:

- Một mình chàng cưỡi thôi! Em sẽ đi theo ngay bên cạnh chàng.

Cô gái đẩy tay một cái, Mạnh Hoạch bắt giắc vươn mình lên ngựa. Đồng thời hai chân cô gái cũng rời khỏi mặt đất, một đám mây bay tới đưa cô gái đi, suốt dọc đường kẻ vai cùng Mạnh Hoạch.

Mạnh Hoạch đã thành hôn với cô gái người trời đó. Theo phong tục của dân tộc Di, họ hàng bè bạn hát mừng họ một tháng lễ rượu. Không ngờ, còn chưa hát xong, vua trời đã phát hiện không thấy con gái. Nhà vua giận dữ sai ngay thiên thần cầm rượu độc xuống bắt cô gái uống.

Trước khi chết, cô gái nói:

- Sau khi tôi chết, xin hãy theo phong tục của người Di, an táng tôi ở giữa cây tùng xanh.

Người đến phúng viếng đông như kiến, tang lễ do mười thầy mo chủ tang. Một ngàn thợ đan dùng thanh tre đan kết thành mặt trời, mặt trăng, các vì sao, áng mây trên trời và chim bay thú chạy dưới đất; một ngàn nhạc sư hòa tấu những điệu ca ai oán; còn giết một vạn con gà, một ngàn con bò, một ngàn con cừu, một ngàn con lợn để cúng linh hồn. Rồi sau mới lấy đoạn gấm quần thi thể cô gái, đưa lên đỉnh núi lớn Côn Minh, kẹp giữa chạc cành một cây tùng xanh lớn.

Cây tùng xanh lớn cao ngút trời, từng đoàn sếu tiên trắng và quạ đen bay tới vây quanh hót kêu ai oán. Hàng ngàn hàng vạn bà con dân tộc Di, dân tộc Hán đến dưới gốc cây tùng, vừa uống rượu vừa hát những bài ca bi thương.

Người dân Di đeo nhạc đồng trên cánh tay, không ngừng nhảy các điệu tang vũ, nhảy xong các điệu "hai rồng hút nước", "chim công mở cánh", lại nhảy các điệu "diều hâu bắt gà", "cừu ăn cỏ", "khỉ bê ngô" v.v... Họ vây quanh cây tùng lớn nhảy múa suốt cả một tháng. Cả mùa một tháng như vậy chán

động tới thiên đình, vua trời bất giác cũng động lòng trắc ẩn, hối hận vì mình đã nhẫn tâm, thế là năm đó vua trời bèn cho mưa thuận gió hòa, làm cho làng núi người Di được mùa lương thực. Loại ca múa này về sau gọi là "đánh gỗ", hoặc "nhảy chân", lại còn gọi là "người Di mừng được mùa".

DANH NHAU VỚI GIA CÁT LƯỢNG

Sau khi Mạnh Hoạch làm đại thủ lĩnh của người dân tộc Di và dân tộc Hán, bèn gọi ba ngàn thợ cá nghề mộc, ba ngàn thợ cá nghề đồng sắt, ba ngàn thợ cá nghề đá và ba vạn ba ngàn dân phu vận chuyển gỗ lạt gạch ngói tới để xây dựng thành Côn Minh. Qua ba năm, thành đã xây xong, giống như cung điện trên trời. Lúc này, Mạnh Hoạch nói:

- Từ nay về sau, chúng ta mình trồng cây mùa màng mình ăn, mình chăn nuôi súc vật mình hưởng, mình đánh bắt thú rừng mình xơi, không phải nạp đồ cống cho nước Thục nữa.

Hoàng đế nước Thục nghe nói Mạnh Hoạch không đến nộp cống, bèn nói với Gia Cát Lượng:

- Thế sao được, quân sư hãy mau đem ba chục vạn binh mã đi bắt đầu Mạnh Hoạch mang về!

Gia Cát Lượng nói:

- Mạnh Hoạch không phải là một cây cỏ nhỏ, mà là một cây tùng xanh lớn. Ông ta cầm đầu động chủ của ba mươi sáu động, cai quản chín ngàn chín trăm chín mươi chín làng. Nếu như cố liều mạng đánh nhau với ông ta thì giống như trúng chọi đá, không những hao binh tổn tướng, mà còn làm



cho đất nước luôn có chiến tranh. Chỉ nên dùng mưu kế nhiều, dùng binh ít.

Sau này, Gia Cát Lượng dẫn ba chục vạn binh mã đi đánh Mạnh Hoạch. Ban ngày họ ngủ trong rừng tùng xanh rậm rạp, ban đêm ra sức hành quân, lặng lẽ qua sông Lô Thủy, bí mật tới được vùng đất Mạnh Hoạch cai quản, hàng phục được Tể Hổ là động chủ địa phương.

Mạnh Hoạch thâu đêm điểm mười vạn binh mã, vội vã tới núi lớn Lua-i-bai nghênh chiến. Gia Cát Lượng cho người đóng giả là Tể Hổ, cưỡi con ngựa to đầu cao, nói với Mạnh Hoạch:

- Gia Cát Lượng tới mời đại thủ lĩnh về triều làm đại quan, đây quả là việc hay. Đại thủ lĩnh hà tất giận dữ hăm hăm tới nghênh chiến?

Mạnh Hoạch tức điên lên, quát mắng:

- Nhà ngươi phản lại ta, ta phải lấy đầu nhà ngươi, róc thịt ngươi ra làm tương!

Liền tể ngựa xông tới, không đề phòng, bị mấy chục sợi dây thừng chôn trong đất xối nhất loạt cùng kéo, ngay lập tức ngựa ngã người lật, bị quân của Gia Cát Lượng trói lại.

Lúc này, Gia Cát Lượng đã tới, đích thân cỡi trội cho Mạnh Hoạch và khuyên phủ rằng:

- Tôi bình sinh hiểu biết nông cạn, võ nghệ cũng không hay, lần này tới là mời tướng quân đi đảm nhận chức đại quan, phụ giúp triều đình.

Mạnh Hoạch nói:

- Suốt đời không bị ràng buộc, cai quản muôn dặm biên cương, hà tất đi cho người quân thúc, chịu nổi uất ức sao!

Gia Cát Lượng cười lớn nói:

- Tướng quân tính tình cởi mở thẳng thắn, tôi vô cùng kính phục, song giờ đây đã ở trong tay tôi, vậy làm như thế nào?

Mạnh Hoạch đáp:

- Tôi muốn làm hản hoi, ông lại vụng trộm, tôi quá thật không phục. Muốn chém thì chém, muốn giết thì giết, Mạnh Hoạch không sợ.

Gia Cát Lượng nói:

- Tôi không muốn làm tổn thương đến da thịt người anh hùng, chỉ muốn người anh hùng tin phục. Vậy tướng quân hãy đi đi, sau ba ngày, dẫn binh mã tới quyết một trận tử chiến.

Mạnh Hoạch đứng dậy đi luôn, Gia Cát Lượng còn cho binh sĩ khua chiêng gõ trống tiễn đưa.

Ba ngày sau, Mạnh Hoạch cưỡi con ngựa đốm, tay cầm búa sắt lớn hoa tuyết, lưng đeo cung thần tên thần, dẫn ba mươi vạn binh mã người Di tới bãi rộng dưới ngọn Hung Sư núi Lua-i-bai. Gia Cát Lượng ở trên ngọn Hung Sư, ngồi trên xe bốn bánh, tay phe phẩy quạt lông ngỗng, cho mười viên tướng dưới vách núi ra ứng chiến. Họ có người cầm hai búa, có người cầm đôi chùy tròn trăm cân, có người tay mang dật trời người, có người tay mang tạt phong đao, nhất tề xông tới, vây lấy Mạnh Hoạch quyết sống mái. Chỉ còn thấy trái đất rung chuyển, mặt trời tối lại. Suốt trong hai giờ, mười viên tướng đã chết mất ba, bảy viên tướng còn lại liều mạng xông đánh, nhất tề vung đao. Mạnh Hoạch chống đỡ không nổi, đầu bị chém rơi xuống.

Một viên chiến tướng trong lòng mừng thầm, vội tranh lên trước nhát đầu của Mạnh Hoạch. Không ngờ, cái thân không đầu đang ngồi trên ngựa dõm lại phun ra một luồng khí, chiến tướng bị phun ngã xuống đất. Đồng thời cái thân Mạnh Hoạch cũng lặn xuống dưới đất, tiếp nối với đầu và ngay tức thì cùng đứng lên, nghiêng mình đứng bên vách đá, vung búa chém sáu viên chiến tướng ở phía dưới. Họ không dám ứng chiến, vội vàng lặn tránh rồi bỏ chạy. Mạnh Hoạch cũng không truy đuổi họ, mà băng mình dọc theo vách núi xông thẳng lên, các binh sĩ hộ vệ Gia Cát Lượng vội vàng bắn tên. Cùng lúc tên bắn ra như mưa, song tên bắn vào người Mạnh Hoạch thì giống như bắn vào cột sắt, rơi là tả xuống đất. Trong nháy mắt, Mạnh Hoạch đã leo tới đỉnh núi. Các binh sĩ nháo nhác tán tránh, Mạnh Hoạch liền tóm lấy Gia Cát Lượng.

Mạnh Hoạch dẫn Gia Cát Lượng về đến doanh trại của mình, đem rượu hoa mĩ y, rượu hoa mai vàng, rượu hoa quế và thịt bách thú trong núi rừng chiêu đãi Gia Cát Lượng. Mạnh Hoạch nói:

- Ông có thể bắt được tôi, tôi cũng có thể bắt được ông, chúng ta không kén gì nhau! Quân sư, ông có ý kiến gì?

Gia Cát Lượng đáp:

- Tướng quân võ nghệ vô cùng cao cường, thiên hạ vô địch, song không nên sử dụng phương thuốc tiếp nối đầu rơi, phải biết rằng tôi không muốn làm tổn thương tới tướng quân, nên mới không dùng bí quyết để phá phương thuốc của tướng quân!

Mạnh Hoạch nghe xong, giật mình sững sốt, nói:

- Phương thuốc này là bí truyền của sư phụ tôi, vì sao quân sư cũng biết?

Kì thật Gia Cát Lượng đâu có biết, chỉ là lừa Mạnh Hoạch một chút, lại lừa ra được sự thật, trong lòng liền có chủ kiến. Gia Cát Lượng cười nói:

- Thiện cơ không thể tiết lộ, tướng quân và tôi đều không dùng nó chứ.

Mạnh Hoạch tin là thật, cảm thấy Gia Cát Lượng không phá phương thuốc bí truyền của mình, thực tế là đã cứu sống mình, đương nhiên càng không nên hại ông ta, liền vui vẻ tiễn Gia Cát Lượng ra khỏi doanh trại và nói:

- Hai bên chúng ta luyện quân một tháng, cuối cùng sẽ quyết chiến một trận nữa ở Ô-trô-cha để phân định thắng bại.

Mạnh Hoạch cũng cho binh lính khua chiêng gõ trống, thổi khèn quả bầu, thổi sáo tre vàng, nhảy điệu tiến đưa khách của người Di, tiễn đưa Gia Cát Lượng. Gia Cát Lượng cảm động nói:

- Người dân tộc Di tốt quá, tôi nhất định phải dùng trái tim đổi lấy trái tim, để họ vui lòng tin phục!

Sau này, trận Ô-trô-cha, Mạnh Hoạch cười voi ra trận, rơi vào hầm chông, bị Gia Cát Lượng bắt, rồi lại thả; trận U-hây-sa-ti, Gia Cát Lượng lại bị Mạnh Hoạch bắt, cũng lại thả, về sau còn có trận Côn Minh, trận A-trô-li-ti, tổng cộng mười hai lần giao chiến, Gia Cát Lượng bị Mạnh Hoạch bắt năm lần, Mạnh Hoạch bị Gia Cát Lượng bắt bảy lần, Mạnh Hoạch vô cùng cảm động, rốt cuộc nhận lời mời của Gia Cát Lượng, cùng về làm quan nước Thục.

QUẢN TRÊN QUAN

Gia Cát Lượng hiểu rõ tính cách Mạnh Hoạch cương nghị, thẳng thắn cởi mở, chính trực, bền kết nghĩa anh em với Mạnh Hoạch, Gia Cát Lượng hơn Mạnh Hoạch hai tuổi, làm anh, Mạnh Hoạch làm em. Sau khi đưa Mạnh Hoạch về triều, liền để Mạnh Hoạch làm quan trên quan. Mạnh Hoạch không hiểu hỏi:

- Đại ca, chức quan của tiểu đệ có lớn hơn của đại ca không? Sao gọi là quan trên quan vậy?

Gia Cát Lượng nói:

- Chức quan của đệ là "tổng quan tuần sát", quyền chức lớn hơn tôi, đệ phải chính trực vô tư tra xét những tham quan ô lại, khen thưởng những tướng tốt thần hiền vì dân vì nước.

Rồi ngay tức thì điều động mười vạn nhân, một trăm đao phủ, một trăm kị sĩ để Mạnh Hoạch điều hành, còn xây dựng tổng cung cho tổng quan tuần sát.

Sau ba tháng, hoàng đế triệu tập trăm quan văn võ vào triều, Mạnh Hoạch xem xét kĩ lưỡng, đã có thể nhận ra ai bụng dạ đen tối, ai trái tim đỏ hồng. Từ trong đó Mạnh Hoạch bắt ra ba mươi ba tên quan lại hư hỏng, vạch tội của chúng ngay tại chỗ, chúng hoảng sợ run như cày sậy, mặt tái mét. Mạnh Hoạch ngồi cạnh hoàng đế, nói to rằng phải đem xử tử tất cả chúng nó. Trong bọn chúng, có một đứa thân với hoàng đế, có hai đứa quen với Gia Cát Lượng, liền chớ cạy thế người, bạo gan giờ trò xỏ lá. Mạnh Hoạch không thêm để ý đến chúng, quát to:

- Mạnh Hoạch ta đây nghiêm chỉnh thi hành pháp luật, ngay cả hoàng đế, quân sư sai phạm, cũng nhất luật hỏi tội!

Liền sai đao phủ mang chúng ra giết ngay tại chỗ. Đồng thời thưởng cho ba mươi ba tướng tốt thần hiền mỗi vị mười tấm đoạn gấm, mười hạt dạ minh châu. Sau đó mới hỏi Gia Cát Lượng:

- Đại ca thấy tiểu đệ trong việc này chính trực vô tư, thưởng phạt dẫu ra đó chứ?

Gia Cát Lượng lắc đầu nói:

- Chưa thật đúng thế.

Mạnh Hoạch cho rằng Gia Cát Lượng bất mãn vì người thân quen bị giết, giận dữ nói:

- Đại ca muốn theo tình riêng sao?

Gia Cát Lượng tươi cười nhìn Mạnh Hoạch, nói:

- Hiền đệ, hai ta kẻ anh em là riêng tư, chỉ trích hiền đệ lại là việc công. Trong triều đình có một vị đại trung thần không sợ uy quyền, ngay cả hoàng thượng và quân sư cũng không để trong tầm mắt, chỉ một lòng một dạ lo lắng việc chung, vậy có chi không khen thưởng ông ta?

Mạnh Hoạch cúi đầu suy nghĩ, đại thần văn võ tất cả cũng đều không rõ: "Người đó là ai nhỉ"? Gia Cát Lượng cười ha hả, chỉ vào Mạnh Hoạch nói:

- Hiền đệ sao lại bỏ sót khen thưởng chính mình?

Mọi người đều hiểu ra, đồng thanh nói đúng. Hoàng thượng cũng gật đầu lia lịa. Ngay tức thì, ban thưởng cho Mạnh Hoạch hai trăm mẫu ruộng đất tốt, một rừng vườn cây quả, và một trăm người Di giúp đỡ trông coi ruộng đất gia sản.

Sau này, Gia Cát Lượng xuất quân đánh Trung Nguyên, Mạnh Hoạch cùng đi, từng trải trăm trận, đã từng ba mươi sáu lần đầu rơi, giết chết tướng sĩ quân Tào hàng vạn, cuối cùng hi sinh ngoài chiến trường. Gia Cát Lượng đau lòng thương khóc ba ngày.

Mạnh Hoạch công lao vô cùng to lớn, xứng đáng là cây tùng xanh lớn của người Di, cái tên Chơ-tô-a-nơ đã ghi vào sử sách tiếng Di, cái tên Mạnh Hoạch đã ghi vào sử sách nước Thục. Bà con dân tộc Di các đời đều đồng lòng ca ngợi ông.

NƯỚC ĐỘC

Gia Cát Lượng ra khỏi đất Xuyên đi đánh phương nam, phần lớn là vượt núi cao, qua rừng sâu, thường là vài hôm không thấy bóng người, luôn luôn thiếu ăn thiếu uống, bụng lép kẹp hành quân, thật là vất vả!

Một hôm, họ gian khổ trèo qua một ngọn núi cao, bỗng nhìn thấy nơi xa có một cánh bãi bằng phẳng rất lớn, đồng ruộng mênh mông, thôn trấn rất nhiều; sông Bạch Thạch xuyên qua giữa, trong sông còn lơ lửng một số chiến thuyền đang đậu. Không cần hỏi cũng biết đó chính là binh mã của Mạnh Hoạch tập trung tại đó. Sắp đến lúc đánh trận lớn rồi, họ vội vàng ra khỏi con đường nhỏ hẹp ngoằn ngoèo, lên cổ địch đạo trái đá, hai bước dồn một, chạy một mạch như bay về phía trước. Chỉ là mùa hạ như lửa thiêu, mồ hôi ra như tưới, người mệt ngựa mỏi, tất cả đều muốn uống nước giải khát, ai hay dọc đường lại tìm không ra nước. Lúc này, đột nhiên phía trước có người gọi:

- Mau lại uống đi, mau lại uống đi, đứng thẳng mà uống!

Hóa ra trên vách đá cạnh đường lớn phía trước có một dòng suối nhỏ, tí ta tí tách chảy xuống, năm này qua năm khác, tạo thành một hồ đá sâu ở bên dưới, trong hồ đá là một hốc đá, trong hốc đá tích trữ tràn trề nước lưu chuyển.

Nó vừa khéo cao bằng ngực, đứng ở bên cạnh là có thể cúi đầu uống, vô cùng tiện. Người đi trước liền tranh nhau uống no chán, người đến sau cố sức đổ xô tới, mọi người vui sướng la lên:

- Tốt quá! tốt quá! Đứng thẳng người uống được nước!

Tiếng la chưa dứt, đã có người mất hoa đầu nhúc, ngã xuống dưới đất. Hết người này đến người khác, nằm ngổn ngang, chẳng mấy chốc chặn lấp cả cổ dịch đạo. Quân địch phía trước mặt, chẳng bao lâu nữa là vào trận quyết chiến, thế này thì nguy hiểm quá! Gia Cát Lượng vội xuống xe đẩy tay, ngồi lên con thiện mã, phi lên phía trước xem xét. Trên đường, chỉ nghe thấy tiếng vó ngựa vang rền, những tấm đá tóe lửa và dấu chân ngựa in sâu trên đường, cho tới nay vẫn còn nhìn thấy rõ mồn một.

Sự việc quá đột nhiên, có người nghi là thần, có người nghi là ma, ai cũng nói rõ ràng là xuất quân bất lợi, chủ trương ngay lập tức hậu quân đổi làm tiên phong, mau chóng lui binh. Gia Cát Lượng chẳng nói chẳng rằng, lặng lẽ suy nghĩ: Đã sáu lần thất bại lần thà Mạnh Hoạch ra, thắng thua là ở trận cuối cùng này, đâu có thể nửa đường bỏ dở được? Các tướng sĩ cho dù mắc bệnh kì quái, nhất định có thể tìm cách chữa khỏi, lẽ nào lại bối rối như thế? Tức thì xoay mình nhìn dòng suối bên đường đó, nó trong vắt, không có gì đặc biệt; lại từ một bên trèo lên đỉnh núi, chỉ thấy cây to rừng rậm, cũng không có gì khác thường. Ôi! cái rốn của vấn đề rốt cục là ở đâu nhỉ?

Các tướng sĩ thấy quân địch gần ngay trước mắt, rất nhiều bạn bè ốm không trở dậy, Gia Cát Lượng đã không sốt ruột, cũng không lui quân, trái lại nhìn đông ngó tây, ung dung dạo bước, thì không khỏi bức tức trong lòng, nhao nhao hỏi dồn:

- Việc sống chết của toàn quân đều ở người chỉ huy, thừa tướng sao không có chủ trương ngay cho?

Ba quân náo động, tiếng như sấm vang, kinh động cả chim thú trong rừng, rất nhiều chim công trong núi rừng bay ra che trùm bầu trời mặt đất giống như những áng mây đầy trời. Gia Cát Lượng sinh trưởng ở nội địa, chưa hề nhìn thấy cảnh tượng kì lạ như thế này, bất giác trong lòng nhớ ra: "Nhập gia phải hỏi tục, mình sao lại quên nhỉ!" Liền mời người già địa phương tới, hỏi han mọi mặt, cuối cùng hiểu ra rằng: Rất nhiều chim thú ở đây có độc; đặc biệt là phân chim công, càng không thể chạm dính vào. Song chúng hàng năm đều ăn ở đây, uống ở đây, đậu ở đây, dòng nước suối này sao có thể không bị làm hư hại được?

Gia Cát Lượng làm rõ được nguyên nhân trúng độc của các tướng sĩ rồi, lại đến bên cạnh chỗ nước suối, muốn lưu lời dặn lại người sau, chớ uống lầm nữa. Nhưng ở nơi núi hoang lung sâu, việc binh khẩn cấp, lấy đâu ra bút mực? Gia Cát Lượng thấy cạnh suối có vách đá, nghĩ bụng viết hai chữ lên chỗ này là được rồi. Gia Cát Lượng vừa nghĩ vừa thò ngón tay trở ra, viết đại khái, nào hay một lúc sau, trên vách đá hiện ra hai chữ "nước độc", giống như búa đe dao khắc vậy.

Còn Mạnh Hoạch, nằm mơ cũng không ngờ là Gia Cát Lượng có thể bình yên đi qua được nước độc. Đến khi bị vấp chật, Mạnh Hoạch vẫn còn đang ngủ say. Mạnh Hoạch rút cuộc trở tay không kịp, đã bị bắt lần thứ bảy.

Giờ đây núi non trùng điệp vùng lân cận đã được khai phá từ lâu, không có nhiều rắn độc thú dữ, cũng không có chim công, nước độc cũng đã thành suối ngọt. Mọi người đứng trước hốc đá uống say sưa một trận, không dừng được lại la lớn:

- Uống được, đứng thẳng người mà uống!

GỐI GIA CÁT

Mọi người theo Gia Cát Lượng đi đánh phương nam, qua sông Lô Thủy vào Nam Trung, càng đi càng hoang vắng, cách quê hương mỗi ngày mỗi xa; lại thêm ăn uống khem khổ, sinh hoạt không quen, ai nấy đều vô cùng nhớ nhà. Họ bưng bát cơm lên là lải nhải, nói nước quê hương ngọt hơn ở đây; nằm xuống giường lại lẩm bẩm, nói ngủ ở đây không ngon bằng ở nhà. Mỗi khi trăng lên, lại càng thần thở nhìn lên trời, than thở tưởng nhớ người thân: Cách núi lại cách sông, bao giờ mới được sum họp? Có một lần, mọi người đang bàn tán say sưa, Gia Cát Lượng lặng lặng đi tới bên cạnh, nghiêng tai lắng nghe, bất giác nói ra điều mình lo lắng:

- Hóa ra tinh thần quân lính rã rời, làm sao có thể đánh trận được!

Mọi người ngẩng đầu nhìn thấy Gia Cát Lượng, tất cả đều sợ run như cây sậy. Theo quân pháp, tinh thần dao động là phải chém đầu, đó chẳng phải là gặp tai họa lớn sao? Họ vội quỳ xuống rạp đầu van xin:

- Xin thưa tướng tha cho chúng tôi được sống, chúng tôi không dám nhớ nhà nữa.

- Ngựa nhớ tàu, chim nhớ tổ, tìm người cũng là máu thịt sinh ra, nhớ nhung người thân không có gì sai.

Gia Cát Lượng ôn tồn bảo họ đứng dậy, rồi sau đó cho mỗi người một chiếc gối bằng gạch và nói:

- Dùng gối này để ngủ nhé, sau này sẽ không nhớ nhà nữa.

Chiếc gối gạch hết sức thông thường lại có thể có tác dụng to lớn như vậy sao? Mọi người đều nửa tin ngờ, cầm lấy thử chơi, không ngờ đầu vừa chạm gối đã ngủ say sưa, mơ mơ màng màng trở về quê hương, chỉ thấy hoa mầu trên đồng tốt tươi hơn năm trước, trong làng đã xây dựng nhiều ngôi nhà mới; bố mẹ đều khỏe mạnh, con cái đều cường tráng. Vợ tươi cười hơn hờ đón chào, vậy gọi nói:

- Chính nhờ phu quân đánh trận ngoài tiền tuyến, chúng em ở hậu phương mới được yên ổn. Tạm thời theo thừa tướng Gia Cát Lượng đi cố gắng lập công, chớ có bụng dạ để hai nơi!

Khi tỉnh dậy, tình hình gia đình vẫn còn rành rành trước mắt. Các tướng sĩ kể lại với nhau, hóa ra ai cũng mơ tựa tựa như thế. Vì Gia Cát Lượng xưa nay nói và làm đều thực tế, chưa hề đánh lừa tướng sĩ, cho nên họ đều tin tưởng vào sự linh thiêng của gối mà Gia Cát Lượng cho, rằng gia đình nhất định bình an. Sau này, mỗi người mang theo một chiếc gối gạch, vượt suối trèo non, hành quân đánh trận, không sợ gian khổ, chẳng chịu lùi bước. Mỗi khi nhớ quê hương thì gối lên chiếc gối gạch ngủ một giấc say sưa, cùng sum họp với gia đình một bữa, rồi sau đó tinh thần lại càng phấn chấn hơn. Mọi người đều yêu thích gối gạch này, liền gọi nó là gối Gia Cát.

DỒNG GẠO MẪU VÀ ĐẬP CÁ NHẢY

Gia Cát Lượng bắt được Mạnh Hoạch, nói với Mạnh Hoạch một cách lịch sự rằng:

- Ai ai cũng biết, việc không quá ba lần. Tôi đây đã bảy lần bắt bảy lần thả, tướng quân còn có gì để nói?

Mạnh Hoạch trả lời:

- Đánh trận không là đối thủ của ông, cái đó tôi hoàn toàn tin phục. Song cuối cùng kẻ bại trận chỉ có thể là ông, không thể là tôi.

Gia Cát Lượng lại nói:

- Vịt đã chết miệng còn cứng! Dựa vào lời lẽ khoác lác có thể thay đổi được thắng thua ư?

Không ngờ Mạnh Hoạch trong cái thô có cái tinh, nói ra lí lẽ của mình:

- Tôi đâu có nói khoác. Ai cũng hiểu: "Bình mã chưa đi, lương thảo đi trước", đại quân không thể uống gió tây bắc mà! Quân ông đường xa đơn độc, ngàn dặm xa xôi, xe khó chạy, thuyền khó đi, lương thực không tiếp tế được, chẳng bao lâu nữa còn sợ ông đói bỏ chạy kia!

Gia Cát Lượng nghe xong, thù người ra giấy lát, rồi lập tức có chủ kiến, nói:

- Nếu như tôi lương thảo xếp thành núi, ăn dùng không hết thì sao?

- Tai nghe là hư, mắt nhìn là thực, phải để chính mắt tôi nhìn thử xem sao.

- Được, nhất định như thế nhé!

Sau khi Gia Cát Lượng thu xếp ổn thỏa cho Mạnh Hoạch, liền ra lệnh cho ba quân đồng loạt bắt tay vào làm ngay, lấy vai gánh, dùng xe đẩy, thâu đêm vận chuyển đất, chất lên thành rất nhiều đồi đất nhỏ, sau đó phủ chiếu lên trên, quần buộc chắc chắn, lại cố ý rắc lương thực ở trên để thu hút chim sẻ tới nhiều.

Hôm sau, Gia Cát Lượng đích thân dẫn Mạnh Hoạch đi xem những đồng lương thảo. Mạnh Hoạch mới từ đằng xa trông thấy đã thần thờ kinh ngạc, tưởng rằng thật. Những đồng đất này, người Tung Minh về sau gọi là đồng Gạo Mầu.

Gia Cát Lượng lại hỏi Mạnh Hoạch:

- Lần này tướng quân phải phục chứ?

Mạnh Hoạch nghĩ một lát, lắc đầu nói:

- Lương thực chỉ có thể no cái bụng, còn phải có cá uống rượu mới được.

Vùng quanh đây đều là núi, không có sông lớn hồ lớn, chỉ có mương nước nhỏ sâu tới đùi, tới bụng, đánh cá còn khó hơn dãi vàng trong cát, đó chẳng phải là gây khó dễ cho người sao? Ai ngờ Gia Cát Lượng về vấn đề này trong lòng đã có sẵn cấm nang, bèn liền tiếp trả lời:

- Được, được, được, tướng quân đi lấy cá ngay với tôi chứ?

Mạnh Hoạch trong lòng hồi hộp: Ông ta quả là con người đại tài, rất có thể ngay sao trên trời cũng hái xuống được. Mình không thể chỉ đi lấy cá với ông ta, còn phải làm sao để

ông ta không có cách bắt cá mới được. Trong bụng tính toán đã xong, Mạnh Hoạch lại ra đề khó cho Gia Cát Lượng:

- Cá tôi lấy, đã không được dùng lưới bắt, lại không được dùng cần câu câu, phải để chúng tự vào tay mới tính.

Gia Cát Lượng vẫn hoàn toàn chấp nhận:

- Được, được, được, tướng quân mau đi theo tôi!

Họ ra khỏi cửa bắc thành Tung Minh thì thấy có một con mương nhỏ nước chảy, mới đắp một đập mới chắn ngang, giữa đập có dựng đứng một ván ngăn rộng hơn thước, nước ứ từ trên ván ngăn chảy xuống làm thành một cái thác nhỏ, tiếng chảy ào ào; hai bên thác lần lượt đặt hai ống sành, mặt lõm hướng lên trên, kê sát ngay đập, nghiêng về phía đỉnh đập; sóng bắn lên không ngừng tách sang hai bên, xô vào đổ ra trong ống sành, tựa như muốn chảy ngược lên trên đập. Cá bơi ngược nước, chúng tới tập từ hạ lưu ngược lên, bị cửa đập chặn lại; không cam chịu, liền xông sang bên phải, ò vào bên trái, chui vào ống sành; nước chảy trong ống sành lúc lên lúc xuống, khi có khi không, tựa như trêu chọc, đã khiến chúng vui sướng cũng khiến chúng tức giận, bèn cùng nhau ra sức nhảy, kết quả vừa khéo rơi vào trong sào tre đặt ở hai bên.

Gia Cát Lượng chỉ vào hai sào cá sắp đầy, nói với Mạnh Hoạch:

- Chỉ một đêm thôi, chúng nó đều không rời mà tự đến cá! Tướng quân thấy thế nào!

Mạnh Hoạch không ngờ Gia Cát Lượng có biện pháp ấy, dù thấy Gia Cát Lượng thông minh tuyệt vời, mưu hay lược giỏi, sau cùng đã hoàn toàn tin phục. Từ đó, không chống lại nữa. Còn như cái đập bắt cá này, về sau gọi là đập Cá Nhảy.

ĐÀI CỎ MINH

Ngoại ô thành Tung Minh thuộc Vân Nam có một cái đài cao, cỏ xanh mơn mớn, bia cổ nguy nga, tương truyền là nơi năm đó Mạnh Hoạch và Gia Cát Lượng ăn thề, cho nên mọi người gọi là đài Cổ Minh.

Tục ngữ nói, việc không quá ba. Đối với Mạnh Hoạch, Gia Cát Lượng bảy lần bắt bảy lần tha, lòng độ lượng này từ cổ tới nay chưa từng có. Trái tim Mạnh Hoạch cũng là thịt sinh ra, không phải là sắt đá, lẽ nào chẳng xúc động! Mạnh Hoạch hoàn toàn tin phục, liền truyền lệnh cho các thôn trại làm thành sổ sách về dân số, ruộng đất và súc vật giao cho Gia Cát Lượng quản lý tất cả, bản thân không có hỏi han gì nữa.

Đây quả thật là thay vua đổi chúa! Dân chúng địa phương đều âm thầm lo lắng: Người nơi khác đến làm quan, người đất đều lạ, không khinh rẻ ta, không cười lên cổ ta mà đái hay sao? Người thông minh không dễ bị thiệt thòi ngay trước mắt, phải đối phó lại! Thế là trên sổ sách số súc vật bị khấu chiết đi rất nhiều, số mẫu ruộng ghi chẳng qua chỉ là những số lẻ; còn người ư, toàn bộ thanh niên khỏe mạnh đều không có tên, đâu đâu cũng đề phòng phải quyên góp thuế má, bắt lính, bắt phu.

Như thế là Gia Cát Lượng đã thành bèo trôi trên mặt nước, không cầm được rế. Có tướng sĩ trong lòng sốt ruột, thăm trách oán rằng:

- Rượu mời không uống, uống rượu phạt, hay là dùng dao thương đối phó với họ!

Gia Cát Lượng đã không để ý đến điều đó, cũng không quả trách dân chúng địa phương, chỉ một mực hối thúc Mạnh Hoạch quản lý công việc địa phương như trước đây. Mạnh Hoạch thì tuy nói thế nào cũng chấp nhận, nhưng trên thực tế thì không làm gì cả, chỉ thì thầm trong bụng: "Tướng bại trận không rơi đầu là tốt rồi, lẽ nào còn có thể làm việc theo kiểu thời trước!"

Một hôm, Gia Cát Lượng đem toàn bộ sổ sách các thôn trại đã khai báo tới, lại triệu tập ba quân tướng sĩ, như là sắp xuất quân đi đánh phạt, cần phải kiểm tra kĩ lưỡng. Mọi người đều hết hoảng, Mạnh Hoạch trong bụng lại càng hồi hộp, gượng hỏi Gia Cát Lượng có phải mình có khuyết điểm lắm miệng, quá tay, vượt quyền hay không?

- Chỉ là tướng quân miệng lại nói quá ít, tay vươn ra quá ngắn, quyền nên nắm nhận lại không nhận. Gia Cát Lượng nói, - Tướng quân sinh ra và lớn lên ở đây, thạo người thuộc đất, làm việc gì cũng đều trôi chảy thuận lợi cả. Tướng quân nên cai quản công việc như trước đây đi!

Mạnh Hoạch cúi đầu nói:

- Trước đây tôi có tội, đâu dám lại nhận trách nhiệm này!

Gia Cát Lượng chân thành nói:

- Sửa lỗi lầm chính là lập công, việc trước đây đã qua rồi, không nên nhắc lại nữa. Chúng tôi đến đây đâu phải để đoạt

quyền của tướng quân. Tướng quân vẫn cứ nắm quyền điều hành ra lệnh như trước.

Nói xong, lập tức đem tất cả sổ sách mà các thôn trại nộp lại giao cho Mạnh Hoạch. Sau đó hạ lệnh cho ba quân: "Hậu quân khi nam chinh bây giờ đổi thành tiên phong, tất cả tướng sĩ lập tức trở về Ba Thục!"

Mạnh Hoạch thấy vậy, không kìm nổi, bất giác khóc thất thanh, nói:

- Đội ơn thừa tướng đoái tin, tôi quyết không phụ lòng, nguyện chỉ trời mà thề, mãi mãi không phản bội nhà Hán!

Dân chúng biết vậy, bèn nô nức đắp đất kê đá, một loáng đã đắp thành một cái đài cao. Mạnh Hoạch và Gia Cát Lượng cùng bước lên đài, chỉ non thề biển, nguyện thiên thu vạn đại hai dân tộc Di, Hán mãi mãi đồng lòng đồng sức.

HẾT TẬP MỘT

MỤC LỤC

	Trang
LỜI GIỚI THIỆU	3
TRUYỀN THUYẾT VỀ CAC NHÂN VẬT NHÀ THỤC HÂN	5
1- Lưu Bị ra đời	6
2- Thân thế của Quan Vũ	9
<i>Đứa trẻ từ trên trời bay đến</i>	9
<i>Cứu Bô Châu</i>	12
<i>Chỉ công thành xưng họ</i>	14
3- Mặt Quan Công	16
4- Râu và mặt Quan Công	17
5- Quan Công không ăn đậu phụ	20
6- Truyền thuyết Quan Công xuất thế	22
<i>Được kiếm thanh long</i>	22
<i>Đêm giết Lữ Hùng</i>	25
<i>Kết nghĩa vườn đào</i>	30
7- Nhất long phân lương hổ	34
8- Đào viên kết nghĩa	38
<i>Bạn bè rượu thịt</i>	38
<i>Hoàng thổ biến thành vàng</i>	40

9- Mất Trương Phi	43
10- Lưu Bị ăn không	45
11- Trương Phi chịu thua	48
12- Lai lịch của xà mâu	53
13- Quan Công và Chu Thương	58
<i>Quan Công vác đại đao</i>	58
<i>Quan Công đổi đao</i>	59
<i>Nhổ lông chân</i>	61
<i>Chu Thương đi đường tắt</i>	63
14- Lưu Bị biết Mã Lương	65
15- Vì sao người làm bánh nướng lại gõ bàn ...	68
16- Từ Thứ tìm chủ	71
17- Quan Vũ dưới trăng chém Diêu Thiển	74
18- Mưa mài đao	77
19- Trương Phi xâu kim	79
20- Trương Phi xử án	82
<i>Vụ án đưa hấu</i>	82
<i>Vụ án cái nôi</i>	85
21- Đèn Khổng Minh	87
22- Lai lịch Ngọa Long Cương	92
23- Gia Cát Lượng theo thầy học đạo	96
24- Gia Cát Lượng được sách lạ	100
25- Gia Cát Lượng tốt nghiệp	103
26- Quạt lông của Gia Cát Lượng	106
27- Áo bát quái và áo cánh hạc ,	111

28- Tính toán	114
29- Gia Cát Lượng làm rể	117
<i>Gia Cát Lượng lấy vợ</i>	117
<i>Về vòng chọn rể</i>	120
<i>Trâu gỗ ngựa máy</i>	122
<i>Gia Cát Lượng và Hoàng phu nhân</i>	125
<i>Khôn Gia Cát</i>	128
30- Ba lần tới lều tranh	130
31- Khổng Minh ba lần thử Lưu Bị	135
32- Trương Phi mẹo kế lừa Khổng Minh	144
33- Khổng Minh một chữ thuyết phục được Trương Phi	147
34- Núi Kẹp Bẹt	149
35- Cầu Dương Dương, Trương Phi ra oai ...	152
36- Trương Phi đấu trí với Tào Tháo	154
37- Cầu Hào Hán	158
38- Trà nghiền	162
39- Mã Tốc tìm đến chủ	164
40- Ngổ Cừu và đá Quyết	166
41- Ba anh thợ da địch nổi Gia Cát Lượng ...	169
42- Đèn Khổng Minh trên lầu Hoàng Hạc ...	172
43- Núi Nam Bình và Xích Bích	175
44- Gia Cát Lượng mua cá chạch	180
45- Bãi Tử Long	182
46- Lưu Bị mượn Kinh Châu	184
47- Lưu Bị mời khách	188

48- Trương Phi tặng dầu	190
49- Gia Cát Lượng đối thơ với Chu Du	192
50- Ông tre hộ giá	196
51- Ngõ quả Trấn Giang	201
52- Gia Cát Lượng viếng tang	203
53- Gánh đất Trương Phi	206
54- Rồng phượng phối	208
55- Đá vọng phu	210
56- Triệu Vân lấy thành Quế Dương	213
57- Bàn Thống đoán chữ	216
58- Viết văn tự bán ruộng đất	219
59- Bàn Thống dùng kế	222
60- Miếu ông Bàn	227
61- Mã Siêu nhận lỗi	230
62- Lai lịch trấn Đồng Quan	232
63- Khổng Minh dạy con	234
64- Rau Gia Cát	237
65- Lưu Bị đóng quân	239
66- Dao chém Hạ Hầu Uyên	241
67- Tôn lập Hán Trung Vương	243
68- Mộ Bàn Cờ	246
69- Đá Ba Dao	249
70- Dồi Đồng Linh	251
71- Nguyên nhân quán rượu phụng thờ Quan Công	254
72- Dải Diêm Vương	257

73- Tháo nước nhấn chìm bảy cánh quân	259
74- Chu Thương vác đá	263
75- Mận Quan Công	266
76- Cầu đôi miếu Quan Vương	268
77- Quan Công hể nhờ là giúp ngay	270
78- Quan Công đội mũ cao	272
79- Trương Phi trồng bách	274
80- Miếu Trương Phi	277
81- Tôn phu nhân nhảy xuống sông tự vẫn	283
82- Chuyện Lưu A Dấu	286
<i>A Dấu bắt cá</i>	286
<i>Dầm rồng</i>	288
83- Tưởng Uyển mưu trí lấy lại ngọc như ý	291
84- Phổ Ao Tử Long	296
85- Gia Cát Khắc và Gia Cát Lượng	299
86- Chuyện Mạnh Hoạch	302
<i>Ra đời</i>	302
<i>Dánh hổ</i>	304
<i>Làm thủ lĩnh</i>	305
<i>Vợ chồng chung hoạn nạn</i>	308
<i>Dánh nhau với Gia Cát Lượng</i>	310
<i>Quan trên quan</i>	315
87- Nước độc	318
88- Gối Gia Cát	321
89- Đóng Gạo Mẩu và đập Cá Nhảy	323
90- Dải Cổ Minh	326

TAM QUỐC NGOẠI TRUYỆN

TẬP I

In 3000 cuốn, khổ 13 X 19

tại Nhà máy in Thống nhất

Số XB : 952 TK/GD

In xong tháng 7 năm 1993

Nộp lưu chiếu tháng 7 năm 1993

TAM QUỐC NGOẠI TRUYỆN

三國 外傳

LẦN ĐẦU TIÊN RA MẮT
BẠN ĐỌC VIỆT NAM:

Bộ sách kể về một số nhân vật nổi tiếng trong TAM QUỐC DIỄN NGHĨA được lưu truyền trong dân gian trước và sau khi tác phẩm ra đời.

Bạn sẽ gặp các nhân vật quen thuộc nhưng với phẩm chất, tính cách, tài năng hơi khác TAM QUỐC DIỄN NGHĨA đã mô tả.

Những gì ta chưa biết về: thời niên thiếu của Lưu Bị, Tào Tháo, Chu Du. Về chuyện Gia Cát Lượng lấy vợ, dạy con... sẽ được tìm thấy trong TAM QUỐC NGOẠI TRUYỆN.